

ĐẠI HỌC HUẾ
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA

TRỊNH DÂN – ĐÌNH VĂN VANG

GIÁO TRÌNH
GIÁO DỤC HỌC TRẺ EM
TẬP MỘT

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC – 2006

MỤC LỤC

Chương 1	NHỮNG VẤN ĐỀ LÍ LUẬN CHUNG CỦA GIÁO DỤC HỌC MẦM NON	4
I.	Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp của giáo dục học mầm non	4
1.	Các khái niệm cơ bản của giáo dục và giáo dục học	4
2.	Đối tượng của giáo dục học mầm non	10
3.	Nhiệm vụ của giáo dục học mầm non	10
4.	Mối liên hệ giữa giáo dục học mầm non với các khoa học khác	12
5.	Phương pháp nghiên cứu giáo dục học mầm non	13
II.	Giáo dục và sự phát triển nhân cách trẻ em lứa tuổi mầm non	17
1.	Khái niệm về con người và sự phát triển nhân cách trẻ em lứa tuổi mầm non	17
2.	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách trẻ em lứa tuổi mầm non	19
III.	Một số tư tưởng và quan niệm về vấn đề giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non	24
IV.	Mục đích, mục tiêu giáo dục mầm non	28
1.	Khái niệm chung về mục đích giáo dục	28
2.	Học thuyết Mác - Ăngghen về con người phát triển toàn diện	29
3.	Mục tiêu giáo dục mầm non	33
V.	Những quan điểm cơ bản của giáo dục mầm non Việt Nam	35
	câu hỏi ôn tập và bài tập thực hành	39
	CÂU HỎI ÔN TẬP	39
	BÀI TẬP THỰC HÀNH	40
	Hướng dẫn tự học	40
	TÀI LIỆU THAM KHẢO	40
	HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI	40
	HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP THỰC HÀNH	41
Chương 2	NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TRẺ EM LỨA TUỔI NHÀ TRẺ	42
I.	Những cơ sở khoa học của việc giáo dục trẻ em lứa tuổi nhà trẻ	42
1.	Sự cần thiết của việc giáo dục trẻ em ngay từ lứa tuổi nhà trẻ	42
2.	Những cơ sở khoa học của giáo dục trẻ em lứa tuổi nhà trẻ	43
II.	Một số đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ lứa tuổi nhà trẻ	45
1.	Quan điểm về sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em	45
2.	Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ trong năm đầu (từ lọt lòng đến 12 tháng tuổi)	47
3.	Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ trong năm thứ hai (từ 12 - 24 tháng tuổi)	50
4.	Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ trong năm thứ ba (từ 24 đến 36 tháng tuổi)	53
III.	Nhiệm vụ giáo dục trẻ em lứa tuổi nhà trẻ	56

1. Giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.....	56
2. Giáo dục trí tuệ cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.....	66
3. Giáo dục đạo đức cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.....	73
4. Giáo dục thẩm mỹ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ.....	79
Câu hỏi và bài tập thực hành.....	89
CÂU HỎI ÔN TẬP.....	89
BÀI TẬP THỰC HÀNH.....	90
TÀI LIỆU CẦN THAM KHẢO.....	90
HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI.....	90
HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP THỰC HÀNH.....	94

Chương 3

NHỮNG HÌNH THÁI TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG VÀ HOẠT ĐỘNG CHO TRẺ EM LỨA TUỔI

NHÀ TRẺ.....	97
I. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.....	97
1. Nguyên tắc tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ em.....	97
2. Nội dung chế độ sinh hoạt cho trẻ em.....	99
3. Đặc thù của việc tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ em theo các độ tuổi khác nhau.....	105
II. Tổ chức hoạt động giao tiếp cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ.....	128
1. Tổ chức hoạt động giao tiếp cho trẻ trong năm đầu.....	128
2. Tổ chức hoạt động giao tiếp cho trẻ ấu nhi (từ 12 - 36 tháng tuổi).....	133
III. Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ ấu nhi (từ 12 đến 36 tháng tuổi).....	140
1. Ý nghĩa của hoạt động với đồ vật cho trẻ ấu nhi.....	140
2. Đặc điểm của hoạt động với đồ vật của trẻ ấu nhi.....	141
3. Phương pháp và biện pháp tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ ấu nhi.....	142
4. Các hình thức tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ ấu nhi.....	143
5. Những yêu cầu khi tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ.....	146
6. Đặc thù của việc tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ theo độ tuổi.....	148
CÂU HỎI ÔN TẬP.....	155
BÀI TẬP THỰC HÀNH.....	156
TÀI LIỆU CỐ BẢN CẦN THAM KHẢO.....	156
Hướng dẫn trả lời câu hỏi.....	157
HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP THỰC HÀNH.....	160
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	163

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÍ LUẬN CHUNG CỦA GIÁO DỤC HỌC MẦM NON

I. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP CỦA GIÁO DỤC HỌC MẦM NON

"Giáo dục học là khoa học về lí luận và thực tiễn nhằm nghiên cứu những vấn đề cơ bản như giáo dục, giáo dưỡng, dạy học..."⁽¹⁾

Như vậy có thể hiểu một cách khái lược nhất: Giáo dục học là khoa học về giáo dục con người. Giáo dục học mầm non là một bộ phận, một chuyên ngành của Giáo dục học. Với tư cách là một khoa học, Giáo dục học mầm non trước hết phải xác định được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp và những khái niệm cơ bản, các phạm trù chính của giáo dục học. Đó là những tri thức cơ bản giúp chúng ta tiếp cận được với khoa học giáo dục nói chung, khoa học giáo dục mầm non nói riêng.

1. Các khái niệm cơ bản của giáo dục và giáo dục học

1.1. Giáo dục (xét dưới góc độ một hiện tượng xã hội)

Giáo dục được xem xét dưới hai góc độ:

- Giáo dục với tư cách là một hiện tượng xã hội.
- Giáo dục với tư cách là một quá trình giáo dục.

a) Khái niệm

Triết học duy vật biện chứng đã khẳng định rằng, thế giới tồn tại xung quanh con người là thế giới vật chất (thể hiện dưới dạng sự vật và hiện tượng). Trong vô vàn các hiện tượng ấy có thể chia thành hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy. *Ví dụ:* mây, mưa, ánh sáng, sự biến đổi của các dạng vật chất vô cơ và hữu cơ (hiện tượng tự nhiên); chế độ kinh tế — xã hội, tư tưởng chính trị, quan điểm đạo đức, luật lệ quốc gia, chuẩn mực các giá trị xã hội v.v... (hiện tượng xã hội); thế giới khách quan tồn tại ngoài ý thức của chúng ta nhưng nhận thức của mỗi người về thế giới khác nhau, nông — sâu, rộng — hẹp, đúng — sai v.v... (hiện tượng tư duy).

Trong số các hiện tượng xã hội đó có một loại hiện tượng có dấu hiệu đặc trưng là truyền thụ cho nhau và lĩnh hội (tiếp thu) của nhau những kinh nghiệm lịch sử xã hội (tri thức và kĩ

⁽¹⁾ *Bách khoa giáo dục*, Mátxcova, 1968, tập 3, tr. 281 (bản tiếng Nga).

năng) để sống và hoạt động, để tồn tại và phát triển của mỗi người và cả cộng đồng. Hiện tượng này gọi là hiện tượng giáo dục. Ví dụ: cha mẹ giáo dục con cái ở gia đình, thầy cô giáo và tập thể sư phạm giáo dục cho mỗi học sinh trong nhà trường, mỗi thành viên xã hội, cả cộng đồng và chính thực tiễn là người thầy giáo vĩ đại luôn giáo dục mọi người. Có thể nói rằng, truyền thụ và lĩnh hội tri thức (kinh nghiệm xã hội trên bình diện rộng cả lí luận lẫn thực tiễn) là nét đặc trưng cơ bản nhất của giáo dục. Với tư cách là một hiện tượng xã hội, giáo dục chỉ nảy sinh trong quan hệ giữa người với người (trong quan hệ xã hội) vì thế giáo dục chỉ có trong xã hội loài người, còn thế giới động vật không có.

Kinh nghiệm lịch sử xã hội là những tri thức và kĩ năng, niềm tin và thái độ... đó chính là những chân lí khách quan, những chuẩn mực đạo đức xã hội, những phương thức và phương tiện của các dạng hoạt động giao lưu của con người trong xã hội. Nhờ những kinh nghiệm lịch sử xã hội này mà thế hệ sau kế thừa được nền văn hóa từ thế hệ trước để trở thành nhân cách có nội dung phong phú và đa dạng, có sức mạnh về thể chất và tinh thần (tình cảm, trí tuệ...) để hoạt động xã hội, cải tạo tự nhiên, cải tạo chính bản thân mình vì sự tồn tại và phát triển của mỗi người và cả xã hội, cả cộng đồng.

Vậy giáo dục là gì?

Giáo dục ở đây được hiểu theo hai nghĩa: rộng và hẹp.

• Theo nghĩa rộng: *Giáo dục là một quá trình toàn vẹn hình thành nhân cách được tổ chức một cách có mục đích và có kế hoạch, thông qua các hoạt động và các quan hệ giữa người giáo dục và người được giáo dục nhằm truyền đạt và chiếm lĩnh những kinh nghiệm xã hội của loài người*⁽¹⁾.

Ở đây phải đặt khái niệm "giáo dục" vào trong toàn bộ quá trình hình thành con người nói chung với các phạm trù cơ bản có mối quan hệ mật thiết là: quá trình hình thành con người; quá trình xã hội hóa con người; quá trình giáo dục v.v...

— Quá trình hình thành con người là quá trình phát triển con người một cách tổng thể cả về mặt sinh học, tâm lí và xã hội. Đó là quá trình làm tăng trưởng về lượng và biến đổi về chất ở mỗi con người dưới ảnh hưởng và biến đổi của các yếu tố bên trong (sinh học, bẩm sinh, các tổ chất đã có ở con người) và các nhân tố bên ngoài (môi trường, xã hội, giáo dục...) do các ảnh hưởng tự phát (tác động ngẫu nhiên cả bên trong và bên ngoài cơ thể, chưa kiểm soát, chưa điều khiển được). Ví dụ, ảnh hưởng của các nhân tố bẩm sinh, di truyền và tác nhân xã hội bên ngoài từ phía gia đình, xã hội, môi trường lên đứa trẻ; các động tác tự giác có mục đích, có kế hoạch của con người (chính là những tác động của giáo dục) có thể chế ngự và điều khiển được. Ví dụ: tác động của cô giáo, của trường lớp mẫu giáo lên trẻ mẫu giáo...

— Vấn đề xã hội hóa công tác giáo dục và chăm sóc trẻ em: việc chăm sóc và giáo dục trẻ em đã vận dụng những thành tựu của nhiều ngành khoa học (sinh lí học, y học, tâm lí học, dinh dưỡng học, giáo dục học v.v...), do nhiều cơ quan nghiên cứu, phụ trách, đồng thời tác động

⁽¹⁾ Hà Thế Ngữ — Đặng Vũ Hoạt, *Giáo dục học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1987, tr. 21.

điều tra cũng phải từ nhiều phía (gia đình, các cơ quan chuyên môn y tế, giáo dục, dinh dưỡng...), các đoàn thể xã hội, các cơ quan từ thiện...

Mặt khác, do sự tăng trưởng và phát triển của trẻ có tính tổng thể nên công tác nghiên cứu, đặc biệt là các biện pháp tác động vào trẻ cũng phải mang tính tổng thể. Như vậy, không những cần có chính sách và biện pháp huy động toàn thể xã hội chăm lo đến công tác chăm sóc, giáo dục trẻ mà còn cần đảm bảo tính đồng bộ giữa các cơ quan hữu trách, hình thành những chương trình thích hợp chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo hiệu quả tối ưu của các biện pháp giáo dục. Đó chính là đặc điểm quan trọng của việc xã hội hóa công tác chăm sóc và giáo dục trẻ em.

— Quá trình giáo dục là một bộ phận của quá trình xã hội hình thành nhân cách con người. Quá trình này chỉ bao hàm những nhân tố tác động tự giác, có mục đích, có kế hoạch của nhà giáo dục và tổ chức giáo dục trong việc hình thành nhân cách trẻ em (khái niệm này sẽ được nghiên cứu kĩ ở phần sau thành một mục riêng).

• Theo nghĩa hẹp: *Giáo dục là bộ phận của quá trình sư phạm (quá trình giáo dục) là quá trình hình thành niềm tin, lí tưởng, động cơ, tình cảm, thái độ, những nét tính cách, những hành vi và thói quen cư xử đúng đắn trong xã hội thuộc các lĩnh vực tư tưởng chính trị, đạo đức, lao động và học tập, thẩm mỹ, vệ sinh v.v...".*

b) Vị trí, chức năng của giáo dục

Giáo dục với tư cách là một hiện tượng xã hội — là phương thức để tồn tại và phát triển xã hội loài người. Điều này được thể hiện ở ba chức năng sau đây:

*** Chức năng kinh tế □ sản xuất**

Lịch sử đã chứng minh rằng, sự phát triển của sản xuất đã quyết định sự phát triển xã hội. Con người đã tạo ra mọi giá trị vật chất, tinh thần và sáng tạo ra chính bản thân mình. Trong lĩnh vực sản xuất thì con người là lực lượng sản xuất có tầm quan trọng bậc nhất — theo ý nghĩa này thì trong quá trình lao động, con người tạo ra giá trị vật chất và tạo ra con người, tái sản xuất con người bằng con đường giáo dục. Ở đây cần nói rằng, giáo dục với ý nghĩa đầy đủ của nó chính là đào tạo, chuẩn bị một lớp người lao động trẻ cho xã hội. Như ta đã biết, con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển kinh tế xã hội. Giáo dục chuẩn bị con người cho xã hội là chuẩn bị cho họ có được những phẩm chất nhân cách cần thiết để trở thành người lao động thực sự tạo ra của cải vật chất cho xã hội. Con người ấy cần có thể lực khỏe mạnh, tình cảm đạo đức tốt đẹp để biết sống trong cộng đồng, có trí tuệ phát triển phong phú kịp với trình độ phát triển của khoa học thời đại, có kĩ năng lao động cần thiết để sản xuất trong nền sản xuất đương đại. Những người lao động ấy chính là sản phẩm của giáo dục (theo nghĩa rộng). Vì thế giáo dục được coi là lực lượng sản xuất trực tiếp. Chẳng thế mà ngay từ Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VII (1991) và Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ tư, khóa VII (tháng 1 — 1993) đã coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu và luôn đặt song song giữa chiến lược con người và chiến lược kinh tế quốc gia, thậm chí giáo dục phải đi trước một bước của sự phát triển kinh tế. Vậy có thể nói rằng, chức năng thứ nhất của giáo dục là chức năng kinh tế — sản xuất. Giáo dục nhằm đào tạo con người lao động mới, làm tái sản xuất sức lao động của xã

hội, đào tạo ra sức lao động mới khéo léo hơn, có hiệu quả hơn để thay thế sức lao động cũ đã già cỗi, đã bị lạc hậu so với thời đại. Nghĩa là giáo dục nhằm đào tạo ra một năng suất lao động xã hội cao hơn, có tác dụng đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế. Lịch sử phát triển kinh tế công nghiệp ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển (Anh, Pháp, Đức, Nhật...) đã khẳng định chức năng to lớn này của giáo dục.

** Chức năng chính trị - xã hội*

Giáo dục có tác động làm thay đổi bộ mặt cấu trúc của xã hội. Giáo dục làm thay đổi cả về mặt bên ngoài cũng như nội dung bên trong (hình thức, nội dung) của các nhóm xã hội; của các bộ phận dân cư trong cộng đồng; của các giai cấp khác nhau (khi xã hội có giai cấp). Một số vấn đề đặt ra như: giáo dục là của ai? Chất lượng dân cư, dân tộc, giai cấp xã hội khác nhau như thế nào? Tính chất bình đẳng, tính chất xã hội hóa của giáo dục như thế nào? Quan hệ giữa giáo dục, người lao động và nền sản xuất ấy, chế độ kinh tế — xã hội ra sao? v.v... Đó là những phạm trù luôn đặt ra trong mỗi quốc gia, mỗi cộng đồng, mỗi giai đoạn nhất định của sự phát triển xã hội, những vấn đề này đều có liên quan đến giáo dục và giáo dục góp phần thay đổi bộ mặt này của xã hội.

** Chức năng tư tưởng - văn hóa*

Giáo dục nhằm chuẩn bị lớp người mới cho xã hội. Con người mới ấy không chỉ là người lao động có thân thể khỏe mạnh, có kỹ năng lao động phát triển và đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất mới mà còn phải được phát triển về tâm lí, tình cảm, đạo đức và ý thức chính trị nhất định (đó chính là những thành phần cấu trúc nhân cách) — Đó là những yếu tố cần có của mỗi con người cụ thể mà giáo dục đã góp phần tạo ra bằng chính chức năng này: tư tưởng — văn hóa. Ở đây, giáo dục có tác dụng to lớn trong việc xây dựng một hệ tư tưởng cho mỗi người, hình thành một nếp sống mới, trên nền tảng một nền văn hóa mới, nhân sinh quan mới. Trình độ dân trí của mỗi người sống trong cộng đồng có được nâng lên ngang tầm với đòi hỏi của nền kinh tế — xã hội, thời đại hay không, ý thức xã hội của mỗi người trong cộng đồng có tác động đến nền văn minh xã hội hay không chính nhờ giáo dục có chức năng thứ ba: Chức năng tư tưởng văn hoá.

Như vậy, giáo dục đã đồng thời thực hiện ba chức năng, đó là tái sản xuất sức lao động xã hội, cải biến cấu trúc xã hội; hình thành ý thức hệ tư tưởng mới trên nền văn hóa mới. Với ba chức năng này, giáo dục đã trực tiếp tham gia vào việc đáp ứng đòi hỏi mới của một hình thái kinh tế — xã hội mới về lực lượng sản xuất, về quan hệ sản xuất và ý thức xã hội. Đồng nghĩa với nó, giáo dục góp phần quan trọng vào việc giải phóng con người, đem tới những quyền cơ bản và phúc lợi thực sự của nó cho mỗi thành viên và cả cộng đồng.

c) Tính chất của giáo dục

Giáo dục có những tính chất cơ bản sau đây:

** Giáo dục là một hiện tượng xã hội*, chỉ nảy sinh trong xã hội loài người, nghĩa là chỉ con người mới có giáo dục, còn thế giới động vật không có giáo dục mà chỉ dừng ở hoạt động bản năng. Giáo dục là một phương thức để duy trì và phát triển xã hội loài người. Toàn bộ vấn đề

này đã được lí giải ở trên. Đây chính là đặc điểm của giáo dục — hiện tượng xã hội đặc trưng của con người.

** Giáo dục là một phạm trù phổ biến và vĩnh hằng*

– Giáo dục là một phạm trù phổ biến vì có con người là có giáo dục, dù ở đâu hoặc trong thời điểm nào của lịch sử.

– Giáo dục là một phạm trù vĩnh hằng, vì cùng là hiện tượng xã hội nhưng nhiều hiện tượng xã hội khác có thể nảy sinh rồi kết thúc nhưng giáo dục với tư cách là một hiện tượng xã hội, đã xuất hiện cùng với con người và tồn tại mãi mãi với con người như một đại lượng vĩnh cửu. Thật thế, *nhà nước* với tất cả bộ máy và luật pháp của nó đã xuất hiện khi xã hội phân thành giai cấp với tư cách nhà nước là công cụ để bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị xã hội. Khi xã hội tiến tới không còn giai cấp (ước mơ của nhân loại — xu thế của sự phát triển xã hội) thì nhà nước cùng với bộ máy và luật pháp của nó tất yếu sẽ bị tiêu vong. Còn giáo dục đã xuất hiện trong xã hội loài người thì mãi mãi tồn tại với xã hội, với cộng đồng bất kì trong thời điểm nào của lịch sử phát triển nhân loại.

** Giáo dục mang tính lịch sử*

Giáo dục là một hiện tượng xã hội, nó phản ánh mối quan hệ xã hội (người — người) một cách cụ thể trong thời gian và không gian nhất định. Vì thế các chuẩn mực giá trị của giáo dục luôn mang màu sắc và tính chất của sự tồn tại xã hội, luôn phản ánh trình độ phát triển nhất định của lịch sử. Và tất nhiên khi xã hội phân chia thành giai cấp thì giáo dục chứa trong nó nội dung của cuộc đấu tranh giai cấp ấy. Vì thế giáo dục luôn mang tính lịch sử và giai cấp (khi xã hội phân chia thành giai cấp) — coi đây là một quy luật của giáo dục.

Từ việc nắm bắt quy luật trên đây của giáo dục, Đảng ta đã nhiều lần khẳng định quan điểm cơ bản của giáo dục Việt Nam là:

— Giáo dục là một bộ phận của cuộc cách mạng tư tưởng văn hóa.

— Nhà trường là công cụ của chuyên chính vô sản.

— Thầy giáo là chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng văn hóa.

Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam (1991) và tiếp đó là Hội nghị lần thứ tư của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VII (1 — 1993) đã khẳng định "cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu".

1.2. Giáo dục học - giáo dục học mầm non

Giáo dục như đã phân tích ở trên là một hiện tượng xã hội, đã xuất hiện cùng với loài người và nảy sinh trong quá trình lao động sản xuất. Chính trong cuộc sống lao động và quan hệ xã hội xa xưa nhất của cộng đồng người nguyên thủy đã nảy sinh giáo dục. Trong thực tiễn lao động và cuộc sống xã hội, người xưa đã tích lũy được những kinh nghiệm giáo dục và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác một cách tự nhiên trong kho tàng văn học dân gian của các dân tộc như: ca dao, tục ngữ, dân ca, câu đố, trò chơi, chuyện kể...

Tri thức về việc giáo dục con người thời xưa (cổ đại) nằm trong bộ môn triết học (khoa học nghiên cứu về đời sống tinh thần).

Đến thế kỉ XVII, lần đầu tiên xuất hiện hệ thống quan điểm giáo dục của J.A. Cômexki (1592 — 1670) — Nhà giáo dục Tiệp Khắc vĩ đại với tác phẩm kiệt xuất có tựa đề "*Phép giảng dạy lớn*" viết năm 1632. Tác phẩm này chứa đựng hệ thống lí luận giáo dục của J.A. Cômexki với tư cách một khoa học giáo dục con người xuất hiện — đánh dấu mốc thời gian của sự tách khỏi triết học một khoa học mới ra đời nghiên cứu việc giáo dục con người, đó là Giáo dục học.

Tiếp theo J.A. Cômexki, nhiều nhà giáo dục tiếp tục nghiên cứu làm phong phú thêm giáo dục học ở các thế kỉ sau như: J.J. Ruxô (thế kỉ XVIII), K.D. Usinxki (thế kỉ XIX) và C. Mác — Ph. Ăngghen (giữa thế kỉ XIX)⁽¹⁾.

Vậy giáo dục học là một khoa học về việc giáo dục con người — có nhiệm vụ chỉ ra bản chất và nêu ra các quy luật của quá trình giáo dục con người; xác định mục tiêu giáo dục; quy định nội dung, phương pháp và các hình thức tổ chức giáo dục cho trẻ em ở các đối tượng khác nhau nhằm đạt được hiệu quả hoạt động tối ưu trong những điều kiện, xã hội nhất định.

Giáo dục học mầm non là một chuyên ngành của giáo dục học, có nhiệm vụ xây dựng lí luận và tổ chức khoa học quá trình giáo dục trẻ em ở độ tuổi từ 0 — 6 tuổi (trước tuổi đến trường phổ thông).

Dựa trên cơ sở khoa học mang tính quy luật chung của giáo dục học và tính đến những đặc điểm riêng của sự phát triển tâm sinh lí của trẻ để hình thành và phát triển nhân cách của trẻ em ở lứa tuổi này, giáo dục học mầm non có nhiệm vụ nghiên cứu, xác định mục tiêu, quy định nội dung, chỉ dẫn phương pháp và các hình thức tổ chức giáo dục trẻ em ở lứa tuổi này một cách khoa học để đạt được hiệu quả giáo dục tối ưu cho trẻ em trong độ tuổi trước tuổi đến trường phổ thông.

1.3. Quá trình giáo dục

Quá trình giáo dục hay còn gọi là quá trình sư phạm.

Như đã nói trên, quá trình giáo dục chính là một bộ phận của quá trình xã hội hình thành nhân cách con người. Quá trình giáo dục bao hàm những nhân tố tác động tự giác, có mục đích, có kế hoạch của nhà giáo dục và các tổ chức giáo dục trong việc hình thành nhân cách trẻ em.

Quá trình giáo dục diễn ra theo những quy luật của nó với những nét đặc trưng chủ yếu sau đây:

a) Quá trình sư phạm hay quá trình giáo dục là một quá trình xã hội được tổ chức một cách có ý thức, có kế hoạch nhằm truyền thụ và lĩnh hội tri thức (kinh nghiệm lịch sử xã hội) và việc xây dựng và phát triển những nhân cách mới theo yêu cầu của xã hội cụ thể do từng thời kì lịch sử quy định.

⁽¹⁾ J.J. Ruxô (1712 — 1778) — Nhà giáo dục.

K.D. Usinxki (1824 — 1870) — Nhà giáo dục Nga.

C. Mác (1818 — 1883); Ph. Ăngghen (1820 — 1895) — Nhà sáng lập học thuyết XHCN.

b) Quá trình giáo dục là một quá trình tác động lẫn nhau giữa người giáo dục và người được giáo dục để tạo thành một quan hệ xã hội đặc biệt (quan hệ sư phạm hay quan hệ giáo dục).

c) Quá trình giáo dục là quá trình mà người giáo dục giữ vai trò chủ đạo, tổ chức, điều khiển, điều chỉnh các loại hình hoạt động và giao lưu, còn người được giáo dục giữ vai trò chủ động, tích cực, tự giác tham gia vào các loại hình hoạt động giáo dục và giao lưu đó nhằm lĩnh hội những kinh nghiệm xã hội, những giá trị văn hóa của loài người.

d) Nếu quá trình giáo dục được tổ chức tốt thì quá trình giáo dục đó là một bộ phận chủ yếu (hoặc toàn bộ) trong hoạt động sống (hoặc sinh hoạt) của người được giáo dục.

Từ đây có thể đi đến định nghĩa quá trình giáo dục hay quá trình sư phạm như sau:

"Quá trình giáo dục là một quá trình có tính chất xã hội nhằm hình thành con người, được tổ chức một cách có mục đích, có kế hoạch, căn cứ vào những mục đích và những điều kiện do xã hội quy định, được thực hiện thông qua các hoạt động giáo dục và được tiến hành trong các mối quan hệ xã hội giữa người giáo dục và người được giáo dục nhằm lĩnh hội những kinh nghiệm xã hội của loài người"⁽¹⁾.

2. Đối tượng của giáo dục học mầm non

Con người là đối tượng của nhiều ngành khoa học (triết học, văn học, sử học, xã hội học, sinh lí học, tâm lí học...) trong đó con người cũng chính là đối tượng của giáo dục.

Giáo dục học mầm non nghiên cứu bản chất của quá trình giáo dục, quá trình hình thành con người có mục đích, có kế hoạch, một hoạt động tự giác tác động đến việc hình thành nhân cách trẻ em của nhà giáo dục hoặc tổ chức giáo dục. Trên cơ sở đó, giáo dục học mầm non xác định mục đích, mục tiêu giáo dục, quy định nội dung, chỉ ra phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục thích hợp nhằm tổ chức tối ưu quá trình hình thành con người trong điều kiện và hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Vậy đối tượng của giáo dục học mầm non chính là quá trình giáo dục trẻ em từ 0 — 6 tuổi.

3. Nhiệm vụ của giáo dục học mầm non

Giáo dục học mầm non có nhiệm vụ nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản sau đây:

1) Mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục trẻ từ 0 — 6 tuổi.

2) Xây dựng hệ thống các nguyên tắc giáo dục mầm non.

3) Tổ chức các hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non.

4) Tìm ra phương hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả của quá trình giáo dục trẻ em.

Ngày nay, đường lối đổi mới giáo dục trong thời kì công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước đã vạch ra cho khoa học giáo dục nói chung và giáo dục học nói riêng những nhiệm vụ và nội

⁽¹⁾ Hà Thế Ngữ – Đặng Vũ Hoạt, *Giáo dục học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1987, T1, tr. 14.

dung nghiên cứu phù hợp, đáp ứng các yêu cầu xây dựng và phát triển giáo dục trong giai đoạn mới.

Theo xu thế phát triển chung, giáo dục học mầm non cần nghiên cứu bổ sung, hoàn chỉnh các vấn đề lí luận cũng như thực tiễn giáo dục mầm non, đảm bảo vừa có giá trị định hướng, vừa đáp ứng nhu cầu phát triển của hoạt động giáo dục mầm non theo hướng đa dạng hóa, xã hội hóa, tạo điều kiện để hoạt động giáo dục mầm non đáp ứng các yêu cầu phát triển của xã hội và có cơ sở, có điều kiện hội nhập, tham gia vào hoạt động giáo dục mầm non trên thế giới và khu vực.

Sau đây là một số định hướng nghiên cứu của khoa học giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay:

— Nghiên cứu tổng thể hiện trạng giáo dục mầm non ở từng khu vực để đánh giá chính xác tình hình, có giải pháp từng bước giải quyết các mâu thuẫn, bất cập.

— Nghiên cứu hoàn thiện mục tiêu giáo dục mầm non, đáp ứng yêu cầu của xã hội trong giai đoạn đổi mới.

— Nghiên cứu nhu cầu của xã hội đối với giáo dục mầm non trong tình hình hiện nay và xu thế phát triển của nó.

— Nghiên cứu các loại hình giáo dục mầm non, xu thế và khả năng phát triển của loại hình công lập, bán công, dân lập, tư thục ở từng khu vực. Nghiên cứu các mô hình khả thi đặc trưng, thích hợp cho từng vùng, miền.

— Nghiên cứu các giải pháp phát triển giáo dục mầm non ở thôn thôn, vùng sâu, vùng xa, ưu tiên thiết kế chính sách đảm bảo công bằng xã hội, hỗ trợ người nghèo...

— Nghiên cứu các điều kiện đảm bảo duy trì và nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

— Nghiên cứu đổi mới công tác quản lí giáo dục mầm non.

— Nghiên cứu các giải pháp đào tạo giáo viên nhằm tăng cường số lượng và đảm bảo chất lượng.

— Xác định rõ những tiêu chí cơ bản trong việc đánh giá, phân loại chất lượng ở mỗi cơ sở giáo dục mầm non của mỗi địa phương theo chuẩn mực quốc gia.

— Nghiên cứu, bổ sung các thuật ngữ trong giáo dục mầm non.

Giáo dục mầm non gắn liền và chịu ảnh hưởng trực tiếp của sự phát triển chung của xã hội, không chỉ vì trẻ em là nguồn nhân lực tương lai của đất nước mà còn vì cha mẹ của các em là nguồn nhân lực trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội. Bởi vậy, nghiên cứu giáo dục mầm non chính là góp phần đổi mới những vấn đề liên quan tới phát triển nguồn nhân lực — một yếu tố cực kì quan trọng đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ nói trên, giáo dục học mầm non phải dựa trên các thành tựu của khoa học hiện đại nghiên cứu trẻ em dưới 6 tuổi và liên kết phối hợp chặt chẽ với nhiều ngành khoa học khác.

4. Mối liên hệ giữa giáo dục học mầm non với các khoa học khác

Giáo dục học mầm non là khoa học nghiên cứu việc giáo dục con người ở độ tuổi từ 0 đến 6 tuổi, có liên quan mật thiết với nhiều ngành khoa học như triết học, sinh lí học, tâm lí học, xã hội học, đạo đức học, điều khiển học v.v...

4.1. Với triết học

Triết học là khoa học nghiên cứu các quy luật chung nhất của thế giới về sự phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy con người.

Giáo dục học mầm non lấy triết học duy vật biện chứng làm cơ sở phương pháp luận để có cách tiếp cận đúng đắn với con người trong việc xây dựng lí luận khoa học và tổ chức khoa học quá trình giáo dục trẻ em.

4.2. Với sinh lí học

Sinh lí học được coi là cơ sở tự nhiên của giáo dục học. Việc nghiên cứu giáo dục học mầm non phải dựa vào các dữ kiện của sinh lí học về sự phát triển của hệ thần kinh cấp cao, về đặc điểm của hệ thống tín hiệu thứ nhất và thứ hai, về sự phát triển của các cơ quan cảm giác và vận động, về nhu cầu của cơ thể v.v...

Chẳng hạn, từ đặc điểm phát triển của trẻ em từ 0 — 6 tuổi mà chúng ta xây dựng chế độ sinh hoạt trong ngày của trẻ, chế độ dinh dưỡng, học tập, vận động một cách khoa học.

Những thành tựu khoa học mới về sinh lí trẻ em làm thay đổi cả lí luận và thực tiễn giáo dục mầm non.

4.3. Với tâm lí học

Tâm lí học trang bị cho giáo dục học cơ sở khoa học về việc xây dựng lí luận và tổ chức hoạt động thực tiễn giáo dục trẻ em theo các thời kì, với những đặc điểm phát triển tâm lí theo lứa tuổi.

Hiểu một cách ngắn gọn thì tâm lí học là cơ sở khoa học của giáo dục học. Chỉ có hiểu biết tâm lí trẻ em mới có thể tổ chức khoa học quá trình giáo dục trẻ em và tránh được sự áp đặt đối với trẻ.

4.4. Với điều khiển học

Điều khiển học là khoa học điều khiển tối ưu các hệ thống động phức tạp. Là khoa học nghiên cứu logic của những quá trình trong tự nhiên và xã hội, xác định những cái chung, quy định những điều kiện vận hành các quá trình đó.

Dựa vào lí thuyết điều khiển học, chúng ta có thể điều khiển quá trình dạy học và giáo dục đạt hiệu quả tối ưu.

4.5. Với đạo đức học và mỹ học

Đạo đức học, mỹ học giúp cho việc xây dựng cơ sở phương pháp luận và xác định nội dung phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục đạo đức, giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mầm non.

Tóm lại: Giáo dục học mầm non có mối liên hệ chặt chẽ với nhiều khoa học khác nhau và dựa trên các thành tựu nghiên cứu về con người của các ngành khoa học, giáo dục học mầm non đã từng bước hoàn thiện lí luận khoa học của mình và ngày càng đem đến hiệu quả cao cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

5. Phương pháp nghiên cứu giáo dục học mầm non

Giáo dục học mầm non là một khoa học có đối tượng, nhiệm vụ và hệ thống phương pháp nghiên cứu của mình. Khi nghiên cứu giáo dục học mầm non với tư cách là một chuyên ngành của giáo dục học, chúng ta cần sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục nói chung, nhưng xuất phát từ đặc điểm của đối tượng, phải đặc biệt chú ý một số phương pháp sau:

5.1. Phương pháp quan sát sư phạm

Quan sát sư phạm là phương pháp thu thập các thông tin về đối tượng nghiên cứu bằng các tri giác có chủ định đối tượng và các yếu tố liên quan đến đối tượng.

Ví dụ: Quan sát trẻ mẫu giáo trong giờ chơi để thu thập thông tin về hứng thú chơi của trẻ.

Phương pháp quan sát sư phạm trong giáo dục mầm non được phân thành các loại như sau:

- Quan sát trực tiếp — quan sát gián tiếp.
- Quan sát toàn diện — quan sát có bố trí.
- Quan sát lâu dài — quan sát thời gian ngắn.
- Quan sát phát hiện — quan sát kiểm nghiệm.

Muốn quan sát đạt hiệu quả cao cần đảm bảo những yêu cầu:

- Xác định mục đích quan sát rõ ràng (quan sát để làm gì?)
- Xây dựng kế hoạch, tiến trình quan sát.
- Chuẩn bị chu đáo về mọi mặt: lí luận, thực tiễn, các phương tiện cần thiết có liên quan đến mục đích quan sát.
- Tiến hành quan sát cẩn thận và có hệ thống.
- Ghi chép khách quan, chính xác (các sự kiện, hiện tượng, số liệu đúng như đối tượng bộc lộ).
- Lưu giữ tài liệu quan sát phải cẩn thận và thuận tiện sử dụng.

Phương pháp quan sát sư phạm có khả năng thu thập được nhiều tài liệu cụ thể, sinh động, tự nhiên, làm cơ sở cho quá trình tư duy khoa học. Song đây là phương pháp phụ thuộc nhiều vào chủ quan của người quan sát, nếu người quan sát không được trang bị những tri thức cần thiết và kĩ năng sử dụng phương pháp này thì sẽ dẫn tới tình trạng tài liệu thu được thiếu khách quan, không đảm bảo chất lượng.

5.2. Phương pháp trò chuyện (đàm thoại)

Trò chuyện là phương pháp đặt ra câu hỏi cho người đối thoại và dựa vào câu trả lời của họ để thu thập thông tin về vấn đề nghiên cứu.

Ví dụ: Trò chuyện với giáo viên, trò chuyện với trẻ em.

Trò chuyện được phân thành các loại sau đây:

- Trò chuyện trực tiếp.
- Trò chuyện gián tiếp.
- Trò chuyện thẳng.
- Trò chuyện đường vòng.
- Trò chuyện bổ sung.
- Trò chuyện đi sâu.
- Trò chuyện phát hiện.
- Trò chuyện kiểm nghiệm.

Tùy theo mục đích, điều kiện, hoàn cảnh và đặc điểm của đối tượng mà vận dụng các hình thức trò chuyện cho phù hợp.

Khi trò chuyện, muốn thu được tài liệu có chất lượng phải tôn trọng các yêu cầu:

- Xác định rõ mục đích, yêu cầu.
- Cần tìm hiểu người đối thoại để lựa chọn cách trò chuyện cho phù hợp (hiểu tính cách, hứng thú, năng lực, khí chất, hoàn cảnh...).
- Quá trình trò chuyện phải có ý thức khéo léo lái câu chuyện vào đúng mục đích, tránh tràn lan làm loãng chủ đề.
- Cần tạo không khí tự nhiên, thân mật, cởi mở trong khi trò chuyện. Không nhất thiết phải ghi chép các câu trả lời của đối tượng.

Phỏng vấn cũng là một dạng của đàm thoại, các câu hỏi phải chuẩn bị trước và được hỏi theo một trình tự nhất định, các câu trả lời cần được ghi chép một cách công khai. Trong phỏng vấn người ta dùng cả phương tiện kĩ thuật hiện đại như máy ảnh, máy ghi âm hoặc ghi hình để giữ lại tư liệu nghiên cứu.

5.3. Phương pháp điều tra

Điều tra là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lượng đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến của họ về một vấn đề nào đó.

Ý kiến trả lời có thể được viết ra hoặc trình bày bằng miệng do người điều tra ghi lại.

Điều tra có thể phân loại như sau:

- Điều tra thăm dò (câu hỏi rộng và nông) nhằm thu thập tài liệu ở mức sơ bộ về đối tượng.
- Điều tra đi sâu (câu hỏi hẹp và sâu) nhằm khai thác sâu sắc một vài khía cạnh nào đó của đối tượng nghiên cứu.
- Điều tra bổ sung nhằm thu thập tài liệu bổ sung cho các phương pháp khác.

Căn cứ vào mục đích, tính chất của việc điều tra, người ta có thể sử dụng nhiều dạng câu hỏi khác nhau:

+ Câu hỏi "đóng" là những câu hỏi có kèm theo phương án trả lời. Người được trưng cầu ý kiến có thể lựa chọn một hoặc một vài phương án phù hợp với nhận thức của mình.

+ Câu hỏi "mở" là những câu hỏi không có phương án trả lời sẵn và người được trưng cầu ý kiến tự trả lời.

Sử dụng phương pháp điều tra có thể trong một khoảng thời gian ngắn thu thập được ý kiến của nhiều người ở một phạm vi rộng, tuy nhiên độ tin cậy của tài liệu thu được bị hạn chế, bởi vì nó phụ thuộc vào chủ quan của người trả lời.

Để có tài liệu tương đối chính xác phải điều tra nhiều lần và đảm bảo số lượng người được hỏi đủ lớn. Các câu hỏi cần xây dựng theo một hệ thống, chúng ràng buộc lẫn nhau, kiểm tra lẫn nhau để có thể buộc người trả lời phải bộc lộ ý nghĩ thật của mình.

5.4. Phương pháp tổng kết kinh nghiệm giáo dục

Tổng kết kinh nghiệm giáo dục là phương pháp đi từ thực tiễn giáo dục, dùng lí luận phân tích thực tiễn, từ phân tích thực tiễn mà rút ra lí luận.

Trong khoa học giáo dục nói chung và giáo dục học mầm non nói riêng, tổng kết kinh nghiệm, tức là dùng cơ sở lí luận của chủ nghĩa Mác—Lênin, đường lối quan điểm giáo dục của Đảng, dùng tri thức về khoa học giáo dục mầm non và các khoa học khác để tìm hiểu, phân tích, đánh giá các kinh nghiệm có tác dụng tích cực trong thực tiễn giáo dục, từ đó rút ra những bài học mang tính lí luận, lí luận đó được chỉ đạo trở lại thực tiễn giáo dục.

Ví dụ: Kinh nghiệm phòng chống trẻ suy dinh dưỡng ở trường mầm non; kinh nghiệm huy động trẻ 5 tuổi đến lớp mẫu giáo; kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ; kinh nghiệm quản lí của hiệu trưởng trường mầm non.

Khi sử dụng phương pháp tổng kết kinh nghiệm giáo dục cần đảm bảo một số yêu cầu sau:

— Phát hiện, xác định đúng đối tượng nghiên cứu. Tức là kinh nghiệm có thật và đang tồn tại chứ không phải là những dự định sẽ làm hoặc đã làm nhưng chưa tới mức gọi là kinh nghiệm. Muốn vậy phải kiểm tra kĩ và đánh giá chính xác hiệu quả đã đạt được do kinh nghiệm mang lại.

— Khi thu thập, xử lí các số liệu phải hết sức khách quan. Muốn vậy phải thu thập, xử lí thông tin từ nhiều nguồn và bằng nhiều phương pháp khác nhau như: Phương pháp trò chuyện, phương pháp quan sát, phương pháp điều tra.

— Những lí luận tổng kết từ kinh nghiệm cần tiếp tục khẳng định và phát triển, đồng thời phải đem ứng dụng vào thực tế để "nhân" kinh nghiệm bằng cách chỉ đạo điển hình hoặc thực nghiệm khoa học.

5.5. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động

Nghiên cứu sản phẩm hoạt động là phương pháp tìm hiểu con người thông qua sản phẩm do họ tạo ra.

Ví dụ: Nghiên cứu sản phẩm nặn, vẽ, xé dán của trẻ mẫu giáo 5 tuổi để hiểu đặc điểm và khả năng sáng tạo của trẻ. Hoặc nghiên cứu sản phẩm của giáo viên mầm non để hiểu về chính họ.

Khi nghiên cứu sản phẩm hoạt động cần nắm được đầy đủ điều kiện và quá trình hoạt động của con người đưa đến sản phẩm. Tức là chúng ta không chỉ tìm hiểu con người làm ra cái gì, mà quan trọng hơn là làm như thế nào? Bởi vì các sản phẩm và năng lực của con người thường bộc lộ qua những điều kiện và quá trình làm ra sản phẩm.

5.6. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Thực nghiệm sư phạm là phương pháp nghiên cứu một cách chủ động, có hệ thống một hiện tượng giáo dục nhằm xác định mối quan hệ giữa tác động giáo dục với hiện tượng giáo dục cần được nghiên cứu trong những điều kiện đã được khống chế.

Nét đặc trưng của phương pháp thực nghiệm sư phạm là nhà nghiên cứu chủ động tạo ra điều kiện nghiên cứu và khi cần thiết có thể lặp lại nhiều lần điều kiện đó.

Thường có 2 loại thực nghiệm: thực nghiệm tự nhiên và thực nghiệm trong phòng thí nghiệm.

— Thực nghiệm tự nhiên là những thực nghiệm được tiến hành trong điều kiện bình thường của quá trình sư phạm.

— Thực nghiệm trong phòng thí nghiệm là những thực nghiệm được tiến hành trong điều kiện khống chế nhằm xác định mặt định tính, định lượng và bản chất của hiện tượng giáo dục.

Phương pháp thực nghiệm cho phép người nghiên cứu tìm hiểu sâu bản chất của hiện tượng giáo dục để từ đó phát hiện ra cái mới, nhưng đây là phương pháp đòi hỏi sự chuẩn bị công phu cả về lí luận cũng như công việc và trang thiết bị kĩ thuật khi tiến hành thực nghiệm.

Thực nghiệm sư phạm có thể được tiến hành theo các bước sau đây:

Bước 1: Xác định được vấn đề thực nghiệm với mục đích rõ ràng.

Bước 2: Nêu giả thuyết và xây dựng đề cương thực nghiệm.

Bước 3: Tổ chức thực nghiệm.

Gồm các công việc:

— Chọn mẫu thực nghiệm.

— Bồi dưỡng cộng tác viên.

— Theo dõi thực nghiệm: quan sát, ghi chép, đo đạc.

Bước 4: Xử lí kết quả thực nghiệm, rút ra kết luận khoa học.

Ngày nay, khoa học công nghệ phát triển mạnh, nhiều phương tiện kĩ thuật hiện đại được sử dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục. Máy vi tính là một phương tiện hiện đại giúp cho việc xử lí kết quả thực nghiệm nhanh, chính xác và tiện lợi.

Yêu cầu nghiêm ngặt của thực nghiệm sư phạm là khi tiến hành thực nghiệm sư phạm, không được làm đảo lộn hoạt động bình thường của quá trình sư phạm, và chỉ tiến hành trong

những điều kiện và tiêu chuẩn nghiêm ngặt với luận cứ khoa học để đảm bảo việc đưa những cái mới đã được kiểm tra vào quá trình sự phạm.

II. GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON

Như ta đã biết, giáo dục có chức năng chuyên biệt là hình thành và phát triển nhân cách, là tái sản xuất sức lao động xã hội, là tái sản xuất con người... Con người là vốn quý nhất của xã hội, con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển kinh tế — xã hội.

Ở đây chúng ta sẽ phân tích mối quan hệ giữa giáo dục với sự phát triển nhân cách, xác định các nhân tố và tác động của các nhân tố đó đến sự hình thành và phát triển nhân cách của trẻ em như thế nào.

1. Khái niệm về con người và sự phát triển nhân cách trẻ em lứa tuổi mầm non

Có nhiều quan niệm khác nhau về con người.

1.1. Khái niệm "con người" trước khi có chủ nghĩa Mác

Thời cổ đại, do trình độ phát triển thấp của khoa học, con người còn quá phụ thuộc vào tự nhiên nên không lí giải được một cách khoa học về nguồn gốc của con người và bản chất (nhân cách) của nó. Người xưa bất lực trước những vấn đề gay gắt này nên trong triết học xuất hiện trường phái "Bất khả tri" — không hiểu nổi con người và bản chất của nó.

Tiếp đó, con người hiểu được nhưng theo quan niệm duy tâm. Điều này nói lên trong quan niệm xưa (trong các triết lí tôn giáo) với nhiều cách lí giải khác nhau, bằng nhiều ngôn từ khác nhau nhưng đều gặp nhau ở một quan niệm là:

— Con người do Thượng đế sinh ra.

— Bản chất (nhân cách) con người là cái mà Thượng đế phú cho.

Với quan niệm này thì con người bất lực trước chính mình, vì tất cả đều phụ thuộc vào sức mạnh bên ngoài chúng ta, nhân cách là cái gì hết sức trừu tượng, là cái "Trời" cho nên nó là phạm trù bất biến.

Về sau, trên cơ sở phát triển của khoa học tự nhiên (nhất là của sinh học thế kỉ XIX) xuất hiện luận điểm duy vật nhưng còn mang tính chất siêu hình. Các triết gia này cho rằng, con người là sản phẩm của tự nhiên nhưng "bản chất" của con người (nhân cách) chỉ được lí giải dưới góc độ bản năng sinh vật. Điển hình là quan điểm của Phơ rớt (1856 — 1939, bác sĩ tâm thần người Áo).

1.2. Con người và nhân cách theo quan niệm của C. Mác và Ph. Ăngghen

C. Mác và Ph. Ăngghen là người sáng lập ra Triết học duy vật biện chứng — dòng triết học khoa học nhất của nhân loại tính đến giữa thế kỉ XIX.

Dựa trên thành tựu mới về sinh học của thế kỉ XIX và đứng trên quan điểm triết học duy vật biện chứng, Mác và Ăngghen đã nhìn nhận con người trong tiến trình phát triển tiến hóa của loài và phát triển của lịch sử xã hội. Để có quan điểm biện chứng này về con người, Mác và

Ăngghen đã tiếp thu có phê phán những quan điểm tiến bộ, khoa học về con người của La Mác — nhà sinh vật học Pháp và Đác Uyn — nhà sinh vật học Anh của thế kỉ XIX cùng với những quan điểm duy vật trong triết học của Phơ Bách và phép biện chứng của Hêghen (những triết gia cổ điển Đức thế kỉ XIX).

Theo Mác và Ăngghen thì con người vừa là "con" vừa là "người"⁽¹⁾.

— "Con": là sản phẩm của tự nhiên, là kết quả của sự tiến hóa sinh vật của loài mà thành.

Như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử, Mác và Ăngghen đã tìm thấy nguồn gốc của con người và nhân cách nằm ngoài sức mạnh của chúa Trời.

Trước hết con người là con (sinh vật) nên nó có những đặc điểm, cấu trúc và cơ chế sinh học của loài.

– Hai là, con người không chỉ là thực thể tự nhiên (con) mà còn là "người" — là sản phẩm của lịch sử xã hội. Điều này được hai ông nói rõ trong tác phẩm "*Lút Vích Phoi-ơ-Bắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*" bằng luận điểm nổi tiếng là "... Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng, cố hữu của mỗi cá nhân riêng lẻ. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội"⁽²⁾.

Như vậy, theo Mác và Ăngghen thì bản chất của con người là điều có thể nhận biết được.

— "Nhân cách" không phải là phạm trù cố hữu.

— Bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội — nghĩa là do mối quan hệ xã hội (quan hệ giữa người với người; quan hệ kinh tế — xã hội; do hoàn cảnh lịch sử cụ thể xung quanh con người tạo nên). Ở đây, tất cả môi trường xung quanh luôn tác động đến con người đang sống trong đó; thông qua sự tiếp nhận, phản ứng có ý thức của con người với những tác động của môi trường mà tạo nên cái riêng trong mỗi con người (đó chính là nguồn gốc của nhân cách).

Đây chính là quan điểm động mang tính biện chứng duy vật. Ở đây Mác và Ăngghen đã giải thích nội hàm của nhân cách; nguồn gốc và cơ sở hình thành nhân cách. Điều này có ý nghĩa to lớn đối với việc hình thành và phát triển nhân cách của con người.

Đứng trên luận điểm duy vật biện chứng của Mác và Ăngghen về con người, khoa học giáo dục hiện đại đã đạt được nhiều thành tựu mới về lĩnh vực này. Ở đây, những đặc điểm sinh học của mỗi con người có ảnh hưởng nhất định đến quá trình hình thành các phẩm chất như tài năng, xúc cảm, sức khỏe, thể chất... song ảnh hưởng của nó chỉ tạo nên cái nền, chỉ tác động đến tốc độ, cường độ mạnh yếu của nhân cách chứ không quyết định nội dung ý thức, nội dung nhân cách mà chất lượng của nhân cách là do sự tham gia của con người vào quá trình lịch sử — xã hội cụ thể quy định, cái mà Mác và Ăngghen nói: "... là tổng hòa các mối quan hệ xã hội...".

⁽¹⁾ Xem lí giải nguồn gốc con người của Ph. Ăngghen trong tác phẩm "*Vai trò của lao động trong sự chuyển biến từ vượn thành người*".

⁽²⁾ Ph. Ăngghen – C. Mác, *Lút Vích Phoi-ơ Bắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*; NXB Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 99.

Nói như vậy không có nghĩa là "quan hệ xã hội" làm hạ thấp vai trò của nhân tố sinh học trong đời sống con người. Trở lại vấn đề này, ta phải xác định rõ vai trò của từng nhân tố trong việc hình thành và phát triển cá nhân ra sao trên quan điểm triết học duy vật biện chứng.

1.3. Thế nào là sự phát triển nhân cách?

Sự phát triển nhân cách là quá trình trưởng thành (lớn lên về lượng và đặc biệt có sự biến đổi cơ bản về chất) về thể chất, về tâm lí và về xã hội của cá nhân.

— Sự phát triển về mặt thể chất biểu hiện ở sự tăng trưởng của cơ thể về chiều cao, cân nặng, cơ bắp, hoàn thiện các giác quan, phối hợp các vận động cơ bản của cơ thể.

— Sự phát triển về mặt tâm lí biểu hiện ở những biến đổi cơ bản trong quá trình nhận thức, xúc cảm, tình cảm, ý chí, ở sự hình thành các thuộc tính tâm lí mới của nhân cách.

— Sự phát triển về mặt xã hội của cá nhân biểu hiện ở những biến đổi trong ứng xử của cá nhân đó với những người xung quanh, ở sự tích cực tham gia của cá nhân đó vào đời sống xã hội.

Cần nhấn mạnh rằng, sự phát triển của nhân cách không chỉ diễn ra đối với những thuộc tính mới được hình thành trong quá trình sống mà còn đối với cả các yếu tố mang tính chất bẩm sinh, di truyền.

Sự phát triển cá nhân là kết quả tác động của nhiều yếu tố: tự nhiên và xã hội, bên trong và bên ngoài, khách quan và chủ quan, tự phát và có ý thức... được thể hiện qua những yếu tố chính là: di truyền, bẩm sinh; môi trường; giáo dục và hoạt động cá nhân.

Các cô giáo mầm non cần có sự hiểu biết khoa học về các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách trẻ để làm tốt công tác chăm sóc và giáo dục trẻ em lứa tuổi tiền học đường.

2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách trẻ em lứa tuổi mầm non

2.1. Yếu tố bẩm sinh, di truyền

— Bẩm sinh là những yếu tố sinh học có sẵn trong mỗi con người, mang dấu ấn của loài khi mới sinh ra. *Ví dụ:* màu da, màu mắt, loại hình thân kinh, trẻ bị tật nguyên, trẻ có năng khiếu...

— Di truyền là sự tái tạo ở trẻ những thuộc tính sinh học nhất định của cha mẹ, của loài là sự truyền lại từ thế hệ trước cho thế hệ sau những phẩm chất và những đặc điểm sinh học nhất định đã được ghi lại trong chương trình các gen. *Ví dụ:* con cái có thể giống cha mẹ về vóc dáng, hình thù, màu tóc, nước da, loại hình thân kinh, sự thông minh, năng khiếu riêng của bố, mẹ...

Có nhiều quan niệm khác nhau, thậm chí đối lập nhau về việc đánh giá vai trò của yếu tố bẩm sinh, di truyền trong việc hình thành và phát triển nhân cách.

Quan điểm duy tâm trong "Thuyết ưu sinh" đã tuyệt đối hóa yếu tố di truyền. Theo họ, trẻ em sinh ra có những yếu tố sinh học thuận lợi hoặc bất lợi sẽ quyết định mặt "thiên tài" hoặc "đần độn" sau này của trẻ. Theo quan điểm này, điển hình là phái "Nhi đồng học" (Pedalogie — lan truyền mạnh ở phương Tây cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX) cho rằng, đạo đức, nhân cách cũng mang tính di truyền, vì thế cha mẹ thuộc tầng lớp nào sẽ quyết định vận mệnh con cái họ như vậy. Đây là luận điểm duy tâm mang tính phản khoa học nhằm dung hòa mâu thuẫn giai cấp trong xã hội có giai cấp. Thực tiễn cho hay, năm 1920 bác sĩ Xing (Ấn Độ) đã phát hiện trong hàng sói hai em bé Amala và Camala tuy đã tới 7 — 8 tuổi nhưng chỉ sống bằng các tập tính động vật (không biết đi bằng hai chân, không biết nói mặc dù có hình hài con người). Điều này giải thích như thế nào nếu dựa vào thuyết ưu sinh? Hai em bé trên có tư chất của con người lẽ ra đương nhiên phải thành con người (theo thuyết ưu sinh) nhưng ngược lại, vì sao? Điều này chứng tỏ rằng, luận điểm của "Thuyết ưu sinh" và phái "Nhi đồng học" cho rằng bẩm sinh quyết định sự hình thành và phát triển nhân cách là lệch lạc.

Học thuyết duy vật biện chứng của Mác — Ăngghen đã giúp ta nhìn nhận khoa học về yếu tố này. Theo quan điểm duy vật biện chứng thì bẩm sinh, di truyền giữ vai trò quan trọng chứ không phải quyết định sự phát triển nhân cách của mỗi người sau này.

Theo quan điểm này thì những tiền tố (bẩm sinh) sinh học trong trẻ em có trở thành hiện thực hay không còn phụ thuộc vào những điều kiện sống, giáo dục và sự vận động cá nhân của người đó. Về vấn đề này trong "*Hệ tư tưởng Đức*", C. Mác và Ph. Ăngghen đã từng nói: "Một con người như Raphaelen có phát triển được tài năng của mình hay không thì điều này hoàn toàn phụ thuộc vào sự đòi hỏi, mà đòi hỏi này lại phụ thuộc vào sự phân công lao động và những điều kiện giáo dục con người, mà những điều kiện này cũng do sự phân công tạo nên".

Từ nhận thức đúng đắn vị trí của yếu tố bẩm sinh, di truyền trong việc hình thành và phát triển nhân cách của trẻ em theo quan điểm duy vật biện chứng, các cô nuôi dạy trẻ ở nhà trẻ, mẫu giáo và các bà mẹ chăm sóc giáo dục con trẻ cần sớm phát hiện ra năng khiếu hoặc ngược lại là mặt hạn chế — thiết thời ở mỗi trẻ em để có cách tiếp cận riêng với từng trẻ theo nguyên tắc cá biệt hóa trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ, nhằm giúp trẻ em phát triển đúng hướng những tiềm năng sẵn có hoặc khắc phục những mặt hạn chế mang tính bẩm sinh trong chính cuộc sống hàng ngày của trẻ.

2.2. Ảnh hưởng của môi trường đến sự phát triển nhân cách

a) Thế nào là môi trường?

Môi trường là hệ thống phức tạp các hoàn cảnh bên ngoài, các điều kiện tự nhiên và xã hội xung quanh con người (xung quanh trẻ em, cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của trẻ em).

Có hai loại môi trường:

- Môi trường tự nhiên;
- Môi trường xã hội;

Môi trường tự nhiên bao gồm các yếu tố tự nhiên — sinh thái (đất, nước, nhiệt độ, không khí, ánh sáng, động thực vật v.v...).

Môi trường xã hội (do quan hệ giữa người với người tạo nên) bao gồm:

+ Môi trường chính trị — xã hội (chế độ chính trị; quan hệ giai cấp; các cơ quan chính quyền; đoàn thể, các tổ chức chính trị — xã hội...).

+ Môi trường kinh tế — sản xuất (chế độ kinh tế, các quan hệ sản xuất, các cơ sở sản xuất — kinh doanh v.v...).

+ Môi trường sinh hoạt xã hội (gia đình, tổ chức dịch vụ...).

+ Môi trường văn hóa — xã hội (hệ tư tưởng, các nhà trường, các cơ quan văn hóa giáo dục, các phương tiện thông tin đại chúng...).

Giáo dục học lấy quá trình giáo dục làm đối tượng nghiên cứu của mình, vì thế trong lĩnh vực khoa học giáo dục, giáo dục học trước hết phải quan tâm đến môi trường xã hội và mối quan hệ giữa hai môi trường (tự nhiên và xã hội), ví như C. Mác và Ph. Ăngghen nói: "Bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội".

b) Vai trò của môi trường

Có nhiều quan điểm khác nhau nói về vai trò của môi trường đối với việc hình thành và phát triển nhân cách trẻ em.

Thuyết duy tâm trong cái gọi là "định mệnh do hoàn cảnh" đã khẳng định vai trò quyết định của môi trường (nhất là môi trường tự nhiên) trong việc hình thành và phát triển nhân cách của con người. Theo họ thì điều kiện khí hậu, yếu tố tự nhiên, vĩ độ địa lí quyết định vận mệnh của các dân tộc sống trong điều kiện ấy. Chẳng hạn người da đen sống ở châu Phi nóng nực nên chỉ có thiên hướng lao động chân tay, còn người da trắng ở châu Âu — miền ôn đới nên đã thông minh và có thiên hướng lao động trí óc. Đây là luận điểm phản khoa học, vì thực tế cho hay, thời cổ đại có nhiều bậc hiền triết xuất hiện ở phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa...) chứ đâu phải ở phương Tây.

Theo quan điểm duy vật biện chứng thì con người khác con vật ở chỗ, con người có ý thức. Là sự phản ánh thế giới khách quan và một trong những điều kiện để hình thành ý thức là phải có thế giới vật chất (có môi trường); nếu thiếu môi trường xã hội, trẻ em sinh ra bị tách khỏi môi trường xã hội sẽ không thành người. Điều này đã được chứng minh qua sự kiện về hai em bé Amala và Camala do bác sĩ Xing (Ấn Độ) tìm ra trong hang sói vào năm 1920.

Có thể nói rằng, môi trường góp phần tạo ra động cơ, mục đích, cung cấp phương tiện cho điều kiện hoạt động, giao lưu của cá nhân, nhờ đó cá nhân chiếm lĩnh được kinh nghiệm lịch sử — xã hội của loài người (kinh nghiệm xã hội, các giá trị văn hóa...) để hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách. Nhân cách con người phản ánh đặc điểm chủ yếu của môi trường. Về vấn đề này cổ nhân ta đã từng có câu "Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng", hoặc "Đi một ngày đàng học một sàng khôn". Trong lịch sử nhân loại và dân tộc Việt Nam đã có nhiều nhà hoạt động xã

hội muốn cải tổ xã hội bằng việc cải tạo môi trường (điển hình như J.J. Ruxô (Pháp) I.R.Oen (Anh); Ulianov (Nga) và Phan Chu Trinh (Việt Nam)...).

Song cần nhớ rằng, mức độ ảnh hưởng của môi trường đến sự phát triển nhân cách còn phụ thuộc vào sự tiếp nhận ảnh hưởng ấy của cá nhân (điều này sẽ xem xét ở mục sau), chẳng thế mà C. Mác đã từng nhận xét trong "*Hệ tư tưởng Đức*" là hoàn cảnh sáng tạo ra con người cũng theo mức độ mà con người sáng tạo ra hoàn cảnh". Vì thế khoa học giáo dục tiên tiến là phải đồng thời cải tạo môi trường (tạo ra môi trường sư phạm tốt), mặt khác phải phát huy cao độ vai trò của cá nhân (đối tượng giáo dục) thì sự hình thành và phát triển nhân cách mới đúng và tốt đẹp. Vì thế ở đây cần phê phán hai thái độ cực đoan: Một là tuyệt đối hóa yếu tố môi trường trong cái gọi là "thuyết định mệnh do hoàn cảnh" và hai là quá đề cao vai trò của giáo dục trong cái gọi là "Giáo dục vạn năng". Nếu nhìn nhận phiến diện về một phía, coi yếu tố này tách biệt với yếu tố khác là một sai lầm, là phản khoa học trong lí luận và thực tiễn giáo dục.

2.3. Ảnh hưởng của yếu tố giáo dục

Giáo dục là hoạt động có mục đích, có kế hoạch của con người, là hoạt động có ý thức của nhà giáo dục hoặc tổ chức giáo dục nhằm hình thành nhân cách cho trẻ em.

Ở đây không nên hiểu rằng, giáo dục chỉ là tác động một chiều của nhà giáo dục đến đối tượng giáo dục (người được giáo dục) mà quá trình này luôn diễn ra những tác động qua lại giữa hai nhân tố đó (người giáo dục và người được giáo dục), bởi vì trẻ em vừa là khách thể vừa là chủ thể của quá trình giáo dục.

Như đã phân tích ở trên, trong quá trình giáo dục; người được giáo dục (học sinh, trẻ em) giữ vai trò chủ động, tích cực, tự giác hoạt động dưới sự hướng dẫn, tác động của các tác nhân giáo dục để hình thành và phát triển nhân cách, còn nhà giáo dục (thầy giáo và tập thể sư phạm) giữ vai trò chủ đạo, tổ chức, điều khiển, điều chỉnh quá trình giáo dục ấy. Vì vậy trong quá trình giáo dục, nhà giáo dục phải biết phát huy vai trò chủ động, tự giác, tích cực của người được giáo dục, nghĩa là biết phát huy cao độ và triệt để những điều kiện bên trong của trẻ em (đó chính là sức sống tự nhiên vốn có của trẻ em). Ở đây, nhìn nhận trẻ em là một cá thể, là môi trường và làm cho trẻ từ chỗ bị động thành chỗ chủ động của quá trình giáo dục, để biến nền văn hóa chung của xã hội thành cái riêng của mỗi cá nhân. Đó chính là vai trò của giáo dục. Như vậy đứng trên quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng thì giáo dục đúng đắn sẽ định hướng cho sự phát triển của trẻ, phát huy các yếu tố bẩm sinh, môi trường và cá nhân trong sự hình thành và phát triển nhân cách. Chính vì thế mà các cổ nhân có câu "Không thầy đó mà làm nên", "Tâm sư học đạo" (tìm thầy mà học...) và trong lịch sử đã có không ít các nhà hoạt động xã hội trong các thời kì khác nhau đã có ý định dùng giáo dục để cải tiến xã hội (như Khổng Tử, Mặc Tử, J.J. Ruxô, R. Oen, Ulianov, Phan Chu Trinh...).

Quan điểm duy tâm trong "Thuyết giáo dục vạn năng" đã tuyệt đối hóa giáo dục đi đến hạ thấp vai trò của các yếu tố khác. Đây là một quan điểm phản khoa học, duy tâm.

Đứng trên quan điểm duy vật biện chứng để xem xét hiện tượng giáo dục và phát triển nhân cách, các nhà giáo dục học mácxít đã đánh giá đúng đắn vị trí của các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách trẻ em trong giáo dục giữ vai trò chủ đạo.

2.4. Yếu tố cá nhân

Thế nào là yếu tố cá nhân?

Là vai trò của cá nhân — của chủ thể giáo dục trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách của chính mình (của trẻ em, của học sinh).

Theo chủ nghĩa duy vật biện chứng thì điều kiện để hình thành ý thức là:

+ Phải có thế giới khách quan (cái để phản ánh vào ý thức con người).

+ Phải có não bộ (cơ quan để phản ánh thế giới khách quan vào ý thức người).

+ Phải có sự hoạt động của cá nhân.

Nếu có thế giới khách quan và có bộ não hoàn chỉnh nhưng cá nhân không tích cực hoạt động thì ý thức của con người vẫn nông cạn, vẫn không phản ánh được đầy đủ, phong phú và đa dạng về thế giới khách quan. Điều này đã được C. Mác đánh giá rất cao. Người nói: "Cá nhân phải tích cực vận động trong quá trình cải tạo tự nhiên, cải tạo xã hội thì mới cải tạo chính bản thân mình. "Hoàn cảnh sáng tạo ra con người trong chừng mực con người sáng tạo ra hoàn cảnh". Ph. Ăngghen khẳng định: "Bàn tay con người không chỉ là khí quan để lao động mà còn là sản phẩm của lao động"⁽¹⁾

Vậy theo quan điểm duy vật biện chứng thì hoạt động cá nhân giữ vai trò quyết định sự hình thành và phát triển nhân cách của mình với điều kiện:

— Biết triệt để phát huy yếu tố sinh học (bẩm sinh, di truyền) ưu việt của mình.

— Biết triệt để tận dụng những tác nhân tích cực của môi trường.

— Biết tuân thủ sự hướng dẫn, tổ chức khoa học quá trình giáo dục của nhà giáo dục và của tổ chức sư phạm.

— Tích cực hoạt động của cá nhân với các loại hình hoạt động chủ yếu phù hợp lứa tuổi của trẻ em để biến cá nhân từ khách thể thành chủ thể tích cực của quá trình nhận thức và hình thành nhân cách.

Từ những phân tích trên đây, ta có thể rút ra một vài kết luận sau:

1. Sự hình thành và phát triển nhân cách của con người là kết quả tổng hòa của các yếu tố (bẩm sinh, môi trường, giáo dục và lao động cá nhân) trong đó mỗi yếu tố giữ một vai trò nhất định:

a) Bẩm sinh, di truyền là tiền đề vật chất của sự phát triển;

b) Môi trường là quan trọng, là nguồn gốc của sự phát triển;

c) Giáo dục định hướng cho sự phát triển nhân cách, giúp các nhân tố trên (a, b, c) phát huy vai trò và phát triển đúng hướng nhân cách của mỗi cá nhân;

⁽¹⁾ C. Mác – Ph. Ăngghen, *Tuyển tập*, tập 5, NXB Sự thật, Hà Nội, 1983, tr. 494.

d) Cá nhân giữ vai trò quyết định sự phát triển nhân cách của mình.

2. Mỗi cá nhân phải là chủ thể của quá trình hình thành và phát triển nhân cách của mình; cá nhân phải hoạt động trong môi trường; phải phát huy mặt tích cực trong yếu tố sinh học của mình; tuân thủ sự hướng dẫn khoa học của giáo dục... có thể nhân cách mới được hình thành và phát triển một cách đúng đắn.

3. Không được định kiến với trẻ em — định kiến với con người là phản khoa học và thiếu tính nhân đạo.

4. Không được thả nổi cho trẻ tự mò mẫm trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách. Song sự hướng dẫn, giúp đỡ của nhà giáo dục, của gia đình, nhà trường và xã hội phải dựa trên quy luật phát triển của trẻ (về sinh lí và tâm lí) nếu không sẽ dẫn đến sự áp đặt trẻ phải phụ thuộc vào ý chí của người lớn.

Thực chất quá trình giáo dục trẻ em là sự tổ chức khoa học các quá trình sư phạm nhằm giúp đỡ trẻ em hình thành và phát triển đúng đắn nhân cách của mình. *Ví dụ*, trong trường mầm non cô giáo tổ chức cho trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ (0 — 3 tuổi) hoạt động với đồ vật và trẻ mẫu giáo (từ 3 — 6 tuổi) hoạt động vui chơi là những hoạt động mang tính chất chủ đạo — Bằng cách tổ chức cho trẻ hoạt động phù hợp với lứa tuổi (tâm — sinh lí) mà cô giúp trẻ phát triển đúng đắn nhân cách của mình.

III. MỘT SỐ TƯ TƯỞNG VÀ QUAN NIỆM VỀ VẤN ĐỀ GIÁO DỤC TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON

Khoa học giáo dục trẻ em với tư cách là một khoa học độc lập bắt đầu hình thành khi có sự phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Chỉ đến khi xã hội chuẩn bị tiến hành cuộc cách mạng tư sản, những nhà tư tưởng nổi tiếng như nhà triết học và giáo dục Tiệp Khắc J.A. Cômexki (1592 — 1670), nhà khai sáng Pháp J.J. Ruxô và các đại biểu của chủ nghĩa duy vật Pháp mới đặt nền tảng lí luận cho hệ thống giáo dục quốc dân mới, cũng như cho khoa học sư phạm mới.

— *J.A. Cômexki* là nhà sáng lập khoa học giáo dục mới, tiến bộ dựa trên sự phát triển mạnh mẽ của khoa học tự nhiên thời đó và theo quan điểm của chủ nghĩa cảm giác duy vật của F. Bêcon. Ông nêu lên tư tưởng giáo dục "theo tự nhiên", chứng minh ý nghĩa của việc làm quen với môi trường và sử dụng rộng rãi các phương pháp trực quan trong việc giáo dục trẻ em. Lần đầu tiên trong lịch sử khoa học sư phạm, J.A. Cômexki đặc biệt chú trọng những vấn đề giáo dục trẻ em thuộc lứa tuổi mẫu giáo. Những tư tưởng về giáo dục trẻ em trong gia đình, về sự cần thiết phải phát triển tri giác, ngôn ngữ và biểu tượng trực quan của chúng khi chuẩn bị cho chúng tới trường đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển về sau của khoa học sư phạm mẫu giáo. Ông đã xây dựng hệ thống các nguyên tắc dạy học có tác dụng chỉ đạo hoạt động dạy học cho trẻ, đưa ra hình thức tổ chức dạy học theo hệ bài — lớp còn được ứng dụng đến ngày nay.

— *J.J. Ruxô* (1712 — 1778) và Dideros là hai đại biểu của triết học ánh sáng, tư tưởng của dòng triết học này được lấy làm điểm tựa cho cuộc cách mạng tư sản Pháp. J.J. Ruxô hiểu biết

sâu sắc vai trò của giáo dục đối với trẻ em trong những năm đầu, ông có nhiều đóng góp cho khoa học sư phạm bằng những tư tưởng tiến bộ mới.

Luận điểm giáo dục khởi đầu của J.J. Ruxô là "Giáo dục tự nhiên và tự do". Ông cho rằng, giáo dục phải được tiến hành phù hợp với bản chất của trẻ em và những quy luật phát triển tự nhiên của chúng. Công lao quan trọng của ông là công trình nghiên cứu về vấn đề phát triển của trẻ em và những thời kì phát triển khác nhau về chất của chúng, điều đó làm cho ông được coi là nhà sáng lập khoa học sư phạm và tâm lí học lứa tuổi. Nhiều tư tưởng về giáo dục mẫu giáo của ông vẫn còn ý nghĩa cho tới ngày nay. Ví như ảnh hưởng của kinh nghiệm cảm giác trực tiếp thu được trong những năm đầu của cuộc đời đối với sự phát triển về sau của trẻ em; giáo dục thể lực, giáo dục cảm giác; cho trẻ em làm quen với tự nhiên xung quanh và lao động của con người; vai trò quan trọng của hoạt động nhận thức và thực tiễn độc lập của trẻ trong sự phát triển tinh thần của chúng; việc không được điều tiết quá đáng đối với hành vi của trẻ v.v...

Song lí luận "giáo dục tự do" của Ruxô chứa đựng những quan điểm của sự kết hợp độc đáo triết học duy vật và duy tâm. Một mặt, lí luận giáo dục tự do là tư tưởng tiến bộ của thời đại ông, nó chống lại giáo dục phong kiến với việc sử dụng bạo lực đối với nhân cách trẻ em, mặt khác rơi vào cực đoan duy tâm khi phủ nhận ý nghĩa của giáo dục đối với sự hình thành nhân cách, khi giáo dục tự do phủ nhận sự can thiệp từ bên ngoài đối với trẻ.

— *I.G. Pestalôzi* (1746 — 1827) là nhà sư phạm dân chủ Thụy Sĩ, người chịu ảnh hưởng của những tư tưởng của J.J. Ruxô và dành cả cuộc đời mình cho sự nghiệp giáo dục trẻ em. *I.G. Pestalôzi* cho rằng trẻ em không thể tự mình phát triển, không thể phát triển tự phát. Ông cho rằng chỉ có một sự giáo dục thích hợp mới "làm cho con người trở thành con người", đề bẹp những ham muốn động vật và phát triển những năng lực và đạo đức con người. Ông coi trọng giáo dục mẫu giáo và khẳng định rằng: "giờ sinh của đứa trẻ là giờ đầu tiên dạy dỗ nó". *I.G. Pestalôzi* có nhiều cống hiến trong việc nghiên cứu những nguyên tắc giáo dục mới; chủ trương xây dựng "các lớp học trẻ em" bên cạnh các trường phổ thông; nghiên cứu các nhiệm vụ, nội dung và phương pháp giáo dục mẫu giáo đối với trẻ em ở trường và cả trong gia đình.

— *Frebel* (1782 — 1852) là nhà sư phạm người Đức giữ vai trò quan trọng trong các nghiên cứu về giáo dục mẫu giáo xã hội và đưa khoa học sư phạm mẫu giáo thành một lĩnh vực khoa học độc lập.

Ông chủ trương tổ chức một kiểu cơ quan giáo dục mới gọi là vườn trẻ. Ông hiểu biết rộng rãi về các nhiệm vụ của vườn trẻ — Cơ quan mẫu giáo này không chỉ là nơi chăm sóc về sức khỏe, mà còn tiến hành hoạt động giáo dục toàn diện. Ông coi trọng giáo dục gia đình, song vườn trẻ có nhiệm vụ giúp đỡ gia đình giáo dục con cái, cho trẻ tham gia các hoạt động cần thiết, phát triển thân thể chúng, rèn luyện các giác quan và cho chúng làm quen với xã hội con người và tự nhiên. Ông đưa ra lí luận về vai trò quan trọng của trò chơi như một hoạt động quan trọng của trẻ mẫu giáo trong quá trình phát triển. Khắc phục tính phiến diện của khoa sư phạm duy cảm, *F. Frebel* chủ trương không hạn chế việc luyện tập các giác quan, song cần bắt đầu cho trẻ em làm quen với một số *thuộc tính* và *quan hệ* quan trọng nhất của sự vật và bằng cách đó chuẩn bị cho chúng có được những khái niệm sơ đẳng về hiện thực xung quanh.

— *R. Owen* (1771 — 1858) nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng người Anh. Ông là một chiến sĩ dũng cảm đấu tranh cho sự giải phóng công nhân khỏi sự bóc lột tư bản chủ nghĩa và xây dựng một xã hội công bằng. Owen còn để lại cho nhân loại nhiều tư tưởng giáo dục tiến bộ:

— Ông là người đầu tiên trong lịch sử tổ chức một hệ thống giáo dục hoàn chỉnh trong công xưởng cho người lao động từ trẻ ấu thơ đến người lớn theo nguyên tắc bình đẳng cho mọi người.

— Lần đầu tiên trong lịch sử, Owen là người loại bỏ hoàn toàn tôn giáo ra khỏi nhà trường và giáo dục.

— Ông nêu lên tầm quan trọng hàng đầu của luận điểm kết hợp giáo dục với lao động sản xuất như là một điều kiện cần thiết không chỉ để cải tiến việc sản xuất của cải vật chất mà còn để phát triển toàn diện nhân cách trẻ em.

— Ông thực hiện thí điểm giáo dục mẫu giáo xã hội đối với con cái công nhân — Tổ chức ra trường học cho trẻ nhỏ gồm các nhà trẻ cho trẻ em từ 0 đến 3 tuổi và trường mẫu giáo cho trẻ từ 4 đến 6 tuổi.

Trong khi phê phán tính không tưởng trong quan niệm xã hội của Owen, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đánh giá cao cống hiến của ông vào sự phát triển những tư tưởng xã hội chủ nghĩa và hoạt động xã hội — sự phạm của ông.

— Trong lịch sử phát triển khoa học sư phạm mẫu giáo còn có thể kể đến những đóng góp nhất định của nhà sư phạm mẫu giáo người Ý M. Montessori (1870 — 1952), nhà tâm lý học nổi tiếng người Mỹ J. Bruner, nhà tâm lý học Thụy Sĩ nổi tiếng J. Piaget. Những luận điểm giáo dục tiến bộ và những công trình khoa học tiếp nối nhau phát triển luôn được đánh giá tích cực. Song giáo dục mẫu giáo ở phương Tây còn bộc lộ nhiều hạn chế:

+ Thứ nhất, ở phần lớn các nước tư bản Tây Âu và Mỹ chỉ có một bộ phận nhỏ trẻ em được thu hút vào giáo dục mẫu giáo xã hội. Ngân sách cho vũ trang và quân sự quá lớn nên số tiền chi cho các nhu cầu xã hội, trong đó có giáo dục đã bị hạn chế.

+ Thứ hai, chưa thực hiện được chế độ giáo dục bình đẳng ở các nước tư bản chủ nghĩa.

+ Trong khi xây dựng hệ thống giáo dục mẫu giáo mới, các nhà giáo dục tư sản chưa ra khỏi ranh giới của một sự lựa chọn sai lầm, hoặc là đi theo việc sửa đổi lí luận "giáo dục tự do" hoặc đi theo những phương hướng chật hẹp, thực dụng chủ nghĩa.

+ Lịch sử phát triển giáo dục mẫu giáo cả trên bình diện lí luận và thực tiễn mang tính toàn diện và đổi mới về chất kể từ khi ra đời nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới và triết học của chủ nghĩa Mác — Lênin được lấy làm cơ sở khoa học cho khoa sư phạm mácxít. Các nhà sư phạm xuất sắc P.P. Blonxki, N.K. Krúpkaia, A.V. Lunacharski, S.T. Shaski, A.S. Makarencô và những người khác đã mở đầu cho việc nghiên cứu những vấn đề của khoa học sư phạm Xô viết.

— *N.K. Krúpkaia* (1869 — 1939) người sáng lập lí luận giáo dục cộng sản chủ nghĩa đối với trẻ em lứa tuổi mẫu giáo, đã nêu lên và chứng minh một cách khoa học những luận điểm

quan trọng nhất, quyết định nhất toàn bộ con đường phát triển của khoa học sư phạm mẫu giáo. Bà khẳng định rằng, sự phát triển của trẻ em được thực hiện không phải tự bản thân nó, không phải một cách tự phát, không phải bằng con đường chín muồi của những mầm mống bẩm sinh mà chủ yếu phụ thuộc vào những điều kiện của đời sống và giáo dục. Bà coi giáo dục là một nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của trẻ em. Giáo dục chỉ có hiệu quả khi trẻ em là một chủ thể hoạt động. Bà chủ trương sử dụng rộng rãi các loại hoạt động khác nhau của trẻ em vì mục đích sư phạm: trò chơi, lao động, học tập, vạch rõ ý nghĩa quan trọng của những hoạt động ấy đối với sự phát triển thể chất và tâm lí của trẻ em.

— A.S. Makarencô (1888 — 1934) nhà sư phạm Xô viết xuất sắc đã có những cống hiến căn bản vào việc nghiên cứu những vấn đề sư phạm chung và những vấn đề giáo dục mẫu giáo theo lập trường của chủ nghĩa Mác — Lênin. Học thuyết của ông về tập thể trẻ em và vai trò của sự lãnh đạo sư phạm đối với hoạt động của trẻ em trong sự phát triển toàn diện của chúng, về giáo dục gia đình, về ý nghĩa giáo dục của trò chơi v.v□ đã đi vào kho báu của khoa học sư phạm mẫu giáo. Ông nêu lên ý nghĩa cực kì quan trọng của việc giáo dục trẻ em, những năm đầu tiên của cuộc đời. Ông viết rằng, nền móng giáo dục chủ yếu được đặt lên trước 5 tuổi và những gì mà bạn làm được trước 5 tuổi — đó là 90% toàn bộ quá trình giáo dục.

Dựa trên những luận điểm do N.K. Krúpkaia và A.S. Makarencô nêu lên các nhà sư phạm Xô viết như A.P. Usova, A.I. Xôrôkina, A.M. Leushina, L.X. Vugôtski, S.L. Rubinsltein v.v□ đã có những công trình khoa học xuất sắc có ảnh hưởng đến toàn bộ nền giáo dục mẫu giáo của các nước xã hội chủ nghĩa và khoa học giáo dục trẻ em trên phạm vi thế giới.

— Ngành giáo dục mầm non ở Việt Nam còn rất non trẻ. Ngày nay, ngành đã được phát triển lớn mạnh với hệ thống các trường mầm non có mặt trong khắp cả nước. Đội ngũ các cô giáo mầm non đã được đào tạo trong các trường Sư phạm. Việt Nam cũng đã có các cơ quan nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non với các nhà nghiên cứu có trình độ cao, đảm nhận nhiều chương trình nghiên cứu về trẻ em ngày càng sâu sắc, phong phú về nhiều lĩnh vực và tiếp cận được với khoa học giáo dục trẻ em ở trình độ quốc tế. Có thể trình bày sơ lược lịch sử hình thành và phát triển ngành giáo dục mầm non Việt Nam như sau:

+ Trước Cách mạng tháng Tám: Dưới thời Pháp thuộc, việc chăm sóc giáo dục trẻ nhỏ không được coi là công việc chung của xã hội. Trẻ em hoàn toàn do gia đình phụ trách. Những gia đình khá giả thường nuôi vú em để trông con cái, còn phần đông các gia đình bỏ mặc con cái cho ông bà chăm sóc, hoặc đưa lớn trông đứa bé. Thời bấy giờ ngay cả những thành phố lớn như Hà Nội, Sài Gòn cũng chỉ có một vài cơ sở nuôi trẻ mang tính chất cứu tế, từ thiện như trại trẻ mồ côi phố Hàng Bọt (Hà Nội), trại tế sinh và một vài lớp mẫu giáo chủ yếu phục vụ cho con em người Pháp và con em nhà giàu có quyền thế.

+ Sau Cách mạng tháng Tám 1945 thành công: Chỉ sau khi tuyên ngôn độc lập tuyên bố được 8 ngày, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã có quyết định mở ấu trĩ viện, nhà Bảo Anh, nhà Dục Anh⁽¹⁾. Theo Sắc lệnh số 36, ngày 27—3—1946 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký, Bộ

⁽¹⁾ Quyết định số 5 ngày 10/05/1945 của Bộ Cứu tế Xã hội.

Cứu tế — Xã hội thành lập Nha Cứu tế Trung ương thuộc Bộ, có chức năng, nhiệm vụ tổ chức và chỉ đạo cụ thể các hoạt động của các ấu trĩ viện, nhà Bảo Anh và nhà Dục Anh. Tiếp đó, Hiến pháp năm 1946 ghi rõ "Nhà nước bảo vệ quyền lợi của những bà mẹ và trẻ em, bảo đảm phát triển các nhà trẻ và vườn trẻ".

Như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử nước ta, giáo dục trẻ em trước tuổi học được đặt ra thành một vấn đề của Nhà nước và bắt đầu được quan tâm và phát triển.

Ngày 10 — 8 — 1946, Sắc lệnh số 146/SL đặt thành những nguyên tắc cơ bản của nền giáo dục mới, trong đó chính thức hình thành bậc học ấu trĩ⁽¹⁾. Điều 3 của sắc lệnh ghi rõ "Bậc học ấu trĩ nhận giáo dục trẻ em dưới 7 tuổi và sẽ tổ chức tùy theo điều kiện do Bộ Quốc gia ấn định".

Đối với nhà trẻ, cuối năm 1962, Ban Bảo vệ Bà mẹ và Trẻ em Trung ương và các cấp được thành lập, đã đứng ra tổ chức, chỉ đạo các nhóm trẻ. Năm 1971, Ban Bảo vệ Bà mẹ chuyển thành Ủy ban Bảo vệ Bà mẹ và Trẻ em trực thuộc Hội đồng Chính phủ, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong công tác quản lý và chỉ đạo hệ thống nhà trẻ.

Đối với mẫu giáo, năm 1950, Ban mẫu giáo được thành lập, đến năm 1962 chuyển thành Phòng Mẫu giáo. Đầu năm 1966 chính thức thành lập Vụ Mẫu giáo, đồng thời mẫu giáo được coi là một trong bốn ngành học thuộc Bộ Giáo dục⁽²⁾ (mẫu giáo, phổ thông, sư phạm, bổ túc văn hóa).

+ Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (30 — 4 — 1975), việc quản lý các nhà trẻ ở miền Nam tạm thời do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phụ trách. Đến năm 1977, Ủy ban Bảo vệ Bà mẹ và Trẻ em mới chính thức được tiếp quản và chỉ đạo hệ thống các nhà trẻ thống nhất trong cả nước. Đối với trường, lớp mẫu giáo ở miền Nam thì Bộ Giáo dục trực tiếp quản lý ngay từ đầu.

Đến năm 1987, Ủy ban Bảo vệ Bà mẹ và Trẻ em nhập vào Bộ Giáo dục. Từ đó ngành Giáo dục Mầm non bao gồm hệ thống nhà trẻ và trường mẫu giáo được hợp nhất làm một, do Bộ Giáo dục thống nhất quản lý và chỉ đạo.

IV. MỤC ĐÍCH, MỤC TIÊU GIÁO DỤC MẦM NON

1. Khái niệm chung về mục đích giáo dục

1.1. Mục đích giáo dục là một phạm trù cơ bản nhất của giáo dục học, là trung tâm lí luận và thực tiễn của khoa học giáo dục và được nói lên trong các lí luận giáo dục của mỗi nhà giáo dục ở các thời kì lịch sử khác nhau. Chính vì vậy, tuy phát biểu bằng nhiều ngôn từ khác nhau nhưng có thể coi mục đích giáo dục là một mô hình nhân cách của học sinh mà toàn xã hội (trước hết là nhà trường) phải góp phần tạo nên (theo Hà Thế Ngữ và Đặng Vũ Hoạt); là sự phản ánh trước kết quả mong muốn sẽ đạt tới trong tương lai của quá trình giáo dục, phản ánh trước sản phẩm dự kiến của hoạt động giáo dục và học tập (Trần Thị Trọng).

⁽¹⁾ Tức cấp học mẫu giáo ngày nay.

⁽²⁾ Nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nói một cách khái quát thì mục đích giáo dục chính là mô hình dự kiến về nhân cách của học sinh mà giáo dục phải vươn tới; là mẫu con người đặt ra cho mỗi giai đoạn lịch sử nhất định mà giáo dục (gia đình, nhà trường và xã hội) phải tạo ra.

Với ý nghĩa đó, mục đích giáo dục có quan hệ mật thiết và trực tiếp đến việc chuẩn bị con người lao động mới, đến việc phát huy sức mạnh của yếu tố con người trong chiến lược kinh tế — xã hội của mỗi quốc gia. Nếu mục đích giáo dục được xác định đúng đắn, dựa trên cơ sở khoa học xác đáng thì sức mạnh con người sẽ được phát huy mạnh mẽ trong toàn bộ đời sống xã hội về mọi mặt: kinh tế, chính trị, văn hóa — xã hội của đất nước. Chính vì vậy, để phát triển đất nước, để thực hiện chiến lược kinh tế — xã hội, các quốc gia đều trước hết phải quan tâm đến chiến lược con người. Trong chiến lược kinh tế — xã hội của nước ta đến năm 2020 đã được Đảng và Nhà nước đánh giá rất cao yếu tố giáo dục với việc xác định mục đích giáo dục đúng đắn để tạo nên con người mới Việt Nam — vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển kinh tế — xã hội. Ở đây, giáo dục được coi là "quốc sách hàng đầu" với mục tiêu giáo dục nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài. Phải chăng, những vấn đề lí luận và thực tiễn nêu ra trên đây đều có liên quan trực tiếp đến một phạm trù cơ bản của khoa học giáo dục là mục đích giáo dục.

1.2. Như đã trình bày ở trên, giáo dục là một hiện tượng xã hội, giáo dục phản ánh sự tồn tại xã hội. Vì thế nó luôn mang tính lịch sử và giai cấp (khi xã hội phân thành giai cấp). Chính vì vậy mỗi chế độ xã hội khác nhau đều có một nền giáo dục nhất định và có một mục đích giáo dục tương ứng.

2. Học thuyết Mác - Ăngghen về con người phát triển toàn diện

Với sự phát triển triết học từ duy vật thành duy vật biện chứng vào giữa thế kỉ XIX, C. Mác và Ph. Ăngghen đã tạo ra một bước ngoặt lịch sử. Trong lĩnh vực giáo dục, C. Mác và Ph. Ăngghen đã đứng trên quan điểm mới của triết học duy vật biện chứng để xem xét, giải quyết các vấn đề. Vì thế hai ông đã tạo nên bước ngoặt lịch sử trong lĩnh vực giáo dục thế giới. Về vấn đề mục đích giáo dục, C. Mác và Ph. Ăngghen đã viết thêm những trang lí luận giáo dục xuất sắc vào kho tàng giáo dục thế giới.

2.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Như đã biết, con người vừa thoát thai khỏi động vật đã phải đùm bọc lấy nhau để sống trong cộng đồng người đầu tiên — xã hội nguyên thủy. Trong quá trình sống, lao động và quan hệ xã hội mà nảy sinh ra hiện tượng giáo dục — hiện tượng đặc trưng của con người. Giáo dục sơ khai của thời kì này được gọi là giáo dục nguyên thủy hay giáo dục tự nhiên. Một trong những đặc điểm của thời kì này là giáo dục bình đẳng và phát triển nhiều mặt ở mỗi con người vì sự tồn tại và phát triển của cộng đồng người (mỗi người nguyên thủy vừa là người lao động, người thầy và người trò — ai cũng phải có tri thức, có kĩ năng lao động và tuân theo những tập tục, lễ nghi, lễ thói trong công xã, nghĩa là phát triển nhiều mặt). Song từ khi xã hội bắt đầu phân chia thành giai cấp (chế độ chiếm hữu nô lệ) thì tính chất bình đẳng của nền giáo dục

nguyên thủy dần dần bị mất đi và thay vào đó là một nền giáo dục đẳng cấp; người thì chỉ có lao động trí óc, kẻ thì chỉ biết lao động chân tay, nghĩa là phát triển một chiều ở con người. Vì vậy cùng với cuộc đấu tranh giai cấp chống ách áp bức giai cấp trong xã hội có giai cấp là đấu tranh cho một nền giáo dục tiến bộ. Một trong những tư tưởng tiến bộ ấy là phát triển nhiều mặt ở con người (đây chính là mục đích giáo dục tiến bộ trong tư tưởng giáo dục tiến bộ của loài người ở các thời kì khác nhau của lịch sử từ xưa đến nay).

Thật thế, ngay từ thời cổ đại Arixtốt (384 — 322 trước Công nguyên) — triết gia cổ đại Hy Lạp đã cho rằng, mỗi người cấu tạo gồm 3 phần:

- Xương thịt;
- Ý chí;
- Lí trí.

Để hình thành và phát triển con người, theo ông là phải cùng một lúc tác động vào cả ba mặt tự nhiên này của con người với ba nội dung giáo dục tương ứng, đó là: giáo dục thể chất, giáo dục đạo đức và giáo dục trí tuệ. Theo Arixtốt thì mục đích giáo dục là phải tạo nên con người với ba mặt phát triển trên.

Mặc Tử (490 — 403 trước Công nguyên) — một nhà giáo dục xuất sắc của Trung Hoa thời phong kiến — là tiếng nói của người lao động, phản ánh tư tưởng tiến bộ thời bấy giờ. Về mục đích giáo dục, Mặc Tử muốn bằng con đường giáo dục để tạo nên lớp người "kiêm ái" — đó là những con người nói được, làm được, có tình cảm đồng loại. Đó là con người sống cho mình và vì đồng loại để làm cho mọi người đói có ăn, rét có mặc, lao động vất vả được nghỉ ngơi (cơ giả đắc thực, hàn giả đắc y, giả đắc tức).

Thomas More (1478 — 1535) — nhà không tưởng Anh nổi tiếng đầu thế kỉ XVI đã nặn ra từ bộ óc thông thái của mình một chế độ xã hội tốt đẹp ở hòn đảo không đâu có (Utopia). Ở đây mọi người đều được giáo dục để phát triển trí tuệ và đạo đức; mọi người đều có nghĩa vụ lao động (chủ yếu là nông nghiệp và thợ thủ công). Có thể nói rằng mục đích giáo dục của Thomas More là tạo nên con người phát triển nhiều mặt: trí tuệ, đạo đức, lao động...

Theo Ruxô, mục đích giáo dục là phải tạo nên những người đàn ông trụ cột cho xã hội mai sau — mẫu cậu bé Ê — min (Emile) được phát triển ba mặt:

- Trái tim (đạo đức);
- Khối óc (trí tuệ);
- Đôi bàn tay (kĩ năng lao động).

Theo R. Owen, mục đích giáo dục là tạo nên con người mới, có niềm tin khoa học, có tình cảm đồng loại, được phát triển trí tuệ, có tri thức và kĩ năng lao động công nghiệp hiện đại ở thời kì công nghiệp phát triển.

Như vậy, vấn đề "mục đích giáo dục" luôn được đặt ra và đã trở thành trung tâm lí luận thực tiễn của giáo dục trong thời kì lịch sử. Đỉnh cao của sự phát triển quan điểm giáo dục nhân loại về mô hình nhân cách học sinh là học thuyết giáo dục của C. Mác và Ph. Ăngghen.

2.2. "Con người phát triển toàn diện" của C. Mác và Ph. Ăngghen

a) Cơ sở lí luận

C. Mác và Ph. Ăngghen đã phân tích sâu sắc (trên quan điểm duy vật biện chứng) bản chất xã hội và đặc điểm lao động công nghiệp ở thời kì sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa phát triển trong thế kỉ XIX. Đây chính là cơ sở khách quan của nền đại sản xuất công nghiệp phát triển, đòi hỏi năng lực con người lao động mới phải như thế nào? Hơn nữa để giải phóng con người theo C. Mác và Ph. Ăngghen thì giai cấp công nhân phải tự giải phóng mình bằng chính sức của mình. Vì thế người lao động mới phải được chuẩn bị và phát triển năng lực của mình đủ sức để làm chủ trong một xã hội có nền sản xuất công nghiệp phát triển.

Từ những cơ sở khoa học trên đây, C. Mác và Ph. Ăngghen đã đưa ra một mô hình nhân cách về con người mai sau (cho xã hội xã hội chủ nghĩa và các chế độ xã hội tiến bộ) là con người phát triển toàn diện — đây là mục đích mới: giáo dục xã hội chủ nghĩa.

b) Thế nào là con người phát triển toàn diện?

Theo C. Mác và Ph. Ăngghen, con người phát triển toàn diện là con người được chuẩn bị để phát triển năng lực của mình cả về lí luận và thực tiễn, cả về tri thức lẫn kĩ năng lao động của những lĩnh vực tri thức cơ bản nhất và có khả năng sử dụng những công cụ sản xuất chủ yếu nhất của thời đại.

Theo Mác, để phát triển con người toàn diện thì giáo dục nhà trường và xã hội phải tập trung vào 5 mặt (5 nội dung) giáo dục chính là: đức dục, trí dục, thể dục, mỹ dục và giáo dục lao động.

c) Ý nghĩa của việc phát triển con người toàn diện

Nếu con người được phát triển toàn diện thì đó là điều kiện để con người có khả năng di chuyển sản xuất, thay đổi chức năng lao động, luôn làm cho năng lực của mình thích ứng với đòi hỏi và sự biến động thường xuyên của nền đại sản xuất công nghiệp phát triển. Vì thế con người luôn làm chủ được máy móc và luôn đáp ứng đòi hỏi của nền sản xuất, của đời sống. Có phát triển toàn diện như vậy, con người mới có thể thoát khỏi cảnh "lao động tha hóa" và không lệ thuộc vào máy móc. Lao động công nghiệp của những con người phát triển toàn diện sẽ làm cho con người không bị bản cùng hóa mà còn luôn làm chủ nó, lao động sáng tạo và trả lại cho nó những giá trị đích thực: "Lao động không chỉ là nguồn gốc của hàng hóa (như các nhà kinh tế học Anh đã nói) mà còn là nguồn gốc của mọi giá trị: vật chất, tinh thần và chính bản thân mình, nghĩa là lao động có ý nghĩa to lớn về kinh tế và nhân văn".

d) Điều kiện để có con người phát triển toàn diện

Khi xây dựng học thuyết giáo dục XHCN, về mục đích giáo dục "con người phát triển toàn diện", C. Mác và Ph. Ăngghen đã thấy trước một xã hội mai sau, đặt tiền đề vật chất từ nền sản xuất hàng hóa phát triển trong xã hội tư bản ở thế kỉ XIX. Vì thế hai ông cho rằng, để có con người phát triển toàn diện cần phải đảm bảo hai điều kiện cần và đủ sau đây:

+ Có nền đại sản xuất công nghiệp phát triển.

+ Xã hội không còn giai cấp. Vì thế để thực hiện tư tưởng giáo dục tiến bộ của loài người về vấn đề "phát triển con người toàn diện" theo C. Mác và Ph. Ăngghen thì phải gắn tư tưởng giáo dục tiến bộ với cuộc sống cách mạng xã hội nhằm xây dựng và đấu tranh cho một chế độ xã hội tốt đẹp. Đây chính là sự thể hiện tính cách mạng cao của C. Mác và Ph. Ăngghen, vì thế học thuyết Mác đã không tách rời cách mạng xã hội với cách mạng giáo dục, coi đó là mối quan hệ giữa mục đích và phương tiện.

Thật thế, trong "*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*" (Luận cương chính trị đầu tiên của giai cấp vô sản do C. Mác và Ph. Ăngghen công bố năm 1848) hai ông cho rằng, sau khi làm cách mạng vô sản xong thì mới cải biến được xã hội về mọi mặt, trong đó có thực thi một nền giáo dục mới tiến bộ.

Lí luận giáo dục của C. Mác và Ph. Ăngghen về "con người phát triển toàn diện" đã dựa trên cơ sở khoa học xác đáng, đã tiếp thu, kế thừa và phát triển các tư tưởng giáo dục tiến bộ của nhân loại trước đó và cho đến giữa thế kỉ XIX. Song chưa có thực tiễn cách mạng xã hội chủ nghĩa để kiểm nghiệm nên lí luận này của hai ông cần được phát triển, hoàn thiện bằng thực tiễn cách mạng vô sản và chế độ xã hội chủ nghĩa, chế độ xã hội tốt đẹp với nền giáo dục tiến bộ.

2.3. Mục đích giáo dục XHCN ở Việt Nam

Mục đích "giáo dục của nước ta qua các thời kì lịch sử khác nhau" đã được xác định rõ trong các văn kiện chính của Đảng và Nhà nước (từ cương lĩnh của Đảng 1930 đến Văn kiện Đại hội đảng lần thứ VII (1991)).

Thật thế, Đại hội Đảng Lao động Việt Nam lần thứ III (1960) đã xác định hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là:

- Xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc;
- Đấu tranh để thống nhất nước nhà.

Phần nói về mục đích giáo dục, văn kiện có ghi rõ:

"Đào tạo những người lao động có giác ngộ xã hội chủ nghĩa, yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, chống đế quốc, ghét áp bức bóc lột, có văn hóa phổ thông, có hiểu biết kĩ thuật, có sức khoẻ để xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, những người chiến sĩ thông minh, sáng tạo, kiên cường, gan dạ trong đấu tranh chống Mĩ cứu nước, giải phóng miền Nam".

Khi nói về mục tiêu giáo dục của nước ta trong giai đoạn mới, Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (1991) chỉ rõ:

"□ Mục tiêu giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, hình thành đội ngũ lao động có tri thức và có tay nghề, có năng lực thực hành, tự chủ năng động và sáng tạo, có đạo đức cách mạng, tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Nhà trường đào tạo thế hệ trẻ theo hướng toàn diện và có năng lực chuyên môn sâu, có ý thức và khả năng tự tạo việc làm trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần□"⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 81.

Mục đích giáo dục của nền giáo dục XHCN Việt Nam là căn cứ để xác định mục tiêu giáo dục các cấp trong đó có mục tiêu giáo dục mầm non.

3. Mục tiêu giáo dục mầm non

Như đã nói ở trên, mục đích giáo dục là mô hình nhân cách tổng thể đón trước sự phát triển của mỗi học sinh — mỗi người lao động tương lai của đất nước phải đạt được trong một giai đoạn lịch sử cụ thể, ứng với một nền sản xuất nhất định. Mục đích giáo dục nói chung được thực hiện từng phần, từng mức độ ở từng lứa tuổi, từng cấp học qua từng giai đoạn phát triển nhất định của mỗi người. Mục đích giáo dục bộ phận được gọi là mục tiêu giáo dục, ví dụ: mục tiêu giáo dục mầm non, mục tiêu giáo dục tiểu học, mục tiêu giáo dục trung học, mục tiêu giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp — dạy nghề...

Mục tiêu giáo dục mầm non thể hiện ở việc xác định mục tiêu chung và những yêu cầu chủ yếu đối với việc phát triển nhân cách mà trẻ em Việt Nam đến 6 tuổi (trước khi bước vào lớp 1) phải đạt được, qua việc nhận sự giáo dục của gia đình và trường mầm non.

Để xác định mục tiêu giáo dục mầm non phải dựa vào những cơ sở khoa học nhất định, đó là:

— Xuất phát từ mục đích của nền giáo dục Việt Nam. Như đã biết, nhân cách con người là kết quả tổng hòa của nhiều nhân tố, nhân cách con người được hình thành, phần nào đó là sự phản ánh về thực hiện mục đích giáo dục. Việc này được thể hiện qua nhiều giai đoạn phát triển của con người mà giai đoạn trẻ em trước tuổi đến trường phổ thông (0 — 6 tuổi) là một giai đoạn quan trọng, đặt nền móng cho giáo dục phổ thông và phát triển nhân cách, thực hiện mục đích giáo dục nói chung. Vì thế mục tiêu giáo dục mầm non phải xuất phát từ mục đích giáo dục, đó là một vấn đề quan trọng không thể thiếu được cho việc thực hiện mục đích giáo dục sau này cho mỗi học sinh, mỗi người lao động mai sau.

— Xuất phát từ đặc điểm phát triển của trẻ em trong lứa tuổi mầm non: đó là đặc điểm sinh lí và tâm lí của trẻ để xác định mục tiêu và tổ chức khoa học toàn bộ quá trình giáo dục trẻ em.

— Tiếp thu thành tựu khoa học tiên tiến của thế giới trong công tác giáo dục mầm non và đón trước sự phát triển của trẻ em Việt Nam trong cái gọi là xu hướng phát triển của trẻ trong lứa tuổi này.

Ở Việt Nam, việc xác định mục tiêu giáo dục mầm non là kết quả nghiên cứu của một đề tài khoa học cấp Nhà nước do Viện nghiên cứu Trẻ em trước tuổi học chủ trì với sự tham gia cộng tác của nhiều nhà khoa học nghiên cứu về trẻ em ở các lĩnh vực chuyên ngành khác nhau. Chính vì vậy, nếu xác định mục đích giáo dục là một vấn đề khoa học thì xác định mục tiêu giáo dục mầm non cũng là một đề tài khoa học hết sức nghiêm túc. Mục tiêu giáo dục mầm non chỉ có thể là kết quả nghiên cứu của một đề tài khoa học với tiêu đề "xây dựng mục tiêu giáo dục mầm non cho trẻ em Việt Nam hiện nay".

3.1. Mục tiêu chung

Kết quả nghiên cứu của ngành Giáo dục Mầm non trong những năm vừa qua đã xác định được mục tiêu giáo dục mầm non. Tinh thần cơ bản của mục tiêu giáo dục mầm non được trình bày trong "Quyết định 55 của Bộ Giáo dục quy định mục tiêu, kế hoạch đào tạo của nhà trẻ — mẫu giáo".

Theo quyết định này thì mục tiêu giáo dục mầm non là:

"... Hình thành ở trẻ những cơ sở đầu tiên của nhân cách con người mới XHCN ở Việt Nam:

— Khỏe mạnh, nhanh nhẹn, cơ thể phát triển hài hòa cân đối.

— Giàu lòng thương, biết quan tâm, nhường nhịn giúp đỡ những người gần gũi (bố mẹ, bạn bè, cô giáo), thật thà, lễ phép, mạnh dạn, hồn nhiên.

— Thông minh, ham hiểu biết, thích khám phá tìm tòi, có một số kỹ năng sơ đẳng (quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp, suy luận) cần thiết để vào trường phổ thông, thích đi học".

Rõ ràng là mục tiêu giáo dục mầm non đã đón trước một mô hình nhân cách phát triển mà trẻ em Việt Nam hiện nay trước 6 tuổi cần đạt được. Thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non là chuẩn bị tiền đề quan trọng và sự phát triển cần thiết để cho trẻ bước vào trường phổ thông, tạo đà quan trọng đảm bảo những điều kiện cần thiết cho việc thực hiện các mục tiêu sau (trước hết là mục tiêu giáo dục tiểu học).

Như vậy, mục tiêu giáo dục mầm non không phải xuất phát từ ý thức chủ quan mang tính áp đặt của nhà giáo dục mầm non mà chính là sự phản ánh đòi hỏi của nền sản xuất hiện đại của chế độ kinh tế — xã hội Việt Nam trong tương lai và dựa trên trình độ và xu thế phát triển tâm lí — sinh lí của trẻ em Việt Nam hiện nay và mai sau.

3.2. Những yêu cầu chủ yếu cần đạt được đối với trẻ em từng độ tuổi trong lứa tuổi mầm non

Trên đây là mục tiêu chung — mục tiêu khái quát đến 6 tuổi trẻ em cần đạt được. Điều này được cụ thể hóa theo từng độ tuổi với từng mức độ yêu cầu khác nhau (6 tháng, 12 tháng, 18 tháng, 24 tháng v.v. cho đến 5 tuổi).

Căn cứ vào hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của từng địa phương, yêu cầu phát triển của nền kinh tế — xã hội ở từng địa phương mà các nhà giáo dục mầm non, các cô giáo nuôi dạy trẻ từng bước thực hiện những yêu cầu tối thiểu cho từng độ tuổi, tiến tới thực hiện yêu cầu cao hơn trong mức độ yêu cầu chuẩn cần đạt tới. Điều này được phản ánh rõ, có hướng dẫn thực hiện yêu cầu, mức độ ở cấp độ tối thiểu và cấp độ đạt chuẩn theo quy định trong Quyết định 55 của Bộ Giáo dục quy định mục tiêu, kế hoạch đào tạo của nhà trẻ — mẫu giáo.⁽¹⁾

⁽¹⁾ Xem yêu cầu tối thiểu và yêu cầu chuẩn trong mục tiêu của Bộ Giáo dục trong "Quyết định 55: Quy định mục tiêu, kế hoạch đào tạo của nhà trẻ — mẫu giáo", Hà Nội, 1990, trang 6 — 16.

V. NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA GIÁO DỤC MẦM NON VIỆT NAM

Nền người là quá trình trẻ em lĩnh hội kinh nghiệm xã hội — lịch sử được vật chất hóa trong nền văn hóa của loài người. Quá trình đó chỉ được thực hiện trong điều kiện có sự hướng dẫn thường xuyên của người lớn, tức là giáo dục.

Ở nước ta, đối với trẻ em trước tuổi đến trường phổ thông (dưới 6 tuổi), hướng dẫn sự phát triển ấy chính là Giáo dục Mầm non Việt Nam.

Căn cứ vào học thuyết Mác — Lênin về sự hình thành con người xã hội; căn cứ vào các nghị quyết của Trung ương Đảng về Cải cách Giáo dục; căn cứ vào những thành tựu xây dựng nền giáo dục Tiên học đường của những nước tiên tiến trên thế giới; căn cứ vào những điều kiện xã hội — lịch sử của thời kỳ quá độ xây dựng CNXH ở nước ta, đặc biệt là điều kiện thực tiễn của ngành Giáo dục Mầm non (GDMN), chúng ta cần xác định những quan điểm cơ bản của ngành GDMN Việt Nam nhằm định hướng cho việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp... trong việc giáo dục trẻ em trước tuổi đến trường phổ thông nước ta.

Quan điểm 1: GDMN là khâu đầu tiên của quá trình đào tạo nhân cách con người mới ở Việt Nam.

Phải chục năm nữa trẻ em tuổi mầm non của ngày hôm nay mới trở thành người lao động, người công dân thực sự của đất nước, nhưng việc đào tạo con người mới lại phải bắt đầu ngay từ thuở lọt lòng, GDMN phải được coi là khâu đầu tiên trong hệ thống Giáo dục Quốc gia. Nhiệm vụ cơ bản của GDMN là hình thành cho trẻ những cơ sở ban đầu của nhân cách con người mới, làm cho trẻ phát triển toàn diện, hài hòa và cân đối, tạo điều kiện tốt cho những bước phát triển sau này, xây dựng cho mỗi trẻ em một nền tảng nhân cách vừa khỏe khoắn, vừa mềm mại, đầy sức sống cả về thể chất lẫn tinh thần. Có nghĩa là GDMN một mặt cần làm cho trẻ hồn nhiên, vui tươi, tích cực, chủ động, nhạy cảm để trở thành người dễ tiếp thu giáo dục; mặt khác GDMN lại phải ngay từ đầu hướng sự phát triển của trẻ vào việc hình thành khuynh hướng nhân cách con người mới, chuẩn bị cho trẻ khả năng học tập tốt, sống và làm việc phù hợp với xã hội mới của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ở thế kỉ XXI. Do đó GDMN cần uyển chuyển, linh hoạt, tránh lối áp đặt gò bó trẻ em, mang tính xu hướng rõ, tính mục đích cao và có hệ thống; đồng thời nó đã phá lối "giáo dục tự do" lấy sự thoải mái của trẻ làm mục đích.

Quan điểm 2: GDMN coi trẻ em dưới 6 tuổi đang phát triển với tốc độ cực nhanh là đối tượng giáo dục của mình.

Căn cứ vào những đặc điểm của lứa tuổi và cá nhân, GDMN tạo những điều kiện thuận lợi nhằm hướng dẫn sự phát triển của trẻ lên những trình độ cao hơn về thể chất và tinh thần.

Từ lọt lòng đến 6 tuổi là một bước phát triển quan trọng và rất dài so với cả đời người. GDMN có nhiệm vụ phát triển đầy đủ mọi chức năng tâm lí Người ở trẻ; biết đưa trẻ từ chỗ chỉ biết hành động tự phát đến biết hành động có ý thức, hình thành tư duy và chuyển kiểu tư duy từ bình diện bên ngoài vào bình diện bên trong, giúp trẻ nói sõi tiếng mẹ đẻ, làm nảy nở các tình cảm tốt đẹp (tình cảm thẩm mĩ, đạo đức, trí tuệ). Có nghĩa là hình thành nên ở trẻ một con

người biết sống theo kiểu người với những nét tâm lí đặc trưng cho lứa tuổi như vui tươi, chủ động, linh hoạt, tư duy hình tượng, giàu sức tưởng tượng, tình cảm thẩm mĩ — đạo đức □ Đó là những phẩm chất tâm lí có ý nghĩa tuyệt đối và lớn lao đối với toàn bộ tiến trình phát triển nhân cách.

Do tốc độ phát triển của trẻ ở thời kì này rất nhanh nên đòi hỏi GDMN cần phải phong phú để đáp ứng mọi nhu cầu phát triển của trẻ, phải chuẩn xác, hướng vào mục tiêu của GDMN để sau này không phải tiến hành một cuộc giáo dục lại từ đầu, mà chỉ có trên cơ sở đó phát triển mãi lên.

Quan điểm 3: GDMN coi trẻ em là chủ thể tích cực của hoạt động (khái niệm hoạt động ở đây bao gồm cả hoạt động đối tượng lẫn hoạt động giao tiếp).

Theo quan điểm này, GDMN cần tạo ra môi trường kích thích trẻ hoạt động. Đó là môi trường đồ vật và những mối quan hệ giữa người với người mang tính giáo dục cao. Trong môi trường đó trẻ được hoạt động như một chủ thể, biến những yêu cầu của giáo dục thành nhu cầu của bản thân, tức là hình thành ở trẻ động cơ của một nhân cách đang hoạt động.

Muốn vậy, GDMN cần tổ chức mọi hoạt động cho trẻ theo kiểu hoạt động của con người: năng giao tiếp với trẻ, phát triển hoạt động với đồ vật, hoàn thiện hoạt động vui chơi, khuyến khích hoạt động khám phá thế giới xung quanh, làm nảy sinh các yếu tố của hoạt động học tập và những tiền đề của hoạt động lao động. Đặc biệt coi trọng hoạt động chủ đạo đối với từng lứa tuổi, như hoạt động với đồ vật đối với trẻ ấu nhi, hoạt động vui chơi đối với trẻ mẫu giáo, cần tổ chức tốt trò chơi đóng vai theo chủ đề — trung tâm của hoạt động vui chơi đối với lứa tuổi mẫu giáo.

Những hoạt động có "sản phẩm" như vẽ, nặn, lắp ghép... chẳng những giúp trẻ làm quen với thế giới bên ngoài, tổ thái độ tích cực đối với nó mà điều quan trọng là thông qua những hành động vật chất được tổ chức mà hình thành ở trẻ phương pháp suy nghĩ và làm việc hợp lí. Những hoạt động mang tính nghệ thuật như hát, múa, đọc thơ, kể chuyện, đóng kịch □ giúp trẻ có được một tâm hồn phong phú và trong sáng, một tình cảm đậm thắm thiết tha đối với mọi người.

Chỉ có thể qua những hoạt động phong phú được tổ chức tốt với phương châm *tập trung vào trẻ em* (vì trẻ — vì sự phát triển của trẻ, do trẻ — trẻ chủ động khởi xướng, dựa vào trẻ — huy động kinh nghiệm của trẻ và dựa vào đặc điểm riêng của từng trẻ) mới bảo đảm cho sự phát triển của trẻ được thuận lợi.

Quan điểm 4: GDMN tạo thành một hệ thống tác động đồng bộ đến nhân cách toàn vẹn của trẻ thông qua nhiều hình thức mang tính tích hợp.

Do sự phát triển của trẻ dưới 6 tuổi chưa tách bạch thành các chức năng riêng biệt, rạch ròi, chúng còn hòa quyện, bện chặt vào nhau, nên GDMN không thể thực hiện bằng những động tác riêng lẻ hoặc tổng số của những tác động đó, không thể tách bạch cả một khối thống nhất giữa các mặt giáo dục (thể chất, thẩm mĩ, đạo đức, trí tuệ). Chính mối liên hệ khăng khít giữa các mặt giáo dục này tạo ra những điều kiện tối ưu cho sự phát triển nhân cách toàn vẹn của trẻ em.

Các động tác giáo dục về các mặt đều liên quan mật thiết với nhau, nằm trong một hệ thống và được thể hiện trong các hình thức mang tính tích hợp, tạo ra một sức mạnh tổng hợp nhằm phát triển nhân cách toàn vẹn của trẻ.

Điều này phải được phản ánh vào chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ dưới 6 tuổi, nhằm tới mục đích phát triển chung. Bởi vậy, logic xây dựng chương trình GDMN không được xuất phát từ logic phân chia kiến thức theo các ngành khoa học hay theo nguyên tắc phân chia môn học như ở trường phổ thông, mà phải từ sự hình thành và phát triển những thuộc tính tâm lí chung, những năng lực chung nhất của trẻ em. Tích hợp là con đường phát triển của trẻ thơ và tích hợp cũng chính là bản chất của khoa học Giáo dục Mầm non.

Tuy vậy, trong khi xây dựng các hình thức giáo dục mang tính tích hợp lại không thể coi các mặt phát triển của trẻ ngang bằng như nhau ở mọi giai đoạn. Tâm lí học hiện đại đã chỉ ra rằng, ở mỗi lứa tuổi, tâm lí của trẻ được hình thành nên một cấu trúc nhất định, bao gồm nhiều thành phần, trong đó có một thành phần nhạy cảm nhất, được phát triển nhanh hơn, mạnh hơn, nổi bật hơn, được coi là hạt nhân (hay là thành phần trung tâm). Những nghiên cứu gần đây cho thấy, nếu tác động mạnh vào thành phần hạt nhân sẽ thúc đẩy không những sự phát triển của nó mà còn tác động đến các thành phần khác, tạo ra sự phát triển đồng bộ của trẻ.

— Ở lứa tuổi hài nhi, sự phát triển trong năm đầu, cấu trúc tâm lí của trẻ còn rất đơn sơ và mang tính bất phân. Trong đó những xúc cảm mang tính người bắt đầu xuất hiện, phát triển nhanh và mạnh. Lúc này trẻ cần được người lớn gần bó, thương yêu, giao tiếp trực tiếp làm khơi dậy ở trẻ những xúc cảm mang tính người với những sắc thái khác nhau, làm nền cho các chức năng tâm lí khác phát triển.

— Ở lứa tuổi ấu nhi (từ 15 đến 36 tháng) nhờ tích cực hoạt động với đồ vật, trẻ bắt đầu tìm tòi, khám phá thế giới xung quanh giúp cho trí tuệ phát triển nhanh và mạnh. Có thể coi trí tuệ là thành phần hạt nhân trong cấu trúc tâm lí của trẻ ở giai đoạn phát triển này, ở đây hoạt động với đồ vật chiếm vai trò chủ đạo. Từ đó các thành phần tâm lí khác cũng được biến đổi, tạo ra một bước phát triển đồng bộ cao hơn.

— Ở tuổi mẫu giáo (từ 3 đến 6 tuổi) chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ ở lứa tuổi này. Do sự phát triển về tâm lí ý thức, khả năng hoạt động với đồ vật đã thành thạo, óc tưởng tượng sáng tạo và tư duy cũng có bước nhảy vọt so với trẻ dưới 3 tuổi, ngôn ngữ của trẻ cũng phát triển mạnh mẽ. Bởi vậy chơi là nhu cầu sống của trẻ, chúng muốn được hành động như người lớn và muốn hòa nhập vào cuộc sống và mối quan hệ đa dạng của họ. Song trẻ còn non nớt, chưa thể làm được như người lớn. Hoạt động chơi giúp trẻ thỏa mãn nhu cầu trên. Chơi trở thành hoạt động chủ đạo của trẻ mẫu giáo, chơi gây ra sự biến đổi về chất và có ảnh hưởng quyết định đến sự hình thành nhân cách trẻ mẫu giáo.

Quan điểm 5: Ngành Giáo dục Mầm non mang tính chất xã hội hóa cao.

— Ngành Giáo dục Mầm non có trách nhiệm đối với toàn bộ trẻ em ở độ tuổi từ 0 — 6 tuổi. Song do điều kiện kinh tế — xã hội mà các trường công lập chỉ có thể đáp ứng một bộ phận trẻ em nhất định. Để thực hiện nhiệm vụ của Ngành, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có quyết định đa dạng hóa các loại hình nhà trường như các loại hình chính quy, phi chính quy, công lập,

bán công và cả các nhà trường tư thục do tư nhân đảm nhiệm. Các cơ quan quản lý của Ngành chịu trách nhiệm lãnh đạo, hướng dẫn thực hiện chương trình của Bộ cho tất cả các loại hình nhà trường ở trên để bảo đảm chất lượng và định hướng giáo dục trong chương trình.

Quan điểm 6: GDMN chủ trương kết hợp giáo dục trẻ trong nhóm với việc cá biệt hóa quá trình giáo dục đối với mỗi trẻ em.

Từ rất sớm đứa trẻ đã được đặt trong những mối quan hệ xã hội, chúng không chỉ muốn tiếp xúc với người thân mà còn muốn giao tiếp với bạn cùng lứa. Từ tuổi lên ba, những mối quan hệ xã hội thực sự được thiết lập, trong đó mỗi đứa trẻ đầu tiên được coi như một chủ thể. Những mối quan hệ này được nảy sinh trong những hoạt động cùng nhau và một "xã hội trẻ em" được hình thành. Đây là thời điểm thuận lợi cho việc giáo dục ý thức cộng đồng của trẻ. Ở các nhóm trẻ có tổ chức tốt thì tính cộng đồng của mỗi đứa trẻ càng được phát triển thuận lợi, trẻ tự coi mình là một thành viên của nhóm, của lớp và gắn bó với các bạn. Nhờ đó bản chất xã hội của trẻ được nâng lên rõ rệt. Vì vậy giáo dục trẻ trong nhóm với những hoạt động cùng nhau là con đường thích hợp để hình thành ở trẻ nhân cách xã hội.

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là việc tiến hành giáo dục sẽ đồng loạt như nhau đối với mọi trẻ em, lại càng không có nghĩa là mọi trẻ em đều được đúc ra từ một khuôn. Trái lại, đồng thời với việc giáo dục trẻ trong nhóm cần phải cá biệt hóa giáo dục đối với từng đứa trẻ và trẻ càng bé thì việc chăm sóc và giáo dục càng được cá biệt hóa nhiều hơn. GDMN chủ trương làm cho mỗi đứa trẻ đều được tự do phát triển tạo tiền đề làm nảy nở tính sáng tạo ở mỗi nhân cách sau này.

Sự kết hợp giữa việc giáo dục trong nhóm với cá biệt hóa quá trình giáo dục sẽ tạo ra cho mỗi đứa trẻ bản chất người cao quý, đó là sự kết hợp chặt chẽ giữa tính xã hội với cá tính sáng tạo cần có ở một nhân cách. Vì vậy GDMN, một mặt cần tổ chức các hoạt động cùng nhau, khuyến khích trẻ em hợp tác với nhau trong các trò chơi và trong sinh hoạt hàng ngày; mặt khác lại cần phải tính đến những đặc điểm sinh lý, tâm lý và hoàn cảnh phát triển riêng của từng cháu để tìm ra con đường phát triển thích hợp nhất đối với mỗi đứa trẻ.

Quan điểm 7: Kết hợp chặt chẽ GDMN gia đình với GDMN xã hội.

Đối với trẻ nhỏ, gia đình là môi trường lí tưởng cho việc chăm sóc và giáo dục chúng. Gia đình là tổ ấm được hình thành nên bởi những người thương yêu ruột thịt, trong đó trẻ được quan tâm chăm sóc hết lòng của ông bà, cha mẹ. Gia đình là môi trường an toàn về thể chất lẫn tinh thần cho sự phát triển của trẻ, bởi lẽ việc chăm sóc và giáo dục trẻ được thực hiện ở gia đình một cách tỉ mỉ và chu đáo đến từng cháu một. Đó là tính ưu việt của gia đình đối với việc chăm sóc và giáo dục trẻ nhỏ.

Tuy vậy, do nhu cầu phát triển của trẻ và quá trình xã hội hóa con người ngày càng đòi hỏi môi trường sống rộng lớn hơn, các mối quan hệ giữa người với người phong phú hơn; mặt khác do lao động xã hội của người lớn trong gia đình đòi hỏi họ cần phải tốn nhiều thời gian và sức lực hơn, nên việc chăm sóc và giáo dục trẻ trong gia đình ngày càng bộc lộ nhiều mặt hạn chế. Trường, lớp mầm non và những cơ sở GDMN (gọi chung là GDMN xã hội) là môi trường có thể

đáp ứng nhu cầu phát triển và xã hội hóa đứa trẻ, bổ sung cho GDMN gia đình, tạo điều kiện cho trẻ lớn lên một cách thuận lợi.

GDMN gia đình và GDMN xã hội là hai môi trường đều rất cần cho sự phát triển của trẻ, chúng bổ sung và hỗ trợ cho nhau trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ nhỏ. Đối với đại đa số trường hợp, quá trình lớn lên của trẻ không thể thiếu đi một bên nào để bảo đảm cho một sự phát triển bền vững.

Chính vì vậy mà GDMN gia đình cần phải mở rộng cửa cho trẻ tiếp xúc với môi trường xã hội rộng lớn hơn, cần tiếp thu khoa học nuôi dạy trẻ tiên tiến để cải thiện cách chăm sóc và giáo dục trẻ nhỏ còn nhiều chỗ lạc hậu. Đồng thời GDMN xã hội (các trường, lớp, nhóm MN) lại phải tiến hành chăm sóc trẻ em theo phương thức gần giống với gia đình, khác với phương thức nhà trường (kể cả trường tiểu học), ở đây cô là mẹ và các cháu là con trong tình thương yêu như ruột thịt để thỏa mãn những nhu cầu phát triển của trẻ mà nổi bật lên là nhu cầu về tình cảm. Trẻ càng bé càng thích hợp với phương thức chăm sóc và giáo dục của gia đình hơn. Do đó, trên thế giới các tổ chức GDMN xã hội thường được gọi bằng một cái tên gần gũi với gia đình: trường của người mẹ (Ecole Maternelle như ở Pháp) hay mẫu giáo (như ở Trung Quốc hay ở nước ta). Trường Mầm non nên xây dựng theo quy mô nhỏ và tốt, mang đậm tính chất gia đình để phù hợp với sự phát triển của trẻ nhỏ.

Để sự kết hợp đó có hiệu quả, giáo viên mầm non và cha mẹ các cháu nên thường xuyên liên hệ với nhau để trao đổi về mục tiêu, nội dung, phương pháp chăm sóc và giáo dục trẻ, đồng thời thông tin kịp thời cho nhau biết những đặc điểm, những biến đổi về tính tình, khả năng cũng như về sức khỏe của các cháu cùng với những biện pháp chăm sóc và giáo dục cụ thể.

Những quan điểm cơ bản của GDMN được trình bày trên đây được đúc kết từ kho tàng lí luận phong phú của nhiều nhà khoa học giáo dục Tiên học đường trên thế giới trong nhiều thế kỉ nay, từ thực tiễn sinh động của GDMN nước ta và nhiều nước có nền giáo dục Tiên học đường tiên tiến. Sự đúc kết này là thể hiện những quy luật phát triển của trẻ ở chặng đường đầu tiên của quá trình hình thành nhân cách. Trong tiến trình xây dựng ngành GDMN nước ta, chắc chắn những quan điểm cơ bản này sẽ được bổ sung thêm và hoàn thiện bởi nhiều công trình nghiên cứu lí luận và thực tiễn GDMN.

CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích khái niệm giáo dục và giáo dục học.
2. Hãy nêu đối tượng và nhiệm vụ của giáo dục học mầm non.
3. Phân tích khái niệm con người theo quan điểm của chủ nghĩa Mác.
4. Tại sao nói quan niệm "Giáo dục tự do" của J.J. Ruxô chứa đựng các quan điểm kết hợp giữa triết học duy vật và triết học duy tâm?
5. Hãy trình bày các phương pháp nghiên cứu của giáo dục học mầm non.

6. Phân tích khái niệm mục đích giáo dục, mục tiêu giáo dục mầm non và những cơ sở để xây dựng mục tiêu đó.
7. Phân tích các quan điểm cơ bản của giáo dục mầm non Việt Nam.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

Trình bày đề cương một đề tài khoa học về giáo dục mầm non trong đó thể hiện việc vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Thế Ngữ – Đặng Vũ Hoạt, *Giáo dục học*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1987.
2. Hà Nhật Thăng - Đào Thanh Âm (biên dịch), *Lịch sử giáo dục thế giới*, NXB Giáo dục, 1990.
3. Nguyễn Ánh Tuyết, *Tâm lí học trẻ em trước tuổi học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 1988.
4. *Giáo dục mầm non - Những vấn đề lí luận và thực tiễn*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2005.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI

Câu 1. Để trả lời câu hỏi này, chúng ta cần:

- Phân tích khái niệm giáo dục (nghĩa rộng), giáo dục (nghĩa hẹp). Phân biệt sự khác nhau.
- Phân tích các khái niệm giáo dục học, giáo dục học Mầm non, quá trình giáo dục.

Câu 2. Để trả lời câu hỏi này, chúng ta cần làm rõ:

- Đối tượng của giáo dục học mầm non.
- Các nhiệm vụ của giáo dục học mầm non.

Câu 3. Để trả lời câu hỏi này, chúng ta cần:

Phân tích khái niệm con người theo quan niệm Con người vừa là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của giới tự nhiên vừa là sản phẩm của lịch sử xã hội con người.

Câu 4. Để trả lời câu hỏi này, chúng ta cần làm rõ một số ý sau:

- J.J. Ruxô cho rằng giáo dục phải tiến hành phù hợp với bản chất và những quy luật phát triển tự nhiên của trẻ, đó là quan điểm duy vật.
- Song J.J. Ruxô lại rơi vào quan điểm duy tâm khi ông phủ nhận sự can thiệp từ bên ngoài đối với trẻ.

Câu 5. Dựa vào giáo trình ta có thể trả lời được câu hỏi này

Câu 6. Để trả lời câu hỏi này, chúng ta cần:

- Trình bày khái niệm mục đích, mục tiêu giáo dục.

- Trình bày mục tiêu giáo dục mầm non và các cơ sở để xây dựng mục tiêu (đặc điểm phát triển tâm sinh lí lứa tuổi mầm non, các thành tựu của các khoa học liên hệ, đặc điểm phát triển kinh tế xã hội hiện nay ở Việt Nam và thế giới).

Câu 7. Dựa vào giáo trình chúng ta có thể trả lời được câu hỏi này.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP THỰC HÀNH

Để làm bài tập này, chúng ta cần:

- Xác định đề tài nghiên cứu: Kinh nghiệm nghiên cứu cho thấy, nếu xác định (chọn) đề tài phù hợp với yêu cầu thực tiễn và lí luận thì đề tài sẽ dễ có kết quả nghiên cứu tốt.

– Để xác định được đề tài cần thực hiện một số yêu cầu sau:

+ Đề tài phải có tính cấp thiết, xuất phát từ nhu cầu của lí luận và thực tiễn giáo dục, phải giải quyết một số vấn đề còn gây nên khó khăn, tồn tại, làm giảm các giá trị lí luận và thực tiễn công tác giáo dục mầm non.

+ Đề tài phải mang tính thời sự, mới lạ về mặt thực tiễn và lí luận khoa học.

+ Đề tài cần tạo nên sự hứng thú, hăng say cho người nghiên cứu.

+ Đề tài cần phù hợp với khả năng và trình độ của người nghiên cứu.

– Việc lựa chọn đề tài nghiên cứu có thể theo một số cách sau đây:

+ Chọn đề tài nhằm giải quyết các nhiệm vụ cho các vấn đề nảy sinh trong quá trình giáo dục mầm non. Đây là một quá trình luôn vận động và biến đổi, nó chứa đựng và tồn tại nhiều mâu thuẫn, do đó ta cần tham gia vào việc giải quyết các vấn đề mâu thuẫn đó.

+ Chọn đề tài nghiên cứu có thể là những vấn đề được phát hiện qua sự theo dõi thường xuyên, tổng quát những thành tựu khoa học mới theo lĩnh vực chuyên ngành hẹp của mình.

+ Chọn đề tài nghiên cứu xuất phát từ sự góp ý kiến hoặc qua sự hướng dẫn, trao đổi của các chuyên gia ở từng lĩnh vực chuyên ngành hẹp.

+ Chọn đề tài theo yêu cầu và đề xuất từ hướng nghiên cứu của các cấp có thẩm quyền.

- Viết dưới dạng đề cương nghiên cứu, bao gồm 2 phần: mở đầu và nội dung nghiên cứu.

Chương 2

NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TRẺ EM LỨA TUỔI NHÀ TRẺ

I. NHỮNG CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VIỆC GIÁO DỤC TRẺ EM LỨA TUỔI NHÀ TRẺ

1. Sự cần thiết của việc giáo dục trẻ em ngay từ lứa tuổi nhà trẻ

Trẻ em không phải là người lớn thu nhỏ lại, trẻ em là trẻ em — một thực thể tự nhiên đang phát triển. Sự phát triển của trẻ em có quy luật riêng của nó trong điều kiện xã hội — lịch sử nhất định, nhờ tác động của giáo dục và bằng giáo dục. Các nhà tâm lí học mácxít khẳng định rằng, đứa trẻ chỉ nên người khi được sống và nuôi dạy theo kiểu người. Để minh chứng cho nhận định này, chúng ta có thể so sánh sự phát triển của con vật mới sinh với trẻ nhỏ. Một con vịt, ngay từ khi nở trứng đã có thể tự bơi lội kiếm ăn như bố mẹ và đồng loại trưởng thành; gà con ngay từ ngày đầu đã tự mổ thức ăn để sống... Trái lại, một đứa trẻ để tự uống nước, tự xúc thức ăn, rồi hòa nhập với cuộc sống xã hội đòi hỏi một thời gian dài dưới sự nuôi dưỡng, giáo dục của người lớn.

Từ lọt lòng đến 6 tuổi là giai đoạn phát triển nhanh chóng vào bậc nhất trong suốt cuộc đời con người, đặc biệt là từ lọt lòng đến 3 tuổi. Về phương diện sinh học, chúng ta có thể cân đong, đo đếm được sự phát triển từng ngày, từng tháng của đứa trẻ: 3 tháng biết lẫy, 6 tháng biết bò, 9 tháng lò dò biết đi... Cùng với sự phát triển sinh lí, đời sống tâm lí của trẻ cũng phát triển với một gia tốc lớn mà không một giai đoạn tuổi nào trong đời có được: thoát đầu là những phản xạ không điều kiện (bú mút, cầm nắm...) rồi đến phản xạ định hướng diễn ra trong vài tuần; từ cảm giác bất phân (không phân biệt bản thân với vật thể bên ngoài, không phân biệt người lạ — người quen...) đến cảm giác phân định (phân biệt người quen với người lạ, phân biệt cơ thể với vật thể bên ngoài...) chỉ diễn ra trong vòng 6, 7 tháng tuổi. Nếu trong năm đầu đứa trẻ lệ thuộc hoàn toàn vào người lớn (trước hết là người mẹ, người trực tiếp nuôi dạy trẻ) thì đến 3 tuổi trẻ đã có tính độc lập tương đối rõ: muốn tự làm lấy nhiều việc, chủ động tiếp xúc với thế giới đồ vật..., nhân cách bắt đầu hình thành và bộc lộ. Nhưng tất cả những thành tựu này đều là kết quả tác động của những người xung quanh, mà đặc biệt là những tác động giáo dục có ý thức, theo khoa học của người lớn. Để sự phát triển của trẻ diễn ra một cách thuận lợi, cần có sự nuôi dưỡng và giáo dục của người lớn — nhà giáo dục ngay trong giai đoạn này (từ lọt lòng đến 3 tuổi). Bởi lẽ, mỗi giai đoạn tuổi có một nhịp độ phát triển riêng, nếu chúng ta không nắm bắt được thời cơ, không can thiệp kịp thời thì vô hình chung chúng ta bỏ lỡ nhiều cơ hội để phát triển đứa trẻ. Hơn nữa, nếu không nuôi dưỡng và giáo dục một cách khoa học ngay từ đầu sẽ hạn chế sự phát triển của trẻ hoặc làm cho sự phát triển của trẻ diễn ra lệch lạc. Điều này sẽ ảnh

hưởng không tốt đến sự phát triển của trẻ trong những giai đoạn tiếp theo. Thực tế cho hay rằng, nhiều đứa trẻ sinh ra trong gia đình khá giả, song vẫn bị xếp vào loại suy dinh dưỡng, do người lớn không hiểu chế độ dinh dưỡng của trẻ, tưởng rằng càng cho trẻ ăn nhiều thịt, nhiều trứng càng tốt, mà xem nhẹ rau, đậu, khoáng chất... Nhiều đứa trẻ chưa nói rõ tiếng mẹ đẻ đã bị bố mẹ bắt học ngoại ngữ, rớt cuộc chẳng đầu vào đâu.

Như vậy, việc giáo dục trẻ ngay từ lứa tuổi nhà trẻ là rất cần thiết. Song để công tác giáo dục trẻ em đạt hiệu quả cao, người lớn — nhà giáo dục cần có những tri thức khoa học cần thiết về nuôi dạy trẻ em. Bên cạnh việc nắm vững đặc điểm phát triển sinh lí, tâm lí trẻ em, cần phải nắm được phương pháp nuôi dưỡng, tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ em; biết kết hợp với gia đình và các tổ chức xã hội trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ em.

2. Những cơ sở khoa học của giáo dục trẻ em lứa tuổi nhà trẻ

Giáo dục mầm non nói chung, cần dựa vào những cơ sở khoa học sau đây để đề ra nhiệm vụ giáo dục trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.

2.1. Cơ sở triết học

Cũng như các lĩnh vực khoa học khác, triết học duy vật biện chứng là cơ sở phương pháp luận của khoa học giáo dục nói chung và khoa học giáo dục mầm non nói riêng. Ở đây triết học duy vật biện chứng cung cấp cơ sở khoa học cho việc xác định bản chất con người, nguồn gốc của ý thức và mối quan hệ giữa quá trình giáo dục với các quá trình khác, chỉ ra nguyên lí của sự phát triển nhân cách con người... Trên cơ sở này các nhà giáo dục xây dựng mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục mầm non.

Trước hết, về bản chất con người, các nhà triết học duy vật biện chứng khẳng định rằng, con người không phải do thượng đế sinh ra mà con người vừa là một thực thể tự nhiên vừa là một thực thể xã hội. "Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng, cố hữu của mỗi cá nhân riêng lẻ. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội"⁽¹⁾. Như vậy, ngay từ khi mới sinh ra đứa trẻ đã là một con người, một thành viên của xã hội. Để trở thành một nhân cách, đứa trẻ cần được nuôi dưỡng và giáo dục theo kiểu người. Người lớn — nhà giáo dục cần phải tạo điều kiện cho trẻ tham gia vào các mối quan hệ xã hội phù hợp với sự phát triển của trẻ em.

Về nguyên lí phát triển, chúng ta thấy sự phát triển nhân cách của trẻ em cũng tuân theo những quy luật vận động và phát triển chung của mọi sự vật hiện tượng khách quan mà các nhà triết học duy vật biện chứng đã chỉ ra. Đó là quá trình biến đổi từ thấp tới cao, từ đơn giản đến phức tạp; đó là quá trình tích lũy dần về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất, là quá trình nảy sinh cái mới, phủ định cái cũ diễn ra trong sự đấu tranh giữa các mặt đối lập nằm ngay trong bản thân sự vật, hiện tượng. Vấn đề đặt ra là, nhiệm vụ giáo dục mầm non nói chung, nhiệm vụ giáo dục tuổi nhà trẻ nói riêng không những cần phải mang tính toàn diện mà còn phải mang tính hệ thống — phát triển.

⁽¹⁾ C. Mác — Ph. Ăngghen, *Lút-vích-Phoi-ơ-Bắc và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức*. NXB Sự thật, 1976, tr. 99.

2.2. Cơ sở sinh lí học

Sinh lí học xem xét trẻ em như một thực thể tự nhiên đang phát triển. Sinh học cung cấp cho ta đặc điểm phát triển sinh học của trẻ em, đặc biệt là các dữ kiện và sự phát triển của hệ thần kinh cao cấp, các kiểu thân kinh, về quy luật hoạt động của hệ thống tín hiệu thứ nhất và hệ thống tín hiệu thứ hai, về sự phát triển và vận hành của các cơ quan cảm giác và vận động, về hệ thống tim mạch và hô hấp, về nhu cầu của cơ thể, về đặc điểm phát triển của các hệ thống cơ thể... Đó là những cơ sở quan trọng trong việc nghiên cứu các quá trình giáo dục mầm non, trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ em. Chẳng hạn, từ đặc điểm phát triển lứa tuổi nhà trẻ (từ 0 đến 36 tháng) mà chúng ta vạch ra được chế độ sinh hoạt hàng ngày, chế độ dinh dưỡng, vận động và học tập một cách khoa học.

2.3. Cơ sở tâm lí học

Tâm lí học là khoa học nghiên cứu các quá trình, các trạng thái và các phẩm chất tâm lí muôn vẻ của con người, là những cái được nảy sinh, phát triển trong cuộc sống, là sự phản ánh của con người trước hiện thực khách quan. Tâm lí học trang bị cho giáo dục học cơ sở khoa học về việc xây dựng lí luận và tổ chức hoạt động thực tiễn giáo dục cho trẻ phù hợp với đặc điểm phát triển tâm lí lứa tuổi.

Tâm lí học khẳng định, lứa tuổi mầm non, đặc biệt là lứa tuổi nhà trẻ, là giai đoạn phát triển tâm lí diễn ra cực kì nhanh chóng. Mỗi thời kì lứa tuổi có những đặc điểm phát triển riêng, thể hiện ở hoạt động chủ đạo. Chẳng hạn giao tiếp xúc cảm trực tiếp với người lớn là hoạt động chủ đạo của trẻ hai nhi (2 — 15 tháng), hoạt động với đồ vật là hoạt động chủ đạo của trẻ ấu nhi (15 — 36 tháng)... Dựa vào đặc điểm này nhà giáo dục tổ chức các hoạt động thích hợp nhằm hình thành và phát triển các chức năng tâm lí cho trẻ. Ví dụ, để phát triển trí tuệ cho trẻ ấu nhi, nhà giáo dục cần tạo điều kiện để trẻ được tiếp xúc với đồ vật. Qua lắc, xâu, sờ mó mà trẻ nhận ra màu sắc, hình thù, tính chất và tên gọi của đồ vật.

Như vậy, ta có thể khẳng định rằng, tâm lí học trẻ em là cơ sở khoa học của giáo dục học mầm non. Chỉ có hiểu biết tâm lí trẻ em chúng ta mới có thể tổ chức quá trình giáo dục trẻ em phù hợp với quy luật phát triển tâm lí của trẻ và tránh được sự gò bó, áp đặt trong công tác giáo dục trẻ em.

2.4. Cơ sở xã hội học

Xã hội học là một khoa học về các quy luật và tính quy luật xã hội chung, về đặc thù của sự phát triển và vận hành của các hệ thống xã hội được xác định về mặt lịch sử, là khoa học về các cơ chế tác động và các hình thức biểu hiện các quy luật đó của các cá nhân, các nhóm xã hội, các giai cấp và các dân tộc.⁽¹⁾ Xã hội học cung cấp cho giáo dục học những tri thức về bản chất của hiện thực xã hội và con người; chỉ ra những quy luật, tính quy luật và cơ chế nảy sinh, vận động, phát triển của các quá trình giáo dục, của mối quan hệ tác động qua lại giữa giáo dục với đời sống kinh tế — xã hội.

⁽¹⁾ G.V. Osipov, *Xã hội học và chủ nghĩa xã hội*, Tạp chí xã hội học, Số 23/1992, tr. 8.

Trên cơ sở nhận thức được quy luật, tính quy luật và các đặc điểm của sự vận động và phát triển xã hội, các nhà giáo dục học xây dựng mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển của xã hội — thời đại; dự báo được xu hướng phát triển của giáo dục □ Như vậy, xã hội học là cơ sở xã hội của giáo dục học. Nó định hướng cho giáo dục trong việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục thích hợp nhằm đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển xã hội — thời đại.

2.5. Cơ sở lí thuyết điều khiển

Điều khiển học là một khoa học nghiên cứu logic của những quá trình vận động trong tự nhiên và xã hội, xác định những cái chung quy định những điều kiện vận hành các quá trình đó. Cái chung chính là sự có mặt của trung tâm điều khiển, đối tượng điều khiển và sự thực hiện điều khiển thông qua các kênh liên hệ thuận — nghịch và môi trường điều khiển.

Theo lí thuyết điều khiển, quá trình giáo dục mầm non là một quá trình điều khiển, trong đó nhà giáo dục và tập thể sư phạm là trung tâm điều khiển, còn trẻ em là đối tượng điều khiển và việc điều khiển quá trình hình thành nhân cách trẻ em thông qua các kênh liên hệ thuận — nghịch. Để điều khiển tối ưu quá trình giáo dục mầm non, đòi hỏi phải đảm bảo được mối liên hệ mật thiết giữa nhà giáo dục (giáo viên mầm non) và trẻ em. Thông tin phát ra từ nhà giáo dục đến trẻ (gọi là đường liên hệ thuận) và thông tin thu về từ trẻ em (gọi là đường liên hệ nghịch) phải luôn thông suốt, giáo viên mới có thể điều khiển, điều chỉnh quá trình giáo dục trẻ em. Quá trình giáo dục được diễn ra trong môi trường, vì thế phải làm cho môi trường truyền thông không bị nhiễu khi truyền tin và thu tín hiệu nghịch.

Như vậy, điều khiển học là cơ sở khoa học quan trọng giúp cho giáo dục học tổ chức tốt quá trình giáo dục mầm non.

Tóm lại, dựa trên những thành tựu khoa học về con người của các ngành khoa học có liên quan, giáo dục mầm non đã hoàn thiện từng bước lí luận khoa học của mình và ngày càng mang lại hiệu quả cao trong công tác chăm sóc — giáo dục trẻ em. Sẽ là sai lầm và xa lạ với khoa học nếu giáo dục mầm non tách biệt với các khoa học nghiên cứu về trẻ em như sinh lí học trẻ em, tâm lí học trẻ em... và các khoa học khác như triết học, xã hội học, điều khiển học...

II. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ LỨA TUỔI NHÀ TRẺ

1. Quan điểm về sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em

Sự lớn khôn của trẻ được diễn ra thông qua hai quá trình: tăng trưởng và phát triển:

— Tăng trưởng là quá trình trong đó các bộ phận của cơ thể có sự thay đổi về số đo (kích thước, khối lượng).

— Phát triển là quá trình trong đó có sự hình thành, hoàn thiện, đa dạng hóa, phức tạp hóa các chức năng của con người và sự phát triển mang tính tổng thể.

Hai quá trình trên khác biệt nhau nhưng phụ thuộc vào nhau và diễn ra suốt quá trình trẻ phản ứng và thích ứng với những yếu tố bẩm sinh và điều kiện môi trường sống (môi trường tự nhiên và môi trường xã hội).

Nhìn tổng quát, mọi trẻ đều tuân theo một "sơ đồ" với những giai đoạn tăng trưởng và phát triển nhất định về mặt cơ thể (xương, răng, chiều cao, cân nặng, năng lực vận động, lẫy, bò, đi, chạy) và về mặt tâm lí — xã hội (phát triển ngôn ngữ, tư duy, tình cảm, quan hệ bạn bè). Trong quá trình tăng trưởng và phát triển của trẻ, chỉ khi những nhân tố nào đó của cơ thể đạt đến một độ chín (thành thục) nhất định thì một năng lực, một chức năng tương ứng mới có cơ sở để hình thành. Như vậy, phải đến một độ tuổi nào đó, trẻ mới có thể học nói, học vẽ. Và chỉ khi đó việc luyện tập và giáo dục mới phát huy được vai trò chủ đạo của mình. Việc tập luyện và giáo dục quá sớm (đốt cháy giai đoạn) hoặc quá muộn (bỏ lỡ thời cơ) đều gây ra những hậu quả có hại cho sự phát triển lành mạnh của trẻ. Tuy tất cả các trẻ đều tuân theo cùng một sơ đồ tăng trưởng và phát triển, nhưng mỗi trẻ lại tăng trưởng và phát triển một cách riêng biệt, tùy thuộc vào nhân tố di truyền, bẩm sinh, vào hoàn cảnh sống và giáo dục của gia đình và cộng đồng. Mỗi trẻ là một cá thể đơn nhất, không trẻ nào giống trẻ nào.

Sự tăng trưởng và phát triển của trẻ được coi là "bình thường" khi đáp ứng được những yêu cầu sau đây:

— Phải xoay quanh một giá trị trung bình nằm trong một phạm vi có giới hạn nào đó (giới hạn trên, giới hạn dưới) thuộc số đông của nhóm đối chiếu.

— Có nhịp độ, tốc độ và tiến triển cũng xoay quanh một giá trị trung bình.

— Giữa các lĩnh vực tăng trưởng và phát triển phải không mất cân đối (chẳng hạn giữa sự phát triển về tâm lí và sự phát triển vận động phải cân đối hài hòa). Đây là yêu cầu hàng đầu về sự tăng trưởng và phát triển lành mạnh của trẻ.

— Trẻ phát triển, vươn lên để đạt được những tiến bộ, những năng lực mới khi có nhu cầu thôi thúc. Trong những nhu cầu để phát triển của trẻ có hai loại nhu cầu cơ bản: nhu cầu được yêu mến, an toàn, được chấp nhận trong gia đình và cộng đồng; nhu cầu được chơi, tìm hiểu môi trường xung quanh và nhu cầu tự bộc lộ suy nghĩ, tình cảm, thái độ...

Sự tăng trưởng và phát triển của trẻ diễn ra với một tốc độ rất nhanh, chưa từng có so với bất kì lứa tuổi nào tiếp theo sau đó. Trẻ càng nhỏ gia tốc của sự tăng trưởng và phát triển lại càng lớn. Những thiếu hụt cũng như những cái trệ của sự tăng trưởng và phát triển đều có khả năng tích tụ lại. Nếu can thiệp, chăm sóc — giáo dục càng thích hợp bao nhiêu thì càng tạo nên nền tảng vững chắc bấy nhiêu cho những cơ may tiến bộ sau này của trẻ.

Mặt khác, ở lứa tuổi nhà trẻ, khả năng phục hồi của trẻ khá cao, nhất là trong năm đầu. Một sự khởi đầu không suôn sẻ không hẳn khiến đứa trẻ phát triển chậm hơn những đứa trẻ khác. Nếu thay đổi điều kiện sống một cách hợp lí, trẻ có khả năng phục hồi lại những chậm trễ của mình. Ngược lại, nếu môi trường sống không được cải thiện, những thiếu hụt của trẻ sẽ tích tụ và tăng lên.

Một vấn đề khác cũng cần quan tâm là, ở lứa tuổi nhà trẻ, cơ thể trẻ còn non nớt và rất nhạy cảm với những tác động của môi trường bên ngoài (thời tiết, khí hậu, ô nhiễm môi trường, thực phẩm...), khả năng chống lại bệnh thấp, nên dễ mắc bệnh về đường hô hấp (viêm mũi cấp, viêm V.A cấp, V.A mãn tính, viêm Amidan cấp, viêm Amidan mãn, viêm họng đỏ, viêm phế quản, viêm phổi), bệnh về đường tiêu hóa (giun sán, tiêu chảy, suy dinh dưỡng) và các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm (bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, bệnh sởi, bệnh lao)... Tất cả những loại bệnh này đều để lại ảnh hưởng xấu cho sự tăng trưởng và phát triển của trẻ nhỏ, thậm chí tử vong. Vì vậy, người lớn cần tổ chức tiêm phòng theo lịch biểu của địa phương và đảm bảo vệ sinh môi trường an toàn, sạch sẽ cho trẻ.

2. Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ trong năm đầu (từ lọt lòng đến 12 tháng tuổi)

Như đã trình bày, lứa tuổi mầm non, đặc biệt là tuổi nhà trẻ là giai đoạn phát triển với tốc độ cực kỳ nhanh chóng về sinh lí và tâm lí. Trẻ càng nhỏ gia tốc phát triển càng nhanh, mạnh, sau đó chậm dần lại. Dưới đây là một số đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ trong năm đầu.

2.1. Sự tăng trưởng và phát triển về thể chất

Đây là thời kì tăng trưởng và phát triển thể chất nhanh nhất trong cuộc đời, ta có thể quan sát thấy từng ngày, từng tuần, từng tháng qua các dấu hiệu sau đây:

— *Thay da*: chỉ vài ngày tuổi ta đã thấy trẻ vàng da, rồi phẩn mốc — do tế bào da chết với tốc độ rất nhanh.

— *Trọng lượng*: lúc mới sinh trọng lượng trung bình của trẻ từ 3,0 đến 3,5 kg. Ba tháng đầu, trung bình mỗi tháng tăng từ 600 — 900g (một số trẻ có thể tăng từ 1000 đến 1200g). Tốc độ này giảm dần. Từ tháng thứ 6 trở đi trung bình mỗi tháng chỉ tăng từ 400 đến 500g. Từ tháng thứ 9 đến tháng thứ 12 chỉ tăng trung bình khoảng 300g/tháng.

— *Chiều cao*⁽¹⁾: lúc mới sinh chiều cao trung bình của trẻ chỉ vào khoảng 45 — 50cm, mỗi tháng trẻ cao được khoảng 2 — 3 cm, đến cuối năm đầu trẻ cao từ 75 — 80cm (gấp rưỡi so với sơ sinh).

— *Vòng đầu*: lúc mới sinh chỉ vào khoảng 30 — 32cm, sau một tháng: 35 — 36cm. Sau đó chậm dần lại, đến tháng thứ 6 chỉ vào khoảng 42 — 43cm, tháng thứ 12 chỉ vào khoảng 45 — 46cm.

— *Vòng ngực*: lúc mới sinh chỉ vào khoảng 30 — 32cm, sau một tháng: 34 — 35cm, sau đó chậm dần lại, đến tháng thứ 6 chỉ vào khoảng 42 — 44cm, tháng thứ 12 chỉ vào khoảng 45 — 46cm.

⁽¹⁾ Chiều cao đứng.

— *Mọc răng*: từ tháng thứ 3 — 4 trở đi trẻ ngứa lợi (cắn vú mẹ, cắn đồ chơi,...) — đó là hiện tượng mọc răng. Tháng thứ 6, 7 trẻ bắt đầu có 2 răng cửa hàm dưới, sau đó là 4 răng cửa hàm trên. Đến cuối năm đầu trẻ đã có 6 răng.

2.2. Sự phát triển vận động

Cũng như sự tăng trưởng về thể chất, khả năng vận động của trẻ cũng được tiến triển rất nhanh. Dưới đây là những dấu hiệu cụ thể:

- *Tháng thứ nhất và thứ hai*:

+ Đầu chưa giữ được cổ thẳng lên. Do vậy ta chỉ có thể bế ngửa chứ không bế ẵm theo tư thế đứng.

+ Thân hơi khom, tứ chi co chụm lại (giống tư thế trong bào thai).

+ Tay có phản xạ cầm nắm: khi có vật để trong tay đứa trẻ bắt đầu nắm lại.

— *Tháng thứ 3 — 4 (biết lẫy)*:

+ Đầu đã giữ được ở tư thế ngồi (cất lên được). Do vậy ta có thể bế ngồi, áp vào vai, vào ngực được.

+ Tứ chi duỗi thẳng (không co chụm nữa), ngó ngoáy lung tung khi vui, đùa hay hờn khóc... và cầm nắm được những vật để trong tay khá chặt.

+ Khi nằm sấp, trẻ có thể nâng đầu dậy (từ 40⁰ đến 90⁰), chống khuỷu tay lại (tư thế chuẩn bị lẫy). Đang nằm ngửa có thể tự nghiêng người sang một bên, đặt bàn chân này lên đầu gối chân kia.

+ Thân giữ được lưng thẳng, song vùng hông còn non yếu nên khi bế ngồi cần được tựa lưng vào tay người lớn.

— *Tháng thứ 5 — 6 (biết bò)*:

+ Đầu và chân đã cứng cáp hơn. Khi nằm sấp, trẻ dùng khuỷu tay, bàn tay, đầu gối, bàn chân để nâng người lên rồi bò về phía trước.

+ Khi nằm ngửa trẻ đạp 2 chân tựa như đạp xe, tay cầm ngón chân mình lên chơi, nhìn.

+ Tay có thể cầm nắm đồ chơi để nghịch, để quan sát, đưa lên miệng (thường cầm bằng ba ngón chót và lòng bàn tay, có khi dùng cả hai tay để cầm đồ chơi).

+ Có thể bế trẻ đứng: trẻ đứng trên hai chân có sự nâng đỡ của người lớn, chìa tay ra phía trước để cầm nắm đồ chơi.

- *Tháng thứ 7 – 8 (biết ngồi)*:

+ Trẻ tự ngồi được một mình. Và ở tư thế này, trẻ có thể nghiêng người để lấy đồ chơi. Tuy nhiên trẻ ngồi chưa được lâu, do vậy không nên để trẻ ngồi lâu, để làm trẻ mệt mỏi.

+ Trẻ thích chơi đùa với chân tay của mình (đưa chân, tay lên miệng mút là chuyện bình thường).

+ Tay cầm nắm đồ chơi tốt hơn (sử dụng được ngón cái, ngón út), có khả năng chuyển đồ chơi từ tay này sang tay kia, thích đập đồ chơi vào nhau (phát ra tiếng kêu trẻ càng thích thú) và buông đồ chơi một cách cố ý.

– *Tháng thứ 9 – 10 (biết đứng và đi men):*

+ Thoạt đầu là đứng vịn tay vào thành giường, ghế... khi lần đầu tiên trong đời đứng, trẻ rất bối rối, vì chưa biết ngồi xuống bằng cách nào. Nhiều trẻ bạo dạn thường buông tay ngồi phệt xuống đất; nhiều đứa khóc, cầu cứu người lớn. Thời gian này không nên để trẻ đứng quá lâu, vì điều đó ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển của xương đùi, xương ống chân.

+ Tay cầm đồ chơi ngày càng tốt hơn (sử dụng khá thuần thục ngón cái và ngón trỏ) và thích cầm đồ chơi ném xuống đất (người lớn nhặt lên đưa cho trẻ, trẻ lại ném xuống một cách thích thú). Biết đưa đồ chơi cho người lớn và nhận ra phương tiện và mục đích (ví dụ: cái hộp để chứa viên bi). Trẻ nhặt bi bỏ vào hộp, rồi lại nhặt từ hộp bỏ ra ngoài mãi không biết chán.

– *Tháng thứ 11 – 12 (đi men và đi):*

+ Thoạt đầu trẻ đi men bằng cả hai tay, rồi đi men bằng một tay, cuối cùng buông cả hai tay. Trong giai đoạn này, người lớn nên cho trẻ tập đi hoặc dùng xe đẩy. Ở đây cũng cần lưu ý rằng, chỉ cho trẻ tập đi khi có bắp, thần kinh và xương đã cứng cáp, khoẻ mạnh (Tập đi sớm sẽ không có lợi cho sự phát triển thể chất của trẻ).

+ Tay cầm nắm trở nên tinh vi (kĩ xảo), bắt đầu cầm que vẽ nguệch ngoạc, thích chơi lồng đồ vật này vào đồ vật kia (cho hạt vào hộp, mở đóng ngăn kéo bàn, đẩy vỏ bao diêm...), thích đội các vật lên đầu, chân đá, tay đưa vào các lỗ, khe hở...

2.3. Sự phát triển đời sống tâm lí của trẻ

Cùng với sự phát triển về thể chất và khả năng vận động, tâm lí của trẻ trong năm đầu cũng phát triển rất nhanh chóng. Dưới đây là một số dấu hiệu cơ bản:

Trước hết, là sự phát triển nhận thức: Thoạt đầu là hệ thống phản xạ (mang tính bản năng): khóc chào đời, bú mút, cầm nắm nhằm thích nghi với môi trường sống mới. Giai đoạn này người ta gọi là giai đoạn nội cảm (đói khóc, khát khóc...), dần dần cảm giác xuất hiện. Lúc đầu là những cảm giác bất phân: chưa phân biệt được cảm giác từ bên trong (nội cảm) với cảm giác từ bên ngoài (ngoại cảm), chưa phân biệt được tư thế của mình, hình ảnh của bản thân (tự cảm)... *Ví dụ:* chưa phân biệt được tay mình với vật nắm trong tay, chưa phân biệt được người này với người kia, vật này với vật khác. Sau đó là những cảm giác được phân hóa: trẻ nhận thức được thế giới xung quanh thông qua các giác quan: mắt nhìn phân biệt được hình thù, màu sắc; tai phân biệt được tiếng nói của mẹ với người khác; mũi phân biệt được mùi vị; tay sờ mó đồ dùng, đồ chơi (ta dễ dàng nhận ra những dấu hiệu này qua phản ứng, trạng thái tinh thần của trẻ). Cùng với sự xuất hiện cảm giác phân hóa là sự phát triển của trí nhớ: trẻ nhận ra được người lạ, người quen, nhận ra những đồ chơi quen thuộc và hoạt động có đối tượng được hình thành.

Dấu hiệu thứ hai là sự phát triển xúc cảm — tình cảm xã hội: Ngay từ cuối tháng đầu tiên của cuộc đời, đứa trẻ đã mỉm cười với người lớn (phức cảm hớn hờ). Thoạt đầu không có sự phân biệt lạ — quen: mỉm cười với tất cả những người nhìn nó âu yếm. Sau đó (6 — 7 tháng) trẻ bắt đầu phân biệt được người lạ — người quen (phân biệt được mẹ với người khác). Trẻ theo, chơi, chịu dỗ nín với những người quen.

Ở lứa tuổi này nhu cầu tiếp xúc với mọi người (người lớn và trẻ em) của trẻ khá lớn. Đối với người lớn, khi trẻ phân biệt được lạ quen, lúc đầu trẻ sợ sệt, sau đó trẻ quen nhanh khi người lớn chơi đùa, âu yếm nó. Còn đối với trẻ em, đứa trẻ thường không có cảm giác sợ sệt mà thích cười đùa ngay từ khi gặp gỡ tiếp xúc.

Dấu hiệu thứ ba là sự phát triển ngôn ngữ: Sang tháng thứ hai đứa trẻ đã biết "hóng chuyện", thích nhìn vào mặt người lớn khi người lớn nói chuyện. Chính điều này đã làm cho nhu cầu giao lưu bằng ngôn ngữ của trẻ phát triển mạnh mẽ. Thoạt đầu là những hợp âm: "gừ, gừ", "âu, ơ"... không thành tiếng khi giao tiếp với người lớn (phức cảm hớn hờ). Các nhà tâm lí học trẻ em gọi thời kì này là thời kì hiểu ngôn ngữ của người lớn qua tai, mắt, xúc giác (qua giao tiếp xúc cảm da thịt giữa mẹ và con). Sau đó đứa trẻ bắt chước người lớn phát âm được một vài từ dễ và quen thuộc: bà, ba, mẹ... Cuối năm đầu trẻ biết dùng ngôn ngữ nói kết hợp với ngôn ngữ cử chỉ để giao tiếp với người lớn, yêu cầu người lớn giúp đỡ trẻ thoả mãn nhu cầu: đi chơi, ăn, uống...

Tóm lại, sự tăng trưởng và phát triển của trẻ trong năm đầu diễn ra rất nhanh, mạnh, ta có thể cân đong, đo đếm, quan sát được những biểu hiện của sự tăng trưởng và phát triển tâm sinh lí của trẻ trong từng tuần, từng tháng, thậm chí từng ngày.

3. Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ trong năm thứ hai (từ 12 – 24 tháng tuổi)

Sang đến năm thứ hai, nhịp độ, tốc độ phát triển thể chất của trẻ chậm lại, song khả năng vận động của trẻ ngày càng tốt hơn, tâm lí của trẻ ngày càng phát triển nhanh. Dưới đây là một số đặc điểm cụ thể.

3.1. Sự phát triển thể chất⁽¹⁾

Nhịp độ, tốc độ phát triển thể chất của trẻ 2 tuổi chậm lại, được thể hiện ở các mặt sau đây:

— *Trọng lượng:* Nếu những tháng đầu trọng lượng của trẻ có thể tăng lên từ 600 — 900g/tháng, đến tháng thứ 5, 6 chỉ vào khoảng 400 — 500g/tháng, đến tháng thứ 9 — 12 còn được khoảng 300g/tháng, thì đến năm thứ hai, trung bình mỗi tháng trẻ chỉ tăng khoảng 170 — 180g/tháng. Cuối năm thứ hai trọng lượng trung bình của trẻ vào khoảng 10 — 12 kg.

⁽¹⁾ Xem thêm: Hoàng Thị Phương, *Giáo trình vệ sinh trẻ em*, NXB Đại học Sư phạm, tr. 231 — 237.

— *Chiều cao*: Nếu trước đó chiều cao của trẻ tăng khá nhanh (từ 2 đến 3 cm/tháng), thì sang năm thứ hai chiều cao của trẻ chỉ tăng khoảng 1 cm/tháng. Đến cuối năm thứ hai chiều cao của trẻ chỉ vào khoảng 85 đến 90cm.

— *Vòng đầu*: Vòng đầu của trẻ trong năm thứ hai tăng chậm hơn trong năm đầu. Như đã trình bày, lúc mới sinh vòng đầu của trẻ vào khoảng 30 — 32cm, đến cuối năm đầu là 45 — 46cm, nhưng đến cuối năm thứ hai vòng đầu của trẻ chỉ vào khoảng 47 — 48cm.

— *Vòng ngực*: Vòng ngực của trẻ trong năm thứ hai cũng tăng chậm hơn trong năm đầu. Tương tự như vòng đầu, lúc mới sinh vòng ngực của trẻ vào khoảng 30 — 32cm, đến cuối năm đầu là 45 — 46cm, nhưng đến cuối năm thứ hai vòng ngực của trẻ chỉ vào khoảng 47 — 48cm.

— *Mọc răng*: Từ tháng thứ 11, 12 đến tháng thứ 14 trẻ mọc thêm được 2 răng, đến tháng thứ 18 trẻ có được 12 răng, cuối năm thứ hai trẻ có được 16 răng (một số trường hợp có 20 răng)⁽¹⁾.

3.2. Sự phát triển vận động⁽²⁾

Nhịp độ, tốc độ phát triển thể chất chậm lại, nhưng khả năng làm việc của hệ thần kinh lại tăng lên (do các nơron thần kinh được miêlin hoá mạnh), thời gian ngủ của trẻ giảm đi (12 — 14 tiếng/ ngày). Điều này làm cho khả năng vận động của trẻ ngày càng phát triển. Trẻ có khả năng vận động (hoạt động) căng thẳng trong một thời gian tương đối dài: 10 — 15 phút/ lần. Chúng ta có thể quan sát được sự phát triển vận động của trẻ ngày càng trở nên tinh xảo qua từng tháng:

— *12 tháng*: Trẻ đi được một vài bước một mình (còn tập tễnh); có thể đứng cúi xuống để nhặt đồ chơi.

— *15 tháng*: Trẻ đã đi được nhiều bước một mình; có thể bò lên được các bậc thang.

— *18 tháng*: Trẻ có thể đi nhanh, chạy nhanh; người lớn dắt một tay trẻ có thể đi lên bậc cầu thang.

— *21 tháng*: Người lớn dắt tay trẻ có thể bước xuống bậc cầu thang, có thể bắt chước người khác đá được vào bóng cao su.

— *24 tháng*: Trẻ vịn tay cầu thang lên, xuống được một mình; đá được bóng khi nghe lệnh.

Có thể nói rằng, cuối năm thứ hai trẻ đã đi nhanh, đi vững trên mọi địa hình (bằng phẳng, gập ghềnh). Đôi tay là phương tiện cơ bản để trẻ tiếp xúc, khám phá thế giới xung quanh thay vì môi miệng (còn không ít trẻ vẫn có thói quen dùng môi miệng để thử).

⁽¹⁾ Răng mọc sớm hay muộn thường do yếu tố di truyền, song trường hợp răng mọc quá muộn, thí dụ 1 tuổi mà chưa có răng thì có thể do còi xương.

⁽²⁾ Bài giảng về *Sự phát triển tâm vận động của trẻ từ 0 □ 3 tuổi* của GS. Nguyễn Khắc Viện tại Trung tâm N — T, 46 Trần Hưng Đạo, Hà Nội, 1989.

3.3. Sự phát triển đời sống tâm lí

Cũng giống như khả năng vận động, đời sống tâm lí của trẻ trong năm thứ hai phát triển rất nhanh. Dưới đây là một vài đặc điểm nổi bật.

— *Hoạt động với đồ vật trở thành hoạt động chủ đạo* của trẻ trong năm thứ hai. Nếu trong năm đầu, do còn bé bỏng (thời kì bế ẵm), hoạt động của trẻ phụ thuộc phần lớn vào người lớn, đứa trẻ không có điều kiện và khả năng hoạt động với thế giới đồ vật; việc chơi với thế giới đồ vật chỉ là sự ngẫu nhiên, tình cờ... thì đến năm thứ hai, do đứa trẻ biết đi, môi trường tiếp xúc được mở rộng; khả năng tự mình tiếp xúc với thế giới xung quanh được tăng cường, đứa trẻ tiếp xúc với thế giới đồ vật một cách tích cực hơn. Trong quá trình tiếp xúc với đồ vật trẻ dần dần tìm ra chức năng của nó.

Nếu trước đây sự chơi đùa của trẻ thường hướng vào mối quan hệ xúc cảm với người lớn, vào các bộ phận của thân thể mình (tay, chân...) thì bây giờ chuyển sang chơi đùa, nghịch ngợm với những đồ vật xung quanh mình. Trẻ thường chơi một mình với đồ chơi (đồ vật) một cách say sưa⁽¹⁾: kéo ra, lắp vào cái ô kéo; xếp vật nọ lên vật kia... Trong quá trình chơi, tiếp xúc với đồ vật đứa trẻ dần dần nhận ra phương thức hợp lí để sử dụng, chơi đùa với đồ vật (ca để uống nước, thìa xúc cơm, cái nhỏ đặt vào cái to, tháo ra, lắp vào, đập lại...). Tuy nhiên, nhiều trẻ do ham chơi, đã sử dụng đồ vật không đúng chức năng: ca, bát làm trống để gõ, làm vật để ném, để đá...

Trong hoạt động với đồ vật, người lớn là cầu nối giữa trẻ em với thế giới đồ vật. Người lớn sẽ rút ngắn thời gian mò mẫm của trẻ trong quá trình nhận thức, khám phá thế giới đồ vật (tên gọi, chức năng, phương thức sử dụng...). Có thể nói, người lớn đã giúp trẻ tìm ra cái hồn của thế giới đồ vật mà loài người đã gửi gắm trong đó (cái cốc để uống nước, cái thìa để xúc cơm, canh...).

— *Về sự phát triển nhận thức*: Hoạt động nhận cảm, đặc biệt là xúc giác của đôi bàn tay và sự tinh tường của đôi mắt ngày càng phát triển. Trẻ thích sờ mó, lục lọi tất cả mọi đồ vật (ngay cả những cái nguy hiểm đến tính mạng: ổ điện, bếp nóng...). Trong quá trình thao tác với đồ vật trẻ không chỉ nhận ra phương thức sử dụng mà còn nhận ra được hình dạng, kích thước, màu sắc, độ nhẵn... của đồ vật.

Tư duy trực quan hành động được hình thành và phát triển: Trong quá trình tiếp xúc với thế giới đồ vật trẻ nhận ra được mối quan hệ giữa các đồ vật (hình dạng, kích thước...) qua thử và sai (bằng tay): xếp gỗ, lắp thử, đập thử...; trẻ phân loại được đồ chơi (đồ vật) theo một dấu hiệu nào đó (màu sắc hoặc hình dạng...).

— *Về sự phát triển ngôn ngữ*: Do tiếp xúc nhiều với thế giới đồ vật, nhu cầu giao tiếp của trẻ phát triển (trẻ hỏi về tên gọi, chức năng, phương thức sử dụng... của mỗi đồ vật) làm cho vốn từ ngày một phong phú và khả năng phát âm của trẻ ngày càng tốt hơn. Trẻ không chỉ hiểu được ngôn ngữ của người lớn (nghe, làm theo sự sai bảo...) mà còn nói được những câu đơn

⁽¹⁾ Trẻ chỉ chơi một mình khi thấy được an toàn (chơi khi có người lớn ở bên cạnh, ở gần).

giản. Thoạt đầu là câu một từ, dần dần là câu 2, 3 từ kết hợp với cử chỉ, hành vi để bày tỏ nhu cầu, mong muốn của mình với người lớn. Tức là ngôn ngữ của trẻ ở lứa tuổi này thường gắn với một tâm cảnh cụ thể, tách nó ra câu nói của trẻ không có nghĩa. Người tinh nhạy với tâm cảnh đó là người mẹ (hoặc người trực tiếp nuôi dạy trẻ)⁽¹⁾.

— *Về sự phát triển xúc cảm — tình cảm*: Tình cảm của trẻ vẫn mang nặng màu sắc xúc cảm và gắn với những tình huống cụ thể, chưa ổn định (thoát khóc, thoát cười). *Ví dụ*, khi vấp ngã, đứa trẻ nghĩ vật cản là quái ác làm cho nó ngã, người lớn đánh vật cản đó (tượng trưng) trẻ thôi khóc.

Ở tuổi này, trẻ vừa muốn lệ thuộc, kết giao với mọi người vừa muốn được độc lập: thích chơi với người lớn và trẻ em nhưng lại không muốn trẻ khác hay người lớn sử dụng đồ dùng, đồ chơi của mình (tâm lí cá nhân vị kỉ: vợ vào lòng tất cả, không muốn nhường nhịn ai); thích một mình mò mẫm với đồ chơi (dĩ nhiên là bên cạnh người lớn hay bạn bè). Do vậy, trong cuộc sống hằng ngày, không nên tách trẻ ra khỏi mối quan hệ với người lớn và bạn bè, đồng thời cần phải phát huy tính độc lập của trẻ và giáo dục lòng hiếu thảo cho trẻ.

Như đã trình bày, tình cảm của trẻ còn mang nặng màu sắc xúc cảm. Do vậy trẻ thường bị lôi cuốn bởi sự hấp dẫn của vẻ bên ngoài của đồ vật. Ta có thể dễ dàng thay đổi sự chú ý, hứng thú của trẻ khi ta thay đổi đồ chơi, trò chơi hấp dẫn hơn.

— *Về sự hình thành ý thức bản ngã*: Ở tuổi này ý thức về bản thân bắt đầu xuất hiện. Trẻ nhận ra mình trong mối quan hệ với đồ vật và thế giới xung quanh. *Ví dụ*: Trẻ biết chỉ vào mình khi người khác hỏi đến tên (Hà đâu? Hà đây! — trẻ chỉ vào mình); trẻ nhận ra đồ chơi của mình, những cái xung quanh mình; trẻ nhận ra quyền sở hữu trong quan hệ người — người và mối quan hệ giữa trẻ em với thế giới đồ vật (trẻ độc quyền sở hữu quan hệ tình cảm với mẹ; độc quyền sở hữu mọi đồ chơi...).

Cùng với sự nhận ra mối quan hệ của bản thân với đồ vật và thế giới xung quanh, trẻ bắt đầu biết xấu hổ, nhận ra lỗi trong hành vi của mình. *Ví dụ*: Trẻ ngần ngại gọi người lớn sau khi tiểu tiện; vứt đồ chơi đi khi giận dỗi, song cũng lo sợ người lớn la mắng...

Tóm lại, sự tăng trưởng và phát triển của trẻ trong năm thứ hai diễn ra khá nhanh và không đều. Nếu sự phát triển thể chất (chiều cao, cân nặng, vòng đầu, vòng ngực...) chậm lại, thì sự phát triển vận động và tâm lí lại diễn ra nhanh và ngày càng tinh xảo, phong phú hơn.

4. Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ trong năm thứ ba (từ 24 đến 36 tháng tuổi)

Sang đến năm thứ ba, sự tăng trưởng và phát triển của trẻ có những điểm mới mà trước đó chưa bộc lộ:

⁽¹⁾ Do vậy, người mẹ (người trực tiếp nuôi dạy trẻ) là người "phiên dịch" tốt nhất lời nói của trẻ cho người khác hiểu.

4.1. Sự phát triển thể chất

Nếu ở năm thứ hai, tốc độ, nhịp độ phát triển thể chất của trẻ diễn ra chậm nhưng không đều thì sang năm thứ ba đã có sự cân đối, ổn định, làm cho cơ thể của trẻ trở nên cân đối, hài hòa. Cụ thể là:

— *Trọng lượng*: Mỗi tháng trọng lượng của trẻ chỉ tăng khoảng từ 110 — 150g. Đến cuối năm thứ ba, trẻ có trọng lượng khoảng 12 — 13kg.

— *Chiều cao*: Mỗi tháng chiều cao của trẻ tăng khoảng 0,5 cm. Đến cuối năm thứ ba, trung bình trẻ có chiều cao là 90 — 95 cm (ngoại lệ có trẻ cao 100 cm hoặc chỉ độ 85 cm).

— *Vòng đầu*: Vòng đầu của trẻ phát triển ngày càng chậm lại. Nếu cuối năm thứ hai, vòng đầu của trẻ là 47 — 48 cm, thì sau một năm (cuối năm thứ ba) vòng đầu của trẻ cũng chỉ vào khoảng 48,5 — 49,5 cm.

— *Vòng ngực*: Cũng như vòng đầu, vòng ngực của trẻ cũng tăng lên không đáng kể. Nếu cuối năm thứ hai vòng ngực của trẻ là 47 — 48 cm, thì cuối năm thứ ba chỉ vào khoảng 49 — 50 cm.

— *Hệ thần kinh phát triển mạnh mẽ*, các tế bào thần kinh ngày càng được miêlin hóa, làm cho trẻ có khả năng vận động linh hoạt, dẻo dai, bền bỉ hơn.

4.2. Sự phát triển vận động

Các vận động trườn, bò, chạy, nhảy ngày càng trở nên hoàn thiện. Đang chạy, trẻ có thể quay sang trái, sang phải được; trẻ có thể leo trèo, xoay tròn người trên hai mũi chân, nhảy chụm chân, nhảy lò cò, lên xuống cầu thang được. Sự kết hợp vận động của tay và chân trở nên dễ dàng và nhịp nhàng hơn. *Ví dụ*: Trẻ có thể đi xe đạp và điều khiển xe theo ý định; trẻ có thể vận động theo nhạc (chân bước, tay múa theo nhạc)... Đôi tay của trẻ ngày càng trở nên linh hoạt: trẻ biết xoay tròn cổ tay, tự xúc cơm, uống nước khá thành thạo; tự mặc áo, đi giày dép, cầm bút vẽ được; mở được sách vở từng trang... Trong cuộc sống trẻ tỏ ra hiếu động, đứng ngồi không yên — suốt ngày mày mò như một thợ thủ công: đào bới, tháo lắp, xếp dỡ... (thường do bất chước người khác là chính).

4.3. Sự phát triển đời sống tâm lí

Sự phát triển tâm lí của trẻ trong năm thứ ba khác xa về chất so với lứa tuổi trước đó. Dưới đây là một vài đặc điểm nổi bật:

— *Hoạt động với đồ vật* vẫn là hoạt động chủ đạo của trẻ lên ba, song nó ngày càng *trở nên tích cực hơn*. Trong quá trình hoạt động với đồ vật trẻ không chỉ nắm được chức năng, phương thức sử dụng đồ vật, mục đích của hành động, việc làm mà còn bắt đầu có sự khái quát nhiều đồ vật dựa trên mục đích sử dụng chúng. *Ví dụ*: cái thìa, cái muôi đều dùng để xúc cơm, múc canh. Khi hoạt động với đồ vật trẻ không chỉ nắm được các mối quan hệ có sẵn giữa các đồ vật mà còn có khả năng tạo ra mối quan hệ mới (phù hợp) giữa các đối tượng (đồ vật) nhờ có tri giác và óc phán đoán để nối kết các đồ vật với nhau. Tức là trẻ tích cực xác lập mối quan hệ giữa các đồ vật. *Ví dụ*: Ta đặt một quả bóng mà trẻ yêu thích vào trong gầm giường và chỉ cho trẻ thấy. Nếu

trước đây, muốn lấy được quả bóng, trẻ bò (chui) vào gầm giường, thì đến tuổi này trẻ tri giác và phán đoán để thiết lập mối quan hệ (về khoảng cách) giữa quả bóng và tay cùng với hình ảnh về chức năng sử dụng của cái gậy (cái thước) đều là "khều", và phương thức sử dụng nó xuất hiện (tái hiện) — Đứa trẻ nảy ra "sáng kiến" lấy gậy khều quả bóng.

Tính tích cực trong hoạt động với đồ vật còn thể hiện ở khả năng tự lực của trẻ khi thao tác với đồ vật (không cần sự chỉ dẫn tỉ mỉ, trực tiếp của người lớn như trước đây). Trong quá trình hoạt động với đồ vật trẻ không âm thầm mà tích cực giao tiếp lời nói với mọi người về tên gọi, chức năng, phương thức sử dụng đồ vật... và "nói chuyện" một cách hồn nhiên với chính đồ vật mà nó đang chơi.

— Một đặc điểm nổi bật cần quan tâm trong tâm lí của trẻ lứa tuổi này *sự hình thành nhân cách và vấn đề khủng hoảng của tuổi lên ba*. Sự hình thành nhân cách được bộc lộ rõ nhất là khả năng ý thức của trẻ phát triển mạnh mẽ. Trẻ không chỉ ý thức được mình trong mối quan hệ với mọi người và thế giới xung quanh (biết mình đang ở đâu, là con ai, học lớp nào...) mà còn biết tỏ thái độ đối với bản thân (bất chước thái độ của người lớn đối với mình). Ví dụ: Trẻ tự nhận xét về mình: "Như vậy Mai chưa ngoan đâu; Mai phải nói thế này; Mai phải làm thế này...". Trẻ bắt đầu có hình ảnh về bản thân: biết và chỉ đúng một số bộ phận của cơ thể. Tuy nhiên việc xác định bên trái, bên phải còn hạn chế.

Cùng với sự phát triển khả năng tự ý thức là nhu cầu độc lập (tự lực) trong hoạt động và sinh hoạt: Trẻ thích tự chơi, tự phục vụ (tự làm lấy) mọi việc. Trẻ thích bất chước lời nói, hành động của người lớn song không muốn người lớn can thiệp vào công việc của nó. Trong mọi hoạt động trẻ luôn có nhu cầu tự khẳng định mình. Nhu cầu tự lập và tự khẳng định mình không được đáp ứng kịp thời (người lớn vẫn giữ nguyên phương thức quan hệ với trẻ: can thiệp, giúp đỡ, thậm chí là làm thay) dẫn đến "sự khủng hoảng của tuổi lên ba". Trẻ trở nên bướng bỉnh, cáu gắt, giận giữ, đập phá... nếu phương thức ứng xử của người lớn chậm thay đổi. Các nhà tâm lí học trẻ em khẳng định rằng, khủng hoảng tâm lí là tất yếu của sự phát triển và chỉ mang tính tạm thời, cần tôn trọng đặc điểm tâm lí này và cần giải quyết nó theo chiều hướng tích cực (hợp quy luật) mới có ý nghĩa phát triển, bằng không nó sẽ kéo dài và làm cho nhân cách của trẻ phát triển lệch lạc. Thời gian, mức độ khủng hoảng và tính chất của nó (nghiêm trọng hay tích cực) phụ thuộc hoàn toàn vào thái độ ứng xử của người lớn. Tạo điều kiện cho trẻ tự lập trong hoạt động với đồ vật và tham gia vào các trò chơi là một con đường giải quyết sự khủng hoảng này (vì qua đó đứa trẻ thỏa mãn nhu cầu được độc lập, được tham gia vào mọi hoạt động như người lớn và được tự khẳng định mình trong công việc).

— Một đặc điểm tâm lí nổi bật nữa ở trẻ lên ba là *sự phát triển ngôn ngữ*. Cha ông ta đã tổng kết "Trẻ lên ba cả nhà học nói". Đúng vậy, trẻ nói, hỏi luôn miệng (tuy còn ngây thơ). Để thỏa mãn nhu cầu giao tiếp của trẻ, người lớn phải luôn luôn tìm câu trả lời sao cho trẻ hiểu được (đơn giản, phù hợp với khả năng hiểu biết của trẻ), không nên lảng tránh những câu hỏi của trẻ và cũng không nên trả lời một cách tùy tiện cho qua chuyện. Qua giao tiếp với người lớn, vốn từ của trẻ ngày càng tăng. Trẻ có khả năng diễn đạt bằng lời để người lớn hiểu được ý muốn của mình. Câu nói của trẻ đơn giản, ngắn gọn song thường đúng ngữ pháp. Và mọi giao

tiếp của trẻ đã tách dần ra khỏi những tình huống, tâm cảnh (nghĩa là trẻ có thể giao tiếp hoàn toàn bằng lời).

Như vậy, mỗi thời kì, sự tăng trưởng và phát triển về thể chất, tâm lí của trẻ có những đặc điểm đặc trưng. Nhà giáo dục cần phải nắm được đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ trong từng thời kì để xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức chăm sóc và giáo dục thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả chăm sóc và giáo dục trẻ em.

III. NHIỆM VỤ GIÁO DỤC TRẺ EM LỨA TUỔI NHÀ TRẺ

Để xây dựng cơ sở ban đầu cho giáo dục nhân cách con người phát triển toàn diện, giáo dục mầm non nói chung, giáo dục trẻ em lứa tuổi nhà trẻ nói riêng cần phải được tiến hành một cách tổng hợp và đồng bộ các mặt sau đây:

- Giáo dục thể chất;
- Giáo dục trí tuệ;
- Giáo dục đạo đức;
- Giáo dục thẩm mỹ.

Những mặt giáo dục trên đây gắn bó, bổ sung cho nhau trong quá trình hình thành cơ sở ban đầu về nhân cách con người phát triển toàn diện. Tuy nhiên, do đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ ở mỗi thời kì khác nhau là khác nhau, nên cần phải xác định được các nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, biện pháp□ chăm sóc và giáo dục phù hợp với đặc điểm tăng trưởng và phát triển của từng thời kì.

1. Giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ

1.1. Khái niệm và ý nghĩa của giáo dục thể chất cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

1.1.1. Khái niệm giáo dục thể chất

Nói đến thể chất là nói đến chất lượng cơ thể con người có thể sử dụng trong hiện thực sinh hoạt cuộc sống, trong học tập, lao động... Nó bao gồm: tầm vóc của cơ thể (trạng thái phát triển và hình thái, cấu trúc cơ thể), năng lực thích ứng của cơ thể đối với môi trường bên ngoài, trạng thái tâm lí (xúc cảm, tình cảm, ý chí...) của con người (trạng thái tâm lí tốt là một đảm bảo quan trọng để cơ thể khỏe mạnh). Sự phát triển của thể chất tuân theo quy luật tự nhiên, chịu sự chi phối của xã hội (môi trường xã hội và giáo dục).

Nói đến giáo dục thể chất là nói đến giáo dục và phát triển thể chất của con người. Đó là quá trình sư phạm hướng vào việc hoàn thiện cơ thể con người về mặt hình thái và chức năng, hình thành các kĩ năng, kĩ xảo vận động cơ bản trong đời sống, phát triển các phẩm chất và khả năng thể lực của con người, hình thành lối sống lành mạnh trong cuộc sống, học tập và lao động.

Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non nói chung và cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ nói riêng là quá trình tác động nhiều mặt vào cơ thể trẻ, tổ chức cho trẻ vận động và sinh hoạt hợp lí nhằm bảo

vệ và làm cho cơ thể trẻ được khỏe mạnh, phát triển hài hòa, cân đối, tạo cơ sở cho sự phát triển toàn diện của trẻ.

1.1.2. Ý nghĩa của giáo dục thể chất

Giáo dục thể chất là một mặt quan trọng trong giáo dục nhân cách con người phát triển toàn diện, nó làm cho con người được phát triển và hoàn thiện về mặt thể chất để có thể tham gia vào các mặt của đời sống xã hội.

Đối với lứa tuổi nhà trẻ, giáo dục thể chất là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của gia đình và trường mầm non. Bởi lẽ, như chúng ta đã biết, ở lứa tuổi này quá trình tăng trưởng diễn ra rất nhanh (nhanh nhất trong cuộc đời con người), nhưng cơ thể của trẻ còn quá non nớt, dễ chịu ảnh hưởng của những tác động bên ngoài, sức đề kháng của trẻ còn kém nên dễ mắc các bệnh nguy hiểm. Sự phát triển lệch lạc ban đầu ở tuổi này về thể chất sẽ để lại hậu quả suốt đời và sửa lại rất khó khăn. *Ví dụ*: đẹt đầu, lác mắt, chân vòng kiềng, suy dinh dưỡng □ là hậu quả của sự thiếu hiểu biết của người lớn trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ em trong những năm đầu.

Trẻ có thể phát triển tốt về cơ thể nếu người lớn chú ý đầy đủ và đúng mức đến việc bảo vệ, chăm sóc, giữ gìn sức khỏe cho trẻ. Đứa trẻ khỏe mạnh, phát triển hài hòa, cân đối về cơ thể sẽ là cơ sở về mặt thể chất để phát triển toàn diện nhân cách của trẻ sau này. Bàn về vai trò của giáo dục mầm non, Hồ Chủ tịch đã dạy: "Dạy trẻ như trồng cây non. Trồng cây non được tốt thì sau này cây lên tốt. Dạy trẻ tốt sau này các cháu thành người tốt"⁽¹⁾.

Sự phát triển thể chất của trẻ ở lứa tuổi này đặt cơ sở cho sự phát triển thể chất suốt đời sau này của trẻ, đồng thời nó ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển tâm lí và nhân cách của trẻ.

Cơ thể khỏe mạnh giúp trẻ trở nên hoạt bát, hồn nhiên hơn và có những xúc cảm, tình cảm lành mạnh với mình, với người khác và với thế giới xung quanh.

Giáo dục thể chất gắn liền với giáo dục trí tuệ cho trẻ. Bởi lẽ, cơ thể trẻ phát triển khỏe mạnh, hệ thần kinh được phát triển thăng bằng, các giác quan tinh tường... sẽ giúp cho đứa trẻ tích cực hoạt động với thế giới đồ vật, tích cực tiếp xúc và làm quen với môi trường xung quanh. Nhờ đó mà hoạt động nhận cảm của trẻ thêm phong phú và chính xác. Mặt khác, trẻ khỏe mạnh, nhanh nhẹn, khéo léo sẽ say sưa, hứng thú hơn trong quá trình tri giác cái đẹp của thế giới xung quanh (đồ dùng, đồ chơi...) và tự nó có khả năng tạo ra cái đẹp và sống theo cái đẹp (biết giữ gìn đồ chơi sạch đẹp, biết gọn gàng, ngăn nắp,...). Trẻ khỏe mạnh sẽ thích lao động, thích làm những công việc tự phục vụ mình và giúp đỡ bạn bè, người lớn xung quanh.

Ở nước ta, trong những năm gần đây đã tăng cường công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ em, song tỉ lệ trẻ mắc các bệnh: còi xương, suy dinh dưỡng; các bệnh đường hô hấp, đường tiêu hóa... còn khá cao. Nguyên nhân không hoàn toàn là do điều kiện kinh tế, mà chủ yếu là do thiếu kiến thức chăm sóc giáo dục thể chất cho trẻ (thiếu hiểu biết đầy đủ về chế độ dinh dưỡng, luyện tập, bảo vệ sức khỏe cho trẻ, về phương pháp chăm sóc sức khỏe cho trẻ).

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh, *Về công tác giáo dục*, NXB Giáo dục, 1990, tr. 182.

Như vậy, giáo dục thể chất cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ là rất quan trọng, các bậc cha mẹ, những người nuôi dạy trẻ cần phải đặt giáo dục thể chất lên nhiệm vụ hàng đầu trong quá trình nuôi — dạy trẻ.

1.2. Nhiệm vụ của giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ

Để tạo cho đứa trẻ có một cơ thể khỏe mạnh, nhanh nhẹn, hoạt bát, phát triển hài hòa, cân đối, người ta đề ra ba nhiệm vụ giáo dục thể chất cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ như sau:

— *Bảo vệ và tăng cường sức khỏe cho trẻ:* Đây là nhiệm vụ quan trọng nhất của giáo dục trẻ em lứa tuổi nhà trẻ. Bởi vì ở tuổi này cơ thể trẻ phát triển rất nhanh, nhưng sức đề kháng còn yếu, các cơ quan còn non yếu, cần phải được chăm sóc đặc biệt nhằm đảm bảo cho sự tăng trưởng và phát triển của trẻ diễn ra đúng lúc và hoàn chỉnh, nâng cao khả năng miễn dịch đối với những bệnh trẻ thường mắc phải. Nhiệm vụ này bao gồm: *nuôi dưỡng* trẻ một cách khoa học (nuôi bằng sữa mẹ dưới 6 tháng tuổi, cho ăn đủ chất, đủ lượng, hợp vệ sinh và theo một chế độ sinh hoạt khoa học; *chăm sóc hợp lí* (tắm rửa, quần áo, chơi, học...); rèn luyện một cách khoa học (các bài tập vận động, trò chơi, dạo chơi...).

— *Phát triển và hoàn thiện các vận động của trẻ:* Nhờ có tính thích nghi của hệ thần kinh, khi sức khỏe của trẻ được bảo vệ và tăng cường, kĩ năng vận động của trẻ được hình thành, phát triển và hoàn thiện dần. Đó là những vận động lẫy, bò, ngồi, đứng, đi, chạy, nhảy và vận động của bàn tay, ngón tay.

Nhiệm vụ của nhà giáo dục là phát triển các vận động một cách phù hợp với lứa tuổi. Cụ thể là:

+ Đối với trẻ trong năm đầu: cần phát triển cho trẻ vận động lẫy, bò, ngồi, đứng, tập đi và cử động của bàn tay, ngón tay. Luyện tập cho trẻ biết phối hợp thị giác, thính giác với vận động.

+ Đối với trẻ trong năm thứ hai: tiếp tục phát triển vận động bò, đi, tập chạy cho trẻ; tiếp tục rèn luyện các giác quan, khả năng vận động của bàn tay, ngón tay thông qua hoạt động với đồ vật.

+ Đối với trẻ trong năm thứ ba: tiếp tục phát triển và hoàn thiện vận động bò, trườn, chạy nhảy, leo trèo □ và rèn luyện sự khéo léo của đôi bàn tay.

— *Hình thành một số thói quen văn hóa vệ sinh ban đầu cho trẻ:* Đó là những thói quen ăn uống, vệ sinh, sinh hoạt (tắm rửa, chơi tập...); thói quen tự phục vụ... Những thói quen này được hình thành trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc và rèn luyện theo mọi chế độ sinh hoạt mang tính khoa học, diễn ra một cách thường xuyên, liên tục và ổn định.

1.3. Phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

Phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ mầm non là tập hợp các đối tượng vật chất và tinh thần được sử dụng trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc và rèn luyện thể chất cho trẻ nhằm góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất cho trẻ. Phương tiện giáo dục thể chất cho trẻ tuổi nhà trẻ rất đa dạng và phong phú. Trong đó có những phương tiện cơ bản sau:

— *Chế độ sinh hoạt hợp lí, phù hợp với từng độ tuổi:* Đó là chế độ ăn, ngủ, chơi tập, vệ sinh cá nhân, vệ sinh trường lớp... được sắp xếp một cách khoa học sẽ nâng cao hiệu quả giáo

dục thể chất nói riêng, giáo dục toàn diện cho trẻ nói chung. Ví dụ: chế độ ăn uống điều độ và đủ chất sẽ ảnh hưởng tích cực đến hoạt động tiêu hóa và đáp ứng kịp thời các chất dinh dưỡng cần thiết cho các cơ quan, giúp cho cơ thể trẻ được tăng trưởng và phát triển tốt. Giấc ngủ bình thường, hợp lí sẽ đảm bảo sự nghỉ ngơi và tăng khả năng làm việc của hệ thần kinh.

— *Môi trường thiên nhiên xung quanh trẻ*: Ánh sáng, không khí và nước là những yếu tố thiên nhiên rất cần thiết cho cơ thể con người. Tận dụng được các yếu tố này trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ sẽ góp phần nâng cao sức khỏe và khả năng thích ứng của cơ thể đối với môi trường thiên nhiên, nâng cao sức đề kháng và phòng ngừa bệnh tật cho trẻ.

+ Ánh sáng mặt trời chứa những tia tử ngoại được da hấp thụ để sản sinh Vitamin D, làm tăng cường khả năng trao đổi chất của cơ thể, giúp xương phát triển tốt, tăng khả năng làm việc của não.

+ Không khí trong lành có chứa nhiều hợp chất đặc biệt, có khả năng tiêu diệt vi khuẩn, tăng lượng máu nhờ hấp thụ oxy. Cho trẻ tiếp xúc với môi trường có tác dụng rèn luyện cơ thể, giúp cho cơ thể trẻ thích ứng được với nhiệt độ môi trường luôn thay đổi. Nhờ đó mà trẻ tránh được những bệnh cảm lạnh, cảm nắng...⁽¹⁾

+ Nước sạch không chỉ cần thiết cho việc ăn uống của con người mà nó còn cần thiết giúp cho việc tắm rửa, vệ sinh cho con người, đặc biệt là trẻ em. Khi tắm gội, nước giúp rửa sạch các vết bẩn trên da, làm giãn nở và lưu thông mạch máu, nâng cao trương lực cơ và thúc đẩy chúng hoạt động tích cực, làm hưng phấn hệ thần kinh, gây cảm giác sảng khoái.

Ngoài ánh sáng, không khí và nước, cây xanh cũng rất cần thiết cho cơ thể trẻ trong quá trình trao đổi chất với môi trường.

— *Các bài tập luyện, các hình thức chơi tập*, giúp cho trẻ phát triển và hoàn thiện các vận động cơ bản như: lẫy, bò, ngồi, đi, chạy, cử động của bàn tay, ngón tay □ Đó là các bài tập xoa bóp, các bài tập phát triển chung, các bài tập phát triển vận động và những trò chơi vận động dành cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ.

1.4. Nội dung và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

Để thực hiện được ba nhiệm vụ giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ, người lớn cần tổ chức tốt chế độ sinh hoạt hàng ngày, tổ chức vận động hợp lí và có sự quan tâm chu đáo về sức khỏe, về vệ sinh cho trẻ. Đó là những nội dung chủ yếu của giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.

1.4.1. Tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày hợp lí

a) Chế độ sinh hoạt hàng ngày và ý nghĩa của nó

Chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ là một quy trình khoa học nhằm phân phối thời gian và trình tự các hoạt động trong ngày cũng như việc ăn uống, nghỉ ngơi một cách hợp lí nhằm đảm

⁽¹⁾ Tuy nhiên, khi cho trẻ tiếp xúc với môi trường thiên nhiên (đi dạo, hoạt động ngoài trời □) cần phải chú ý đến thời tiết (ánh nắng vừa phải, không quá nóng, quá lạnh).

bảo sự tăng trưởng và phát triển của trẻ.

Chế độ sinh hoạt hằng ngày của trẻ được xây dựng dựa trên đặc điểm sinh lí và tâm lí của trẻ. Do vậy, nếu xây dựng được chế độ sinh hoạt hằng ngày hợp lí và thực hiện nó một cách nghiêm túc (đúng mốc thời gian cho từng hoạt động, luôn điều hòa giữa thức và ngủ, giữa hoạt động tĩnh và hoạt động động...) có ý nghĩa lớn đối với việc giáo dục thể chất cho trẻ. Trước hết, chế độ sinh hoạt hằng ngày hợp lí đảm bảo cho trẻ thỏa mãn các nhu cầu về ăn, ngủ, hoạt động, giữ cho hệ thần kinh được thăng bằng, trẻ luôn luôn ở trạng thái thoải mái, vui vẻ. Đồng thời thực hiện nghiêm túc, ổn định chế độ sinh hoạt hằng ngày còn hình thành ở trẻ nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày.

Chế độ sinh hoạt hợp lí vừa là nội dung, vừa là phương tiện để phát triển tâm lí của trẻ. Thông qua thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày: ăn uống, vệ sinh, đặc biệt là chơi tập, hoạt động nhận cảm của trẻ được phát triển, vốn từ ngày một phong phú, xúc cảm, tình cảm và đạo đức, óc thẩm mỹ cũng được hình thành và phát triển.

Như vậy, có thể nói rằng chế độ sinh hoạt hằng ngày vừa là nội dung vừa là phương tiện để giáo dục thể chất nói riêng và giáo dục toàn diện cho trẻ.

Để có một chế độ sinh hoạt hằng ngày hợp lí cho trẻ cần phải quán triệt một số yêu cầu sau đây khi xây dựng chế độ sinh hoạt hằng ngày và thực hiện nó.

— Chế độ sinh hoạt phải làm thỏa mãn nhu cầu phát triển của trẻ, phù hợp với độ tuổi. Bởi lẽ, mỗi thời kì phát triển của cơ thể, nhu cầu ăn, ngủ, chơi tập... của trẻ khác nhau. Do vậy, để đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ cần phải có chế độ sinh hoạt phù hợp. Căn cứ vào nhu cầu phát triển của trẻ, ở trường mầm non người ta có chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi như: chế độ sinh hoạt cho trẻ từ 3 — 6 tháng; chế độ sinh hoạt cho trẻ từ 6 — 12 tháng; từ 12 — 18 tháng; từ 18 — 24 tháng; từ 24 tháng — 36 tháng.

— Chế độ sinh hoạt phải đảm bảo các điều kiện vệ sinh cho trẻ và tạo ra cảm giác an toàn cho trẻ.

— Không được áp đặt theo ý muốn chủ quan của người lớn, mà phải xuất phát từ nhu cầu tự nhiên của trẻ; phải tạo điều kiện để trẻ phát triển một cách tối ưu những khả năng vốn có của trẻ.

— Khi thực hiện chế độ sinh hoạt cần phải linh hoạt, mềm dẻo dựa trên hoàn cảnh, điều kiện và đặc điểm riêng của trẻ, song không được cắt xén một nội dung nào.

— Đảm bảo cho trẻ được hoạt động tích cực (nhưng không quá sức), được nghỉ ngơi một cách thoải mái nhằm phục hồi những năng lượng đã tiêu hao trong các hoạt động; tạo ra sự cân bằng giữa hoạt động và nghỉ ngơi, giữa hoạt động tĩnh và hoạt động động.

— Đảm bảo trình tự được lặp đi lặp lại, tránh xáo trộn nhiều các trật tự cần thiết, nhằm tạo nếp và thói quen cho trẻ.

— Chế độ sinh hoạt phải phù hợp với khí hậu từng mùa, từng vùng và điều kiện kinh tế của địa phương, gia đình.

b) Những nội dung chủ yếu trong chế độ sinh hoạt của trẻ lứa tuổi nhà trẻ và cách thực hiện

Nội dung chủ yếu trong chế độ sinh hoạt của trẻ lứa tuổi nhà trẻ gồm:

- Chế độ ăn uống của trẻ.
- Chế độ ngủ của trẻ.
- Chế độ chơi tập của trẻ.

Tuỳ theo từng lứa tuổi cụ thể mà có sự khác nhau trong việc tổ chức chế độ ăn uống, ngủ, chơi tập cho trẻ. Chẳng hạn, trẻ dưới một tuổi cần đảm bảo thời gian dành cho ngủ nhiều hơn, còn đối với trẻ 2 — 3 tuổi thì thời gian thức — chơi tập nhiều hơn.

** Tổ chức ăn uống cho trẻ*

Ăn uống là nhu cầu tất yếu của mọi sinh vật. Song phương thức thỏa mãn nhu cầu này ở con người khác xa với mọi sinh vật khác. Ăn uống đối với trẻ em không chỉ để căng cái dạ dày, mà thông qua ăn uống trẻ thỏa mãn nhu cầu giao lưu tình cảm với những người xung quanh, mở mang hiểu biết về thế giới xung quanh.

— Để tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất và mang lại niềm vui cho trẻ trong khi ăn uống cần phải đảm bảo một số yêu cầu sau đây:

+ Thức ăn, đồ uống phải đảm bảo đủ chất dinh dưỡng: prôtit, lipít, tinh bột, khoáng chất□ phù hợp với nhu cầu của trẻ ở từng độ tuổi (không ép trẻ ăn vượt quá nhu cầu dinh dưỡng cần thiết).

+ Chế biến thức ăn phải đảm bảo vệ sinh, phù hợp với sự tăng trưởng của trẻ. Bú mẹ là tốt nhất đối với trẻ trong năm đầu. Sáu tháng đầu chỉ cần sữa mẹ là trẻ có thể tăng trưởng và phát triển bình thường. Khi thiếu hay không có sữa mẹ, người ta cho trẻ bú sam hay bú sữa nhân tạo. Cả ba cách cho bú ấy, cần tuân theo đúng chế độ và những yêu cầu vệ sinh, đảm bảo cho trẻ những chất dinh dưỡng cần thiết để phát triển. Sau thời gian bú mẹ, cần cho trẻ ăn thêm những thức ăn khác như: hoa quả tươi, rau tươi, sữa và các loại thức ăn bằng sữa được chế biến từ lỏng đến đặc dần, từ mềm đến rắn dần. Không nên cho trẻ ăn cơm quá sớm (trước 18 tháng), nhưng cũng không nên kéo dài thời gian cho trẻ ăn bột, ăn cháo (24 — 36 tháng), sẽ không có lợi cho hoạt động tiêu hóa của dạ dày.

+ Để giữ ngon miệng cho trẻ, không những cần phải có khẩu phần ăn uống đúng mà còn phải tuân theo những quy tắc sư phạm nhất định. Từ những tháng đầu tiên, phải giúp trẻ tham gia tích cực vào việc bú, phải tạo ra niềm vui cho trẻ khi được bú; không nên bắt trẻ bú khi nó chưa có nhu cầu; tránh những tác động làm trẻ sao nhãng bữa ăn; hình thành cho trẻ thói quen và kỹ năng ăn uống hợp vệ sinh; tập cho trẻ ăn thức ăn đa dạng về khẩu vị và chất dinh dưỡng.

— Quá trình tổ chức cho trẻ ăn uống và những yêu cầu cơ bản khi cho trẻ ăn uống.

+ Trước khi cho trẻ ăn uống, cần vệ sinh chân tay, mặt mũi và đeo yếm cho trẻ; thức ăn phải được nấu chín, không quá nóng, không quá nguội, lạnh; bát đĩa, thìa phải khô, sạch; bàn ghế phải vừa tầm thước của trẻ, kê ở nơi thoáng mát. Một việc rất quan trọng là, trước khi cho trẻ

ăn uống người lớn phải tạo cho trẻ tâm thế thoải mái, vui vẻ và có nhu cầu ăn uống.

+ Trong quá trình cho trẻ ăn, người lớn tạo cho trẻ cảm giác ăn ngon miệng, động viên trẻ ăn hết tiêu chuẩn, hình thành mối quan hệ thân thiết giữa trẻ với người lớn ngay trong khi cho trẻ ăn (nói chuyện với trẻ, âu yếm trẻ, khuyến khích, động viên trẻ ăn...). Trong khi cho trẻ ăn người lớn cần hình thành cho trẻ một số biểu tượng về thức ăn, dụng cụ ăn uống (tên gọi, tác dụng của thức ăn, đồ uống...) và một số thói quen văn hóa vệ sinh trong ăn uống (không chạy lung tung khi ăn uống, không vừa nhai vừa nói chuyện nhôm nhòam, không đánh đổ thức ăn bừa bãi...) và hình thành cho trẻ một số kỹ năng tự phục vụ: tự xúc cơm, tự uống nước... Một điều cần quan tâm khi cho trẻ ăn là, người lớn phải quan sát, theo dõi những biểu hiện của trẻ trong khi ăn: trẻ có ăn ngon miệng hay không, nguyên nhân và những giải pháp cần thiết? Đối với những trẻ lười ăn, chưa tự xúc cơm,... cần phải được giúp đỡ kịp thời.

+ Sau khi trẻ ăn xong cần hướng dẫn trẻ vệ sinh mồm miệng, chân tay và uống nước tráng miệng (uống đủ lượng nước cần thiết); không để trẻ vận động mạnh (chạy nhảy, nô đùa) cũng không nên cho trẻ đi ngủ ngay sau khi ăn, mà cần có một thời gian để trẻ xuôi cơm.

* Tổ chức cho trẻ ngủ

Giấc ngủ tạo ra sự cân bằng giữa hoạt động và nghỉ ngơi, giúp cho cơ bắp, thần kinh được thư giãn, phục hồi sau những vận động trước đó. Trẻ càng nhỏ thì sức làm việc của hệ thần kinh càng yếu vì thế trẻ mau mệt mỏi. Giấc ngủ sâu là liều thuốc bổ giúp trẻ bù đắp lại sức làm việc của não bộ.

— Những yêu cầu cơ bản của việc tổ chức cho trẻ ngủ:

+ Khi xác định chế độ sinh hoạt hàng ngày, không chỉ tính đến lứa tuổi mà còn tính đến đặc điểm cá nhân của trẻ: trạng thái sức khỏe, kiểu hình thần kinh. Những đứa trẻ có kiểu hình thần kinh yếu cần được nghỉ ngơi dài hơn. Nếu trẻ thường ngủ trước giờ quy định theo chế độ hàng ngày, thì cần kéo dài giấc ngủ của nó hoặc quay lại chế độ của nhóm tuổi trước đó.

+ Tạo mọi điều kiện khách quan và chủ quan thuận lợi để trẻ ngủ sâu, ngon giấc trong một thời gian hợp lí.

- Trẻ dưới 4 tháng tuổi, thời gian ngủ cần thiết là: từ 18 — 20 giờ/ngày.
- Trẻ 4 — 5 tháng tuổi, thời gian ngủ cần thiết là: từ 16 — 18 giờ/ngày.
- Trẻ 6 — 12 tháng tuổi, thời gian ngủ cần thiết là: từ 14 — 16 giờ/ngày.
- Trẻ 12 — 24 tháng tuổi, thời gian ngủ cần thiết là: từ 12 — 14 giờ/ngày.
- Trẻ 24 — 36 tháng tuổi, thời gian ngủ cần thiết là: từ 10 — 12 giờ/ngày.

Không nên cho trẻ thức khuya cùng người lớn.

+ Tập cho trẻ có thói quen ngủ đúng giờ, đã nằm là ngủ ngay (đây là điều khó nhưng có thể rèn được).

— Quá trình tổ chức cho trẻ ngủ và những yêu cầu khi cho trẻ ngủ.

+ Trước khi trẻ ngủ, người lớn cần tạo cho trẻ cảm giác thoải mái, yên ổn (an toàn) khi đi ngủ. Không để trẻ chơi đùa quá nhiều trước khi ngủ, không dọa nạt, kể chuyện gây sợ hãi cho trẻ trước khi ngủ.

Chỗ ngủ của trẻ phải thoáng mát, hợp vệ sinh (mát mẻ về mùa hè, ấm áp về mùa đông, không quá sáng, không quá tối, không hơi hám, ruồi muỗi...). Khi trẻ đi ngủ, nên đặt cho trẻ nằm theo tư thế mà nó quen (nằm ngửa, nằm nghiêng), không nên cho trẻ ngủ ở tư thế nằm sấp.

+ *Trong khi trẻ ngủ*, để trẻ đi vào giấc ngủ một cách nhẹ nhàng, cần tạo ra một không gian yên tĩnh, ấm áp, an toàn cho trẻ. Hát ru, sự vỗ về âu yếm là rất cần thiết khi cho trẻ ngủ.

Giấc ngủ của trẻ gồm hai phần luân phiên nhau: ngủ sâu và ngủ không sâu. Trong khi ngủ không sâu, nếu thỉnh thoảng trẻ tỉnh dậy, thì đó không phải là tín hiệu đánh thức trẻ dậy. Khi đó người lớn chỉ cần vỗ nhẹ vào trẻ là trẻ lại tiếp tục ngủ. Nếu trẻ kém ngủ hoặc ngủ li bì cần phải cho trẻ đi khám tìm nguyên nhân để điều trị kịp thời.

+ *Sau giấc ngủ* khi thức dậy, nhiều trẻ (nhất là trẻ nhỏ) thường khóc (mếu máo) nếu không thấy người lớn ở gần. Do vậy, người lớn cần phải có mặt trong thời gian trẻ thức tỉnh. Khi trẻ thức tỉnh không nên cho trẻ dậy ngay mà cần cho trẻ nằm chơi một mình (nếu trẻ lớn thì đưa đồ chơi để trẻ tự chơi ở tư thế nằm, hoặc ngồi). Sau đó cho trẻ đi vệ sinh và rửa mặt mũi cho trẻ.

* *Tổ chức vệ sinh cá nhân cho trẻ*

Tập cho trẻ nhỏ biết giữ vệ sinh cá nhân là một việc làm khó nhưng rất cần thiết, nó giúp trẻ quen dần với nếp sống vệ sinh, sạch sẽ, ngăn nắp. Những nếp sống này có ảnh hưởng lớn đến việc hình thành và phát triển nhân cách sau này.

Nội dung tổ chức vệ sinh cá nhân cho trẻ bao gồm: vệ sinh thân thể, vệ sinh răng miệng, mắt, mũi, tai, họng; vệ sinh quần áo cho trẻ và tập cho trẻ đi tiểu tiện, đại tiện có giờ giấc, đúng nơi quy định. Cụ thể là:

— *Vệ sinh thân thể*: Da của trẻ rất mỏng, dễ bị xây sát và nhiễm trùng gây mụn nhọt, chốc lở, ngứa ngáy... nên rất cần được tắm gội, rửa sạch hàng ngày, nhất là mùa hè. Hàng tuần nên cắt móng tay, móng chân cho trẻ. Tập cho trẻ 2 — 3 tuổi có thói quen rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh.

— *Vệ sinh răng miệng*: Răng miệng lành lặn làm cho trẻ có cảm giác ăn ngon miệng, tiêu hóa thức ăn tốt. Ngược lại, nếu răng miệng bị sâu, lở loét sẽ làm cho trẻ đau đớn, không muốn ăn. Do vậy, để giữ cho răng miệng của trẻ được sạch sẽ, hàng ngày cần cho trẻ súc miệng bằng nước muối, lau miệng bằng khăn mềm. Khi trẻ có 4 răng hàm (cuối tuổi nhà trẻ) nên tập cho trẻ đánh răng vào buổi sáng (khi thức dậy) và buổi tối (trước khi đi ngủ) bằng bàn chải nhỏ, mềm. Để giữ gìn răng miệng, không nên cho trẻ nhai vật cứng, uống nước đá, ăn kem hoặc thức ăn, đồ uống quá nóng.

— *Vệ sinh tai — mũi — họng*: Tai, mũi, họng là các cơ quan rất quan trọng, có liên quan mật thiết với nhau. Nếu trẻ bị viêm mũi dễ gây viêm họng, viêm tai, viêm phế quản, viêm phổi. Do vậy để bảo vệ tai, mũi, họng cho trẻ, người lớn cần:

+ Giữ ấm cổ, ngực và đôi chân cho trẻ về mùa đông.

+ Không dùng vật cứng để ngoáy tai trẻ mà nên dùng tăm bông thấm nhẹ tai, mũi cho trẻ.

+ Tiêm chủng và phòng bệnh cho trẻ em.

— *Vệ sinh mắt*: Đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn. Ở lứa tuổi này trẻ thường bị đau mắt hột, đau mắt đỏ, nếu không biết giữ gìn vệ sinh khi rửa mặt cho trẻ (dùng khăn bản, nước bản, dùng chung chậu, khăn mặt với người đau mắt...). Để bảo vệ đôi mắt cho trẻ cần:

+ Dùng khăn sạch, nước sạch (đun sôi để nguội) lau mặt, rửa mắt cho trẻ (cần có khăn mặt, chậu rửa mặt riêng cho từng trẻ).

+ Chế độ ăn của trẻ phải đảm bảo đủ chất dinh dưỡng và nhỏ Vitamin A để phòng bệnh khô mắt, quáng gà cho trẻ.

+ Không nên cho trẻ xem tranh, ảnh, đồ chơi... Ở những nơi không đủ ánh sáng.

+ Không cho trẻ ngồi gần ti vi, máy vi tính và xem ti vi, chơi vi tính (trò chơi điện tử...) quá lâu.

— *Vệ sinh quần áo, giày dép*: Quần áo, giày dép là đồ dùng cần thiết để bảo vệ sức khỏe cho trẻ em. Đối với trẻ em lứa tuổi nhà trẻ, việc vệ sinh quần áo, giày dép cho trẻ cần đảm bảo những yêu cầu sau:

+ Quần áo, giày dép phải phù hợp với thời tiết từng mùa, hợp với tâm vóc của trẻ.

+ Thay giặt hàng ngày bằng xà phòng, phơi nắng khô ráo (không để trẻ mặc quần áo, tã lót ẩm ướt).

+ Chất liệu mềm, phù hợp với khí hậu từng mùa. *Ví dụ*: mùa hè nên dùng vải bông, sợi, màu sáng, còn mùa đông nên dùng vải xốp, nhẹ, có khả năng giữ nhiệt tốt.

+ Quần áo may đơn giản dễ mặc, dễ thay; giày dép vừa chân, dễ đi.

— *Tập cho trẻ thói quen đi tiểu tiện, đại tiện có giờ giấc, đúng nơi quy định*.

Trẻ nhỏ thường đi tiểu tiện, đại tiện khi thức giấc hoặc ngay sau bữa ăn. Lúc mới sinh trẻ thường tiểu, đại tiện 4 — 5 lần/ngày; lớn hơn, số lần đại tiện ít dần (2 lần/ngày, rồi 1 lần/ngày). Do đó, người lớn có thể rèn cho trẻ thói quen tiểu, đại tiện có giờ giấc và đúng nơi quy định. Việc tập luyện này cho trẻ là khó, đòi hỏi người lớn phải kiên trì. Đái dầm, ỉa đùn không phải là lỗi của trẻ, người lớn không nên la mắng trẻ khi nó "tè", "phĩnh" ra quần, mà cần phải uốn nắn dần dần và động viên khen ngợi khi trẻ không còn đái dầm, ỉa đùn nữa, biết gọi người lớn giúp đỡ khi có nhu cầu đi tiểu, đại tiện.

* *Tổ chức chế độ chơi tập cho trẻ*

Trong chế độ sinh hoạt hàng ngày, chế độ chơi tập vừa là nội dung vừa là phương tiện để giáo dục thể chất cho trẻ. Đồng thời nó cũng là phương tiện, con đường để giáo dục trí tuệ, đạo đức,... cho trẻ. Chế độ chơi tập chỉ có ý nghĩa đối với sự phát triển của trẻ khi nó được tính toán một cách hợp lý sự luân phiên giữa hoạt động tĩnh và hoạt động động; phát huy được sự tham gia tích cực của các vận động tay chân và trí não, phù hợp với đặc điểm phát triển của từng độ tuổi.

Trong chế độ sinh hoạt hàng ngày cũng cần tính đến việc rèn luyện cho trẻ thích nghi tốt hơn với điều kiện sống. Để trẻ thích nghi được với môi trường cần phải tổ chức cho trẻ hoạt động ngoài trời, được tiếp xúc với môi trường thiên nhiên (nắng; gió...). Qua tiếp xúc trực tiếp với môi trường thiên nhiên trẻ không chỉ "dạn dày" với nắng, gió mà còn tăng sức đề kháng của

cơ thể trẻ trước những tác động của môi trường. Đảm bảo rằng việc tập luyện này phải diễn ra một cách có hệ thống, thường xuyên và cần tính đến đặc tính cá nhân của trẻ.

1.4.2. Tổ chức tập luyện và phát triển vận động cho trẻ tuổi nhà trẻ

Vận động là nhu cầu tự nhiên của con người, nó giữ vai trò quan trọng trong cuộc sống con người nói chung và trẻ em lứa tuổi nhà trẻ nói riêng, bởi vì vận động là cơ sở của mọi hoạt động. Một đứa trẻ hiếu động thường thông minh hơn đứa trẻ lười vận động và chậm chạp. Sự phát triển vận động của trẻ không chỉ có ý nghĩa đối với sự phát triển thể chất mà còn kéo theo sự phát triển tâm lí của trẻ.

Sự phát triển vận động là kết quả không chỉ của sự trưởng thành về cơ thể mà còn là sản phẩm của việc dạy dỗ. Dạy trẻ dưới ba tuổi những vận động cơ bản: lẫy, bò, ngồi, đi, chạy, nhảy, bước qua những chướng ngại vật... là nhiệm vụ cơ bản của người lớn.

Trong ba năm đầu, người lớn cần tạo điều kiện cho trẻ vận động một cách tích cực, phù hợp với độ tuổi. Khi lập chương trình tập luyện, phát triển vận động cho trẻ cần quán triệt các nguyên tắc sau đây:

— Chọn các bài tập và trò chơi có tác động chung đến sự vận động của cơ thể, đặc biệt là sự vận động tích cực của cơ bắp.

— Chọn các bài tập và trò chơi gây hứng thú đối với trẻ, đồng thời đặt ra nhiệm vụ vừa sức nhằm phát triển các vận động cơ bản.

— Khi tổ chức những buổi tập luyện (dưới hình thức chơi tập hay các bài tập luyện) cần phải tính đến độ tuổi, thậm chí đến đặc điểm riêng của trẻ để có những mức độ yêu cầu khác nhau. Ví dụ: Đối với trẻ dưới 1 tuổi, những bài tập phù hợp cần tập luyện cho trẻ là xoa bóp, tập lẫy, tập trườn, tập đứng lên ngồi xuống, tập đi men và bước đầu tập đi. Đối với trẻ 2 — 3 tuổi, ta có thể sử dụng những trò chơi vận động đơn giản mà trẻ hứng thú nhằm phát triển các vận động cơ bản như: đi, chạy, nhảy, bò..., đặc biệt là dùng các bài tập đi tự do, những bài tập thể dục buổi sáng...

— Tập luyện cho trẻ vận động một cách thường xuyên, có hệ thống từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp. Tạo điều kiện cho mọi trẻ đều được vận động. Động viên, khuyến khích, kích thích trẻ tích cực vận động, song tránh để trẻ vận động quá sức, luân phiên giữa các hoạt động tĩnh và hoạt động động, không để trẻ bị mệt vì những vận động quá phức tạp, vượt quá khả năng của trẻ.

— Dụng cụ tập luyện của trẻ phải phù hợp với vận động cần tập luyện cho trẻ, phải hấp dẫn — thu hút trẻ tích cực vận động (màu sắc đẹp, sặc sỡ, hình thức ngộ nghĩnh, có thể phát ra âm thanh...) và an toàn đối với trẻ (không sắc nhọn, không gây dị ứng da, an toàn khi trẻ "vô tình" ngậm...).

1.4.3. Những điều kiện cần thiết để giáo dục thể chất cho trẻ tuổi nhà trẻ

Để góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất nói riêng và giáo dục toàn diện cho trẻ, cần phải đảm bảo các điều kiện cơ bản sau:

— Phải có điều kiện vật chất đáp ứng được yêu cầu sư phạm, yêu cầu vệ sinh như: trường lớp, ánh sáng, sân chơi, vườn cây, tiếng ồn... thích hợp để tổ chức chơi tập và rèn luyện thể chất cho trẻ.

— Chế độ sinh hoạt hợp lí với từng độ tuổi.

— Có sự kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình, cơ sở y tế trong việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe ban đầu cho trẻ, cụ thể là:

+ Trẻ phải được thường xuyên theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ phát triển.

+ Trẻ phải được tiêm phòng đúng lịch.

+ Phòng và sơ cứu kịp thời một số tai nạn thông thường có thể xảy ra đối với trẻ.

+ Phòng và xử lí kịp thời một số bệnh thường gặp ở trẻ tuổi nhà trẻ như: tiêu chảy, viêm phế quản, viêm V.A...

— Có chế độ dinh dưỡng phù hợp với từng độ tuổi. Cụ thể là:

+ Có chế độ ăn phù hợp với từng độ tuổi (sữa mẹ, sữa bò, sữa bột, cháo, cơm nát, cơm...).

+ Đảm bảo đủ chất dinh dưỡng: đạm, đường, chất béo, khoáng, các loại sinh tố...

+ Đủ nước uống, nhất là về mùa hè.

+ Ăn uống vệ sinh sạch sẽ.

+ Luôn chế biến thức ăn phù hợp mùa và khẩu vị của trẻ để trẻ luôn ăn ngon miệng.

— Các bài tập luyện, các hình thức chơi — tập nhằm phát triển vận động cho trẻ phải được tiến hành dưới sự hướng dẫn của giáo viên, người lớn có tri thức về nuôi, dạy trẻ.

2. Giáo dục trí tuệ cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ

2.1. Khái niệm và ý nghĩa của giáo dục trí tuệ cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ

2.1.1. Khái niệm giáo dục trí tuệ

Giáo dục trí tuệ cho trẻ mầm non là một quá trình sư phạm được tổ chức một cách đặc biệt nhằm hình thành những tri thức và kĩ năng sơ đẳng, phát triển những năng lực và nhu cầu hoạt động trí tuệ cho trẻ em.

Ví dụ: Trong quá trình hoạt động với đồ vật, dưới sự hướng dẫn của người lớn, trẻ nắm được các thuộc tính bên ngoài của đồ vật (màu sắc, hình dáng, âm thanh...), chức năng và cách sử dụng chúng và biểu đạt được bằng ngôn ngữ của mình. Đó là tri thức và kĩ năng sơ đẳng về đồ vật mà trẻ tiếp xúc.

Sự phát triển trí tuệ của trẻ lứa tuổi nhà trẻ được diễn ra thông qua các hoạt động đa dạng: giao tiếp, hoạt động với đồ vật, đi dạo... và sinh hoạt hằng ngày. Những tri thức mà trẻ tiếp nhận được trong cuộc sống hằng ngày thường rời rạc, thiếu hệ thống. Sự phát triển trí tuệ có hiệu quả nhất được diễn ra dưới tác động có tổ chức, có hệ thống của nhà giáo dục. Người ta gọi đó là quá trình giáo dục trí tuệ.

2.1.2. Ý nghĩa của giáo dục trí tuệ cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ

Giáo dục trí tuệ, đặc biệt là giáo dục và phát triển hoạt động nhận cảm (cảm giác, tri giác) cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ là điều rất quan trọng, vì đây là cơ hội vàng để rèn luyện các giác quan cho trẻ, nếu bỏ lỡ cơ hội quý giá này sẽ gây ra hậu quả xấu cho việc phát triển năng lực nhận cảm của trẻ ở những lứa tuổi tiếp theo. Thông qua việc tổ chức các hoạt động đa dạng cho trẻ, đặc biệt là hoạt động với đồ vật, trẻ nắm được các thao tác với đồ vật, hiểu được ý nghĩa sử dụng chúng và một số tính chất của đồ vật (màu sắc, hình dạng, kích thước...). Từ đó trẻ có khả năng mở rộng sự định hướng của mình trong môi trường xung quanh, tích cực khám phá những điều mới lạ, hấp dẫn trong thế giới đồ vật.

Nhờ sự giúp đỡ của người lớn, kinh nghiệm xã hội của trẻ ngày càng phong phú. Đó là những biểu tượng sơ đẳng về thiên nhiên, xã hội và mối quan hệ giữa con người với con người, con người với thiên nhiên... Trên cơ sở đó mà một vài phẩm chất trí tuệ sơ đẳng được hình thành như: óc quan sát, năng lực phân biệt và khái quát đồ vật...

Thực tiễn cho hay rằng, không được dạy dỗ một cách chu đáo thì những tri thức mà trẻ có được chỉ mang tính rời rạc, không có tính hệ thống. Do vậy, những biểu tượng về thế giới xung quanh của trẻ thường sai lệch. K.D.Usinxki đã chỉ ra rằng: "Sự thông minh của trẻ chẳng qua là hệ thống tri thức có tổ chức tốt, được người lớn hướng dẫn một cách có hướng và có mục đích"⁽¹⁾

Giáo dục trí tuệ gắn liền với giáo dục đạo đức cho trẻ, vì người lớn không chỉ truyền đạt và làm giàu biểu tượng về thế giới xung quanh cho trẻ, mà còn sử dụng nó để giáo dục đạo đức, tình cảm cho trẻ thơ. Thông qua những câu chuyện kể, những lời ru, chơi, tập... người lớn hướng cho trẻ biết yêu cái thiện, không tranh giành đồ chơi với bạn, biết vâng lời người lớn, biết giữ gìn đồ dùng, đồ chơi... và bước đầu hiểu được thế nào là ngoan, không ngoan, thế nào là tốt, không tốt...

Giáo dục trí tuệ còn góp phần quan trọng vào việc giáo dục thẩm mỹ cho trẻ. Thông qua tiếp xúc với các loại hình nghệ thuật (những làn điệu dân ca mượt mà, những điệu nhạc vui tươi, tranh ảnh hấp dẫn...), thông qua hoạt động với đồ vật..., được sự hướng dẫn, giúp đỡ của người lớn, đứa trẻ cảm thụ được cái đẹp. Từ đó khơi dậy trong tâm hồn trẻ thơ những xúc cảm tình cảm trong sáng. Đây chính là nền tảng để sau này trẻ biết nhìn nhận ra cái đẹp và tạo nên cái đẹp trong hoạt động cá nhân cũng như trong đời sống thường ngày.

⁽¹⁾ Dẫn theo Đào Thành Âm, *Giáo dục học mầm non*, tập 2, NXB Đại học Sư phạm, 2005, tr. 32.

2.2. Nhiệm vụ giáo dục trí tuệ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

Các nhà tâm lí học trẻ em khẳng định rằng, ở lứa tuổi nhà trẻ, sự phát triển tâm lí nói chung, trí tuệ nói riêng gắn liền với sự phát triển vận động của trẻ. Do vậy, để phát triển trí tuệ cho trẻ lứa tuổi này cần:

— Hình thành và phát triển hoạt động nhận cảm (cảm giác, tri giác) cho trẻ thông qua việc tổ chức các vận động, các hoạt động chơi — tập nhằm hình thành ở trẻ các chuẩn cảm giác: màu sắc, mùi, vị..., đặc biệt là chuẩn cảm giác màu sắc. Trên cơ sở đó hình thành và phát triển khả năng định hướng trong không gian cho trẻ (trên — dưới, trước — sau, cao — thấp) bằng thị giác và thính giác.

— Hình thành và phát triển các ý niệm, biểu tượng đơn giản về đồ vật, về phẩm chất và hiện tượng thông qua các hoạt động đa dạng, đặc biệt là hoạt động với đồ vật.

— Phát triển ngôn ngữ cho trẻ thông qua việc cung cấp vốn từ ngày càng phong phú cho trẻ. Giúp trẻ thông hiểu ngôn ngữ một cách đơn giản và tập diễn đạt bằng ngôn ngữ về nhu cầu, nguyện vọng của mình cho người khác hiểu được.

— Rèn luyện trí nhớ, sự tập trung chú ý cho trẻ trong quá trình tổ chức các hoạt động cho trẻ, trong sinh hoạt hằng ngày, trong sự giao lưu tình cảm với trẻ...

— Hình thành và phát triển năng lực tư duy trực quan hành động, trí tưởng tượng phong phú, sáng tạo cho trẻ.

Những nhiệm vụ trên đây quan hệ mật thiết với nhau. Giải quyết tốt và đầy đủ tất cả những nhiệm vụ này sẽ thúc đẩy tâm lí nói chung, trí tuệ nói riêng của trẻ phát triển.

2.3. Phương tiện giáo dục trí tuệ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

Chúng ta biết rằng, trí tuệ của trẻ được phát triển thông qua việc người lớn tổ chức cho trẻ tham gia vào các hoạt động đa dạng phù hợp với trẻ. Nói cách khác, hoạt động vừa là con đường vừa là phương tiện để giáo dục trí tuệ cho trẻ. Do vậy, việc giáo dục trí tuệ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ được tiến hành và thực hiện thông qua các phương tiện cơ bản sau:

— Chơi — tập hay còn gọi là "tiết học — trò chơi".

— Chơi tự do với đồ vật, đồ chơi (vào đầu giờ sáng, thời gian đón trẻ, sau khi ngủ dậy, cuối giờ chiều — thời gian trả trẻ...).

— Hoạt động khác trong ngày (đi dạo, khi ăn, khi mặc quần áo, khi vệ sinh cá nhân) của trẻ dưới sự tổ chức, hướng dẫn của người lớn.

— Ngôn ngữ cũng là phương tiện quan trọng để giáo dục trí tuệ cho trẻ.

Các phương tiện trên chỉ thực sự phát huy được hiệu quả khi người lớn quan tâm đến việc đảm bảo cơ sở vật chất cho việc giáo dục trí tuệ. Đó là những trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, vật liệu chơi hợp lí đối với từng độ tuổi của trẻ. Bởi lẽ, nếu thiếu trang thiết bị, đồ dùng, đồ

chơi, vật liệu chơi hoặc những thứ đó không phù hợp với trình độ phát triển của độ tuổi thì khó có thể tổ chức các hoạt động kể trên cho trẻ một cách có hiệu quả.

Trong những phương tiện kể trên thì các giờ chơi — tập với đồ vật, đồ chơi có sự hướng dẫn của người lớn giữ vai trò quan trọng hàng đầu trong việc giáo dục trí tuệ cho trẻ. Những gì trẻ lĩnh hội được trên những giờ chơi — tập sẽ tiếp tục được củng cố trong các giờ chơi tự do với đồ vật, đồ chơi. Do vậy, người lớn cần chú ý đến việc lựa chọn những mẫu đồ chơi phù hợp với nhiệm vụ giáo dục và biết khéo gợi hứng thú của trẻ đối với đồ vật, đồ chơi yêu thích của mình.

2.4. Nội dung và phương pháp giáo dục trí tuệ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

2.4.1. Giáo dục và phát triển hoạt động nhận cảm cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

a) Ý nghĩa của việc giáo dục và phát triển hoạt động nhận cảm cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

Ở lứa tuổi nhà trẻ, tâm lí nói chung và trí tuệ nói riêng phát triển cực kì nhanh chóng. Về phương diện trí tuệ, hoạt động nhận cảm là hoạt động chiếm ưu thế, đánh dấu sự khôn lớn của trẻ, thoát đầu là những phản xạ không điều kiện (cầm, nắm...) rồi đến phản xạ định hướng (đưa mắt về nơi có ánh sáng chiếu tới, chịu nín khi nghe thấy tiếng mẹ vọng tới□); từ cảm giác bắt phân đến cảm giác được phân định; từ những thao tác mang tính tình cờ khi cầm nắm một đồ vật đúng tâm với đến việc hoạt động có đối tượng với đồ vật mà nó thích, nó quen□ là những dấu hiệu về sự phát triển trí tuệ của trẻ, ta có thể quan sát được từng tháng, thậm chí từng tuần. Tất cả những bước phát triển này không phải do sự tăng trưởng của cơ thể mang lại mà phần lớn là do các kích thích từ bên ngoài tác động vào cơ quan nhận cảm, thúc đẩy trẻ vận động, nhờ đó mà hoạt động nhận cảm của trẻ hình thành và phát triển. Tốc độ phát triển vận động và tích tích cực trong hoạt động nhận cảm của trẻ phụ thuộc rất lớn vào công tác chăm sóc giáo dục của người lớn.

Nếu người lớn không chú ý hoặc bỏ qua giai đoạn phát triển quan trọng này của trẻ thì vô hình chung ta đã bỏ qua một cơ hội vàng để phát triển trí tuệ cho trẻ và khó có thể bù đắp lại được cho trẻ vào những giai đoạn sau. Thực tế đã cho hay, một đứa trẻ mà các giác quan của nó kém tinh tường, khả năng vận động kém (chậm chạp, yếu ớt...) thường là những đứa trẻ chậm phát triển trí tuệ.

Các nhà giáo dục học Xô viết cho rằng, ngay từ khi mới sinh ra đứa trẻ đã có các giác quan tương đối hoàn chỉnh, nhưng bản thân đứa trẻ không có khả năng tri giác các đồ vật và hiện tượng xung quanh nó. Việc hình thành tri giác cho trẻ nhỏ là quá trình người lớn truyền thụ cho trẻ kinh nghiệm xã hội lịch sử một cách vô tình, ngẫu nhiên hoặc bằng dạy học. Nếu quá trình truyền thụ kinh nghiệm cho trẻ có sự hướng dẫn có chủ định của người lớn sẽ đảm bảo và tạo điều kiện cho sự phát triển của trẻ có hiệu quả hơn; khắc phục được tình trạng rời rạc, thiếu hệ thống và sai lệch trong các biểu tượng về thế giới xung quanh của trẻ.

Mặt khác, nhận thức cảm tính (cảm giác, tri giác) là cơ sở của nhận thức lí tính (tư duy, tưởng tượng). Nói như cách nói của Lênin: Các cảm giác là những viên gạch đầu tiên xây lên

lâu dài nhận thức. Các nhà tâm lí học trẻ em khẳng định rằng, sự phát triển tư duy nói riêng và trí tuệ nói chung phụ thuộc rất lớn vào năng lực nhận cảm của trẻ.

Như vậy ta có thể khẳng định rằng, giáo dục và phát triển hoạt động nhận cảm cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ là cực kì quan trọng trong việc giáo dục trí tuệ nói riêng và giáo dục toàn diện cho trẻ.

b) Nội dung và phương pháp giáo dục và phát triển hoạt động nhận cảm cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

Căn cứ vào đặc điểm phát triển của trẻ trong từng độ tuổi, người ta xác định nội dung chủ yếu của việc giáo dục và phát triển hoạt động nhận cảm cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ như sau:

— *Trong năm đầu:*

+ Phát triển và giáo dục nhận cảm vận động (thông qua phát triển các vận động: lẫy, bò, ngồi, tập đi□) và các cử động của bàn tay, ngón tay.

+ Phát triển xúc giác (cảm giác da), thị giác, thính giác.

+ Luyện tập cho trẻ biết phối hợp thị giác, thính giác với vận động.

— *Trong năm thứ hai và năm thứ ba:*

+ Hình thành và phát triển năng lực nhận cảm như phân biệt được độ lớn, màu sắc, hình dáng, âm thanh của đồ vật, vị trí không gian của đồ vật so với các đồ vật khác.

+ Tiếp tục phát triển cảm giác vận động: bò, trườn, chạy, nhảy, sự linh hoạt và khéo léo của đôi bàn tay.

+ Hình thành "chuẩn nhận cảm" (màu sắc, mùi, vị...), khả năng định hướng không gian (trước — sau, trên — dưới, trong — ngoài, cao — thấp...) và khả năng định hướng thời gian (trong ngày: sáng, trưa, chiều, tối; hôm qua, hôm nay; trong tuần).

Những nội dung giáo dục trên đây cần được tiến hành thông qua việc tổ chức các hoạt động đa dạng, phù hợp với lứa tuổi cho trẻ. Dưới đây là một số con đường giáo dục và phát triển nhận cảm cơ bản cho trẻ:

— Tổ chức hoạt động giao lưu giao tiếp giữa trẻ với những người xung quanh. Chúng ta biết rằng, ngay từ khi sinh ra, giao tiếp đã trở thành nhu cầu thiết yếu đối với trẻ. Thoạt đầu là giao tiếp xúc cảm rồi giao tiếp bằng lời (lúc đầu là kết hợp giữa lời nói với cử chỉ, hành động, sau đó chủ yếu bằng lời), là con đường cơ bản phát triển hoạt động nhận cảm cho trẻ (phát triển thị giác, thính giác, khả năng định hướng không gian, thời gian...).

— Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ trong các giờ chơi tập, chơi tự do... Thông qua hoạt động với đồ vật, được sự tổ chức hướng dẫn của người lớn, đứa trẻ nhận ra được các thuộc tính bề ngoài của sự vật, hiện tượng khách quan: hình dáng, màu sắc, tên gọi, âm thanh và vị trí không gian của vật này so với vật kia... Nhờ đó trẻ có được biểu tượng đầy đủ hơn về đồ vật, hiện tượng.

— Tổ chức cho trẻ thực hiện các bài luyện tập giác quan nhằm phát triển cảm giác, tri giác, vận động cho trẻ ⁽¹⁾.

Trong quá trình giáo dục và phát triển hoạt động nhận cảm cho trẻ, đồ dùng, đồ chơi..., đặc biệt là sự tổ chức, hướng dẫn của người lớn giữ vai trò quan trọng. Người lớn, cô nuôi dạy trẻ cần chọn đồ chơi, đồ vật phù hợp để hướng dẫn và cùng chơi với trẻ (khi cần thiết). Khi trẻ hoạt động với đồ vật, người lớn không chỉ giúp trẻ nắm được các thuộc tính bề ngoài của chúng (màu sắc, hình dáng, kích thước, âm thanh...) mà cần giúp trẻ hiểu được cả chức năng sử dụng chúng trong sinh hoạt hàng ngày. Điều quan trọng ở đây là, người lớn phải kích thích trẻ hoạt động, tạo điều kiện cho trẻ hoạt động, gây hứng thú để trẻ có nhu cầu hoạt động, nhu cầu "khám phá" những "bí ẩn" của đồ dùng, đồ chơi. Quan sát đứa trẻ 2 — 3 tuổi ta thấy, nó rất lí thú khi tìm ra được công dụng của nhiều đồ dùng trong nhà: thìa để xúc cơm, cốc để uống nước...

Mặt khác, khi hướng dẫn trẻ luyện các giác quan, cần tập cho trẻ biết cách quan sát và nhận ra đồ vật, phân biệt vật này với vật kia theo một dấu hiệu nào đó (màu sắc, hình dáng, âm thanh...), cho trẻ được trực tiếp thao tác với đồ vật (không làm thay trẻ), hướng dẫn bằng lời kèm theo minh họa, làm mẫu để trẻ bắt chước. Nếu trẻ chưa tự thao tác được, người lớn cần cùng làm với trẻ; cần làm giàu vốn sống của trẻ bằng cách cho trẻ tham gia nhiều vào việc nghe, nhìn, ngửi, nếm, sờ mó, cầm nắm...

2.4.2. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

a) Ý nghĩa của việc phát triển ngôn ngữ đối với việc giáo dục trí tuệ cho trẻ

Ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp, phương tiện nhận thức thế giới xung quanh của con người. Mặt khác, sự phát triển ngôn ngữ là một dấu hiệu của sự phát triển trí tuệ.

Đối với trẻ nhỏ, giao tiếp bằng ngôn ngữ với những người xung quanh là một nhu cầu bức thiết và được nảy sinh từ rất sớm. Nếu người lớn không đáp ứng kịp thời sẽ khó hình thành tính tích cực giao tiếp bằng ngôn ngữ ở trẻ. Thoạt đầu là những tập hợp âm gừ, gừ, ầu ơ chưa thành tiếng ở đứa trẻ. Nếu người lớn bắt chước những âm thanh đó, thì đứa trẻ sẽ tiếp tục lặp lại, và đứa trẻ nhận ra rằng những âm thanh nó phát ra được người lớn đáp lại, trẻ trở nên thích thú và mong muốn được giao tiếp với người lớn. Trong quá trình giao lưu giao tiếp bằng ngôn ngữ với người lớn, đứa trẻ tiếp nhận được ngôn ngữ mà người lớn thường giao tiếp với nó. Đến cuối năm đầu, khi mà cơ quan phát âm đã phát triển, đứa trẻ bắt đầu bập bẹ những từ đầu tiên (thường chưa chuẩn, câu một từ, hai từ kèm theo cử chỉ) để thể hiện mong muốn của mình. Người lớn đáp ứng kịp thời (phản ứng bằng ngôn ngữ kèm những cử chỉ, việc làm) nhằm thoả mãn nhu cầu của trẻ. Khi đó đứa trẻ nhận ra rằng, ngôn ngữ là một phương tiện để giao tiếp với người lớn, và trẻ tích cực giao tiếp với người lớn bằng ngôn ngữ. Vì thế việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ kịp thời là một nhiệm vụ quan trọng của giáo dục trí tuệ cho trẻ nhà trẻ.

Ngôn ngữ phát triển kéo theo năng lực định hướng trong môi trường xung quanh được phát triển. Trong cuộc sống và hoạt động, nhờ giao tiếp với người lớn trẻ không chỉ nắm được tên gọi

⁽¹⁾ Xem thêm các bài luyện tập giác quan cho trẻ trong *Chương trình chăm sóc — giáo dục trẻ nhà trẻ*, NXB Giáo dục, 2004.

của đồ vật mà còn nắm được vị trí không gian của nó so với các vật khác, trình tự thời gian (trước, sau) của sự vật, hiện tượng...

Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ dưới ba tuổi còn liên quan chặt chẽ đến sự phát triển tư duy trực quan hành động, sự chú ý, trí nhớ của trẻ. Khi tiếp xúc với đồ vật xung quanh cũng như khi giao tiếp với người lớn, trẻ bắt đầu phân biệt và khái quát những dấu hiệu đặc trưng, riêng biệt của các đồ vật. Sự chú ý, trí nhớ của trẻ lứa tuổi này thường là không chủ định. Thông qua chơi — tập và các hoạt động giáo dục khác mà chú ý có chủ định, ghi nhớ có chủ định được hình thành.

Thực tiễn cho hay rằng, nếu ở lứa tuổi nhà trẻ mà đứa trẻ bị hạn chế giao tiếp với người lớn hoặc người lớn không quan tâm một cách đúng mức đến việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ thì không những ngôn ngữ của trẻ kém phát triển mà các mặt khác cũng bị trì trệ.

Như vậy, giáo dục trẻ em lứa tuổi nhà trẻ mà không chú ý đến việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ là một thiếu sót lớn, vì đã bỏ lỡ một thời cơ để phát triển trí tuệ nói riêng và phát triển toàn diện cho trẻ.

b) Nội dung và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ⁽¹⁾

Căn cứ vào sự tăng trưởng và phát triển của trẻ trong 3 năm đầu người ta xác định nội dung chủ yếu của việc phát triển ngôn ngữ của trẻ em lứa tuổi nhà trẻ như sau:

— *Trong năm đầu:*

+ Hình thành và phát triển nhu cầu giao tiếp bằng ngôn ngữ cho trẻ.

+ Tập cho trẻ nghe và phát âm những từ quen thuộc (đơn giản); dạy trẻ nói được một số từ và làm được một số động tác đơn giản theo lời nói của người lớn.

— *Trong năm thứ hai và năm thứ ba:*

+ Củng cố và nâng cao nhu cầu giao tiếp bằng ngôn ngữ cho trẻ.

+ Phát triển vốn từ, giúp trẻ hiểu và làm theo lời nói của người khác; dạy trẻ biết diễn đạt được ý muốn của mình bằng những câu đơn giản.

Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ nhỏ được biểu hiện ở hai mặt cơ bản: một là hiểu được lời nói của người khác, hai là nói cho người khác hiểu ý mình.

Về hiểu lời nói của người khác, thì lúc đầu trẻ chỉ hiểu lời nói trong chính hoàn cảnh giao tiếp. Nghĩa là trẻ chỉ hiểu được lời nói thể hiện sự vật hay hiện tượng nào đó khi chính sự vật hiện tượng đó xảy ra trước mắt. *Ví dụ*, muốn hiểu được từ "cái ca" thì phải có trước mắt một cái ca hoặc một bức tranh vẽ cái ca. Lúc đó trẻ tìm được mối liên hệ giữa lời nói với sự vật, hiện tượng xung quanh, tức là hiểu được lời nói. Tương tự như vậy, trẻ chỉ phản ánh đúng lời nói của những người xung quanh nếu các từ ngữ được lặp lại nhiều lần cùng với những cử chỉ tương ứng. *Ví dụ*, khi người lớn nói "bắt tay nào" thì đồng thời người lớn cũng phải đưa tay ra bắt lấy tay trẻ. Làm như vậy trẻ sẽ nhanh chóng hành động đáp lại lời nói. Vì lúc đó trẻ không những chỉ phản ứng với từ ngữ mà còn đối với toàn bộ tình huống nói chung. Nghĩa là lời nói phải gắn

⁽¹⁾ Xem thêm: Đinh Hồng Thái, *Phát triển hoạt động lời nói cho trẻ mầm non*, NXB Đại học Sư phạm, 2005

liên với hoàn cảnh giao tiếp thì mới tạo thành tín hiệu hành động. Do đó, muốn trẻ hiểu được nội dung lời nói của người lớn thì cần phải tạo ra tình huống cụ thể.

Nói cho người khác hiểu ý mình là một bước phát triển mới về ngôn ngữ, trí tuệ của trẻ. Điều này diễn ra khi đứa trẻ hiểu được ngôn ngữ của người khác không cần kèm theo tình huống cụ thể; làm theo lời chỉ dẫn của người lớn trong những tình huống khác nhau. Nghĩa là vốn từ của trẻ đã khá phong phú, nhu cầu diễn đạt bằng lời mong muốn, ý nghĩ của mình cho người khác hiểu được bộc lộ và phát triển. Thoạt đầu là những câu một từ kèm theo cử chỉ diễn ra trong một tâm cảnh cụ thể, chỉ người thường xuyên tiếp xúc với trẻ mới hiểu được (mẹ, cô giáo, người giúp việc...). Sau đó là những câu hỏi 2, 3 từ, rồi câu đầy đủ (đúng ngữ pháp) người nào cũng hiểu được trẻ muốn gì.

Để phát triển ngôn ngữ cho trẻ tuổi nhà trẻ, người lớn cần:

— Hình thành và phát triển nhu cầu giao tiếp bằng ngôn ngữ cho trẻ càng sớm càng tốt.

— Thường xuyên gần gũi, nói chuyện âu yếm với trẻ (ngay cả khi trẻ chưa biết nói). Trong quá trình âu yếm, trò chuyện với trẻ, qua vành môi, ánh mắt, cử chỉ âu yếm của người lớn, đứa trẻ thông hiểu ngôn ngữ của người lớn. Trên cơ sở đó trẻ dần dần phát âm thành từ, thành tiếng. Lúc này người lớn cần tạo điều kiện cho trẻ tập nói, và tận dụng mọi cơ hội (khi trẻ ăn, khi cho trẻ đi dạo, khi chơi — tập...) để dạy trẻ nói và mở rộng vốn từ cho trẻ.

— Tổ chức các hoạt động với đồ vật, tạo điều kiện cho trẻ tiếp xúc với người lớn để trẻ có dịp được nói, được nghe và hiểu khi người khác nói.

— Trong hoạt động cũng như sinh hoạt cuộc sống, điều gì trẻ đã biết nên hỏi trẻ để trẻ tự trả lời. Khi trẻ không trả lời được người lớn nói cho trẻ nhắc lại. Khi trẻ muốn gì, người lớn yêu cầu trẻ nói, nếu trẻ chưa nói được thì người lớn nói cho trẻ nghe.

— Tập cho trẻ nói rõ ràng, mạch lạc. Nếu trẻ nói lắp hay nói ngọng thì cần phải uốn nắn kịp thời. Không nên bắt trẻ nói những câu quá dài và cũng không nên bắt trẻ nói quá nhiều lần một câu.

— Trong sinh hoạt hàng ngày, người lớn cần nói những câu thanh lịch, có hình ảnh để trẻ bắt chước như: nói đúng từ, đúng câu, rõ ý, không nói trống không; lời nói có âm điệu, có hình ảnh□

Tóm lại, đối với trẻ em lứa tuổi nhà trẻ, nhất là từ 2 đến 3 tuổi là thời kì quan trọng để dạy trẻ nói. Người lớn cần phải nắm lấy cơ hội này để dạy trẻ nói sao cho hiệu quả nhất. Không chỉ dạy trẻ phát âm sao cho đúng mà còn dạy trẻ những lời nói đẹp, biết chào hỏi, xin lỗi□ Qua đó dạy trẻ cách ứng xử với mọi người xung quanh.

3. Giáo dục đạo đức cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ

3.1. Khái niệm và ý nghĩa của giáo dục đạo đức cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

3.1.1. Khái niệm giáo dục đạo đức

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, thực hiện chức năng xã hội hết sức quan trọng là điều chỉnh hành vi của con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đạo đức được nảy sinh từ nhu cầu của xã hội, điều hoà và thống nhất lợi ích chung của tập thể xã hội và lợi ích riêng của cá nhân, nhằm đảm bảo trật tự xã hội và khả năng phát triển của xã hội.

Đạo đức cá nhân được hình thành và phát triển trong quá trình con người hoạt động, giao lưu giao tiếp với những người xung quanh. Đạo đức được biểu hiện ra bên ngoài ở tri thức, hiểu biết của cá nhân về các yêu cầu của chuẩn mực hành vi đạo đức, hệ thống thái độ — tình cảm đạo đức, hành vi và thói quen đạo đức trong quan hệ ứng xử giữa con người với con người, giữa con người với môi trường xung quanh trong cuộc sống hằng ngày.

Giáo dục đạo đức là một bộ phận quan trọng có tính chất nền tảng của giáo dục nhân cách con người mới. Giáo dục đạo đức là một quá trình lâu dài, được diễn ra ngay từ khi còn thơ bé cho đến khi trưởng thành, thậm chí suốt đời.

Đối với trẻ thơ, giáo dục đạo đức là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch nhằm trang bị cho trẻ những hiểu biết sơ đẳng về những yêu cầu của chuẩn mực hành vi đạo đức trong các mối quan hệ ứng xử, rèn cho trẻ có tình cảm, hành vi và thói quen hành vi đúng đắn trong các mối quan hệ ứng xử hằng ngày. Trên cơ sở đó hình thành cho trẻ những phẩm chất đạo đức, những nét tính cách của con người Việt Nam.

3.1.2. Ý nghĩa và nhiệm vụ của giáo dục đạo đức cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

Sinh ra không phải trẻ đã có đạo đức, nhân cách mà đó là kết quả của quá trình giáo dục và tự giáo dục. Bàn về vấn đề này, Hồ Chủ tịch khẳng định:

*"Hiền dữ phải đâu là tính sẵn
Phần nhiều do giáo dục mà nên".*

Như trên đã trình bày, giáo dục đạo đức phải được diễn ra ngay từ khi đứa trẻ còn thơ bé. Mặc dù đây là một công việc khó khăn nhưng rất quan trọng. Ông cha ta đã từng nói "Dạy con từ thuở còn thơ" là vậy.

Dưới tác động sư phạm của người lớn, ngay từ những tháng năm đầu tiên của cuộc đời, đứa trẻ đã có những hành vi ứng xử đúng đắn, trên cơ sở đó và cùng với nó đứa trẻ nhận ra cái gì là tốt, cái gì là xấu, cái gì được phép, cái gì không được phép. Nghĩa là trẻ có biểu tượng sơ đẳng về chuẩn mực hành vi đạo đức. Những biểu tượng đầu tiên ấy để lại dấu ấn trong suốt cuộc đời. Do vậy, cần phải xây dựng cho trẻ những khái niệm dù là sơ đẳng nhất nhưng chính xác và phản ánh được đạo đức của xã hội, mang bản sắc dân tộc Việt Nam. Đồng thời người lớn cần phải uốn nắn những nhận thức, hành vi, thái độ lệch chuẩn của trẻ ngay từ bé, tránh để những lệch lạc ấy trở thành thói quen khó sửa, khó uốn. Cổ nhân đã dạy: "Tre non dễ uốn, tre già nổ đốt", "Bé không vin, cả gãy cành". Phải chăng những câu nói ấy của người đời đều khẳng định ý nghĩa to lớn của việc giáo dục đạo đức cho con người ngay từ thuở còn thơ. Vấn đề đặt ra là, phải xác định được nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục phù hợp với từng độ tuổi.

Ở lứa tuổi nhà trẻ, giáo dục đạo đức cho trẻ bao gồm những nhiệm vụ cơ bản sau:

— Giáo dục cho trẻ có những hành vi, thái độ lành mạnh đối với mọi người gần gũi xung quanh:

- + Trẻ biết yêu thương, gắn bó, quan tâm đến người thân.
- + Trẻ có thái độ đúng mực, hồ hởi khi chào hỏi người lớn.
- + Trẻ biết thực hiện những yêu cầu của người lớn.
- + Trẻ có thái độ thân thuộc với bạn bè cùng tuổi.

— Tập cho trẻ tính tự lập và một số quy tắc hành vi ứng xử xã hội đơn giản, ban đầu như:

- + Biết giữ gìn, bảo quản đồ dùng, đồ chơi, quần áo.
- + Biết cảm ơn, xin lỗi, biết chào hỏi lễ phép.
- + Biết yêu quý cây cối và con vật gần gũi.
- + Thực hiện những công việc người lớn yêu cầu...

— Tập cho trẻ thói quen vệ sinh, ngăn nắp, thật thà... trong sinh hoạt cũng như chơi tập.

3.2. Điều kiện và phương tiện giáo dục đạo đức cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

3.2.1. Điều kiện để giáo dục đạo đức cho trẻ

— Người lớn phải thực sự yêu thương, đùm bọc, che chở cho trẻ. Được người lớn nâng niu, vỗ về, được vui đùa quán quýt bên người thân thì dù ở nhà hay ở trường mầm non trẻ luôn tìm thấy ở đó sự "an toàn", niềm vui và độ tin cậy. Do vậy, cô nuôi dạy trẻ phải là người mẹ thứ hai của trẻ thì công tác dạy dỗ mới có hiệu quả.

Trẻ nhỏ rất tinh, nó dễ dàng nhận ra tình yêu thương của người lớn đối với nó, nó sẽ tin yêu và nghe lời người nào yêu thương nó. Trẻ nhỏ ưa tình cảm, giáo dục bằng tình cảm và thông qua tình cảm sẽ mang lại hiệu quả hơn. Quát mắng không phải là biện pháp giáo dục trẻ lứa tuổi này. Mặt khác, ở gia đình cũng như ở trường mầm non, người lớn không nên phân biệt đối xử giữa các cháu (yêu đứa này, ghét đứa kia). Đối xử như vậy, những trẻ không được yêu dễ bị tủi thân, dễ sinh tự ti, tự ái và dễ có những phản ứng tiêu cực, còn những trẻ được yêu chiều lại dễ sinh ra tính ích kỉ, kiêu căng, coi thường người khác.

— Người lớn phải có sự thống nhất với nhau trong việc giáo dục trẻ. Ở gia đình cũng như ở trường mầm non, người lớn cần phải thống nhất với nhau trong việc yêu cầu trẻ thực hiện các chuẩn mực hành vi đạo đức, văn hoá trong quan hệ ứng xử, có thái độ nhất quán đối với những hành vi, lời nói, việc làm của trẻ. Tránh tình trạng "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược". Cùng một hành vi, việc làm của trẻ người thì yêu cầu thế này, người thì yêu cầu thế khác, người thì đồng tình, người thì phản ứng...

Thực tế cho hay rằng, khi hình thành cho trẻ một nề nếp, thói quen nào đó (ví dụ thói quen chào hỏi lễ phép, ăn uống vệ sinh, ngăn nắp trong sinh hoạt...) nếu không có sự thống nhất về yêu cầu, về phương pháp giáo dục và rèn luyện giữa gia đình và nhà trường hay giữa bố và mẹ của trẻ... thì việc hình thành nề nếp, thói quen đó sẽ khó khăn hơn và việc hình thành niềm tin vào các yêu cầu của chuẩn mực hành vi đạo đức cũng khó khăn hơn. Trẻ không biết làm theo ai (bố, mẹ, hay cô giáo) là đúng.

— Người lớn luôn luôn gương mẫu, là hình ảnh tốt đẹp để trẻ nói theo. Đối với trẻ thơ, bố mẹ, ông bà, cô giáo là những "thần tượng" mà trẻ bắt chước, làm theo. Trẻ bắt chước lời ăn tiếng nói, hành vi, việc làm, cách cư xử của người lớn với nhau, người lớn với trẻ trong hành vi, việc làm, cách ứng xử của mình. Dĩ nhiên, sự bắt chước này không ngoại trừ những cái xấu. Trong thực tế, nhiều khi cái xấu dễ tiềm nhiễm và tiềm nhiễm nhanh hơn vào cuộc sống của trẻ. Do vậy, người lớn gương mẫu còn là điều quan trọng hơn cả những lời khuyên bảo, dạy dỗ trẻ.

— Người lớn cần tạo điều kiện cho trẻ được luyện tập những hành vi đạo đức tốt đẹp thông qua giao lưu giao tiếp với người lớn, với bạn bè, với môi trường thiên nhiên, thông qua các hoạt động đa dạng: chơi — tập, dạo chơi, hát múa, đi dạo và trong sinh hoạt (ăn uống, vệ sinh...).

— Người lớn phải biết động viên, khuyến khích kịp thời những hành vi, cử chỉ, lời nói đẹp của trẻ và uốn nắn kịp thời những hành vi, cử chỉ, lời nói chưa đúng mực của trẻ.

3.2.2. Phương tiện giáo dục đạo đức cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

Phương tiện giáo dục đạo đức cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ rất đa dạng và phong phú. Ở đây chỉ giới thiệu một số phương tiện cơ bản:

— Các hoạt động giao lưu, giao tiếp của trẻ với môi trường sống xung quanh trẻ. Đó là:

+ Mối quan hệ giao tiếp giữa trẻ em với người lớn (bố mẹ, ông bà, cô giáo...). Trong quan hệ giao tiếp với trẻ, bằng tình yêu thương, đùm bọc, che chở của mình, người lớn giúp trẻ nhận thức một cách nhẹ nhàng yêu cầu của các chuẩn mực hành vi, thực hiện một cách tự giác (hồn nhiên) những yêu cầu đó trong quan hệ ứng xử. Và chính trong mối quan hệ giao tiếp với người lớn mà đứa trẻ điều chỉnh được hành vi, thái độ chưa đúng của mình trong quan hệ ứng xử.

+ Mối quan hệ giao tiếp giữa trẻ em với trẻ em (bạn cùng tuổi, cùng lớp). Thông qua các hoạt động cùng nhau (chơi — tập, đi dạo, sinh hoạt hằng ngày□) đứa trẻ có dịp được cọ sát với nhau, được sự dạy bảo của người lớn, đứa trẻ biết cách quan hệ ứng xử với nhau sao cho thân thiện. Đồng thời qua những hoạt động cùng nhau này mà đứa trẻ được rèn luyện hành vi ứng xử với bạn bè. Mặt khác, thông qua hoạt động cùng nhau, trẻ bắt chước lẫn nhau trong hành vi, việc làm, cách ứng xử.

+ Mối quan hệ giao lưu — tiếp xúc với môi trường thiên nhiên (vật nuôi, cây trồng...). Qua mối quan hệ này, người lớn dạy trẻ biết yêu thương loài vật, bảo vệ, chăm sóc cây cối...

— Các loại hình hoạt động đa dạng ở nhà trẻ: chơi — tập, đi dạo, múa hát... Thông qua các hoạt động này cô giáo mầm non cung cấp cho trẻ những biểu tượng về các chuẩn mực hành vi đạo đức đúng đắn trong cuộc sống và hình thành ở trẻ cơ sở ban đầu của những phẩm chất đạo đức lành mạnh, trong sáng: thật thà, yêu thương con người, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau...

— Chế độ sinh hoạt hằng ngày. Việc thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt hằng ngày sẽ hình thành ở trẻ tác phong sống lành mạnh: giờ nào việc ấy, gọn gàng, ngăn nắp, ý thức tập thể...

3.3. Nội dung và phương pháp giáo dục đạo đức cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

3.3.1. Phát triển xúc cảm lành mạnh cho trẻ

Xúc cảm lành mạnh là một nội dung cơ bản của giáo dục đạo đức cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ. Khi trẻ vui sướng, thoải mái và cảm thấy an toàn là lúc thuận lợi nhất để giúp trẻ ngoan và làm theo mong muốn của người lớn. Trong vòng tay người mẹ, lúc bú mẹ là lúc trẻ cảm thấy an toàn nhất về tinh thần và thoải mái nhất về dinh dưỡng, người mẹ cần tận dụng cơ hội đó để giao tiếp với trẻ. Vừa cho con bú, người mẹ vừa vỗ về nựng nịu, vuốt ve em bé làm cho em bé cảm thấy đầm ấm, sung sướng (mắt nhìn vào mắt mẹ, chân đạp, tay quờ quạng...) — một xúc cảm tuyệt vời mà không ai có thể tạo ra được ngoài người mẹ. Những cử chỉ âu yếm, vỗ về, những bài hát ru để đưa trẻ vào giấc ngủ đã gieo vào lòng con trẻ bao cảm xúc đẹp đẽ, êm đềm. Cứ thế làm cho đời sống tinh thần của trẻ được phong phú, trẻ cảm thấy yêu mẹ, yêu mọi người và yêu cả thế giới xung quanh. Sự thờ ơ lạnh nhạt của người lớn — người mẹ (cho con bú chỉ cốt cho mau no, tắm cho con chỉ cốt cho mau sạch...) sau đó thả con lê la hoặc nằm nôi để đi làm việc khác, dẫn đến cảm giác không an toàn ở trẻ. Người lớn đã mất thời cơ thuận lợi để gieo mầm những cảm xúc tốt đẹp trong con trẻ. Với cách giao tiếp như vậy của người lớn sẽ tạo ra ở trẻ cảm giác lạnh nhạt, thờ ơ, không có nhu cầu giao tiếp với mọi người, trước mắt là người mẹ, từ đó sinh ra bản tính, thậm chí có trẻ trở nên yếu đuối mà sinh ra bệnh tật.

Đành rằng, sự vỗ về, âu yếm, đùm bọc, che chở cho trẻ là rất cần thiết, song nếu thái quá, khiến trẻ lúc nào cũng đòi hỏi phải có người lớn bên cạnh mình sẽ khó hình thành tính tự lập ở trẻ. Cần tập cho trẻ thói quen có lúc ngủ, chơi một mình.

Người lớn không được để cho trẻ đối giao tiếp, mà cần triệt để tận dụng việc cho trẻ giao lưu xúc cảm với mẹ và những người xung quanh để tạo nên cảm xúc lành mạnh cho trẻ. Người mẹ và cô nuôi dạy trẻ cần dành thời gian để "nói chuyện" với trẻ càng nhiều càng tốt. Trong những cuộc trò chuyện ấy (có thể bằng cử chỉ, nét mặt, điệu bộ, ánh mắt □ khi trẻ chưa nói được) tuy chưa có gì sâu sắc nhưng chúng thể hiện tình cảm yêu thương giữa người lớn với trẻ em; người lớn đã nói với trẻ bằng cả tấm lòng và đứa trẻ cũng nghe với tất cả niềm sung sướng, say mê của mình, từ đó khơi dậy ở trẻ những xúc cảm tích cực và lòng yêu thương con người.

Người lớn cần tạo điều kiện để trẻ được bộc lộ tình cảm của mình đối với người thân (hôn mẹ, hôn cô, sờ râu, vuốt má bố...). Tuyệt đối không được dọa nạt trẻ (ma, cọp, bóng đêm...) làm trẻ kinh hoàng. Tập cho trẻ dễ làm quen, cởi mở với mọi người, giúp đỡ và dạy trẻ trong giao lưu xúc cảm. Dạy trẻ biết vui mừng khi thoải mái nhu cầu (biết cảm ơn khi được người khác làm cho việc tốt, cho quà, đồ chơi...).

3.3.2. Dạy trẻ biết yêu quý người thân, gắn bó với bạn bè và biết nghe lời người lớn

Trên cơ sở hình thành cho trẻ những xúc cảm lành mạnh với mọi người xung quanh, dần dần hình thành ở trẻ thái độ, tình cảm yêu quý, gắn bó với những người xung quanh (bố mẹ, ông bà, cô giáo, bạn bè...). Từ đó, dạy trẻ biết nghe lời người lớn. Như đã trình bày trên đây, trẻ nhỏ rất nhạy cảm, trong cuộc sống hàng ngày ai vỗ về, âu yếm, gắn bó với nó thì nó sẽ gắn bó, tin yêu và dễ dàng nghe lời người đó. Ngược lại, nếu người lớn thờ ơ, lạnh nhạt, hoặc vì bận bịu với

công việc xã hội mà không thường xuyên âu yếm, vô về trẻ thì dần dần đứa trẻ trở nên xa cách, không gắn bó mật thiết với người lớn. Do vậy, để dạy trẻ biết yêu quý và gắn bó với người thân, cần:

— Phải thương yêu, quý mến trẻ bằng cả tấm lòng nhân hậu của mình. Được nhận tình yêu thương, đùm bọc của người lớn là niềm hạnh phúc lớn nhất của trẻ thơ. Nó như cơm ăn, nước uống, không khí hít thở hàng ngày, làm cho đứa trẻ phát triển một cách bình thường về thể chất và tinh thần. Bằng tình yêu thương đùm bọc của người lớn, đứa trẻ trở nên yêu thương, gắn bó với cha mẹ, ông bà, cô giáo và bạn bè trong cuộc sống hàng ngày. Thực tế cho hay rằng, nhiều đứa trẻ khi mới đi nhà trẻ rất sợ sệt, khóc lóc cả tuần, bằng sự yêu thương, tận tâm với công việc của cô giáo, sau một thời gian ngắn đứa trẻ cảm thấy vui khi được đến trường, được nói chuyện với cô, được cùng chơi với bạn bè. Niềm vui đến trường là một yếu tố rất quan trọng đối với người học sinh (ở mọi cấp học), nó thúc đẩy học sinh tích cực, tự giác trong học tập và sinh hoạt tập thể ở trường, lớp.

— Cần làm cho trẻ dần dần hiểu được những người thân trong gia đình (ông bà, cha mẹ□) và cô giáo là những người trực tiếp chăm sóc trẻ hàng ngày và là những người dành cho trẻ những tình cảm thương yêu nhất, nên phải biết yêu quý ông bà, cha mẹ, cô giáo và biết nghe lời ông bà, cha mẹ, cô giáo, như vậy mới là bé ngoan.

— Đến 2 — 3 tuổi, trẻ bắt đầu có khuynh hướng độc lập, thích tự làm mọi việc như người lớn, song khả năng, sức lực còn hạn chế chưa cho phép trẻ làm được như người lớn. Mặt khác, người lớn một mặt vẫn giữ lối cư xử cũ, một mặt sợ trẻ làm đổ vỡ, nguy hiểm đến tính mạng trẻ nên thường ngăn cấm hoặc làm thay trẻ. Chính từ những nguyên nhân đó mà nhiều trẻ sinh ra bướng bỉnh: cứ khăng khăng tự làm lấy, thậm chí không làm theo ý muốn của người lớn. Các nhà tâm lý học gọi đó là "sự khủng hoảng của tuổi lên ba". Vì vậy, trong cuộc sống hàng ngày, người lớn cần phải điều chỉnh lối cư xử với trẻ: cần tôn trọng nhu cầu của trẻ, tạo điều kiện cho trẻ phát huy tính tự lập trong công việc, không áp đặt trẻ một cách cực đoan, nhưng cũng không thả nổi sự phát triển của trẻ. Người lớn phải luôn ở bên cạnh trẻ để động viên khuyến khích trẻ, giúp đỡ trẻ tháo gỡ những khó khăn khi trẻ gặp phải (cùng làm với trẻ, giúp đỡ "ngầm" hoặc khéo léo hướng trẻ sang một việc dễ hơn, đơn giản hơn...).

Người lớn không nên có thái độ coi thường trẻ, cấm đoán trẻ, trách mắng trẻ trước mặt người khác. Nhưng cũng không được "bao cấp", làm thay trẻ, làm mất tính chủ động sáng tạo của trẻ.

Người lớn cũng cần tỏ rõ thái độ của mình trước những hành vi, việc làm của trẻ. Nếu trẻ hư cần tỏ thái độ không đồng tình và ngăn chặn, khi trẻ bình tâm trở lại mới tìm lời giải thích cho trẻ hiểu. Nếu trẻ còn quá nhỏ nên dùng biện pháp di chuyển chú ý của trẻ sang đối tượng khác để có thể khắc phục được tính bướng bỉnh của mình. Không được dập tắt một cách thô bạo nhu cầu, hứng thú của trẻ bằng những mệnh lệnh hay roi vọt.

Một điều cần lưu ý nữa là, lứa tuổi nhà trẻ, tâm lý cá nhân vị kỷ bộc lộ khá rõ, trẻ muốn sở hữu tất cả, không muốn nhường nhịn cho người khác, cho bạn bè. Thông qua chế độ sinh hoạt

hàng ngày, những giờ chơi — tập... người lớn dạy trẻ biết nhường nhịn, giúp đỡ lẫn nhau, không tranh giành đồ dùng, đồ chơi của bạn, biết cùng chơi với bạn.

3.3.3. Giáo dục cho trẻ một số kỹ năng tự phục vụ và thói quen sinh hoạt cần thiết

Ngay từ lứa tuổi nhà trẻ, nhất là khi trẻ 2 — 3 tuổi, ta có thể hình thành cho trẻ một số kỹ năng tự phục vụ:

- Biết tự xúc cơm, uống nước;
- Biết rửa tay, giữ gìn quần áo sạch sẽ, gọn gàng;
- Biết lấy, cất đồ dùng, đồ chơi vào nơi đúng quy định, biết giữ gìn đồ dùng, đồ chơi □

Những kỹ năng này mới hình thành ở trẻ thường khó khăn và chưa bền vững, vì vậy người lớn phải thường xuyên củng cố thông qua những việc làm cụ thể của trẻ. Nếu cần, người lớn cần phải làm mẫu cho trẻ làm theo. Đồng thời phải có sự thống nhất giữa gia đình và nhà trường trong việc rèn luyện, củng cố kỹ năng tự phục vụ cho trẻ. Tránh tình trạng cô giáo thì cố gắng tạo điều kiện để trẻ tự phục vụ, trong khi đó, ở nhà bố mẹ lại muốn "làm thay" cho xong chuyện, để còn làm việc khác.

Thông qua những việc làm cụ thể, thường xuyên người lớn tập cho trẻ những thói quen sinh hoạt cần thiết: thói quen tự phục vụ, thói quen vệ sinh, gọn gàng, ngăn nắp □

Tất cả những điều trình bày trên đây chỉ là những nét chung, có tính chất định hướng trong công tác nuôi dạy trẻ. Cha mẹ, cô giáo cần nắm vững đặc điểm phát triển của trẻ ở từng độ tuổi để đề ra nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục một cách cụ thể, hợp lý nhằm kích thích trẻ hoạt động và dạy dỗ trẻ nên người.

4. Giáo dục thẩm mỹ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

4.1. Khái niệm và ý nghĩa của giáo dục thẩm mỹ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

4.1.1. Khái niệm giáo dục thẩm mỹ

Giáo dục thẩm mỹ, về bản chất là bồi dưỡng lòng khao khát đưa cái đẹp vào cuộc sống, tạo nên sự hài hoà giữa xã hội — con người — tự nhiên, nâng cao năng lực cảm thụ và sáng tạo cái đẹp ở con người, làm cho con người được phát triển một cách hài hoà trong mọi hoạt động lao động cũng như nghỉ ngơi, trong quan hệ gia đình cũng như xã hội.

Cũng như mọi hoạt động giáo dục khác, giáo dục thẩm mỹ là một quá trình lâu dài, diễn ra một cách có hệ thống: từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp. Giáo dục thẩm mỹ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ là sự khởi đầu cho toàn bộ quá trình giáo dục thẩm mỹ trong nhà trường.

Giáo dục thẩm mỹ cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ là một quá trình sư phạm nhằm hình thành và phát triển ở trẻ em năng lực ban đầu về cảm thụ và nhận thức đúng đắn cái đẹp trong đời sống sinh hoạt, xã hội, trong tự nhiên và trong nghệ thuật, giáo dục trẻ lòng yêu cái đẹp, sống theo cái đẹp và biết tạo ra cái đẹp trong cuộc sống.

Giáo dục thẩm mỹ là một khái niệm rộng, bao gồm việc giáo dục cho trẻ thái độ thẩm mỹ đối với thiên nhiên, lao động, đời sống xã hội và đối với nghệ thuật. Từ việc cho trẻ có được sự hiểu biết đúng đắn thế nào là đẹp, xấu đến sự hình thành thái độ tích cực ủng hộ cái đẹp, loại trừ

cái xấu, đồng thời có hành vi thích hợp với bản thân để tạo ra cái đẹp cho bản thân và cái đẹp trong cuộc sống xung quanh là một quá trình tác động sự phạm lâu dài của người lớn (cô giáo, cha mẹ, ông bà□).

4.1.2. Ý nghĩa của giáo dục thẩm mỹ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

Giáo dục thẩm mỹ là một trong những mặt quan trọng trong giáo dục con người phát triển toàn diện, do vậy trong giáo dục mầm non nói chung, giáo dục trẻ em lứa tuổi nhà trẻ không thể thiếu giáo dục thẩm mỹ.

Tuổi nhà trẻ là giai đoạn phát triển nhanh nhất các chức năng tâm lí, là giai đoạn hình thành cơ sở ban đầu về nhân cách. Trong đó phải kể đến những cơ sở để hình thành thị hiếu và năng khiếu thẩm mỹ sau này.

Đặc tính của cái đẹp và đặc tính của tuổi thơ rất gần nhau, nên trẻ nhỏ đến cái đẹp như đến với những gì thân thiết, quý mến. Trẻ tích cực, vui sướng khi được sống trong thế giới của cái đẹp: đồ dùng, đồ chơi đẹp, ngộ nghĩnh, màu sắc, âm thanh của cảnh vật xung quanh hấp dẫn... Vì vậy, nếu không giáo dục cái đẹp cho trẻ ngay từ khi còn nhỏ là bỏ lỡ một cơ hội trong giáo dục con người. Có thể coi đó là một sự lãng phí đáng kể trong việc bồi bổ những năng khiếu, những phẩm chất tốt đẹp cho tâm hồn trẻ thơ.

Mặt khác, tình yêu cái đẹp không phải là cái bẩm sinh mà nó được nảy sinh và phát triển trong quá trình giáo dục. Một em bé sẽ không thể có được tình yêu cái đẹp nếu chúng ta không tạo điều kiện để em bé đó tiếp xúc với nhiều cái đẹp xung quanh, không làm cho những thuộc tính sinh động và phong phú của cái đẹp tràn vào các giác quan của trẻ để ghi lại trong tâm trí nó những ấn tượng tươi mát, dễ chịu; nếu chúng ta không biết khéo gợi ở trẻ những xúc cảm tốt lành về con người và làm thức dậy trong trẻ những gì thân thiết, gần gũi khi tiếp xúc với cái đẹp.

Đừng nên nghĩ rằng, trẻ còn nhỏ không biết thế nào là đẹp, là xấu, mà chỉ cần cho ăn no, mặc ấm là được. Tất nhiên ăn no, mặc ấm là nhu cầu không thể thiếu, cần được thoả mãn để bảo đảm cho trẻ sống. Nhưng để lớn lên thành người, trẻ cần được thoả mãn nhiều nhu cầu tinh thần, trong đó có nhu cầu về cái đẹp và chính những nhu cầu ấy mới là động lực phát triển tâm lí, phát triển đời sống tinh thần của trẻ.

Lời ru ngọt ngào, giọng nói âu yếm, âm điệu du dương của một bản nhạc; bông hoa tươi sắc, đồ chơi nhiều dáng vẻ, màu sắc hài hoà... tất cả đều cần được đưa đến cho trẻ. Thiếu những cái tương như bình thường ấy sẽ là nỗi bất hạnh cho trẻ thơ. Sớm tiếp xúc với cái vẻ đẹp đó sẽ giúp cho việc hình thành ở trẻ những ấn tượng tươi mát, làm nảy sinh nhu cầu về cái đẹp, làm cho trạng thái tinh thần của trẻ được thoả mái, dễ chịu, trẻ sẽ luôn cười vui với mọi người. Nhưng ngược lại, những tác động xấu từ bên ngoài như: những lời nói tục tĩu, những nét mặt cau có, những hành vi thô lỗ, nơi ăn chốn ở nhếch nhác, bản thủ sẽ làm cho tính tình của trẻ trở nên cáu kỉnh, khó chịu hoặc nguy hại hơn là trẻ dễ thích nghi với cái xấu ngay từ tấm bé.

Giáo dục thẩm mỹ liên quan mật thiết với các mặt giáo dục nhân cách con người phát triển toàn diện, đặc biệt là giáo dục đạo đức và giáo dục trí tuệ. Cái đẹp của thế giới xung quanh (gia đình, trường lớp mầm non, góc sân chơi, màu sắc, hình dáng đồ chơi□) và cái đẹp trong nghệ thuật (hát múa, thơ truyện, tạo hình...) không những ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành nhận thức thẩm mỹ mà còn tác động đến việc hình thành tình cảm đạo đức cho trẻ. Những xúc cảm thẩm mỹ có ảnh hưởng lớn đến bộ mặt đạo đức của con người. Nhờ xúc cảm này mà tính cách của trẻ trở nên cao thượng, đời sống của trẻ thêm phong phú, trẻ thêm lạc quan hơn trong cuộc sống... Tất cả những điều đó tác động mạnh mẽ đến việc hình thành mối quan hệ tốt đẹp của trẻ với cuộc sống và con người. Thông qua việc tiếp nhận những tác phẩm nghệ thuật trẻ sẽ nhận thức đúng đắn về cái đẹp, cái xấu, cái bi, cái hài trong cuộc sống... điều đó ảnh hưởng lớn đến việc giáo dục các phẩm chất đạo đức cho trẻ (như lòng nhân ái, tính cộng đồng, hành vi đẹp trong cuộc sống xã hội...).

Qua giáo dục thẩm mỹ mà trẻ có được cảm thụ thẩm mỹ và nhận thức sâu sắc hơn những hiện tượng của cuộc sống, nhờ đó mở rộng tầm nhìn của trẻ, làm cho các biểu tượng về thế giới xung quanh càng thêm sâu sắc hơn, đồng thời khơi dậy ở trẻ lòng ham hiểu biết. Chẳng hạn, những đồ dùng, đồ chơi đẹp, màu sắc hài hoà□ sẽ giúp trẻ tri giác sự vật nhanh hơn, dễ dàng hơn, do vậy mà dễ hình thành được biểu tượng về đồ vật đó trong đầu. Mặt khác, trên cơ sở những biểu tượng phong phú về thế giới xung quanh được hình thành sẽ giúp cho trẻ cảm thụ cái đẹp sâu sắc hơn, xúc cảm thẩm mỹ của trẻ trở nên mạnh mẽ hơn. Thật vậy, xúc cảm thẩm mỹ không chỉ được xây dựng trên cơ sở cảm thụ cái đẹp, mà còn được dựa trên cơ sở hiểu biết sâu sắc hơn nội dung cái đẹp.

Có thể nói cái đẹp là dòng suối nuôi dưỡng lòng tốt và trí thông minh. Chính vì thế mà các nhà giáo dục học đã coi giáo dục thẩm mỹ là một mặt rất quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách ở trẻ mầm non nói chung và trẻ em lứa tuổi nhà trẻ nói riêng. Thiếu cái đẹp, đứa trẻ sẽ buồn rầu, già trước tuổi, thế giới tinh thần sẽ nghèo nàn, làm thui chột năng khiếu và những phẩm chất tốt đẹp của trẻ.

Cuộc sống tinh thần trong thế giới cái đẹp khơi dậy ở trẻ nhu cầu muốn làm cho mình trở nên đẹp hơn, nhu cầu khám phá cái đẹp ở xung quanh. Đứa trẻ càng sớm thấy được vẻ đẹp đó bao nhiêu thì sự phát triển đời sống tinh thần và thể chất của nó càng thuận lợi bấy nhiêu.

Tóm lại, giáo dục thẩm mỹ là việc làm không thể thiếu được trong công tác chăm sóc — giáo dục trẻ em lứa tuổi nhà trẻ. Giáo dục thẩm mỹ cần được tiến hành ngay từ nhỏ với những phương tiện đa dạng, phong phú.

4.2. Nhiệm vụ giáo dục thẩm mỹ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

Cũng như các mặt giáo dục khác, giáo dục thẩm mỹ cho trẻ là một quá trình lâu dài và mang tính hệ thống. Mỗi lứa tuổi có những nhiệm vụ giáo dục cụ thể phù hợp với đặc điểm phát triển của lứa tuổi đó. Ở lứa tuổi nhà trẻ, giáo dục thẩm mỹ bao gồm ba nhiệm vụ cơ bản sau:

4.2.1. Cung cấp và làm giàu ấn tượng xung quanh cho trẻ, trên cơ sở đó phát triển tri giác thẩm mỹ cho chúng

Quá trình phát triển thẩm mỹ của con người diễn ra ngay từ khi còn nhỏ. Khi mà thị giác và thính giác là phương tiện cơ bản giúp trẻ liên hệ với thế giới bên ngoài. Nhờ cặp mắt và đôi tai đứa trẻ tích lũy được những ấn tượng về thế giới.

Trẻ nhỏ thường hứng thú và có ấn tượng với những đồ vật, đồ chơi có màu sắc tươi sáng, sống động, phát ra âm thanh, những hiện tượng thiên nhiên "bí ẩn", hấp dẫn (mặt trời mọc, giọt sương long lanh, tiếng chim hót líu lo, những bông hoa đua sắc...), những hành vi, việc làm của mọi người gây cho trẻ tò mò, thích thú... Người lớn cần tạo điều kiện cho trẻ tiếp xúc với thế giới xung quanh để giúp trẻ có những ấn tượng phong phú, tốt đẹp về thế giới xung quanh. Bởi vì thế giới màu sắc, âm thanh, hình dáng, động tác càng phong phú, đẹp đẽ bao nhiêu thì việc giáo dục thẩm mỹ càng có cơ sở tốt bấy nhiêu.

Trong quá trình cho trẻ tiếp xúc với thế giới xung quanh, người lớn cần dạy trẻ biết nhìn và phát hiện ra vẻ đẹp của thế giới xung quanh (của đồ chơi, đồ dùng, của thiên nhiên và cuộc sống con người). Đối với trẻ em lứa tuổi nhà trẻ, đây là một việc làm khó khăn, vì trẻ chưa ý thức được cái đẹp trong cuộc sống xung quanh, chưa có tiêu chuẩn đánh giá cái đẹp mà chỉ là sự nhận biết cảm tính về bề ngoài của sự vật hiện tượng.

4.2.2. Bước đầu phát triển ở trẻ năng lực cảm xúc thẩm mỹ và hứng thú với nghệ thuật

Những cảm xúc thẩm mỹ của con người không phải là những cảm xúc đơn giản, chúng diễn ra trên cơ sở những tri thức mà con người có được về cái đẹp. Bởi vậy, quá trình tiếp thu tri thức về cái đẹp và hình thành cảm xúc thẩm mỹ diễn ra một cách thống nhất, liên tục. Khi cảm xúc thẩm mỹ được hình thành sẽ thúc đẩy con người hoạt động tích cực hơn, lạc quan hơn trong cuộc sống. Vì vậy, hình thành và phát triển cảm xúc thẩm mỹ cho trẻ là một nhiệm vụ quan trọng trong giáo dục thẩm mỹ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ.

Ở lứa tuổi nhà trẻ, trẻ em thường biểu hiện cảm xúc của mình một cách trực tiếp: qua nụ cười, qua những phản ứng, qua những câu nói biểu lộ sự thích thú hay không thích. Do vậy, người lớn có thể suy đoán được xúc cảm, tình cảm của trẻ, qua đó mà khơi sâu và làm phong phú những cảm xúc dương tính và uốn nắn những cảm xúc âm tính cho trẻ, giúp cho sự phát triển cảm xúc của trẻ phù hợp với nhiệm vụ giáo dục thẩm mỹ.

Theo N. Kiiasenco "Chất dinh dưỡng tạo ra khả năng nghệ thuật là cái đẹp trong nghệ thuật" Nhờ nghệ thuật mà con người hiểu được vẻ đẹp của cuộc sống, do đó mở rộng được lĩnh vực cái đẹp. Vì nghệ thuật chân chính không bao giờ thoát li cuộc sống, mà trái lại, nó khao khát tìm hiểu ý nghĩa nghệ thuật cuộc sống, nên trong nghệ thuật tập trung toàn bộ kinh nghiệm thẩm mỹ của nhân dân⁽¹⁾. Như vậy, nghệ thuật là một phương tiện, con đường giáo dục và phát triển cảm xúc thẩm mỹ có hiệu quả cho trẻ em. Bằng những giai điệu ngọt ngào của những bài hát, những câu thơ giàu nhạc tính, những câu ca dao giàu nhạc tính, những tác phẩm hội họa

⁽¹⁾ N. Kiiasenco, *Bản chất cái đẹp*, NXB Thanh niên, 1982, tr. 19, 20.

đặc sắc... người lớn đã đưa trẻ vào những giá trị văn hoá nhân loại, dân tộc, tạo cho trẻ những cảm xúc mang tính thẩm mỹ, làm nảy sinh nhu cầu về cái đẹp trong cuộc sống xung quanh.

4.2.3. Bước đầu giáo dục thị hiếu thẩm mỹ và phát triển năng lực tạo hình cho trẻ

Thị hiếu thẩm mỹ là thái độ, tình cảm khiến người ta phản ứng mau lẹ trước những cái đẹp, cái xấu, cái bi, cái hài trong cuộc sống và nghệ thuật⁽²⁾, là một bộ phận quan trọng của tình cảm thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ đã giúp cho con người tiến sâu hơn vào thế giới thẩm mỹ bằng những mẫn cảm đặc biệt và những khát vọng thiết tha. Khi thưởng thức cái đẹp, căm giận cái xấu, xót xa trước cái bi thương, khâm phục cái cao cả, định hướng các giá trị thẩm mỹ, hưởng thụ và sáng tạo thẩm mỹ □ Thị hiếu thẩm mỹ tốt sẽ hướng mỗi người phấn đấu cho những cái đẹp, cái tốt, cái đúng. Không có thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh, đúng đắn thì không có cuộc sống đẹp. Vì vậy, giáo dục thị hiếu thẩm mỹ cho trẻ em ngay từ lúc lứa tuổi nhà trẻ là việc làm rất quan trọng trong công tác giáo dục thẩm mỹ cho trẻ thơ.

Thị hiếu thẩm mỹ của trẻ nhỏ thường thể hiện ở việc đánh giá cái đẹp, phân biệt cái xấu, cái đẹp. Trường mầm non cần dạy trẻ biết phân biệt cái đẹp với cái không đẹp, cái thô kệch và xấu xí. Cần giúp trẻ biết trình bày rõ tại sao thích bài hát, bức tranh, truyện cổ tích hay một nhân vật nào đó trong tác phẩm. Phải giúp trẻ biết cảm thụ cái đẹp ở xung quanh và biết tạo ra cái đẹp trong cuộc sống hằng ngày. Một bông hoa đẹp trong khóm hoa, một lớp học sạch sẽ, ấm cúng trang trí trong nhà phải được trẻ yêu quý. Trẻ không vứt rác bừa bãi, biết xếp gọn đồ chơi, đồ dùng để luôn giữ được vẻ đẹp của trường, lớp, đem lại nguồn vui cho mọi người.

Thị hiếu thẩm mỹ của mỗi trẻ có sự khác nhau. Vì vậy, trong việc giáo dục thị hiếu thẩm mỹ cho trẻ, người lớn, cô giáo cần tôn trọng và phát huy ý thích thẩm mỹ lành mạnh của trẻ, tránh gò bó, áp đặt làm thui chột óc thẩm mỹ và thị hiếu thẩm mỹ của trẻ.

Hoạt động tạo hình rất hấp dẫn với trẻ, vì sản phẩm tạo thành với màu sắc, đường nét, hình khối, dáng vẻ đã tác động trực tiếp đến thị giác và xúc giác của trẻ. Ngay từ những năm tháng đầu tiên của đời người, đôi mắt trẻ thơ đã hoạt động để tiếp nhận ánh sáng, màu sắc. Đứa trẻ 3 — 4 tháng tuổi đã cảm thấy thoải mái khi nhìn thấy màu sắc rực rỡ từ những dải lụa hay chùm bóng treo trên nôi, 5 — 6 tháng tuổi đã biết vờn theo đồ vật, đồ chơi có màu sắc và có hình thù hấp dẫn. Trẻ 3 tuổi đã có thể nhận ra con gà, con vịt, hay những người trong tranh □ và bằng cách đó mà trẻ đi vào thế giới tạo hình một cách tự nhiên. Do vậy, người lớn cần chú ý giáo dục và hình thành năng lực tạo hình cho trẻ, trước hết là hướng dẫn trẻ cảm thụ được vẻ đẹp của những sản phẩm tạo hình, sau đó tập cho trẻ một số kĩ năng nặn, vẽ... những thứ mà trẻ yêu thích.

4.3. Phương tiện giáo dục thẩm mỹ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

Có nhiều phương tiện để giáo dục thẩm mỹ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ. Dưới đây là một số phương tiện cơ bản:

⁽²⁾ Đỗ Huy, *Giáo dục thẩm mỹ □ một số vấn đề lí luận và thực tiễn*, NXB Thông tin lí luận, 1987, tr. 77.

4.3.1. Vẻ đẹp của môi trường xung quanh trẻ

Những đồ đạc, vật dụng trong gia đình như: nhà cửa, đồ dùng, đồ chơi từ hình dáng, kích thước, màu sắc... đến bài trí nó trong gia đình đảm bảo sự trang nhã, gọn gàng, sạch sẽ, trật tự trở thành đối tượng thẩm mỹ của trẻ. Bởi vì, chính những cái đó đã gây ấn tượng sâu sắc ở trẻ và để lại trong trí nhớ và ý nghĩ của trẻ thơ.

Vẻ đẹp trong sinh hoạt của trường mầm non như các tiện nghi sinh hoạt, đồ chơi, cách sắp xếp, bài trí, màu sắc của các vật dụng đảm bảo sự trang nhã, hài hoà đã tạo ra vẻ đẹp của môi trường "học tập" cho trẻ. Điều này có ảnh hưởng trực tiếp đến việc giáo dục thẩm mỹ cho trẻ. Người lớn, cô giáo mầm non cần tạo điều kiện cho cuộc sống sinh hoạt xung quanh trẻ từ nhà ở đến trường lớp, mầm non có vẻ đẹp trang nhã, tươi vui, hợp lí, hấp dẫn và mang tính giáo dục thẩm mỹ cao.

Thực tế cho hay rằng, chính sự phong phú hấp dẫn của đồ dùng, đồ chơi, môi trường giáo dục ấm cúng tươi vui, đã mang lại cho trẻ niềm vui, sự thích thú khi đến trường, lớp.

4.3.2. Những ấn tượng từ cuộc sống xung quanh trẻ

Cuộc sống của con người (nghề nghiệp lao động của cha mẹ, của người công nhân, nông dân, của chú bộ đội, công an, chú lái xe...) không chỉ làm cho trẻ hiểu biết công việc của người lao động, mà còn để lại trong tâm trí trẻ ấn tượng sâu sắc, đẹp đẽ về mỗi nghề nghiệp. Từ đó nảy sinh khát vọng được làm người này, người khác trong xã hội (ước muốn được làm cô giáo, làm chú công an, làm chú lái xe...). Những ấn tượng tốt đẹp này được trẻ phản ánh trong trò chơi của mình.

Ngoài ra, đường phố, tượng đài, các di tích lịch sử, các địa danh, các danh nhân văn hoá... đều là những nhân tố tích cực gây ra những ấn tượng tốt đẹp trong tâm trí trẻ thơ và có ý nghĩa lớn lao đối với việc giáo dục thẩm mỹ cho trẻ. Người lớn, cô giáo mầm non cần tổ chức cho trẻ tiếp xúc với các đối tượng trong cuộc sống xung quanh để gây ấn tượng sâu sắc, qua đó mà khắc sâu giá trị thẩm mỹ cho trẻ.

4.3.3. Vẻ đẹp trong thiên nhiên

Bản thân thiên nhiên (cỏ cây, hoa lá, chim chóc) là những bức tranh tuyệt đẹp tác động đến trẻ như là một nguồn cảm hứng vô tận để giáo dục thẩm mỹ cho trẻ thơ. Vẻ đẹp thiên nhiên đi vào trẻ thơ như những ấn tượng khó quên, nó được trẻ thơ cảm thụ và giữ lại trong tình cảm của nó, có khi suốt đời. Một vầng trăng khuyết đưa trẻ liên tưởng đến con thuyền (hay cánh diều) ai thả lơ lửng trên trời, một bông hoa đỏ trẻ liên tưởng đến cái mào gà ai lấy cắm lên cây

Người lớn, cô giáo mầm non phải biết mở ra trước mắt trẻ thế giới thiên nhiên tuyệt diệu. Chẳng hạn, dạy trẻ cảm nhận được vẻ đẹp của buổi bình minh, cảnh huyền ảo trước hoàng hôn, biết lắng nghe chim hót, tiếng lá rơi xào xạc, tiếng mưa rơi, nước chảy... khi cho trẻ tiếp xúc với thiên nhiên. Qua các buổi dạo chơi, giáo viên cần kích thích trẻ biết yêu thích cảnh đẹp của thiên nhiên xung quanh trẻ, qua đó biết yêu mến, bảo vệ và tô đẹp thêm cho cảnh đẹp thiên nhiên xung quanh.

4.3.4. Các tác phẩm nghệ thuật

Như đã trình bày, các tác phẩm nghệ thuật là một phương tiện giáo dục thẩm mỹ rất hữu hiệu đối với trẻ thơ, bởi lẽ nhờ có nghệ thuật mà trẻ hiểu được vẻ đẹp của cuộc sống và mở rộng vốn hiểu biết về cái đẹp.

Có nhiều loại hình nghệ thuật phù hợp với trẻ như: âm nhạc, hội họa, sân khấu, điện ảnh... Mỗi loại hình nghệ thuật có tác động riêng đến đời sống tình cảm của trẻ và là phương tiện quan trọng để giáo dục thẩm mỹ cho trẻ. Người lớn, cô giáo mầm non phải biết sử dụng các loại hình nghệ thuật đa dạng để gây cho trẻ những cảm xúc thẩm mỹ và phát triển thị hiếu thẩm mỹ cho trẻ. Điều quan trọng là phải biết lựa chọn những loại hình nghệ thuật phù hợp với lứa tuổi và trình độ phát triển của trẻ. Cũng cần tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động nghệ thuật như hát, múa, nặn, vẽ... nhằm nâng cao hứng thú và phát triển mầm mống nghệ thuật cho trẻ.

4.4. Nội dung và phương pháp giáo dục thẩm mỹ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ

4.4.1. Dạy trẻ quan sát, cảm thụ vẻ đẹp của thiên nhiên

Thiên nhiên không chỉ mang lại cho trẻ em những thứ cần thiết để sống mà còn hấp dẫn chúng bởi những điều kì diệu mà không có gì thay thế nổi. Đến với thiên nhiên là sở thích vốn có của trẻ, nhưng không phải cứ đến với thiên nhiên, sống trong lòng thiên nhiên là các em khắc phát hiện và cảm thụ được vẻ đẹp của nó. Nhiều trẻ đến với thiên nhiên là để chơi đùa cho thoải thích, nhiều khi còn có những hành động phá phách nữa. Do đó, người lớn cần dạy trẻ biết ngắm nhìn, quan sát thiên nhiên với thái độ say mê, trân trọng — Thái độ thẩm mỹ đối với thiên nhiên.

Khi còn nhỏ trẻ được người lớn bế ra ngoài trời ngắm những màu sắc của hoa lá trong vườn, lắng nghe tiếng chim hót, tiếng con mèo kêu, chó sủa... lớn hơn một chút, trẻ được người lớn chỉ cho xem ông trăng sáng tỏ trên trời, bầu trời sao lấp lánh vào buổi tối, ánh bình minh khi mặt trời mọc, con vịt bơi trên hồ nước, con cá vàng phớt phơ cái đuôi như lá cờ, con cua bò ngang, con tôm đi giật lùi... trẻ vừa thích thú vừa cảm nhận được vẻ đẹp kì thú của thiên nhiên.

Thiên nhiên mãi mãi vẫn dành cho trẻ em những niềm vui bất ngờ và nếu được rèn luyện óc quan sát từ thuở ấu thơ thì trẻ có khả năng phát hiện ra bao nhiêu điều thú vị, cả trong những sự vật tưởng như là bình thường và tẻ nhạt đối với người lớn. Thiên nhiên đẹp, tự nó đã là những chất dinh dưỡng cho tâm hồn trẻ thơ, nếu được người lớn hướng dẫn trẻ nhìn, nghe, màu sắc, âm thanh tuyệt diệu của nó thì cảm giác, tri giác của trẻ trở nên nhạy bén, tinh tế hơn. Do vậy, người lớn, cô giáo mầm non cần quan tâm giáo dục, dẫn dắt trẻ đến với thiên nhiên.

Tạo điều kiện cho trẻ tiếp xúc với thiên nhiên, hướng dẫn trẻ quan sát thiên nhiên là vấn đề mang tính giáo dục lớn lao và là một trong những nội dung giáo dục thẩm mỹ quan trọng cho trẻ. Trường mầm non cần có góc thiên nhiên, trồng nhiều cây cảnh, hoa lá để trẻ quan sát, cần có bể cá cảnh, chuồng gà, chuồng chim, chuồng thỏ... để trẻ chiêm ngưỡng, qua đó giáo dục thẩm mỹ cho trẻ.

Thực tế ở nhiều địa phương, nhất là ở thành phố, nhiều trường mầm non không có góc thiên nhiên, trẻ ít được tiếp xúc với thiên nhiên đa dạng — một thiệt thòi lớn của tuổi thơ. Nhìn lũ trẻ chơi trên bãi cát, đào xới, hí hoáy xúc cát ở chỗ này đổ sang chỗ khác một cách lí thú; ngỡ ngàng, sung sướng khi phát hiện con tôm đi giạt lùi, con cua thì lại bò ngang, con cá vàng phát phơ cái đuôi như lá cờ... ta càng thấy sự thiệt thòi của những đứa trẻ không có điều kiện tiếp xúc với các hiện tượng thiên nhiên đa dạng.

Người lớn, cô giáo mầm non tạo điều kiện cho trẻ tiếp xúc với các sự vật, hiện tượng đa dạng, phong phú của thiên nhiên và dạy trẻ biết quan sát, cảm thụ được vẻ đẹp muôn màu của thiên nhiên, là đem lại hạnh phúc cho tuổi thơ.

4.4.2. Giáo dục về đẹp trong đời sống sinh hoạt hằng ngày

Trẻ em không chỉ tìm thấy cái đẹp trong thiên nhiên mà còn tìm thấy cái đẹp trong đời sống xã hội. Đưa cái đẹp vào cuộc sống và giáo dục cái đẹp của cuộc sống cho trẻ thơ là trách nhiệm của người lớn. Vì một óc thẩm mỹ tốt hay xấu, một thị hiếu lành mạnh hay thấp hèn, một cách cư xử có văn hoá hay thiếu văn hoá... đều bắt nguồn từ đời sống của con người. Do vậy, giáo dục về đẹp trong đời sống sinh hoạt hằng ngày cho trẻ là một nội dung giáo dục thẩm mỹ cơ bản cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ. Vẻ đẹp trong đời sống sinh hoạt của con người rất đa dạng, phong phú, được thể hiện trước hết ở mối quan hệ giữa con người với con người, trong những hành vi văn hoá — vệ sinh... Dưới đây là một số nội dung giáo dục cơ bản:

— *Giáo dục về đẹp trong mối quan hệ với những người thân.* Đó là giáo dục cho trẻ biết thương yêu, gắn bó, chào hỏi lễ phép với ông bà, cha mẹ, cô giáo..., biết thân thiện với bạn bè và biết cảm ơn người khác mang lại niềm vui cho mình, biết xin lỗi khi gây phiền hà cho người khác.

— *Giáo dục cho trẻ những hành vi văn hoá — vệ sinh.* Đó là việc giáo dục trẻ những hành vi, cử chỉ, lời ăn tiếng nói đẹp để thể hiện thái độ đúng đắn với mọi người (lễ phép với người lớn, thân thiện với bạn bè□).

Giáo dục trẻ thói quen sạch sẽ, vệ sinh trong ăn uống (rửa tay trước khi ăn, ngồi ăn ngay ngắn; không vừa nhai vừa nói chuyện; lau miệng, uống nước sau khi ăn...); thói quen sạch sẽ, vệ sinh trong ăn mặc (không bôi bẩn ra quần áo, đầu tóc gọn gàng...); giáo dục và rèn luyện cho trẻ tác phong sinh hoạt văn hoá, văn minh (đi đứng nhanh nhẹn, khoẻ khoắn, tự tin, ăn nói gãy gọn...). Tất cả những hành vi này cần được giáo dục và rèn luyện ngay từ nhỏ. Nếu người lớn, cô giáo mầm non không có ý thức dạy dỗ, rèn luyện tỉ mỉ và chu đáo sẽ dễ hình thành những thói quen hành vi không mong muốn (như nói tục, chửi bậy, nhếch nhác, bẩn thỉu trong ăn, mặc...). Việc hình thành thói quen tốt là một việc làm đòi hỏi tính kiên trì, và việc phá vỡ thói quen xấu cũng cần đòi hỏi sự kiên trì.

— *Giáo dục cho trẻ về đẹp trong mối quan hệ với thế giới đồ vật xung quanh.*

Hoạt động chủ đạo của trẻ lứa tuổi nhà trẻ là hoạt động với đồ vật. Đồ vật càng đẹp để, hấp dẫn trẻ bao nhiêu thì trẻ càng say sưa khám phá bí ẩn của đồ vật và thích chơi với đồ vật đó hơn.

Do vậy, để giáo dục trẻ về đẹp trong mối quan hệ với thế giới đồ vật có hiệu quả, trước hết người lớn phải cung cấp cho trẻ đồ vật, đồ chơi đẹp. Trong quá trình trẻ hoạt động với đồ vật, người lớn cần dạy trẻ biết cách sử dụng đồ vật theo đúng chức năng của nó, nắm được nguyên tắc sử dụng đồ vật và cảm nhận được về đẹp của nó.

Trong khi lĩnh hội được những hành động, thao tác sử dụng đồ vật, thì đồng thời trẻ cũng lĩnh hội được quy tắc hành vi trong xã hội (chức năng xã hội của đồ vật, nguyên tắc sử dụng nó...). Đây chính là cơ hội để dạy trẻ cách cư xử đẹp, có văn hoá đối với những đồ vật xung quanh.

Trong quá trình hướng dẫn trẻ hoạt động với đồ vật, người lớn cần tỏ thái độ hài lòng hay không hài lòng với những hành vi, việc làm của trẻ khi sử dụng đồ vật là rất cần thiết. Nhờ thái độ đó của người lớn, đứa trẻ có thể điều chỉnh hành vi của mình để có được cách ứng xử tốt nhất đối với thế giới đồ vật. Ví dụ, người lớn có thể chấp nhận để trẻ tháo một vài bộ phận của chiếc ô tô đồ chơi để xem xét nó, nhưng không thể bằng lòng khi nhìn thấy đứa trẻ vặt chân, tay, đầu búp bê.

Khi dạy trẻ về đẹp trong mối quan hệ với thế giới đồ vật cũng cần tập cho trẻ thói quen ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ trong việc sắp xếp, trang trí phòng chơi — tập, phòng ăn, phòng ngủ của chúng. Việc làm này chính là một nội dung cơ bản của việc giáo dục và rèn luyện hành vi văn hoá — vệ sinh thẩm mỹ cho trẻ trong đời sống sinh hoạt hằng ngày.

4.4.3. Bước đầu cho trẻ làm quen với nghệ thuật

a) Bước đầu cho trẻ làm quen với âm nhạc

Thực tiễn cuộc sống và kết quả của nhiều công trình nghiên cứu cho thấy rằng, trẻ thơ rất lí thú với nghệ thuật, nhất là âm nhạc. Những giai điệu, tiết tấu nhẹ nhàng của âm nhạc đưa trẻ vào thế giới của cái đẹp một cách êm ái và hấp dẫn. Đối với trẻ nhỏ, những bài hát ru có ý nghĩa cực kì to lớn. Lời ru chan chứa tình yêu thương đậm thấm của người mẹ chính là những giai điệu đẹp để đầu tiên đến với con người, và cũng có thể nói: nền văn hoá của dân tộc, của loài người đến với mỗi chúng ta trước tiên qua lời ru của mẹ. Đó là những âm điệu đậm thấm nhất, êm ái nhất, có tác dụng giáo dục lòng yêu con người, yêu quê hương đất nước cho trẻ em từ thuở còn nằm nôi. Những giai điệu mượt mà, êm dịu của lời ru tác động vào đôi tai non nớt của trẻ, giúp cho trẻ có được đôi tai nghe nhạc tinh tế. Do vậy, người lớn (người mẹ, giáo viên mầm non...) cần phải biết hát ru để ru trẻ ngủ, dỗ dành khi trẻ khóc, chuyện trò với trẻ bằng những âm thanh tuyệt vời ấy. Các bà mẹ, cô giáo mầm non khi hát ru cho trẻ nghe phải hát với cả tấm lòng mình: vừa hát vừa nhìn vào trẻ, bế trẻ vào lòng để ôm ấp, vỗ về, cầm tay trẻ để cử động theo giai điệu, phù hợp với tình cảm của bài hát để tạo ra một cảm giác an toàn cho trẻ đi vào giấc ngủ, thôi khóc hay chịu chơi. Người mẹ, cô giáo mầm non không biết hát ru, hoặc hát một cách vô cảm sẽ gặp khó khăn trong giáo dục trẻ thơ.

Khi trẻ biết nói, cần khuyến khích trẻ hát theo và vận động theo nhạc. Để giúp trẻ làm quen với tiết tấu, người lớn cần tạo điều kiện cho trẻ vỗ tay, gõ mõ, đánh trống... khi hát.

Người lớn, cô giáo mầm non cần tuyển chọn những bài hát ngắn, vừa có giai điệu đẹp, vừa có tiết tấu vui thì trẻ nhỏ mới tiếp nhận được. Tuy nhiên, không phải lúc nào cũng cho trẻ tiếp xúc với những bài hát có tiết tấu rộn ràng, lại càng nên tránh những bài hát có tiết tấu quá sôi động đến nhức tai, nhức óc gây kích động có hại cho thân kinh của trẻ.

b) Giáo dục về đẹp trong thơ ca cho trẻ

Thơ ca là tinh hoa của ngôn ngữ, là kết tinh về đẹp của tiếng mẹ đẻ, sản phẩm trí tuệ và tình cảm của biết bao thế hệ nối tiếp nhau. Thơ ca không chỉ gieo vào lòng chúng ta về đẹp của tiếng nói dân tộc mà còn ánh lên về đẹp của tâm hồn Việt Nam, thiên nhiên Việt Nam.

Sớm cho trẻ tiếp xúc với thơ ca là điều rất cần thiết, vì thơ ca là nguồn dinh dưỡng cho tâm hồn trẻ thơ về nhiều mặt: giáo dục cho trẻ cái hay cái đẹp của tiếng nói dân tộc; làm giàu thế giới xúc cảm của trẻ thơ và nuôi dưỡng trí tưởng tượng của trẻ.

Tính nhạc điệu của thơ ca giúp trẻ tiếp nhận nó một cách dễ dàng và thích thú. Thật tuyệt vời khi bắt đầu học nói, trẻ được tiếp xúc với thơ ca, một thứ ngôn ngữ giàu nhạc điệu, vần điệu và giàu hình tượng. Tất cả những yếu tố đó thúc đẩy ý thức ngôn ngữ của trẻ được nảy sinh, giúp cho lời nói của trẻ được hay hơn, đẹp hơn, thế giới xúc cảm của trẻ phong phú hơn, lành mạnh hơn, cân bằng hơn, trí tưởng tượng của trẻ phong phú, bay bổng, đầy ước mơ.

Người lớn, cô giáo mầm non cần tuyển chọn những bài thơ ngắn, giàu nhạc điệu, dễ nhớ, dễ thuộc đem đến cho trẻ thơ. Đồng thời cần khuyến khích, tạo điều kiện cho tâm hồn thơ của trẻ được nảy nở khi giao tiếp với mọi người, khi tiếp xúc với vẻ đẹp của thiên nhiên, cũng như trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày.

c) Giáo dục về đẹp trong khúc hát đồng dao cho trẻ

Đồng dao là những câu về ngắn gọn có vần điệu, nhịp điệu được trẻ thơ thích hát trong khi chơi, trong sinh hoạt cộng đồng — Đồng dao có tác dụng giáo dục mạnh mẽ đối với trẻ em, trước hết là giáo dục thái độ văn hoá đối với hai mối quan hệ chủ yếu của con người: con người — thiên nhiên; con người — xã hội.

Đối với thiên nhiên, đồng dao gợi lên ở trẻ tình yêu hồn nhiên đối với con ong, con kiến, con cò con vạc, cỏ cây hoa lá...

Đối với con người, đồng dao gợi lên ở trẻ tình yêu đối với ông bà, cha mẹ, bà con xóm làng; đồng cảm với những người có cảnh ngộ éo le, sẵn lòng giúp đỡ người nghèo khổ; tàn tật. Có thể nói, đồng dao là những bài học đạo đức rất nhẹ nhàng và hấp dẫn đối với trẻ thơ.

Mặt khác, đồng dao với tính hài hước của nó đã mang lại cho trẻ những niềm vui sướng vô tư, nụ cười sáng khoái. Hơn nữa, chính sự hài hoà hóm hỉnh của đồng dao đã bồi dưỡng trí tuệ của trẻ thêm thông minh sắc sảo.

d) Giáo dục cái đẹp trong hoạt động tạo hình

Như đã trình bày trong nhiệm vụ giáo dục thẩm mỹ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ, tạo hình rất hấp dẫn trẻ thơ. Ngay từ nhỏ trẻ đã thích nhìn ngắm những bức tranh màu sắc sặc sỡ, những hình khối đa dạng, nhưng chúng chưa tự nhận biết, chưa tự phát hiện ra cái đẹp của những tác phẩm

ấy. Bởi vậy, người lớn cần phải hướng dẫn trẻ, tổ chức cho trẻ được tiếp xúc với nhiều tác phẩm tạo hình có giá trị như tranh, tượng... và hướng dẫn trẻ cảm thụ được vẻ đẹp của mỗi tác phẩm.

Tranh, tượng đưa đến cho trẻ em phải đẹp, rõ ràng, màu sắc tươi sáng, đường nét hài hoà để sao cho trẻ có thể cảm nhận được vẻ đẹp của chúng một cách dễ dàng. Chúng ta có thể bắt đầu từ những bức tranh dân gian (gà, lợn, cá) với những đường nét khoẻ khoắn, màu sắc tươi sáng đến những bức tranh hiện đại (của hoạ sĩ và của tuổi thơ). Cho trẻ chơi với những con giống; những đồ chơi dân gian; đồ chơi thường; cho trẻ xem những bức tượng đặt ở công viên, đại lộ □ Trẻ rất thích ngắm nhìn những tác phẩm nghệ thuật này, và cũng thích thú hơn khi người lớn hướng dẫn trẻ cảm nhận được vẻ đẹp của mỗi tác phẩm.

Cùng với việc hướng dẫn trẻ cảm thụ vẻ đẹp của tác phẩm tạo hình khi được xem, sờ mó nó, người lớn cần tạo điều kiện cho trẻ tập cầm bút, vẽ những đường cơ bản, cho trẻ chơi với đất nặn, tập nặn. Mặc dù trẻ vẽ nguệch ngoạc, nặn còn thô kệch chưa có hình thù rõ rệt, nhưng dần dần trẻ sẽ có kĩ năng vẽ những tranh đơn giản (vẽ quả cam, quả thị, quả táo, cái lá...), nặn theo ý định — một số cái đơn giản (đôi đũa, cái thìa, quả cam, quả thị...).

Các hoạt động tạo hình khác như xếp hình, xé, dán... cũng là những hoạt động được trẻ ưa thích và người lớn có thể giáo dục thẩm mỹ cho trẻ qua việc tổ chức cho trẻ tham gia những hoạt động này.

Tóm lại, tuổi thơ là giai đoạn đầu tiên của cuộc đời, là thời kì con người tiếp nhận cái đẹp một cách dễ dàng, bởi vì trẻ nhỏ đến với cái đẹp một cách tự nhiên như đến với những gì thân thiết, yêu quý. Vì vậy, nếu bỏ qua tuổi thơ trong việc giáo dục cái đẹp là bỏ lỡ một cơ hội thuận lợi trong giáo dục con người. Nội dung giáo dục thẩm mỹ cho trẻ phải phong phú, bao gồm nhiều thể loại, đặc biệt là giáo dục cho trẻ cái đẹp gắn gũi trong cuộc sống hằng ngày, để hình thành năng lực thẩm mỹ cho trẻ. Giáo dục thẩm mỹ không thể áp đặt, gò bó, mà phải để trẻ tự nhiên, thoải mái, giữ được tính hồn nhiên của trẻ thơ.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày sự cần thiết của việc giáo dục trẻ em ngay từ lứa tuổi nhà trẻ.
2. Nêu và phân tích những cơ sở khoa học của việc giáo dục trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.
3. Nêu khái quát đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ em lứa tuổi nhà trẻ. Trên cơ sở đó nêu quan điểm của mình về việc xác định các nhiệm vụ giáo dục trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.
4. Nêu và phân tích nhiệm vụ, nội dung và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.
5. Nêu và phân tích nhiệm vụ, nội dung và phương pháp giáo dục trí tuệ cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.
6. Nêu và phân tích nhiệm vụ, nội dung và phương pháp giáo dục đạo đức cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.

7. Nêu và phân tích nhiệm vụ, nội dung và phương pháp giáo dục thẩm mỹ cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Xác định thực trạng sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em trong năm thứ ba (24 □ 36 tháng tuổi) ở một nhóm trẻ của trường mầm non ở địa phương anh (chị).
2. Điều tra thực trạng giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ của trường mầm non ở địa phương anh (chị).
3. Thiết kế một "giáo án" thể hiện sự tích hợp các nhiệm vụ giáo dục khi tổ chức cho trẻ đi dạo.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

TÀI LIỆU CẦN THAM KHẢO

1. Đào Thanh Âm (chủ biên), *Giáo dục học mầm non*, tập 2, NXB Đại học Sư phạm, 2003.
2. Phạm Thị Châu - Nguyễn Thị Oanh - Trần Thị Sinh, *Giáo dục học mầm non*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
3. Phạm Mai Chi - Nguyễn Thị Ngọc Châm (đồng chủ biên), *Chương trình chăm sóc- giáo dục trẻ nhà trẻ*, NXB Giáo dục, 2004.
4. Vũ Thị Chín, *Chỉ số phát triển sinh lí - tâm lí từ 0 đến 3 tuổi*, NXB Khoa học Xã hội, 1989.
5. N. Khasencô, *Bản chất cái đẹp*, NXB Thanh niên, 1982.
6. Đặng Hồng Phương, *Giáo trình lí luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non*, NXB Đại học Sư phạm, 2004.
7. Hoàng Thị Phương, *Giáo trình vệ sinh trẻ em*, NXB Đại học Sư phạm, 2004.
8. Nguyễn Ánh Tuyết, *Giáo dục cái đẹp cho trẻ thơ*, NXB Giáo dục, 1992.
9. Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên), *Giáo dục học*, NXB Giáo dục, 2001.
10. Nguyễn Ánh Tuyết, *Giáo dục mầm non - những vấn đề lí luận và thực tiễn*, NXB Đại học Sư phạm, 2005.
11. Lê Thanh Vân, *Giáo trình sinh lí trẻ em*, NXB Đại học Sư phạm, 2004.
12. Nguyễn Khắc Viện, *Phát triển tâm lí trong năm đầu*, NXB Khoa học Xã hội, 1994.
13. Nguyễn Khắc Viện - Nguyễn Thị Nhất, *Tuổi mầm non - tâm lí giáo dục*, NXB TP. Hồ Chí Minh 1990.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI

- Câu 1.** Để khẳng định việc giáo dục trẻ em ngay từ lứa tuổi nhà trẻ là cần thiết, anh (chị) cần đọc giáo trình và các tài liệu có liên quan để làm sáng tỏ mấy vấn đề cơ bản sau đây:

- Trẻ em không phải là người lớn thu nhỏ lại, trẻ em là một thực thể tự nhiên đang phát triển. Sự phát triển của trẻ em có quy luật riêng của nó. Do vậy, cần phải có phương pháp nuôi - dạy trẻ phù hợp với quy luật phát triển của trẻ em.
- Từ lọt lòng đến 3 tuổi là giai đoạn phát triển nhanh chóng nhất trong cuộc đời con người (về phương diện sinh lí, tâm lí). Song để sự phát triển của trẻ diễn ra một cách thuận lợi, cần có sự nuôi - dạy theo khoa học của người lớn ngay từ nhỏ.
- Nêu một vài ví dụ thực tiễn về việc nuôi - dạy trẻ thiếu khoa học và hậu quả của nó.

Câu 2. Để trả lời được câu hỏi này, anh (chị) cần nêu và phân tích được 5 cơ sở khoa học của giáo dục lứa tuổi nhà trẻ, cụ thể là:

- * Cơ sở triết học, anh (chị) dựa vào quan điểm triết học duy vật biện chứng để làm nổi bật mấy điểm sau:
 - Bản chất con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội.
 - Sự phát triển sinh lí, tâm lí của trẻ em tuân theo quy luật vận động và phát triển của mọi sự vật, hiện tượng (từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, quá trình tích lũy về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất, quá trình nảy sinh cái mới, phủ định cái cũ...).
- * Cơ sở sinh lí học, anh (chị) cần chỉ ra rằng những đặc điểm phát triển sinh học của trẻ em là cơ sở của việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp nuôi, dạy trẻ lứa tuổi nhà trẻ.
- * Cơ sở tâm lí học, anh (chị) cần chỉ ra rằng, tâm lí học là cơ sở khoa học của việc xây dựng lí luận và tổ chức các hoạt động nuôi dạy trẻ lứa tuổi mầm non.
- * Cơ sở xã hội học, anh (chị) cần chỉ ra xã hội học là cơ sở xã hội của việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp nuôi dạy trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.
- * Cơ sở lí thuyết điều khiển: anh (chị) cần phân tích hai nhân tố trung tâm của quá trình giáo dục trẻ lứa tuổi nhà trẻ dựa theo lí thuyết điều khiển. Trong đó, nhà giáo dục và tập thể sư phạm là trung tâm điều khiển, còn trẻ em là đối tượng điều khiển. Và việc điều khiển quá trình hình thành nhân cách trẻ em thông qua các liên hệ thuận - nghịch.

Câu 3. Để trả lời được câu hỏi này, trước hết anh (chị) phải nêu được một cách khái quát đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ ở từng giai đoạn tuổi về các mặt: thể chất, vận động, tâm lí. Cụ thể là:

- Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ trong năm đầu?
- Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ trong năm thứ hai?
- Đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ trong năm thứ ba?

Trên cơ sở những đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ ở từng độ tuổi, anh (chị) nêu quan điểm của mình về việc xác định các nhiệm vụ giáo dục trẻ em lứa tuổi nhà trẻ. Cần nêu quan điểm cụ thể:

- Nhiệm vụ giáo dục toàn diện cho trẻ lứa tuổi này là gì?
- Những yêu cầu đặt ra cho từng độ tuổi ra sao?

Câu 4. Để trả lời được câu hỏi này, anh (chị) cần nêu và phân tích những vấn đề cơ bản sau đây:

- Nêu khái niệm giáo dục thể chất.
- Phân tích ý nghĩa của giáo dục thể chất đối với trẻ em lứa tuổi nhà trẻ (về lí luận và thực tiễn).
- Nêu và phân tích được ba nhiệm vụ của giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ:
 - + Bảo vệ và tăng cường sức khoẻ cho trẻ;
 - + Phát triển và hoàn thiện các vận động cho trẻ;
 - + Hình thành một số thói quen văn hoá - vệ sinh ban đầu cho trẻ.
- Nêu và phân tích nội dung và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ. Ở đây cần trình bày hai nội dung cơ bản:
 - + Tổ chức chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ một cách hợp lí.
 - + Tổ chức luyện tập và phát triển vận động cho trẻ.
- Nêu những phương tiện, điều kiện cần thiết để giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ có hiệu quả.

Câu 5. Tương tự như câu 4, để trả lời câu hỏi này, anh (chị) cần nêu và phân tích những vấn đề cơ bản sau đây:

- Nêu khái niệm giáo dục trí tuệ cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.
- Phân tích (về lí luận và thực tiễn) ý nghĩa giáo dục trí tuệ cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.
- Nêu và phân tích những nhiệm vụ cơ bản của giáo dục trí tuệ cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ:
 - + Hình thành và phát triển hoạt động nhận cảm cho trẻ.
 - + Hình thành và phát triển các ý niệm, biểu tượng đơn giản về đồ vật, phẩm chất và hiện tượng của thế giới xung quanh.
 - + Phát triển ngôn ngữ cho trẻ.
 - + Rèn luyện trí nhớ, sự tập trung chú ý...
 - + Hình thành và phát triển tư duy trực quan hành động cho trẻ.
- Nêu và phân tích được những nội dung và phương pháp giáo dục trí tuệ cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ. Cụ thể là:
 - + Nội dung và phương pháp giáo dục hoạt động nhận cảm (cảm giác, tri giác) cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ (nêu ý nghĩa của vấn đề này, và những nội dung, phương pháp cụ thể).
 - + Nội dung và phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ (nêu ý nghĩa, nội dung và phương pháp cụ thể).
- Nêu các phương tiện, điều kiện cần thiết để công tác giáo dục trí tuệ cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ đạt hiệu quả.

Câu 6. Tương tự như câu 4, câu 5, để trả lời câu hỏi này, anh (chị) cần nêu và phân tích được những vấn đề cơ bản sau đây:

- Nêu khái niệm giáo dục đạo đức cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.
- Phân tích được ý nghĩa của giáo dục đạo đức cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ (về phương diện lí luận và thực tiễn).
- Nêu và phân tích được ba nhiệm vụ cơ bản của giáo dục đạo đức cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ cụ thể là:
 - + Giáo dục cho trẻ những hành vi, thái độ lành mạnh đối với mọi người gần gũi xung quanh.
 - + Tập cho trẻ tính tự lập và một số quy tắc hành vi ứng xử xã hội đơn giản.
 - + Tập cho trẻ thói quen vệ sinh, ngăn nắp, thật thà trong sinh hoạt hằng ngày cũng như trong chơi - tập.
- Nêu và phân tích được những nội dung và phương pháp cơ bản về giáo dục đạo đức cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ. Cụ thể là:
 - + Phát triển xúc cảm lành mạnh cho trẻ.
 - + Dạy trẻ biết yêu quý người thân, gắn bó với bạn bè và biết nghe lời người lớn.
 - + Giáo dục cho trẻ một số kĩ năng tự phục vụ và thói quen sinh hoạt cần thiết.
- Nêu các điều kiện, phương tiện cần thiết để giáo dục đạo đức cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ đạt hiệu quả.

Câu 7. Tương tự như các câu 4, 5, 6 để trả lời được câu hỏi này anh (chị) cần nêu và phân tích được những vấn đề cơ bản sau đây:

- Nêu khái niệm giáo dục thẩm mỹ cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ (về lí luận cũng như thực tiễn).
- Nêu và phân tích được ba nhiệm vụ cơ bản của giáo dục thẩm mỹ cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ. Cụ thể là:
 - + Cung cấp và làm giàu ấn tượng xung quanh cho trẻ, trên cơ sở đó phát triển tri giác thẩm mỹ cho trẻ.
 - + Bước đầu phát triển ở trẻ năng lực cảm xúc thẩm mỹ và hứng thú với nghệ thuật.
 - + Bước đầu giáo dục thị hiếu thẩm mỹ và phát triển năng lực tạo hình cho trẻ.
- Nêu và phân tích được những nội dung và phương pháp cơ bản trong giáo dục thẩm mỹ cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ. Cụ thể là:
 - + Dạy trẻ quan sát và cảm thụ vẻ đẹp của thiên nhiên.
 - + Giáo dục vẻ đẹp trong đời sống sinh hoạt hằng ngày cho trẻ.
 - + Bước đầu cho trẻ làm quen với nghệ thuật (âm nhạc, thơ ca, khúc hát đồng dao, hoạt động tạo hình).
- Nêu được các điều kiện và phương tiện để giáo dục thẩm mỹ cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ đạt hiệu quả.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP THỰC HÀNH

Bài tập 1. Để đánh giá một cách khách quan thực trạng sự tăng trưởng và phát triển của trẻ trong năm thứ ba (24 đến 36 tháng tuổi) tại một trường mầm non, anh (chị) cần làm những việc sau:

*** *Khâu chuẩn bị:***

- Xác định nội dung cần khảo sát, đánh giá là gì? Ở đây là khảo sát và đánh giá các mặt:
- + Sự tăng trưởng về mặt thể chất của trẻ.
- + Sự phát triển vận động của trẻ.
- + Sự phát triển tâm lí của trẻ.
- Xác định các công cụ, phương tiện để khảo sát, đánh giá ba mặt trên. Chẳng hạn:
- + Về sự tăng trưởng thể chất của trẻ ta có thể dùng thước, cân để đo các chỉ số về chiều cao, cân nặng... của trẻ và so sánh kết quả cân đong, đo đếm đó với biểu đồ tăng trưởng (chuẩn).
- + Về sự phát triển vận động và tâm lí của trẻ ta có thể dùng những bài tập trắc nghiệm đã được công bố.

*** *Tiến hành khảo sát:***

- + Tạo ra sự thân thiện giữa trẻ và người khảo sát.
- + Sử dụng các công cụ, phương tiện đã chuẩn bị để khảo sát từng trẻ (độc lập) về ba mặt đã xác định.
- + Quan sát và ghi chép tỉ mỉ những biểu hiện cụ thể của trẻ.

*** *Xử lí số liệu và đánh giá thực trạng***

- + Sử dụng toán thống kê để xử lí số liệu.
- + Dựa vào các bản thống kê để phân tích thực trạng:
 - Những mặt mạnh.
 - Những mặt hạn chế.
- + Phân tích nguyên nhân của thực trạng.
 - Về cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giáo dục trẻ (phòng học, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giáo dục...).
 - Về chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên mầm non.
 - Về công tác quản lí lãnh đạo của trường, địa phương...
- + Những đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục trẻ em lứa tuổi nhà trẻ nói chung, trẻ em từ 24 đến 36 tháng nói riêng.

Bài tập 2. Tương tự như bài tập 1, để đánh giá được thực trạng giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ, anh (chị) cần làm những việc sau đây:

*** *Khâu chuẩn bị:***

- Xác định nội dung cần khảo sát, điều tra cụ thể là:
- + Điều tra về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết cho việc giáo dục thể chất cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ.
- + Điều tra về việc thực hiện các nội dung giáo dục thể chất cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ.
- + Điều tra các phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.
- + Điều tra kết quả giáo dục thể chất (được biểu hiện ở trẻ).
- Chuẩn bị các công cụ, phương tiện để khảo sát, điều tra (xây dựng phiếu điều tra, sổ ghi chép, trắc nghiệm, máy ảnh...).

*** *Tiến hành khảo sát, điều tra:***

Tiến hành điều tra các nội dung đã xác định với các phương tiện phù hợp, ghi chép tỉ mỉ từng nội dung điều tra.

*** *Xử lý số liệu và đánh giá thực trạng:***

- + Dùng toán thống kê để xử lý số liệu.
- + Dựa vào số liệu thống kê để phân tích, đánh giá thực trạng:
 - Những mặt mạnh.
 - Những mặt hạn chế.
- + Phân tích nguyên nhân của thực trạng:
 - Nguyên nhân khách quan (cơ sở vật chất, trang thiết bị...).
 - Nguyên nhân chủ quan (phương pháp giáo dục thể chất, công tác quản lý giáo dục...).
- + Những đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ.

Bài tập 3. Để thiết kế được một "giáo án" thể hiện sự tích hợp các nhiệm vụ giáo dục khi tổ chức cho trẻ đi dạo, anh (chị) cần thực hiện một số việc làm sau đây:

*** *Khâu chuẩn bị:***

- Xác định mục tiêu của buổi đi dạo.
- Xác định địa điểm, thời điểm đi dạo, những phương tiện giáo dục hỗ trợ.
- Xác định mục đích, nội dung các hoạt động cần tổ chức khi cho trẻ khi đi dạo.
- Xác định phương pháp tổ chức các hoạt động cho trẻ khi cho trẻ đi dạo.

*** *Thiết kế tiến trình buổi đi dạo:***

- Cần chỉ rõ hoạt động của cô giáo mầm non khi tổ chức hoạt động cho trẻ trong buổi đi dạo.
- Cần chỉ ra hoạt động của trẻ sẽ diễn ra như thế nào dưới sự tổ chức điều khiển của cô giáo mầm non.

- Mỗi hoạt động cần được xác định rõ: mục tiêu, phương pháp tổ chức (yêu cầu thiết kế một giáo án chi tiết và buổi đi dạo cho trẻ ở một độ tuổi cụ thể).

Chương 3

NHỮNG HÌNH THÁI TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG VÀ HOẠT ĐỘNG CHO TRẺ EM LỨA TUỔI NHÀ TRẺ

I. TỔ CHỨC CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ EM LỨA TUỔI NHÀ TRẺ

1. Nguyên tắc tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ em

Như đã trình bày ở chương 2, chế độ sinh hoạt của trẻ là một quy trình khoa học nhằm phân phối thời gian và trình tự các hoạt động trong ngày cũng như việc ăn uống, nghỉ ngơi của trẻ một cách hợp lí, đúng đắn. Chế độ sinh hoạt hàng ngày hợp lí sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự tăng trưởng và phát triển của trẻ, giữ gìn và bảo vệ sức khỏe cho trẻ.

Tổ chức chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ là nhiệm vụ quan trọng trong việc chăm sóc — giáo dục trẻ em lứa tuổi nhà trẻ. Một chế độ sinh hoạt hàng ngày tốt sẽ tạo ra cho trẻ những nhịp sinh học theo chu kì hợp lí, đó là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của trẻ về mọi mặt thể chất cũng như tinh thần.

Để xây dựng được chế độ sinh hoạt hàng ngày hợp lí, đúng đắn cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ, cần quán triệt một số nguyên tắc cơ bản sau đây:

1.1. Chế độ sinh hoạt phải đảm bảo thực hiện được mục tiêu chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non⁽¹⁾

Mục tiêu giáo dục mầm non là kim chỉ nam cho mọi hoạt động chăm sóc — giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non. Việc xây dựng chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ và tổ chức thực hiện nó phải dựa vào mục tiêu giáo dục. Mục tiêu giáo dục mầm non được cụ thể hoá thành các nhiệm vụ giáo dục và yêu cầu cần đạt ở từng độ tuổi. Do vậy, ở mỗi độ tuổi cụ thể cần có chế độ sinh hoạt thích hợp.

1.2. Chế độ sinh hoạt phải đảm bảo phù hợp với sự tăng trưởng và phát triển của độ tuổi

Như chúng ta đã biết, lứa tuổi nhà trẻ là giai đoạn mà sự tăng trưởng và phát triển diễn ra cực kì nhanh chóng, không có thời kì nào sau đó có thể so sánh được. Mỗi một tuổi, nhu cầu về vật chất (nuôi dưỡng) và tinh thần cũng có những thay đổi, khác biệt khá lớn. Do vậy, chế độ sinh hoạt hàng ngày cần phải phù hợp (vừa sức) với sự tăng trưởng và phát triển của từng độ tuổi. Chẳng hạn, trong năm đầu, trong chế độ sinh hoạt, thời gian ngủ phải dài hơn trẻ ở năm

⁽¹⁾ Xem lại mục IV, chương 1.

thứ hai, thứ ba. Ngược lại, khi trẻ 2, 3 tuổi thì thời gian chơi — tập, hoạt động□ phải phong phú và dài hơn trước đó. Cần tránh áp đặt trẻ thực hiện chế độ sinh hoạt vượt quá sức của nó (ăn quá nhiều, hoạt động căng thẳng kéo dài...).

1.3. Chế độ sinh hoạt hằng ngày phải đảm bảo sự cân đối hài hoà giữa nuôi và dạy (chăm sóc và giáo dục), không coi nhẹ mặt nào

Ở giai đoạn tuổi này sự tăng trưởng và phát triển của trẻ diễn ra rất nhanh, nhưng còn rất non nớt, mọi quá trình tăng trưởng và phát triển của trẻ mới ở giai đoạn đầu, chưa định hình, trẻ tăng trưởng và phát triển như thế nào phụ thuộc chủ yếu vào sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người lớn. Để nuôi dạy trẻ trở thành một con người nhanh nhẹn, hoạt bát, cơ thể phát triển cân đối hài hoà, trí tuệ, tình cảm phát triển tốt, người lớn (trước hết là cha mẹ, cô giáo mầm non) phải xây dựng được chế độ sinh hoạt hợp lí (đảm bảo sự hài hoà, cân đối giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục). Sự mất cân đối giữa nuôi và dạy (giữa chăm sóc và giáo dục) sẽ dẫn đến sự mất cân đối trong quá trình tăng trưởng và phát triển của trẻ (mập mạp nhưng lại chậm chạp, khờ khạo hoặc ngược lại).

1.4. Chế độ sinh hoạt phải đảm bảo sự điều hoà giữa hoạt động và nghỉ ngơi, giữa thức và ngủ, giữa hoạt động có tính chất tĩnh và hoạt động có tính chất động để tạo cho trẻ luôn ở trạng thái cân bằng thần kinh. Ở lứa tuổi nhà trẻ, trẻ rất hiếu động song cơ thể còn non nớt, hoạt động thân kinh, cơ bắp còn hạn chế, trẻ dễ bị mệt mỏi, đuối sức khi tham gia vào các hoạt động đòi hỏi phải vận động thân kinh và cơ bắp nhiều. Do vậy, việc đảm bảo sự điều hoà giữa hoạt động và nghỉ ngơi, giữa thức và ngủ, giữa hoạt động có tính chất động và hoạt động có tính chất tĩnh cần được tính đến khi xây dựng và tổ chức thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ em.

1.5. Chế độ sinh hoạt phải đảm bảo trình tự lặp đi lặp lại, tránh xáo trộn nhiều nhằm tạo nếp và thói quen cho trẻ. Chế độ sinh hoạt phải phù hợp với từng độ tuổi, song ở mỗi độ tuổi cụ thể, chế độ sinh hoạt phải mang tính ổn định. Chỉ khi đó mới hình thành được ở trẻ nếp, thói quen giờ nào việc nấy, thói quen điều chỉnh hành vi của bản thân cho hoà hợp với tập thể, hình thành ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần tự giác... Đó là những thói quen rất cần thiết cho cuộc sống hiện tại và sau này của đứa trẻ.

1.6. Chế độ sinh hoạt phải phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và khí hậu của từng vùng, từng mùa

Ở nước ta, mỗi vùng, miền có những điều kiện khí hậu khác nhau, và tính chất lao động cũng khác nhau, điều kiện kinh tế, văn hoá, xã hội... cũng khác nhau. Do vậy, khi xây dựng chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ cũng cần tính đến điều kiện thực tế của địa phương, tính đến khí hậu của vùng, miền và của từng mùa trong năm. Chẳng hạn, ở miền Bắc khí hậu bốn mùa khá rõ rệt, do vậy, khi sắp xếp thời gian, thời điểm cho mỗi hoạt động của trẻ cần tuân theo mùa cụ thể. Hay ở miền núi, gia đình của trẻ thường ở xa nơi trường đóng, đi lại khó khăn□ Do vậy, thời gian đón trẻ có thể muộn hơn, kéo dài hơn...

2. Nội dung chế độ sinh hoạt cho trẻ em

Mỗi độ tuổi, chế độ sinh hoạt có sự khác nhau, song sự khác nhau đó chủ yếu là về sự phân bố thời gian, mức độ, yêu cầu của từng hoạt động. Chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ em gồm những nội dung sau:

1. Tổ chức đón trẻ,
2. Tổ chức cho trẻ ăn,
3. Tổ chức cho trẻ ngủ,
4. Tổ chức vệ sinh cá nhân cho trẻ,
5. Tổ chức chơi — tập cho trẻ,
6. Tổ chức trả trẻ.

2.1. Tổ chức đón trẻ

Để việc đón trẻ diễn ra một cách thuận lợi, cô giáo mầm non cần thực hiện những yêu cầu sau đây:

* Chuẩn bị đón trẻ

— Làm vệ sinh trường lớp, thông thoáng, sạch sẽ, sắp xếp phòng cho thuận tiện với sinh hoạt của trẻ nhỏ.

— Chuẩn bị đồ dùng, quần áo, tã lót đầy đủ cho sinh hoạt của trẻ trong ngày.

— Chuẩn bị nước uống, nước sinh hoạt trong ngày (mùa đông cần có nước ấm).

— Chuẩn bị đồ chơi và chỗ chơi cho trẻ.

— Chuẩn bị tư thế sẵn sàng đón trẻ (quần áo thơm mát, gọn gàng, sạch sẽ với tâm thế thoải mái, vui vẻ để tiếp đón trẻ).

Khâu chuẩn bị đón trẻ có ý nghĩa rất lớn trong việc thu hút trẻ vào các hoạt động trong ngày, do vậy, cô giáo mầm non cần bài trí đồ dùng, đồ chơi, chỗ chơi sao cho hấp dẫn để thu hút trẻ vào lớp. Để công tác chuẩn bị đón trẻ được chu đáo, cô giáo mầm non cần đến sớm hơn giờ đón trẻ ít nhất là 15 phút.

* Trong khi đón trẻ

— Cô đón trẻ đứng đúng chỗ quy định (cửa phòng, lớp), với thái độ vui vẻ, dịu dàng, âu yếm tiếp nhận trẻ từ người nhà (người đưa trẻ đến trường), cuốn hút trẻ vào các đồ chơi, trò chơi mà trẻ yêu thích.

— Có thái độ ân cần, đúng mực đối với người nhà của trẻ để gây dựng niềm tin của họ vào cô giáo. Đồng thời cần trao đổi ngắn gọn với người nhà về tình hình sinh hoạt của trẻ lúc ở nhà và thông báo những điều cần thiết hoặc nhắc nhở gia đình thực hiện đúng những điều quy định của nhà trẻ.

— Dạy trẻ chào cô, chào tạm biệt người thân (ông, bà, bố, mẹ...) và giúp trẻ cất đồ dùng (giày dép, tư trang) vào nơi quy định.

— Tổ chức cho những trẻ đến sớm chơi (cạnh nhau) với đồ chơi mà nó yêu thích, để tiếp nhận trẻ khác (nếu trong nhóm trẻ có 2 cô thì một cô đón trẻ, một cô cùng chơi với trẻ đến sớm, nhất là những trẻ còn quấy khóc khi chia tay người thân).

— Khi thấy trẻ có những biểu hiện bất thường (như ho, sổ mũi, ăm đầu và những biểu hiện bất thường khác), cần tạm thời cách li với những trẻ khác để theo dõi sức khoẻ. Nếu thấy trẻ sốt cao hoặc bị bệnh truyền nhiễm, sốt dịch... cần giao lại cho người nhà để đưa trẻ đi bệnh viện kịp thời.

Cần nắm đúng số lượng trẻ đến trong ngày để báo số lượng xuất ăn của nhóm với bộ phận cấp dưỡng.

2.2. Tổ chức cho trẻ ăn uống

Ăn uống rất cần cho sự tăng trưởng và phát triển của trẻ. Trẻ còn bé nên khả năng tiêu hoá của dạ dày và ruột còn yếu. Hơn nữa đến 6 tháng tuổi răng sữa mới bắt đầu mọc. Trẻ cần ăn đủ chất dinh dưỡng, uống đủ nước, nhưng cần lựa chọn và chế biến sao cho phù hợp với khả năng tiêu hoá và bài tiết của trẻ. Cần chú ý cho trẻ ăn nhiều hoa quả, rau tươi và sữa. Không chỉ lo cho đủ chất dinh dưỡng mà người lớn còn cần phải tổ chức cho trẻ ăn uống một cách hợp lí, có giờ giấc, đảm bảo vệ sinh và luôn tạo cho trẻ có cảm giác ngon miệng khi ăn uống. Cần tạo ra không khí hào hứng khi trẻ ăn. Nếu trẻ ăn không ngon miệng hoặc không muốn ăn, người lớn cần tìm hiểu nguyên nhân và tìm cách khắc phục kịp thời. Song không được ép (cưỡng bức) trẻ ăn, uống khi nó không muốn (nhất là khi trẻ đã đủ no, không khát hoặc đang khóc, hay có vấn đề về sức khoẻ...). Sự cưỡng ép đưa trẻ khi ăn uống thường dẫn đến cảm giác sợ ăn uống, việc ăn uống của trẻ như là một cái gì đó "tra tấn" nó.

Trước giờ ăn không nên cho trẻ ăn quà vặt, vì làm như vậy đưa trẻ có cảm giác "ngang dạ" không muốn ăn. Khi cho trẻ ăn, người lớn cần tập cho trẻ tự xúc lấy ăn và một số hành vi văn hoá — vệ sinh ăn uống.

Mỗi độ tuổi có nhu cầu dinh dưỡng khác nhau, do vậy cần có chế độ ăn uống phù hợp với độ tuổi của trẻ. *Ví dụ:*

— Trẻ 4 — 6 tháng: ăn 2 bữa bột loãng và bú mẹ ít nhất 1 lần/ngày.

— Trẻ 6 — 12 tháng: ăn 2 bữa bột đặc và bú mẹ ít nhất 1 lần/ngày.

— Trẻ 12 — 18 tháng: ăn 2 bữa cháo và 1 bữa phụ, có thể bú mẹ nếu mẹ còn sữa.

Khi cần thay đổi chế độ ăn uống thì nên thay đổi dần dần, từ ít đến nhiều, từ loãng đến đặc, nên tập cho trẻ quen dần với thức ăn mới. Cần chọn và phối hợp các thực phẩm để mỗi bữa ăn đều có đủ bốn nhóm thực phẩm:

— Nhóm lương thực (như gạo, bột mì, khoai...).

— Nhóm giàu chất đạm (như thịt lợn, thịt gà, cá, tôm, trứng, đậu phụ, đỗ xanh, đỗ đen...).

— Nhóm giàu chất béo (như vừng, lạc, mỡ lợn...), tốt nhất là các loại dầu thực vật.

— Nhóm sinh tố và muối khoáng. Nên dùng các loại rau quả có màu xanh đậm, đỏ, vàng, như: rau muống, rau ngót, rau dền, cà chua, cà rốt, bí đỏ, bí xanh, gấc, đậu quả...; các loại quả như chuối, cam, đu đủ, xoài, dưa hấu... cho trẻ ăn hàng ngày.

— Cần cho trẻ uống đủ nước, nhất là về mùa hè.

2.3. Tổ chức cho trẻ ngủ

Giấc ngủ là cần thiết cho mọi người, nó được coi là liều thuốc bổ đối với não. Sau một giấc ngủ sâu não sẽ được phục hồi, khả năng hoạt động sẽ được tăng lên. Đối với trẻ nhỏ, hệ thần kinh còn quá non nớt, chóng bị mệt mỏi, không chịu được những tác động mạnh nên giấc ngủ lại càng cần thiết hơn.

Tổ chức giấc ngủ cho trẻ cần chú ý mấy điểm sau:

— Đảm bảo cho trẻ ngủ đầy giấc và ngủ sâu. Trường hợp trẻ ngủ li bì suốt ngày hoặc không chịu ngủ thì cần quan tâm theo dõi. Nếu thấy trẻ gầy còm, ốm yếu cần đưa đến bác sĩ để khám bệnh.

— Tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ khi lên giường ngủ. Tránh dọa nạt trẻ hay để trẻ chơi quá mức mỗi khi ngủ.

— Tập cho trẻ đi ngủ đúng giờ. Tạo cho trẻ thói quen đã nằm là ngủ ngay.

— Đặt cho trẻ nằm theo tư thế mà nó quen. Lúc trẻ mới đi ngủ, cần có thái độ âu yếm, vỗ về, ru trẻ bằng những khúc hát ru hay những khúc dân ca đầm thắm, dịu dàng, tạo cho trẻ cảm giác an toàn và được yêu thương trong giấc ngủ.

— Cho trẻ ngủ trên giường có khung chắn, có đủ chiếu, màn, chăn, gối khô ráo, sạch sẽ, thơm tho.

— Trước khi ngủ, cho trẻ đi vệ sinh, lau rửa mặt mũi, chân tay, mặc quần áo khô ráo, rộng rãi, thoải mái.

— Cần chú ý đến đặc điểm riêng của từng trẻ. Đối với trẻ có nhu cầu ngủ nhiều nên cho trẻ ngủ sớm hơn hay cho trẻ dậy muộn hơn. Đối với trẻ khó ngủ hay quấy khóc cần vỗ về, ru ngủ hoặc cho trẻ ngủ riêng để tránh ảnh hưởng đến giấc ngủ của những trẻ khác.

— Khi trẻ ngủ, cô phải có mặt thường xuyên trong phòng ngủ để theo dõi giấc ngủ và sửa tư thế cho trẻ, xử lý các sự cố (như đái dầm, chặn trùm kín mặt, sạch nước miếng...).

— Khi trẻ thức dậy, nên để trẻ nằm chơi một lúc, sau đó cho trẻ đi vệ sinh, lau mặt cho trẻ tỉnh ngủ.

2.4. Tổ chức vệ sinh cá nhân cho trẻ

Tập cho trẻ thói quen vệ sinh cá nhân là rất cần thiết. Nhờ đó sức khỏe của trẻ được bảo đảm, hơn thế nữa, đó còn là tiền đề để hình thành những đức tính tốt cho cuộc sống sau này.

a) Vệ sinh thân thể

Da trẻ rất mỏng, dễ bị xây xát, nhiễm trùng gây mụn nhọt, tróc lở, ngứa ngáy làm cho trẻ biếng ăn, biếng ngủ, giảm sút sức khỏe, gây ra nhiều bệnh tật. Do đó, trẻ cần được tắm gội, rửa ráy hàng ngày, nhất là về mùa hè. Hàng tuần nên cắt móng tay, móng chân cho trẻ.

b) Vệ sinh răng miệng

Răng miệng lành lặn, thơm tho là điều kiện để trẻ có cảm giác ăn ngon, tiêu hoá tốt. Ngược lại, nếu răng bị sâu, miệng lở loét làm cho trẻ đau đớn không chịu ăn. Hơn nữa, nếu răng sữa bị sâu sẽ ảnh hưởng đến răng khôn sau này. Để răng miệng lành lặn, thơm tho người lớn cần cho trẻ ăn đủ chất, nhất là các thức ăn có nhiều chất canxi và rau quả tươi có nhiều sinh tố C. Hàng ngày cần cho trẻ súc miệng bằng nước muối, lau mồm bằng khăn mềm nhúng vào nước muối ấm, nhất là trước và sau khi ngủ. Để giữ gìn răng miệng, không cho trẻ nhai vật cứng, uống nước hay ăn thức ăn quá lạnh.

c) Vệ sinh tai, mũi, họng

Viêm họng, viêm phế quản, viêm tai là những bệnh thường gặp ở trẻ nhỏ, làm ảnh hưởng lớn đến sự tăng trưởng và phát triển của trẻ, thậm chí còn gây nguy hại lớn sau này.

Để bảo vệ tai, mũi, họng cho trẻ người lớn cần:

— Về mùa đông cần giữ ấm cổ, ngực, chân cho trẻ.

— Không dùng vật cứng để ngoáy tai, mũi cho trẻ mà phải dùng tăm quấy bông thấm nước, ngoáy nhẹ vào tai và mũi khi trẻ ngủ say.

— Tiêm chủng và phòng bệnh cho trẻ, không nên lạm dụng kháng sinh.

— Nếu phát hiện thấy trẻ nghễnh ngãng, không có phản ứng với âm thanh thì cần phải cho trẻ khám tai kịp thời để tránh hậu quả câm điếc về sau.

d) Vệ sinh mắt

Cũng như đôi tai, đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn, cần phải giữ gìn cho đôi mắt của trẻ thật lành lặn và trong sáng. Trẻ nhỏ thường hay đau mắt hột, đau mắt đỏ do quẹt tay bẩn vào mắt hoặc do người lớn dùng khăn bẩn, nước bẩn rửa mặt cho trẻ hoặc dùng khăn chung với người đau mắt. Cần dùng khăn mặt riêng, sạch, mềm, nhúng vào nước đun sôi để nguội pha một vài hạt muối để lau mắt, rửa mặt cho trẻ. Cần cho trẻ ăn thức ăn có nhiều Vitamin A để đề phòng bệnh khô mắt và quáng gà. Không cho trẻ xem tranh ảnh, đồ chơi ở nơi thiếu ánh sáng, khi trẻ còn nằm nôi nên treo các đồ chơi có màu sắc tươi tắn và treo ở tầm nhìn khoảng 40cm, nên cho trẻ chơi dưới ánh đèn tự nhiên. Không cho trẻ ngồi gần màn hình vô tuyến, máy vi tính. Thời gian xem vô tuyến hạn chế.

e) Vệ sinh quần áo

Quần áo là lớp da thứ hai bảo vệ thân thể khỏi bị xây xát, khỏi bị bụi bặm và điều hoà nhiệt độ cho thân thể. Quần áo trẻ mặc phải phù hợp với mùa, sạch sẽ khô ráo, kích thước vừa phải,

mặc phải thoải mái. Chất liệu vải nên là vải bông mỏng vào mùa hè, vải bông xốp vào mùa đông, màu sắc phải tươi sáng, kiểu may phải đơn giản để dễ mặc vào, cởi ra. Ngoài ra còn sắm bút tất, giầy cho trẻ, nhất là về mùa đông. Bút tất, giầy dép phải mềm mại và có kích cỡ vừa chân để dễ tập đi và cử động thoải mái.

g) Luyện tập cho trẻ tiểu tiện và đại tiện đúng lúc, đúng nơi quy định

Việc luyện tập này đòi hỏi người lớn phải kiên trì, khi trẻ biết ngồi vững có thể tập cho trẻ ngồi bô, nhưng không nên để trẻ ngồi bô lâu quá, như vậy trẻ sẽ bị ức chế và có hại cho cột sống. Không nên đánh mắng khi trẻ ỉa đùn hay đại dầm.

2.5. Tổ chức chế độ chơi - tập cho trẻ

Tổ chức hoạt động chơi — tập cho trẻ là một nội dung quan trọng trong chế độ sinh hoạt hằng ngày của trẻ ở trường mầm non. Tổ chức chơi — tập hợp lí không những làm cho sự tăng trưởng của trẻ diễn ra thuận lợi mà còn giúp cho sự phát triển tâm lí của trẻ diễn ra một cách tích cực. Để tổ chức chế độ chơi — tập cho trẻ có hiệu quả. Cô giáo mầm non cần thực hiện một số yêu cầu sau:

a) Chuẩn bị cơ sở vật chất để trẻ chơi - tập

— Bố trí chỗ chơi rộng rãi, thoáng đãng, sạch sẽ phù hợp với nhu cầu hoạt động của trẻ.

— Chuẩn bị đủ đồ chơi cho trẻ. Đồ chơi phải phù hợp với mục tiêu yêu cầu của giờ chơi tập và hấp dẫn đối với trẻ em. Đối với trẻ nhỏ đồ chơi phải có màu sắc tươi tắn, có thể phát ra âm thanh, đa dạng, sạch sẽ, an toàn (không độc hại, không sắc nhọn, không nhỏ quá dễ lọt vào mồm trẻ), kích thước phải vừa cỡ tay để trẻ có thể cầm nắm, đập, gõ, lăn, ném. Đối với trẻ cuối tuổi nhà trẻ cần tăng cường những đồ chơi nhằm giúp đỡ tham gia vào các trò chơi thao tác vai.

b) Hướng dẫn trẻ chơi - tập

— Người lớn (mà ở trường là cô giáo mầm non) là cầu nối giữa trẻ em với đồ vật. Để trẻ sử dụng được đồ vật, cô giáo mầm non cần phải hướng dẫn tỉ mỉ: vừa thao tác mẫu vừa nói cho trẻ hiểu hoặc hát để khuyến khích trẻ chơi. Những giờ chơi — tập với đồ chơi mới cô cần cùng chơi với trẻ. Đối với trẻ nhỏ, cô cần phải hướng sự chú ý của trẻ vào những đồ chơi cần thiết (phù hợp với mục tiêu, yêu cầu của giờ chơi — tập), dạy cho trẻ những thao tác đúng.

— Khi hướng dẫn trẻ chơi — tập, cô giáo không chỉ dạy trẻ biết thực hiện được các thao tác với đồ vật mà cần phải dạy trẻ biết tên gọi của đồ vật, nhận biết được những thuộc tính của nó (như giấy có thể xé được, cốc ném xuống đất thì vỡ, gỗ vào trống thì kêu...) và tập cho trẻ biết sử dụng một số đồ dùng đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày (biết rửa mặt bằng khăn, biết uống nước bằng cốc, dùng thìa xúc cơm...).

— Nhịp độ chơi — tập, mức độ yêu cầu, thời gian chơi — tập phải phù hợp với độ tuổi và phù hợp với từng trẻ. Đối với những trẻ khoẻ mạnh, "to con" thì có thể cho trẻ hoạt động "động" nhiều hơn là hoạt động "tĩnh"; đối với trẻ yếu ớt và "nhỏ con" thì có thể cho trẻ hoạt động "tĩnh"

nhiều hơn hoạt động "động". Tuy vậy, dù ở trường hợp nào cũng nên tổ chức sao cho nhịp nhàng, xen kẽ vào nhau giữa hoạt động cơ bắp với hoạt động thần kinh.

— Cần phải động viên khuyến khích trẻ kịp thời, tạo cho trẻ có trạng thái vui tươi, thoải mái trong chơi — tập. Đối với trẻ nhỏ, mới đầu những thao tác, việc làm của trẻ có thể còn rất vụng về và phạm nhiều sai sót, cô giáo mầm non không nên sốt ruột mà làm thay cho trẻ, cũng không được khiển trách trẻ, mà cần an ủi, hướng dẫn lại, động viên trẻ làm lại, cho trẻ tập nhiều lần mới thành quen.

— Cần phải có chế độ chơi — tập cho những trẻ mệt hay đang bị ốm. Những trẻ này không thể chơi — tập chung một chế độ với trẻ khoẻ mạnh. Nếu trẻ không được chơi — tập sẽ rơi vào tình trạng li bì khiến cho bệnh tình không giảm mà còn nặng thêm. Ngày nay, ở các nước tiên tiến, trong hầu hết các bệnh viện nhi khoa người ta đều có tổ chức các phòng chơi cho trẻ. Ở đó có đầy đủ các phương tiện, đồ dùng, đồ chơi cần thiết. Thậm chí trên các giường bệnh người ta còn để đồ chơi cho trẻ chơi. Bởi vì người ta coi chơi là một biện pháp trị bệnh có hiệu quả.

c) Kết thúc giờ chơi - tập

— Khi giờ chơi — tập kết thúc, cô giáo mầm non cần dạy trẻ biết thu dọn đồ dùng, đồ chơi để vào quy định. Đây là việc làm rất cần thiết để rèn luyện cho trẻ thói quen gọn gàng, ngăn nắp, giờ nào việc nấy... Để trẻ nhanh nhẹn, tự giác, vui vẻ cất dọn đồ dùng, đồ chơi, có thể tổ chức cho trẻ vừa làm vừa hát.

2.6. Tổ chức trả trẻ

** Trước khi trả trẻ*

— Cho trẻ chơi tự do, cô giáo trò chuyện, kể chuyện, hát□ cho trẻ nghe nhằm tạo ra sự thân thiện giữa trẻ và cô.

— Rửa mặt mũi, chân tay, chải đầu tóc, chỉnh đốn quần áo cho trẻ trước khi người nhà đến đón.

** Trong khi trả trẻ*

— Khi giao trẻ cho người nhà cần có thái độ vui vẻ, hoà nhã và trao đổi cụ thể tình hình sinh hoạt và sức khoẻ của trẻ trong ngày, đặc biệt là những trẻ bị ốm hay có những biểu hiện khác thường.

— Cần giao trẻ tận tay cho người nhà, không giao cho những người lạ và trẻ em dưới 10 tuổi. Trường hợp người khác đến đón giúp cần có giấy tờ xác minh là người quen hoặc được gia đình báo trước (qua điện thoại, hoặc lúc đón trẻ buổi sáng).

— Trong trường hợp người nhà đến đón muộn, trẻ vẫn được trông nom chu đáo, tránh làm thất lạc trẻ hay để xảy ra tai nạn. Nhà trường nên tổ chức phòng đón muộn, cử luân phiên cô giáo các lớp trực để tiếp nhận những trẻ đón muộn ở các nhóm lớp chuyển tới.

— Khi giao trẻ cho người nhà cần dạy trẻ thói quen chào người thân (bố mẹ, ông bà...) và tạm biệt cô, tạo ra sự lưu luyến giữa cô và trẻ (tức là làm sao để trẻ có nhu cầu ngày mai lại đến với cô).

— Sau khi trả hết trẻ, cần quét dọn, lau chùi nhà cửa, đồ dùng, xếp gọn đồ dùng, đồ chơi, tắt điện, khoá cửa trước khi ra về.

3. Đặc thù của việc tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ em theo các độ tuổi khác nhau

3.1. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ năm đầu (từ lọt lòng đến 12 tháng tuổi)

a) Yêu cầu và nhiệm vụ chăm sóc - giáo dục trẻ trong năm đầu

Ở lứa tuổi hài nhi, cơ thể trẻ còn non nớt, do vậy để đưa trẻ tăng trưởng và phát triển bình thường, người lớn cần phải đảm bảo một số yêu cầu, nhiệm vụ sau đây khi chăm sóc — giáo dục trẻ:

— Tạo mọi điều kiện để cơ thể trẻ phát triển bình thường về trọng lượng, chiều cao, thân kinh, cơ bắp, chống suy dinh dưỡng, phòng chống bệnh truyền nhiễm, bệnh bại liệt...

— Phát triển ở trẻ những vận động cơ bản: cầm, nắm, bò, ngò, đứng, tập đi và sự phối hợp tay, chân và các giác quan trong chơi — tập, vận động.

— Phát triển năng lực nhạy cảm của các giác quan của trẻ trong quá trình chơi — tập, đặc biệt là thị giác và thính giác.

— Dạy trẻ tập nói: phát âm đúng, biết gọi tên người và vật quen thuộc. Phát triển xúc cảm tình cảm của trẻ với người và thế giới xung quanh (đồ chơi, chỗ chơi, cảnh vật...).

— Hình thành cho trẻ một số thói quen trong sinh hoạt (ăn uống, vệ sinh, nghỉ ngơi, chơi — tập).

— Giúp trẻ thích nghi với môi trường mới ở nhóm trẻ, nhà trẻ.

* *Những yêu cầu cụ thể*

— *Yêu cầu chuẩn*⁽¹⁾

+ Yêu cầu cần đạt được đối với trẻ 6 tháng tuổi:

Trẻ có cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A:

Cân nặng: Trai từ 5,9kg đến 7,8kg

Gái từ 5,5 kg đến 7,2kg

Chiều cao: Trai từ 62,6cm đến 67,8cm

Gái từ 60,6cm đến 65,9cm

Trẻ khoẻ mạnh, da dẻ hồng hào, tóc bóng, mắt sáng, bụng không ỏng.

Trẻ biết xoay tròn dễ dàng.

Biết chú ý lắng nghe âm thanh và biết quay đầu về phía phát ra âm thanh.

Biết biểu lộ tình cảm vui mừng khi có người tiếp xúc, biết phân biệt người quen và người lạ, ngữ điệu của giọng nói (âu yếm hay gắt gỏng).

Biết giơ tay về phía đồ chơi ở bất cứ hướng nào và cầm được đồ chơi.

+ Yêu cầu cần đạt được đối với trẻ 12 tháng tuổi:

⁽¹⁾ Theo *Chương trình chăm sóc - giáo dục trẻ nhà trẻ*, NXB Giáo dục, 2004.

Trẻ có cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A:

Cân nặng: Trai từ 8,1kg đến 10,2 kg

Gái từ 7,4kg đến 9,5kg

Chiều cao: Trai từ 70,7cm đến 76,1cm

Gái từ 68,6cm đến 74,3cm

Trẻ khoẻ mạnh, da dẻ hồng hào, tóc bóng, mắt sáng, sạch sẽ, quen với nếp sinh hoạt của nhà trẻ (ăn, thức, ngủ).

Trẻ biết đi men, đứng không cần đỡ.

Trẻ có nhu cầu giao tiếp tình cảm với người lớn. Nhận biết được những người gần gũi (bố mẹ, ông bà, cô...).

Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn (ăn uống, nằm xuống, hoan hô, vỗ tay, chào...).

Trẻ biết phát âm bập bẹ và nói được một số từ đơn giản (bà, ba, mẹ, chơi, đi...). Trẻ nhận biết được một số đồ dùng, đồ chơi mà trẻ hay tiếp xúc. Biết chỉ vào đồ vật mà người lớn hỏi (ví dụ: Bát đâu? Gà đâu?).

Trẻ biết làm cùng với người lớn một số hành động cụ thể với đồ vật (như đóng mở nắp hộp, chồng khối gỗ, tháo lắp vòng...).

Thích nghe hát và thích người lớn cầm tay cử động theo nhịp của bài hát.

— *Yêu cầu tối thiểu* (áp dụng cho những địa phương còn khó khăn về kinh tế)⁽¹⁾

+ Yêu cầu tối thiểu cần đạt được đối với trẻ 6 tháng tuổi:

Trẻ có cân nặng và chiều cao không dưới mốc:

Cân nặng: Trai 5,9kg; gái: 5,5 kg

Chiều cao: Trai 62,4cm; gái: 60,6cm

Trẻ thích ứng được với chế độ sinh hoạt hằng ngày ở nhà trẻ. Biết lấy và bắt đầu biết xoay, trườn. Biết quay đầu về phía phát ra âm thanh hay tiếng gọi. Biết hóng chuyện và biểu lộ cảm xúc khi có người lớn tiếp xúc. Biết giơ tay về phía đồ chơi trước mặt và biết cầm nắm đồ chơi khi người lớn đưa cho.

+ Yêu cầu tối thiểu cần đạt được đối với trẻ 12 tháng tuổi:

Trẻ có cân nặng và chiều cao không dưới mốc:

Cân nặng: Trai: 8,1kg; Gái: 7,4kg

Chiều cao: Trai: 70,7cm; Gái: 68,6cm.

Trẻ quen với chế độ sinh hoạt hằng ngày ở nhà trẻ, biết đi men. Nhận biết được những người gần gũi (ông, bà, cha mẹ, cô giáo mầm non...) và biểu lộ xúc cảm tích cực khi được tiếp xúc với họ. Trẻ biết thực hiện một số động tác theo chỉ dẫn của người lớn (như vỗ tay, chào...).

⁽¹⁾ Theo Quyết định 55 — Quy định mục tiêu, kế hoạch đào tạo của Nhà trẻ — trường MG của Bộ Giáo dục — 1990.

Trẻ thích hoạt động với đồ vật, đồ chơi. Nhận biết được một số đồ vật, đồ chơi mà trẻ hay tiếp xúc, biết phát một số âm bập bẹ; thích nghe hát.

b) Tổ chức chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ trong năm đầu

Để đảm bảo cho trẻ tăng trưởng và phát triển bình thường, chế độ sinh hoạt hằng ngày của trẻ cần đảm bảo các yêu cầu sau:

— Ăn bột 2 — 3 bữa và bú mẹ

— Ngủ: 3 giấc/ngày (1,5 giờ đến 2 giờ/giấc).

— Đảm bảo trình tự hoạt động ăn — thức — chơi — ngủ — ăn — thức — chơi...

— Đảm bảo sự chuyển tiếp giữa hoạt động ở nhà trẻ và gia đình một cách nhẹ nhàng.

Thời gian biểu mẫu cho chế độ sinh hoạt hằng ngày như sau:

Đón trẻ	7h - 8h
Ngủ	8h - 9h30
Ăn	9h30 - 10h30
Chơi - tập	10h30 - 11h30
Bú mẹ - ngủ	11h30 - 14h00
Ăn	14h00 - 15h00
Chơi - tập	15h00 - 16h00
Bé ngủ/ Lớn chơi/ trả trẻ	16h00 - 17h00

*** Tổ chức cho trẻ ăn, uống**

— Ý nghĩa của bữa ăn đối với trẻ: ăn uống không chỉ thoả mãn nhu cầu tồn tại của cơ thể mà còn là thú vui của trẻ. Trong khi ăn đứa trẻ được giao lưu tình cảm với người lớn, qua đó thế giới tâm hồn được nảy sinh và phát triển, đứa trẻ gắn bó với người lớn hơn. Qua bữa ăn ta biết được sức khoẻ, cá tính của trẻ: bé khoẻ, ăn ngon miệng, ngủ đầy giấc; bé háu ăn hay biếng ăn...

Ở đây cũng cần lưu ý rằng, một vài ngày đầu sau khi sinh, trẻ thường giảm cân (do chưa được bú, bú sữa non, môi trường thay đổi...) sau đó trẻ trở lại bình thường và lớn nhanh từng ngày... Nhu cầu ăn của mỗi trẻ mỗi khác. Người lớn không nên ép trẻ ăn nhiều hơn mức nó muốn, làm như vậy trẻ sẽ mất hứng thú ăn, tìm mọi cách từ chối ăn, và bữa ăn trở thành hình thức "tra tấn" đứa trẻ.

— Yêu cầu về số lượng và chất lượng bữa ăn

Nhu cầu về năng lượng của trẻ từ 800 — 1000kcal/ngày. Trong 3 tháng đầu trẻ được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ. Ngay từ khi mới sinh trẻ cần phải được bú mẹ. Các nhà nhi khoa đã phát hiện ra rằng, những giọt sữa non là liều thuốc miễn dịch rất hữu ích đối với trẻ. Nhờ nó mà đứa trẻ chống lại bệnh tật, thích nghi với môi trường sống mới ngay từ những ngày đầu. Được

nuôi bằng sữa mẹ thì sự tăng trưởng và phát triển của trẻ sẽ thuận lợi hơn. Bởi lẽ, bú sữa mẹ hoàn toàn trong sạch, khả năng hấp thụ của trẻ cao hơn, và trẻ không bao giờ bị bệnh đường ruột. Trong khi bú mẹ, trẻ được chơi đùa, mẹ con âu yếm "trò chuyện" với nhau, tạo ra sự gắn bó mẹ — con, đem lại niềm vui cho mẹ và cảm giác an toàn, vui sướng của con.

Theo quan điểm hiện nay, người mẹ cần cho con bú ít nhất là 12 tháng, có thể kéo dài đến 18 — 24 tháng nếu mẹ còn sữa và khoẻ mạnh.

Nếu người mẹ thiếu sữa hoặc không có sữa thì phải nuôi trẻ bằng sữa hộp; người mẹ cần cho trẻ bú nhiều lần, ăn uống đủ chất, tinh thần thoải mái để có nhiều sữa cho con bú.

Từ tháng thứ 3 trở đi nên cho trẻ uống thêm nước quả tươi, đến tháng thứ 5, 6 cho trẻ ăn thêm quả chín nghiền. Từ tháng thứ 4 trở đi cho trẻ ăn bổ sung bột loãng (lúc đầu một bữa rồi tăng lên 2 bữa trong một ngày), đến tháng thứ 6, 7 cho trẻ ăn bột đặc. Từ tháng thứ 6 đến tháng thứ 12 trẻ được ăn 2 bữa bột đặc và một bữa bú sữa mẹ (hoặc ăn phụ ở nhà trẻ).

Bữa ăn của trẻ cần đảm bảo các chất dinh dưỡng cần thiết như chất đạm, béo, đường, muối khoáng và sinh tố.

— *Giờ ăn của trẻ*

Trong 3 tháng đầu trẻ bú mẹ hoàn toàn nên giờ giấc phụ thuộc vào nhu cầu "cá tính" của từng trẻ. Theo Brômlyay — Head (Mĩ) giờ ăn của trẻ không giống nhau, song ta có thể rèn cho trẻ ăn uống vào một số giờ cố định. Tuy nhiên không nên quá máy móc về giờ giấc, nhưng cũng không nên để trẻ ăn uống không có giờ giấc nào cả (nhất là trẻ ở nhà trẻ). Vấn đề quan trọng là việc ăn uống không được ảnh hưởng đến các hoạt động khác trong chế độ sinh hoạt của trẻ. Để ấn định giờ ăn thích hợp cho trẻ cần dựa vào đặc điểm của từng trẻ, vào nhu cầu ăn của độ tuổi (ở đây là từng tháng tuổi) và quan trọng là không để trẻ khóc quá lâu vì đói. Số lần ăn trong ngày của trẻ giảm dần theo từng tháng. Trẻ dưới 3 tháng tuổi có thể ăn 6 bữa/ngày, trẻ 4 — 6 tháng tuổi có thể ăn 5 bữa/ngày, trẻ 7 — 12 tháng tuổi ăn 4 bữa/ngày.

— *Nhu cầu về nước uống*

Hàng ngày phải cho trẻ uống đủ nước, nhất là mùa hè. Nhu cầu nước uống của trẻ cũng tăng dần theo tháng tuổi. Người lớn cần cho trẻ uống nước khi trẻ muốn, hoặc cho trẻ uống nước sau khi trẻ tỉnh dậy. Tuy nhiên, không nên cho trẻ uống nước trước khi bú sữa, không để trẻ khát, nhưng cũng không được cho trẻ uống quá nhiều nước.

Trẻ từ 3 đến 6 tháng cần 0,8 đến 1 lít nước/ngày.

Trẻ từ 9 đến 12 tháng cần 1,1 đến 1,3 lít nước/ngày.

Nước cần được đun sôi kĩ, mùa đông nước phải ấm. Cần cho trẻ uống nước nhiều hơn bình thường khi trời quá nóng hoặc trẻ bị sốt cao.

— *Tổ chức bữa ăn cho trẻ*

Trước khi cho con bú người mẹ phải rửa tay sạch sẽ, vệ sinh đầu vú và vắt bỏ đi vài giọt sữa đầu. Khi cho con bú cần tạo cho trẻ một tư thế thoải mái để trẻ không bị sặc, bị ngạt. Người mẹ nên tìm cách trò chuyện với con bằng những lời nựng nịu, vừa cho con bú, vừa xoa tay nắn chân, sờ mó khắp người trẻ. Chính giây phút bú mẹ là lúc đứa trẻ nhận ra người mẹ của mình,

nhờ đó mà quan hệ mẹ con ngày càng gắn bó. Cho con bú là một hành động mang tính phức hợp, trong đó có mặt kĩ thuật của nó. Làm sao cho trẻ ngậm đúng vào đầu vú mẹ một cách dễ dàng, làm sao cho tia sữa vừa đủ chảy để phù hợp với nhịp thở của trẻ, đưa trẻ nuốt kịp và không bị sặc. Khi cho trẻ bú cần lấy tay nâng đầu vú, đồng thời dùng ngón tay để điều chỉnh lượng sữa vào mồm một cách thích hợp với trẻ. Khi cho con bú xong, không nên đặt trẻ nằm xuống giường ngay mà nên bế trẻ, cho đầu ngẩng cao hơn người, mẹ xoa lưng trẻ xuôi xuống.

Vì một lí do nào đó mà phải cho trẻ uống sữa bằng bình, người lớn cần phải vệ sinh, tiệt trùng bình sữa, điều chỉnh núm vú sao cho tia sữa chảy vừa đủ — phù hợp với nhịp thở của trẻ, đưa trẻ nuốt kịp và không bị sặc.

Khi trẻ được đi nhà trẻ, việc rèn luyện cho trẻ thói quen ăn uống theo chế độ chung là cần thiết. Để tổ chức bữa ăn cho trẻ một cách thuận lợi, cô giáo mầm non cần phải thực hiện những yêu cầu sau đây:

+ *Trước khi cho trẻ ăn* phải chuẩn bị đầy đủ dụng cụ ăn (bát đĩa, thìa, khăn mặt, cốc) và nước uống cho từng trẻ. Bàn ăn và ghế ngồi cho cô và cháu phải được sắp xếp sao cho thuận tiện cho việc ăn của trẻ và theo dõi, giúp đỡ của cô. Cô cho trẻ đi vệ sinh, rửa tay chân, mặt mũi, đeo yếm cho từng trẻ. Ngay bản thân cô cũng phải đầu tóc gọn gàng, quần áo ngay ngắn, rửa tay sạch sẽ.

+ *Trong khi trẻ ăn*, cô cần tạo ra không khí thoải mái và cảm giác ngon miệng ở trẻ, chú ý đến từng trẻ, đặc biệt là trẻ yếu, biếng ăn và những trẻ vừa mới vào nhà trẻ.

Đối với trẻ chưa ngồi vững, cô phải bế trẻ ngồi vào lòng cô và xúc cho trẻ ăn, không được cho trẻ nằm ăn hoặc uống nước, làm như vậy trẻ dễ bị sặc.

Những trẻ đã ngồi vững, cô đặt trẻ ngồi vào ghế có tựa, có thành xung quanh cho khỏi ngã. Cô có thể đồng thời xúc cho 2, 3 trẻ ăn, chú ý bát bột để xa tầm với tay của trẻ. Bột cho trẻ ăn phải vừa ấm (tránh quá nóng hoặc quá nguội), khi xúc cho trẻ ăn cô phải xúc từng thìa vừa phải, khi trẻ nuốt hết bột trong mồm mới xúc thìa khác. Kiên trì tập cho trẻ quen dần với các loại thức ăn, với nề nếp ăn uống ở nhà trẻ, động viên trẻ ăn ngon miệng, ăn hết xuất.

Khi chuyển từ chế độ sữa sang ăn bột loãng rồi bột đặc và sang cháo cần áp dụng linh hoạt, chú ý tới khả năng tiêu hoá và thích nghi của từng trẻ. Không thay đổi món ăn mới một cách đột ngột mà thay đổi dần dần để trẻ quen dần với món ăn mới.

+ *Sau khi ăn xong*, cô cần vệ sinh mặt mũi, quần áo cho trẻ, cho trẻ uống nước, thu dọn đồ ăn, chỗ ăn. Tránh để trẻ vận động nhiều ngay sau khi ăn.

Một số điểm cần lưu ý khi tổ chức ăn uống cho trẻ:

- Bữa ăn của trẻ thường diễn ra sau giờ ngủ. Mỗi trẻ có nhu cầu ngủ khác nhau. Do vậy, trẻ nào dậy trước thì cho ăn trước, không đánh thức đồng loạt (vừa vất vả cho cô vừa không thoải mái đối với trẻ).

- Không nên cho trẻ ăn khi trẻ ho, khóc, ngủ gật... vì khi đó trẻ dễ bị sặc.

- Không nên ép trẻ nhai, nuốt khi nó không muốn. Vì làm như vậy trẻ không có cảm giác ngon miệng, sợ mà phải ăn, bữa ăn trở nên nặng nề căng thẳng không có lợi gì cho sự phát triển của trẻ. Vấn đề quan trọng là, cô phải có thái độ vui vẻ, nựng nịu, vỗ về động viên trẻ ăn hết xuất (trẻ nhỏ sống vì tình cảm dùng tình cảm để điều khiển trẻ sẽ dễ hơn dùng mệnh lệnh hay quát mắng).

- Không để trẻ nằm ăn, uống, hoặc vừa bò vừa ăn.
- Cần chú ý nhiều hơn đến những trẻ mới ốm dậy, những trẻ yếu và những trẻ mới đi nhà trẻ.
- Cần chủ động cho trẻ uống nước, nhất là mùa hè.
- Sau khi ăn, không cho trẻ nằm sấp hoặc lẫy để tránh ợ, trớ.

** Tổ chức cho trẻ ngủ*

Chuyện ngủ và giờ ngủ là một vấn đề quan trọng, trong chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ, đặc biệt là trẻ trong năm đầu. Đây là một vấn đề phức tạp, bởi vì mỗi đứa trẻ có những yêu cầu riêng và nhịp điệu riêng về ngủ (đặc biệt trong năm đầu), đứa này có thể cần nhiều giấc ngủ ngắn, một vài đứa khác lại cần ngủ liền một giấc dài hơn và một đứa nữa lại không chịu ngủ. Nếu một đứa trẻ không được ngủ đầy giấc của nó, nó trở nên cáu gắt và khó dỗ, làm ảnh hưởng đến những đứa khác. Như vậy, ở nhà trẻ phải sắp xếp cho khớp giữa những nhu cầu cá nhân của đứa trẻ với các mặt sinh hoạt của nhà trẻ "thống nhất cái riêng với cái chung". Yêu cầu trẻ được ngủ đủ và ngủ ngon giấc. Đối với trẻ dưới một tuổi cần ngủ 3 giấc 1 ngày và mỗi giấc kéo dài từ 1 giờ 30 phút đến 2 giờ.

— Chuẩn bị cho trẻ ngủ

Nơi ngủ: Trong lớp cần có một góc dành riêng cho trẻ ngủ và tốt nhất là có phòng ngủ riêng. Phòng ngủ cần thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, ánh sáng vừa đủ dịu mắt. Mỗi trẻ có giường riêng (giường ngủ phải có khung để không bị ngã), có đầy đủ chiếu, màn, gối và chăn ấm mùa đông. Không được để trẻ ngủ trực tiếp dưới nền nhà vì sẽ dễ gây bệnh cho trẻ nhỏ.

Trước khi đi ngủ, trẻ cần được ở trạng thái thoải mái tuyệt đối, tránh dọa nạt, quát tháo làm trẻ sợ hãi, không để trẻ nghịch quá nhiều, khóc lóc nhiều. Cô chú ý cho trẻ đi vệ sinh, chân tay, quần áo sạch sẽ (nếu là mùa đông có thể cởi bớt áo ngoài, khăn, mũ...). Chú ý đến đặc điểm riêng của từng trẻ, chẳng hạn cháu có nhu cầu ngủ nhiều cho ngủ trước, những cháu hay quấy khóc cho ngủ sau, cháu mới đi nhà trẻ cần được dỗ dành, hát ru cho cháu ngủ hoặc có những cháu phải được bế trên tay, được xoa lưng mới ngủ... Nếu được thoải mái chúng ngủ rất nhanh và như thế giảm đi rất nhiều sự quấy rầy các trẻ khác. Nhưng sự quan tâm đặc biệt như thế lại có lúc cũng có thể quấy rầy các trẻ khác, vì thế cô không nên quá máy móc để trẻ đòi gì được nấy, nhưng nên giải quyết những trường hợp cá biệt căn cứ vào sự hiểu biết và cảm thấy một đứa trẻ đặc biệt cần gì.

Để trẻ vào giấc ngủ nhanh, nên tôn trọng thói quen về tư thế nằm ngủ của trẻ (tư thế nằm ngửa, nằm nghiêng). Đối với trẻ càng nhỏ, cô càng cần chăm sóc giấc ngủ chu đáo, cẩn thận và

nên sử dụng những khúc hát ru, những bài dân ca để ru trẻ ngủ. Cô cố gắng luyện cho trẻ có thói quen, ăn xong một lúc là trẻ muốn ngủ.

— Theo dõi trẻ trong khi ngủ

Cô phải thường xuyên có mặt trong phòng của trẻ để theo dõi giấc ngủ, sửa lại tư thế để trẻ ngủ thoải mái, không để trẻ chúi mũi vào gối hoặc trùm chăn kín mặt. Nếu trẻ đái dầm, cô phải kịp thời thay tã lót ngay cho trẻ.

Tuyệt đối giữ yên tĩnh khi trẻ ngủ, không cười đùa, nói to và tránh những tiếng động mạnh làm trẻ giật mình. Nếu có trẻ thức dậy sớm và quấy khóc, thì cô cần vỗ ru trẻ ngủ tiếp, nếu trẻ nhất định không chịu ngủ tiếp thì đưa trẻ ra chỗ khác, không làm cho trẻ khác thức dậy vì tiếng khóc. Bởi đặc điểm của trẻ dưới 1 tuổi là dễ nghe tiếng trẻ khác khóc thường đồng thanh khóc theo.

— Khi trẻ thức dậy

Cho trẻ thức dậy từ từ, trẻ nào dậy trước, cô đón trước, còn các trẻ khác có nhu cầu ngủ nhiều hơn hoặc trẻ bị ốm, yếu thì cho thức dậy sau.

Sau khi trẻ thức dậy, chú ý cho trẻ đi vệ sinh. Lau mặt cho trẻ tỉnh ngủ, để trẻ thức, chơi độ khoảng 10 — 15 phút rồi hãy cho trẻ ăn, khi đó trẻ sẽ ăn ngon.

* *Tổ chức vệ sinh thân thể cho trẻ*

Dưới một tuổi, cơ thể trẻ con non nớt, rất nhạy cảm với những tác động của môi trường bên ngoài (trẻ dễ bị mẩn ngứa, nhiễm trùng, viêm nhiễm...). Do vậy, vệ sinh thân thể cho trẻ là một vấn đề hệ trọng, người lớn, cô giáo mầm non cần phải thực hiện tốt các yêu cầu dưới đây khi vệ sinh thân thể cho trẻ:

— *Tắm cho trẻ*

- + Cần phải tắm cho trẻ trước bữa ăn (10h00 — 11h00 sáng hoặc 15h00 — 16h00 chiều).
- + Mùa lạnh chỉ nên tắm cho trẻ 2 lần/tuần, mùa nóng có thể tắm cho trẻ mỗi ngày một lần.
- + Dù là mùa nào cũng cần tắm cho trẻ trong nước ấm (khoảng 30⁰C — 40⁰C tương đương với nhiệt độ cơ thể).
- + Khi rốn của trẻ chưa thành sẹo nên hạn chế tắm, hạn chế nước vào rốn khi tắm cho trẻ và phải thấm khô rốn cho trẻ sau khi tắm.
- + Tránh để nước vào mắt, mũi trẻ.
- + Khi trẻ biết ngồi, có thể cho trẻ ngồi trong chậu để tắm cho nó.
- + Nếu có thể thì dùng sữa tắm trẻ em để tắm cho trẻ (tốt nhất là nước nấu lá cây theo y học dân tộc, như nước chè xanh chẳng hạn).
- + Tắm không chỉ cốt sạch, mà cần phải tạo ra cho trẻ niềm vui thích được tắm, được nô đùa với nước khi tắm.

— *Chăm sóc rốn, thóp cho trẻ*

+ Chăm sóc rốn cho trẻ. Khi chào đời, bác sĩ cắt rốn, vài ngày (có khi 2, 3 tuần) rốn rụng, sau đó vài ngày rốn thành sẹo. Để tránh nhiễm trùng cho trẻ khi rốn chưa thành sẹo, người lớn phải rửa sạch rốn bằng nước cồn nhẹ. Khi tắm cho trẻ cần tránh để nước vào rốn. Rốn trẻ phải luôn sạch, khô, và chỉ tháo gạc khi rốn thành sẹo.

+ Chăm sóc thóp cho trẻ. Thóp là phần trống giữa 4 xương sọ (chưa dính liền với nhau), phập phồng theo nhịp đập của tim. Đứa trẻ phát triển bình thường thì sau 12 đến 18 tháng thóp đầy (không còn phập phồng nữa). Chế độ dinh dưỡng của trẻ phải đảm bảo, nhất là những thức ăn có chứa Vitamin D để thóp đầy nhanh chóng.

— *Vệ sinh quần áo, móng tay, móng chân và tiêm phòng cho trẻ*

+ Quần áo cần được may bằng vải bông, rộng rãi, dễ mặc, dễ cởi, dễ thấm mồ hôi, giữ được nhiệt (về mùa đông), mát mẻ về mùa hè.

Về mùa đông, người ta có thể kiểm tra xem trẻ có đủ ấm hay không qua bàn chân, cánh tay và cổ của trẻ (còn bàn tay trẻ thường lạnh — một hiện tượng tự nhiên). Chăn, tã, lót phải mỏng, xốp, dễ giặt, không bí khí.

+ Trẻ phải được cắt móng tay, móng chân thường xuyên (7 — 10 ngày/lần), không để móng tay, móng chân dài, nhưng cũng không được cắt quá ngắn.

+ Khi trẻ biết ngồi, tập cho trẻ biết ngồi bô khi đi tiểu tiện, đại tiện.

+ Thực hiện lịch tiêm phòng một cách đúng đắn. Khi trẻ có dấu hiệu đau ốm cần đưa đi khám bệnh kịp thời (ở lứa tuổi này trẻ biến chứng rất nhanh).

* *Tổ chức cho trẻ tiếp xúc với môi trường thiên nhiên*

Nhiệt độ trong phòng của trẻ tốt nhất là từ 22°C đến 25°C. Song cần phải cho trẻ dạo chơi ngoài trời để giúp trẻ thích nghi với sự thay đổi của môi trường bên ngoài. Tuy nhiên, chỉ cho trẻ dạo chơi ngoài trời ở những nơi có không khí trong lành, khi thời tiết không quá lạnh (dưới 15°C) hay quá nóng (trên 30°C). Khi dạo chơi ngoài trời, trẻ được tắm nắng, đó là cơ hội tốt để tăng Vitamin D cho trẻ, giúp cho hệ xương của trẻ phát triển tốt hơn.

Việc "cắm cung" trong bốn bức tường hoặc suốt ngày "dầm mưa, dãi nắng" đều không có lợi. Mỗi ngày nên cho trẻ đi dạo ngoài trời từ 2 đến 3 giờ.

* *Tổ chức vận động cho trẻ*

— *Nội dung các bài tập phát triển vận động cho trẻ*

Những vận động cơ bản của trẻ trong năm đầu diễn ra từ thấp đến cao, từ những cử động cầm nắm của các ngón tay, co duỗi chân tay đến các vận động lẫy, trườn, bò, ngồi, đứng, đi men, đi. Sự tiến bộ của những vận động cơ bản của trẻ phụ thuộc khá lớn vào sự hướng dẫn của người lớn. Nếu người lớn thường xuyên chú ý tới việc tập luyện các hình thức vận động cơ bản cho trẻ thì việc di chuyển trong không gian của trẻ sẽ tiến bộ vững chắc và theo tư thế đẹp đẽ của con người.

Để tổ chức tốt những vận động cơ bản cho trẻ người ta đã biên soạn ra hệ thống các bài tập luyện từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, phù hợp với sự tăng trưởng và phát triển của trẻ. Dưới đây là những nội dung tập luyện cụ thể⁽¹⁾.

+ Trẻ từ 3 đến 6 tháng tuổi:

- Cần nắm đồ chơi ở các tư thế khác nhau (nằm ngửa, nằm sấp, ngồi...).
- Nằm ngửa, bắt chéo hai tay trước ngực.
- Nằm ngửa, co duỗi đều 2 chân.
- Nằm ngửa, chân co chân duỗi.
- Đứng (có người đỡ) nhún nhảy (4 — 6 tháng).
- Nằm ngửa, tay co tay duỗi.
- Lẫy sấp (4 — 6 tháng).
- Tập trườn (5 — 6 tháng).

+ Trẻ từ 6 đến 12 tháng tuổi.

- Nằm ngửa, bắt chéo hai tay trước ngực (6 — 9 tháng).
- Nằm ngửa, co duỗi đều 2 chân (6 — 9 tháng).
- Nằm ngửa, luân phiên đưa thẳng từng chân lên (6 — 9 tháng).
- Trườn theo đồ chơi (6 — 7 tháng).
- Tập bò (7 — 8 tháng).
- Tập ngồi (8 — 9 tháng).
- Ngồi, cầm nắm, nhặt buồng thả đồ chơi (9 — 10 tháng).
- Vịn đứng lên, ngồi xuống (9 — 10 tháng).
- Nằm ngửa, chân co chân duỗi (9 — 12 tháng).
- Nằm ngửa, nâng 2 chân duỗi thẳng (9 — 12 tháng).
- Ngồi, tay co tay duỗi (9 — 12 tháng).
- Nhặt đồ chơi bỏ vào, lấy ra (9 — 12 tháng).
- Xếp chồng 2 vật lên nhau (9 — 12 tháng).
- Đóng mở nắp hộp (9 — 12 tháng).
- Tháo lắp vòng (9 — 12 tháng).
- Bò theo hướng thẳng (9 — 12 tháng).
- Đứng vịn và đi men (9 — 12 tháng).
- Chập chững (10 — 12 tháng).
- Tập đi (11 — 12 tháng).

⁽¹⁾ Theo *Chương trình chăm sóc - giáo dục trẻ nhà trẻ* (của Bộ Giáo dục và Đào tạo), NXB Giáo dục, 2004.

Mỗi nội dung vận động trên lại gồm nhiều bài tập từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Chẳng hạn, ở vận động bò gồm có bài tập bò bình thường đến bò vượt qua chướng ngại vật rồi đến bò chui qua một đồ vật nào đó. Việc tổ chức cho trẻ vận động là rất cần thiết, một mặt làm cho sự phát triển của trẻ được thuận lợi, một mặt qua việc tập luyện cho trẻ vận động người lớn phát hiện những khiếm khuyết trong cơ thể trẻ để kịp thời khắc phục, uốn nắn.

— *Một số điểm cần lưu ý khi tổ chức vận động cho trẻ*

+ Cần tập luyện cho trẻ từ từ với động tác nhẹ nhàng, khéo léo, vì cơ xương của trẻ còn quá non yếu dễ gây thương tật. Tránh làm đau hay đặt trẻ ở tư thế gò bó, không thoải mái, gây cho trẻ khó chịu, rồi sinh ra sự sợ hãi mỗi khi tập luyện.

+ Khi tập luyện cho trẻ, người lớn cần có thái độ âu yếm, thương yêu trẻ. Những lời nói nựng, những cử chỉ ôm ấp vỗ về với trẻ lúc này sẽ tạo cho trẻ cảm giác an toàn và hào hứng tập luyện.

+ Cần kết hợp việc tập luyện vận động cơ bản với việc hình thành tiền đề của sự phát triển ngôn ngữ và hoạt động với đồ vật. Chẳng hạn, trong bài tập đi, người lớn có thể đặt ở đích một đồ chơi hấp dẫn và động viên trẻ bằng những câu: "Đến đây cô cho chơi nào!" hay "Cố lên, cô thưởng nào!". Khi trẻ đến nơi cầm được đồ chơi thì dạy trẻ những hành động cần thiết với đồ vật.

+ Cần chú ý đến đặc điểm riêng của mỗi đứa trẻ khi tập luyện, tránh tập đồng loạt, nhất là những vận động cần có sự hỗ trợ của người lớn. Trẻ nhỏ có nhu cầu vận động rất khác nhau, tùy theo thể trạng và tính tình của mỗi cháu, có trẻ khoẻ mạnh lại hiếu động, có trẻ mềm yếu hơn... Do đó, cần lựa chọn các bài tập và cách luyện tập sao cho phù hợp với từng cháu nhỏ.

+ Không tập luyện cho trẻ mới ốm dậy, mới tiêm chủng hay mới đi nhà trẻ, còn đang lạ. Đối với trẻ còn đang quấy khóc trong khi tập, nên dừng lại để dỗ, nếu trẻ trở lại vui vẻ mới cho tập tiếp.

+ Thời gian tập vận động cho trẻ tốt nhất là sau bữa ăn nửa tiếng hoặc sau khi đón trẻ. Thời gian tập từ 3 đến 5, 6 phút/lần tập. Ngoài những buổi tập được ấn định trong chế độ sinh hoạt, cần tạo điều kiện cho trẻ được vận động trong những chế độ khác (nhất là giờ chơi — tập) nhằm phát triển những vận động đã biết và chuẩn bị cho sự xuất hiện vận động tiếp theo.

+ Không nên bắt trẻ tập luyện quá sớm bất kỳ một vận động nào, chẳng hạn ngồi quá sớm dễ làm khung xương biến dạng và hạn chế cử động; dạy trẻ tập đi quá sớm dễ làm cho trẻ bị vòng kiềng.

* *Tổ chức cho trẻ chơi - tập*

Ở lứa tuổi này, chơi — tập là một hoạt động rất quan trọng, một mặt nó giúp trẻ phát triển các vận động cơ bản (cầm nắm, tháo lắp, đập, gõ...) mà còn phát triển trí tuệ, tình cảm của trẻ. Do vậy, để tổ chức chơi — tập cho trẻ đạt hiệu quả, cô giáo mầm non cần thực hiện các yêu cầu sau:

— *Chuẩn bị cơ sở vật chất để chơi — tập*

Trước hết cần phải bố trí chỗ chơi rộng rãi, sạch sẽ, để trẻ có thể tích cực hoạt động cần có những đồ chơi thích hợp, không nên để tập trung đồ chơi ở một chỗ mà nên để rải rác trên sàn (với trẻ đã có thể tự chơi) hoặc treo đồ chơi trên nôi ngang tầm với của trẻ (với trẻ còn quá bé). Đồ chơi của trẻ nhỏ cần có màu sắc sặc sỡ, có thể phát ra âm thanh, đa dạng về hình khối và kích thước, sạch sẽ, không gây nguy hiểm (không độc, không sắc nhọn, không quá nhỏ để trẻ dễ cho vào miệng bị hóc...), vừa cỡ tay trẻ cầm, lắc, gõ, đập, lăn, ném, bỏ vào hộp, lấy ra khỏi hộp v.v...

- Hướng dẫn trẻ chơi - tập

Cô gây hứng thú đến đồ chơi cho trẻ bằng cách cô lắc chuông hoặc xúc xắc, lục lạc... cho trẻ nghe hoặc cô hát khe khẽ rồi gọi tên hay cầm tay trẻ, làm cho trẻ chú ý đến âm thanh phát ra từ đồ chơi... Sau đó đặt đồ chơi vào tay trẻ, cho trẻ cầm nắm đồ chơi ở các tư thế khác nhau (nằm ngửa, nằm sấp, ngồi...). Cô khuyến khích trẻ chơi với các loại đồ chơi, cho trẻ tự lắc, bóp, đập, gõ. Nếu trẻ chưa biết cầm nắm thì cô đặt đồ chơi vào tay trẻ rồi cầm tay trẻ lắc, đập, gõ một vài lần. Sau đó để trẻ tự chơi một mình. Cùng với việc tập cho trẻ cầm nắm, cô còn tập cho trẻ biết buông, thả đồ chơi bằng cách lấy đồ chơi từ tay trẻ (vừa lấy đồ chơi vừa nói âu yếm với trẻ, tránh không giằng giạt mạnh làm trẻ khóc). Mỗi khi trẻ cầm được đồ chơi, cô cần gọi tên đồ chơi để cho trẻ tập nghe.

Không nên đưa cho trẻ nhiều đồ chơi một lúc và nên thường xuyên thay đổi đưa các loại đồ chơi khác nhau cho trẻ nhằm gây hứng thú với đồ chơi và trẻ sẽ thích chơi với đồ chơi hơn.

Trẻ từ 9 — 12 tháng, cần cho trẻ tập cầm nắm, nhặt đồ chơi bằng các ngón tay, bằng cách tổ chức cho trẻ chơi những trò chơi như đóng mở nắp hộp, tháo lắp vòng, chồng xếp hai vật lên nhau. Trong khi chơi các loại trò chơi này, cô cần nắm tay trẻ cùng làm động tác, nếu trẻ chưa tự làm được thì cũng không nên ép mà phải luyện tập dần dần. Mỗi khi trẻ làm được động tác cô nên động viên khuyến khích trẻ, tạo cho trẻ có tâm trạng vui vẻ thoải mái khi chơi.

Ngoài các nội dung luyện tập cho trẻ cầm nắm đồ chơi, cô có thể khuyến khích trẻ tự làm động tác co duỗi các ngón tay qua một số trò chơi như gọi gà ăn: chirp chirp, gọi chim ăn: chim chim.

Ở độ tuổi này, cô cần tạo điều kiện cho trẻ được chơi một mình với đồ chơi của mình, cố gắng sao cho mỗi trẻ có một đồ chơi. Cô cần khuyến khích trẻ tích cực hoạt động, củng cố những điều trẻ đã biết bằng các hình thức thích hợp với các đồ chơi, trò chơi. Trong lúc trẻ chơi, cô quan sát tất cả trẻ trong nhóm, không để trẻ ở lâu một tư thế bằng cách luôn thay đổi trò chơi của trẻ... với những trẻ yếu, hay khóc cô nên để ngồi riêng một nơi để cô tiếp xúc, chăm sóc trẻ được nhiều hơn. Có trường hợp khi chơi một mình, trẻ chóng chán, vứt bỏ đồ chơi và la khóc quấy rầy trẻ khác đang chơi. Lúc này cô cần giúp đỡ trẻ kịp thời bằng cách thay đổi đồ chơi hoặc cô nói chuyện, chơi với từng trẻ hoặc lôi cuốn hai, ba cháu cùng chơi với cô trò chơi "ú oà", "chi chi chành chành", "lăn bóng", v.v... làm cho trẻ luôn luôn vui vẻ, bận rộn với những đồ chơi, trò chơi của mình. Kết thúc các trò chơi một cách nhẹ nhàng, đưa trẻ sang hoạt động khác tiếp theo sau đó như cho trẻ đi vệ sinh, chuẩn bị ăn cơm...

Với đặc điểm của trẻ ở độ tuổi dưới 1 năm, nội dung chơi — tập của trẻ chủ yếu được tiến hành với từng trẻ nên cô cần hết sức linh hoạt, không quá câu nệ vào một thời gian cố định trong ngày mà nên tổ chức cho trẻ chơi — luyện bất cứ lúc nào thuận tiện. Khi tổ chức cho trẻ chơi — luyện cô cần tạo điều kiện cho trẻ thoải mái, có tâm thế chơi và bản thân cô phải hết sức nhẹ nhàng âu yếm, vui vẻ với trẻ. Trong khi chọn một trò chơi cho trẻ nhất định phải tuân theo một số ít luật lệ chung: hãy thử tập trung vào một kĩ năng đang ở thời kì phát triển nhanh, đó chính là lúc chơi — tập sẽ có hiệu quả cao nhất; cô hãy tập trung giúp trẻ hoàn thiện những kĩ năng mà trẻ bắt đầu học được, hãy chọn một thứ đồ chơi hay vật dùng để chơi có thể vừa luyện một kĩ năng mới. *Ví dụ:* với một đứa trẻ đã biết đưa mắt theo dõi các đồ vật, cô hãy treo một vật dùng đưa đủ thấp để quay tròn cho đứa trẻ học lấy tay đánh vào dây... hoặc khi đứa trẻ biết với và nắm lấy đồ vật ở gần nó thì cô hãy đưa cho trẻ đồ chơi để nó ngắm nhìn và sờ mó đồ chơi ấy, hoặc treo lủng lẳng những đồ vật mà trẻ đã quen ngang tầm giữa thân thể của nó để cho nó nắm... Đến khi trẻ có thể cầm một lúc hai đồ chơi, để trẻ ngồi trên một mặt bằng, chơi với những đồ vật nhỏ (nhưng phải đủ to để trẻ không thể nuốt được) hay cô chơi trò chơi chuyển đồ chơi với trẻ, nhưng không dùng quá 2 đồ chơi...

Cô luôn luôn phải lưu ý, không để cho trẻ chơi mãi một trò chơi sẽ làm cho trẻ nhàm chán và không bắt trẻ làm những gì quá cao so với trình độ phát triển của trẻ. *Ví dụ,* bắt trẻ nhặt những đồ vật nhỏ lên là một việc làm quá cao đối với một đứa trẻ còn chưa thể cầm lấy được một vật. Nhưng cô cũng có thể tạo điều kiện và giúp trẻ chơi những trò chơi hơi khó hơn một chút, tạo ra những tình huống để trẻ xử lí và giúp trẻ học được những kĩ năng chơi mới.

Mỗi khi trẻ chơi, cô nên quan sát xem trẻ đang làm gì với đồ chơi và hình dung ra trẻ đang chơi cái gì và quyết định xem cái đồ chơi trẻ đang sử dụng có thích hợp với điều trẻ đang chơi hay không, rồi đưa cho trẻ những thứ đồ chơi khác có lợi cho trẻ sử dụng và để học điều đó. *Ví dụ,* một đứa trẻ dưới 1 tuổi muốn đập một cái gì xuống mặt bàn, mặt đất thì bạ cái gì chúng đều đập cái ấy bất kể là cái thìa, búa, cục gỗ, bút chì, hộp, búp bê... Trẻ chẳng hiểu và cũng không cần biết những đồ vật này thực sự dùng để làm gì. Cho nên ở đây người lớn không nhất thiết phải cố dạy trẻ hãy viết với một cây bút chì, ăn bằng cái thìa và chỉ dùng búa để đập, để gỗ mà thôi, mà nên đưa cho trẻ nhiều thứ đồ vật an toàn để cho trẻ dùng đập, để chơi với chúng. Đồng thời người lớn chú ý dạy trẻ những động tác đơn giản sử dụng đồ vật như đặt vật nọ lên vật kia (gỗ, đập, mở, đập), luôn gây ấn tượng mới làm cho trẻ thích thú với đồ chơi, đồ vật mới xuất hiện v.v...

3.2. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ trong năm thứ hai (12 - 24 tháng tuổi)

a) Yêu cầu và nhiệm vụ chăm sóc - giáo dục trẻ trong năm thứ hai

Như đã trình bày ở chương 2, sang năm thứ hai tốc độ tăng trưởng (chiều cao, cân nặng, khung xương...) vẫn nhanh nhưng chậm hơn so với năm đầu. Trẻ đi vững và khá nhanh, môi trường tiếp xúc được mở rộng, hoạt động với đồ vật trở thành hoạt động chủ đạo của lứa tuổi này. Do vậy, nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ năm thứ hai cũng có những nét đặc trưng. Dưới đây là những nhiệm vụ cơ bản:

— Duy trì và phát triển thể lực, tăng cường rèn luyện thân thể và nâng cao sức đề kháng cho trẻ. Cụ thể là, đảm bảo chế độ ăn, nghỉ, vận động phù hợp với sự tăng trưởng và phát triển của trẻ; tổ chức vệ sinh thân thể, rèn luyện thể chất nhằm nâng cao sức khoẻ cho trẻ.

— Tiếp tục rèn luyện các giác quan, phát triển sự khéo léo của đôi tay và của một số vận động cơ bản như: bò ở các địa hình khác nhau, đi ở các địa hình khác nhau, tập chạy vượt chướng ngại vật, leo trèo.

— Giúp trẻ làm quen và làm phong phú những biểu tượng về một số vật thể và hiện tượng gần gũi, bước đầu nhận ra công dụng của một số đồ dùng quen thuộc với trẻ.

— Phát triển tư duy trực quan — hành động, phát triển khả năng tập trung chú ý và bắt chước những động tác của người lớn.

— Tăng cường sự hiểu biết ngôn ngữ (làm theo sự chỉ bảo của người lớn), tăng vốn từ của trẻ, tập cho trẻ sử dụng từ ngữ để diễn đạt ý muốn của mình bằng những câu đơn giản.

— Tập cho trẻ một số thói quen trong sinh hoạt hàng ngày và bước đầu hình thành cho trẻ một số thói quen tự phục vụ.

— Tiếp tục duy trì, củng cố và phát triển những xúc cảm lành mạnh đối với người thân (bố mẹ, cô giáo, ông bà, bạn bè cùng nhóm...).

— Phát triển khả năng nhạy cảm với âm nhạc và cảm xúc thẩm mỹ cho trẻ như nghe — vỗ tay theo nhạc, hát theo cô, có những xúc cảm lành mạnh đối với cái đẹp ở xung quanh.

** Những yêu cầu cụ thể*

— *Yêu cầu chuẩn*⁽¹⁾

+ Yêu cầu đối với trẻ cuối 18 tháng tuổi:

Trẻ tăng cân đều hàng tháng, quý, cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A. Chỉ tiêu cụ thể:

Cân nặng: Trai từ 9,1 kg đến 11,5kg; Gái từ 8,5kg đến 10,8kg.

Chiều cao: Trai từ 76,3cm đến 82,4cm; Gái từ 74,8cm đến 80,9cm.

Trẻ sạch sẽ, khoẻ mạnh, da dẻ hồng hào, tóc bóng, mắt sáng, có nề nếp ăn, thức, ngủ. Trẻ đi vững, biết tên mình, tên bạn, tên những người gần gũi (bố mẹ, anh, chị em, cô giáo...), tên gọi đồ dùng sinh hoạt gần gũi (quần áo, mũ dép, thìa, bàn ghế...). Trẻ biết tên các con vật quen biết và một số bộ phận của chúng (đầu, mắt, chân...). Hiểu tên gọi một số động tác (đi, chạy, nằm xuống, ngồi xuống...).

Trẻ có thể bắt chước nhiều âm trong lời nói, có thể giao tiếp với người lớn bằng những câu hai từ.

Trẻ biết tự cầm cốc uống nước, cầm thìa xúc cơm, biết một số thao tác xếp chồng, đóng — mở với các đồ vật đơn giản.

+ Yêu cầu đối với trẻ cuối 24 tháng tuổi:

⁽¹⁾ Theo Chương trình chăm sóc - giáo dục trẻ nhà trẻ của Bộ Giáo dục — Đào tạo, NXB Giáo dục, 2004.

Trẻ tăng cân đều hàng tháng, quý, chiều cao, cân nặng nằm trong kênh A. Cụ thể là:

Cân nặng: Trai từ 9,9kg đến 12,6kg; Gái từ 9,4kg đến 11,9kg.

Chiều cao: Trai từ 80,9cm đến 87,6cm; Gái từ 79,9cm đến 86,5cm

Trẻ sạch sẽ, khoẻ mạnh, da dẻ hồng hào, tóc bóng, mắt sáng, bụng không ồng, có nề nếp ăn, thức, ngủ.

Trẻ biết đi vững, bắt đầu biết chạy.

Trẻ có thể giao tiếp với người lớn bằng câu 2 — 3 từ trở lên.

Trẻ biết tên gọi các đồ dùng, đồ chơi, tranh vẽ, một số hoa quả, con vật gần gũi.

Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn (cho cô xem, lấy cho cô cái cốc□).

Trẻ nhận biết được 1 — 2 nhân vật qua truyện tranh, biết đọc thơ theo cô.

Trẻ trả lời được một số câu hỏi: Cái gì đây? Ai đây? Làm gì đấy?

Trẻ biết hành động với đồ dùng, đồ chơi theo mẫu của cô (tháo lắp vòng, lồng hộp, xếp hình đơn giản), chọn màu (xanh, đỏ), kích thước (to — nhỏ).

Trẻ bắt chước được vài hành động của người lớn.

Trẻ chú ý và biết vỗ tay theo bài hát.

— *Yêu cầu tối thiểu* ⁽¹⁾

+ Yêu cầu đối với trẻ cuối 18 tháng tuổi:

Trẻ có cân nặng và chiều cao không dưới mốc sau:

Cân nặng: Trai: 9,1kg ; Gái: 8,5kg.

Chiều cao: Trai: 76,3cm; Gái: 74,8cm.

Trẻ sạch sẽ, có nề nếp ăn, thức, ngủ, đi vệ sinh.

Trẻ biết đi, biết tên mình, tên gọi của một vài đồ dùng gần gũi (thìa, bát...), biết tên gọi của một vài động tác (đi, đứng lên, ngồi xuống...).

Trẻ biết trả lời bằng cách chỉ tay vào một số đối tượng quen thuộc được hỏi.

Trẻ biết bắt chước được một số âm trong lời nói, biết sử dụng một vài đồ dùng, đồ chơi quen thuộc (cầm bút, cầm thìa, xếp giấy, gỗ...).

Trẻ thích vận động theo nhịp điệu.

+ Yêu cầu đối với trẻ cuối 24 tháng tuổi:

Trẻ có chiều cao và cân nặng không dưới mốc sau:

Cân nặng: Trai: 9,9kg; Gái: 9,4kg.

Chiều cao: Trai: 80,9cm; Gái: 79,8cm.

Trẻ biết đi vững, trẻ tự xúc ăn, có nề nếp vệ sinh (rửa tay, rửa mặt, "đi bô") theo hướng dẫn của cô.

⁽¹⁾ Theo Quyết định 55, Sdd.

Trẻ nói được câu 2 — 3 từ trở lên; biết tên gọi đồ vật, đồ chơi, một số hoa quả, con vật gần gũi, trẻ trả lời được một số câu hỏi: Cái gì đây? Ai đây?...; biết thực hiện những yêu cầu của người lớn (lấy cho cô, cho cô xem...), biết sử dụng một số đồ dùng sinh hoạt (cốc, thìa, bát); trẻ nhận biết bài hát quen thuộc và làm động tác theo cô, biết hành động với đồ vật, đồ chơi khéo léo hơn.

b) Chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ trong năm thứ hai

Căn cứ vào sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em trong năm thứ hai, người ta chia chế độ sinh hoạt của trẻ thành hai giai đoạn:

- *Giai đoạn từ 12 đến 18 tháng tuổi:*

+ Trẻ ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ, cách nhau từ 4 giờ 30' — 5 giờ/bữa.

+ Thời gian thức tỉnh (để chơi — tập, giao tiếp...) 3 giờ đến 3 giờ 30'

+ Ngủ 2 giấc (ngày), mỗi giấc từ 1 giờ 30' đến 2 giờ 30'.

Đảm bảo trình tự: Chơi — ngủ — (sáng) — ăn — chơi — ngủ (trưa).

Thời gian biểu cho chế độ sinh hoạt của trẻ từ 12 đến 18 tháng tuổi như sau:

Đón trẻ	7h00 - 8h00
Chơi tập	8h00 - 8h30
Ngủ	8h30 - 10h00
Ăn	10h00 - 11h00
Chơi - tập	11h00 - 12h00
Ăn phụ - ngủ	12h00 - 14h00
Ăn	14h00 - 15h00
Chơi, trả trẻ	15h00 - 17h00

- *Giai đoạn từ 18 đến 24 tháng tuổi:*

+ Trẻ được ăn 2 bữa chính cách nhau từ 4 giờ đến 4 giờ 30' (nếu có bữa phụ thì 2 bữa chính cách nhau 5 giờ).

+ Ngủ một giấc kéo dài từ 2 đến 3 giờ (ngủ trưa).

Đảm bảo trình tự: chơi — ăn (trưa) — ngủ (trưa) — chơi — ăn — chơi (chiều).

Thời gian biểu cho chế độ sinh hoạt của trẻ từ 18 đến 24 tháng tuổi như sau:

Đón trẻ	7h00 - 8h00
Chơi - tập	8h00 - 10h30
Ăn	10h30 - 11h00

Ngủ	11h00 - 14h00
Ăn phụ (nếu có) - chơi tập	14h00 - 15h00
Ăn	15h00 - 16h00
Chơi, trả trẻ	16h00 - 17h00

Trong quá trình chăm sóc — giáo dục trẻ, cô giáo mầm non có thể vận dụng một cách linh hoạt chế độ sinh hoạt nhưng không được đảo lộn trình tự đã sắp xếp trong thời gian biểu cũng như không được rút ngắn hoặc kéo dài thêm thời gian một cách tùy tiện.

Đối với trẻ mới chuyển nhóm, hoặc chuẩn bị chuyển nhóm, cô cần tập cho trẻ quen dần với chế độ sinh hoạt của nhóm trên. Ví dụ, trẻ 17 — 18 tháng sắp chuyển lên nhóm cơm nát, một số trẻ không có nhu cầu ngủ 2 giấc ban ngày, cô không ép ngủ sáng, thời gian này khi trẻ khác ngủ thì cô tổ chức cho trẻ chơi — tập (tự do) hoặc nghe cô đọc thơ, hoặc xem tranh...

Trong khi chuyển từ hoạt động này sang hoạt động khác, cô cần thực hiện một cách tự nhiên, tránh đột ngột (có thể báo cho trẻ sẽ làm gì tiếp theo).

Trong quá trình chăm sóc — giáo dục trẻ, cần lưu ý rằng, trẻ ở tuổi này chưa ý thức được tính tổ chức của nhóm — lớp (vui đâu đâu đó, dễ đi sang lớp khác, ra đường, đi theo người khác□) dễ xảy ra tai nạn. Do vậy cô giáo mầm non cần theo dõi các hoạt động của trẻ một cách thường xuyên để đảm bảo an toàn cho trẻ, tránh để trẻ bị thất lạc hay tai nạn.

Khi đón trẻ, trả trẻ cô giáo cần trao đổi với phụ huynh về tình hình sức khỏe, tinh thần của trẻ ở nhà, ở lớp, nếp ăn, ngủ của trẻ và nhắc nhở các bậc phụ huynh thực hiện những yêu cầu chung về việc chăm sóc — giáo dục trẻ em (ở nhà).

Dưới đây là một số yêu cầu cụ thể trong việc thực hiện chế độ sinh hoạt hàng ngày cho trẻ trong năm thứ hai.

** Tổ chức cho trẻ ăn, uống*

- *Yêu cầu về chế độ ăn uống của trẻ*

+ Đảm bảo đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng trong bữa ăn hàng ngày.

+ Chế biến thức ăn phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ ở từng thời kỳ: đối với trẻ từ 12 đến 18 tháng cho ăn cháo nhừ, sánh hoặc phở, súp, mì, bánh đa□; đối với trẻ từ 18 đến 24 tháng cho ăn cơm nát. Cần thường xuyên thay đổi và phối hợp nhiều loại thực phẩm để trẻ ăn ngon miệng và ăn hết suất.

+ Hàng ngày cho trẻ uống nước, nước quả tươi, mùa hè cần cho trẻ uống nước nhiều hơn.

+ Đảm bảo vệ sinh khi ăn uống (từ khâu chế biến đến khâu cho trẻ ăn uống).

+ Cần tôn trọng nhu cầu, sở thích của trẻ đối với các loại thức ăn. Sự kén chọn thức ăn của trẻ do nhiều nguyên nhân: nhu cầu về chế độ dinh dưỡng đã thay đổi so với lứa tuổi trước đó; khẩu vị của trẻ đã hình thành (trẻ ăn nhiều hơn, ngon miệng hơn những món ăn nó thích). Nhiều cuộc thí nghiệm cho thấy, có thể tin vào sự ngon miệng của trẻ nếu đó là một đứa trẻ bình thường (không ốm yếu, mệt mỏi, không ăn ngon, ăn nhiều vì quá đói). Trẻ sẽ tự chọn lấy một

chế độ ăn cân bằng sau khi đã cho trẻ ăn liên tiếp những bữa ăn có đủ những thức ăn mà trẻ thích. Vấn đề đặt ra là phải thoả mãn nhu cầu thức ăn mà trẻ thích nhằm tạo ra cảm giác ngon miệng cho trẻ khi ăn. Như vậy, không nên ép buộc ăn các loại thực phẩm mà trẻ không thích, người lớn có thể thay thực phẩm này bằng thực phẩm khác mà trẻ thích, tuy nhiên phải tính đến sự cân đối về dinh dưỡng.

Bác sĩ Spock cho rằng, cách tốt nhất để giữ sự ngon miệng cho trẻ thấy thức ăn là một cái gì thú vị. Hãy để cho trẻ ăn tùy thích một lượng thức ăn này hay thức ăn khác nhiều hơn bình thường và cho phép trẻ ăn món ăn mà trẻ không thích ít hơn bình thường. Chế độ cân bằng không phải tính theo từng bữa mà nên tính theo từng tuần. Nếu thấy có sự mất cân bằng nào đó hãy hỏi ý kiến bác sĩ.

+ Cân thay đổi chế độ ăn theo sự tăng trưởng và phát triển của trẻ. Nếu cứ giữ nguyên chế độ ăn như trong năm đầu thì đứa trẻ sẽ không hấp thụ hết (một sự lãng phí không cần thiết), hoặc đứa trẻ sẽ phát triển quá mức bình thường (béo phì) cũng không phải là tốt. Khi chuyển chế độ ăn (từ cháo sang cơm nát) cần chú ý tới khả năng tiêu hoá và sự thích nghi của từng trẻ, không thay đổi đột ngột mà tập cho trẻ quen dần với món ăn mới. Những trẻ yếu hoặc phát triển chậm hơn so với độ tuổi, có thể cho chuyển chế độ ăn chậm hơn một vài tháng. Ngược lại, những trẻ phát triển sớm hơn so với độ tuổi thì có thể chuyển chế độ ăn sớm hơn.

Những ngày trẻ bị mệt hay có vấn đề về đường tiêu hoá, nên cho trẻ ăn những thức ăn nhẹ, chóng tiêu.

— Chuẩn bị cho trẻ ăn

+ Vệ sinh chân tay, mặt mũi cho trẻ trước khi ăn.

+ Chuẩn bị bàn ăn, dụng cụ ăn (thìa, bát, khăn mặt...) và nước uống như với trẻ trong năm đầu.

+ Những thức ăn nóng, canh để giữa bàn sao cho trẻ không thò tay làm đổ ra bàn, ra người.

+ Cô cần tạo ra không khí vui vẻ, thoải mái, tỉnh táo cho trẻ trước khi ăn. Không để trẻ chờ đợi bữa ăn quá lâu. Đối với những trẻ ham chơi không chịu ngồi vào bàn ăn cùng các bạn, cô cần nhẹ nhàng chuyển hứng thú của trẻ từ trò chơi sang việc ăn uống (không nên cắt đứt một cách đột ngột hứng thú chơi của trẻ để bắt trẻ phải ăn, làm như vậy trẻ sẽ khóc, từ chối việc ăn uống, bữa ăn sẽ kém ngon miệng). Những trẻ yếu và ăn chậm cần được quan tâm nhiều hơn.

- Trong khi cho trẻ ăn

+ Cô vui vẻ, nhẹ nhàng động viên trẻ ăn. Với những trẻ chưa biết tự xúc thì cô xúc cho trẻ ăn (một lúc xúc cho 3 — 4 trẻ cùng ăn, trẻ lớn hơn cần tập cho trẻ tự xúc ăn (hướng dẫn trẻ bắt chước cô cầm thìa, xúc cơm). Không nên làm thay trẻ (khi nó tự làm được). Vì làm như vậy trẻ sẽ hiểu rằng được người lớn bón cơm là "đặc quyền" của trẻ, trẻ ỷ lại và không muốn tự xúc ăn. Điều quan trọng là cô phải tạo ra ở trẻ hứng thú tự xúc lấy ăn. Đồng thời cũng không nên quan trọng hoá vấn đề trẻ làm giầy bẩn ra bàn, ra quần áo. Thời gian đầu trẻ còn vụng về nhưng tập dần sẽ thành thói quen.

+ Cần xử lý kịp thời một số tình huống thường xảy ra khi trẻ ăn:

- Đang ăn trẻ đứng lên chạy đi chơi. Nguyên nhân của hiện tượng này có thể là do trẻ chưa đói (nhu cầu ăn chưa bức bách, ăn không ngon miệng), hoặc trẻ đang hứng thú với hoạt động trước đó hay thói quen của trẻ đã có từ gia đình (đi lại khắp nhà trong khi ăn, vừa ăn vừa chơi □ người lớn cứ chạy theo trẻ để bón cơm). Để xử lý tình huống này, cô giáo mầm non cần xác định đúng nguyên nhân. Nếu trẻ chưa đói thì hãy để khi nào trẻ có nhu cầu (đòi ăn) hãy cho trẻ ăn. Không cắt ngang (đột ngột) thú vui của trẻ mà cần chuyển hứng thú chơi sang hứng thú ăn một cách nhẹ nhàng khéo léo. Không được chạy theo trẻ bón cơm cho nó.

- Trẻ ăn không ngon miệng, lười ăn, ăn không hết suất. Nguyên nhân của hiện tượng này có thể là do món ăn không đúng sở thích (không hợp khẩu vị) của trẻ, hoặc trẻ đang bị mệt, có vấn đề về sức khoẻ hay trẻ đang buồn ngủ, bức tức một cái gì đó... Để xử lý tình huống này cô giáo mầm non cần xác định đúng nguyên nhân. Để trẻ ăn ngon miệng cần tạo điều kiện cho trẻ ăn những thức ăn, chế độ ăn mà nó thích. Động viên trẻ vui vẻ ăn, ăn hết suất, chú ý chữa kịp thời và thay đổi chế độ ăn đối với trẻ bị mệt.

- Xử lý kịp thời khi trẻ bị ho, sặc trong ăn uống.
- Không nên tỏ ra bức tức khi trẻ làm đổ thức ăn, làm vỡ bát, rơi thìa □ vì làm như vậy trẻ dễ hoảng sợ và sợ cả ăn uống.

— *Sau khi ăn*

Cho trẻ đi vệ sinh, uống nước, lau miệng như ở năm đầu.

* *Tổ chức cho trẻ ngủ*

Vào lứa tuổi này giờ ngủ trưa của trẻ bắt đầu thay đổi. Ban ngày trẻ ngủ ít hơn, giờ ngủ trưa của phần lớn trẻ em bắt đầu thay đổi. Một số trẻ vốn có thói quen ngủ sáng bây giờ không chịu ngủ buổi sáng nữa, còn những trẻ khác thì ngủ càng ngày càng muộn. Từ đó đòi hỏi người lớn phải chấp nhận những sự thay đổi bất tiện ấy và có kế hoạch cho trẻ ngủ khác đi so với trẻ trong năm đầu.

Đối với trẻ đi nhà trẻ, ngủ ngày 2 lần (trẻ từ 12 — 18 tháng), mỗi lần kéo dài từ 1 giờ 30 phút đến 2 giờ.

Còn trẻ từ 18 — 24 tháng thì ngủ liền một lần và giấc ngủ kéo dài từ 2 giờ đến 3 giờ.

— *Chuẩn bị và cho trẻ ngủ*

Chuẩn bị giường, chiếu cho trẻ ngủ (trẻ đã có thể nằm ngủ ở giường).

Tập cho trẻ nằm ngủ một mình, không để trẻ nghịch hoặc khóc quá nhiều trước khi đi ngủ.

Tạo mọi điều kiện để trẻ được ngủ ngon và đủ giấc, bước đầu giúp trẻ tập cởi bớt quần áo trước khi đi ngủ.

Cô hát ru để trẻ dễ ngủ, qua câu hát, lời ru cô đưa trẻ vào giấc ngủ nhẹ nhàng. Trong câu hát, lời ru của cô chứa đựng hơi ấm của cô, của mẹ, làm cho đứa trẻ thực sự yên tâm đi vào giấc ngủ khi nó biết rằng cùng với lời hát ru còn có các cô, có mẹ bên cạnh mình. Chính giọng hát ru mượt mà, đầm thắm, có tình cảm của cô dành cho trẻ mà khiến đứa trẻ yên tâm ngủ say. Có

nhiều tài liệu đã cho hay rằng, ở một số nước tiên tiến đã thử ru trẻ bằng băng ghi âm nhưng kết quả là nhiều đứa trẻ thờ ơ với điệu hát ru trong băng phát ra, thậm chí một số đứa trẻ mỗi lần nghe điệu hát ru trong băng phát ra thì chúng lại sợ hãi và khóc thét lên.

— *Trong khi trẻ ngủ*

Vẫn như năm đầu, không để trẻ bị ướt, nếu trẻ đái dầm phải thay quần áo ngay, hoàn toàn giữ yên tĩnh để trẻ ngủ, theo dõi tư thế nằm ngủ và xử lý các biểu hiện khác thường của trẻ. Đặc biệt cần theo dõi trẻ trong khi ngủ, vì ở lứa tuổi trẻ đã biết đi cho nên không để trẻ tự động đi ra ngoài.

— *Cho trẻ thức dậy*

Sau khi trẻ ngủ dậy, đưa trẻ đi vệ sinh cá nhân rồi cô cuốn hút trẻ vào hoạt động với đồ vật, đồ chơi. Một số trẻ còn ngại ngủ, quấy khóc cô nên dỗ dành và đưa chúng vào các trò chơi cùng các bạn trong nhóm. Thu dọn chỗ ngủ và làm vệ sinh cho trẻ.

* *Tổ chức vệ sinh hằng ngày*

— Tập cho trẻ có thói quen giữ vệ sinh, đầu tóc, quần áo sạch sẽ và biết rửa tay trước khi ăn bằng khăn.

— Tập cho trẻ có thói quen giữ gìn vệ sinh, và biết bảo cho cô biết khi bé muốn đi vệ sinh. Tuy nhiên, cô vẫn phải nhớ lúc trẻ muốn đi vệ sinh để nhắc trẻ và không nên quát mắng nếu trẻ nhớ đái dầm, ỉa đùn. Không được ức chế nhu cầu muốn đi vệ sinh của trẻ, vì làm như vậy có hại cho đường tiêu hoá của trẻ.

Bước đầu tập cho trẻ có thói quen tự phục vụ như tự mình đi tiểu, tự mình cởi và mặc quần.

Cô cũng như bố mẹ cần lưu ý, trẻ từ 1 — 2 tuổi sợ nước cho nên chúng thường sợ tắm, sợ rửa bằng nước do nhiều nguyên nhân khác nhau. Nếu trẻ sợ nhúng nó vào chậu nước thì không nên làm như thế nữa mà hãy đặt một chậu nước cho trẻ nghịch rồi từ đó mới rửa ráy hoặc tắm cho trẻ.

— Tập cho trẻ thói quen đi tất, giày dép.

* *Tổ chức vận động cho trẻ*

— *Chuẩn bị cơ sở vật chất*

+ Phải bố trí địa điểm tập rộng rãi, đảm bảo an toàn cho trẻ khi vận động.

+ Sắp xếp, bố trí đồ chơi, dụng cụ tập luyện: thang leo, cầu trượt, bập bênh, ghế dài □ phù hợp với nội dung tập luyện.

+ Chỉnh đốn trang phục cho trẻ trước khi vận động.

— *Nội dung và cách thức tổ chức thực hiện*

+ Tổ chức hướng dẫn các "buổi" ("tiết") tập luyện các vận động cơ bản: bò, đi ở các địa hình khác nhau; chạy vượt (bước qua) vật cản, ... Ở nội dung này cô giáo mầm non có thể tổ chức dưới dạng những trò chơi có nội dung đơn giản, vui vẻ. Ví dụ như: tập làm chú bộ đội (đi

đều bước, trườn, bò về phía trước, bò lên các bậc cầu thang...). Đối với trẻ nhỏ (12 — 18 tháng tuổi) có thể tập cho từng trẻ. Đối với trẻ lớn (18 — 24 tháng tuổi) có thể tập cho một nhóm vài trẻ. Trong mọi trường hợp, người lớn cần làm mẫu các vận động một cách chậm chạp, chính xác để trẻ bắt chước. Có thể một "buổi chơi" chỉ tập trung vào một vận động cơ bản (bò, trườn, chạy...), có thể là một buổi chơi tổng hợp — cái chính là khả năng của trẻ có đáp ứng được không?

+ Tổ chức các bài tập thể dục. Khi tổ chức cho trẻ tập thể dục, nội dung các động tác trong bài tập thể dục cần hướng vào việc luyện tập các vận động cơ bản của tay, chân, toàn thân (bài tập phát triển chung). Mỗi bài tập thể dục cần được diễn ra một cách nhẹ nhàng, có lời ca, tiếng hát và nhạc kèm theo để cuốn hút trẻ tích cực tập luyện và dễ nhập tâm hơn. Mỗi bài tập thể dục trẻ phải được quan sát cô làm mẫu sau đó bắt chước làm theo cô (cô cùng tập với trẻ). Khi đứng đối diện với trẻ, các động tác cần thực hiện theo chiều của đứa trẻ (*Ví dụ*: muốn trẻ nghiêng sang trái thì cô — đứng đối diện với trẻ phải nghiêng sang phải mình, trẻ nhìn theo và bắt chước. Trẻ chưa phân biệt được phải, trái, chỉ thấy người lớn nghiêng về đâu thì làm theo như thế). Cô vừa thực hiện động tác vừa hát cùng với trẻ và theo dõi, uốn nắn những trẻ chưa thực hiện đúng động tác.

+ Tổ chức cho trẻ đi dạo. Đi dạo là một hình thức tổ chức vận động cho trẻ một cách tổng hợp và tích cực. Được đi dạo là một niềm vui của trẻ, khi đi dạo các vận động của trẻ được thực hiện một cách tích cực, niềm tin của trẻ được củng cố và phát triển (tin vào bản thân, tin vào những người xung quanh), qua đó thân thiện với bạn bè và gắn bó với cô hơn. Để buổi đi dạo của trẻ có hiệu quả cần phải xác định mục đích, nội dung, thời gian, địa điểm đi dạo phù hợp; tổ chức các hoạt động (trò chơi) hấp dẫn trẻ.

Trên đây là những nội dung cơ bản khi tổ chức cho trẻ vận động. Trong quá trình tổ chức cho trẻ vận động cần luân phiên các hoạt động tĩnh và hoạt động động để tránh mệt mỏi cho trẻ khi tham gia vận động. Mặt khác, cô giáo mầm non cần động viên, khuyến khích, cổ vũ để mọi trẻ đều tham gia vận động một cách tự giác, hứng thú. Một điều cần phải lưu ý nữa là, không nên cho trẻ vận động nhiều ngay sau khi ăn.

3.3. Tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ trong năm thứ ba (24 - 36 tháng tuổi)

a) Yêu cầu và nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ trong năm thứ ba

— Tiếp tục bảo vệ và củng cố sức khỏe cho trẻ. Tạo điều kiện để trẻ phát triển thể lực và rèn luyện cơ thể để trẻ có thể thích nghi tốt hơn với sự thay đổi của môi trường.

— Củng cố và phát triển những vận động cơ bản đã tập luyện trong năm thứ hai, như sự khéo léo của đôi bàn tay, chạy, nhảy, bò, trườn □ Song tập cho trẻ phối hợp vận động của tay — chân — toàn thân, sao cho mọi vận động của trẻ được phát triển đồng bộ và hoàn thiện hơn.

— Rèn luyện cho trẻ một số thói quen tốt trong sinh hoạt và hoạt động (thói quen vệ sinh, tự phục vụ...).

— Phát triển tư duy trực quan hành động; phát triển trí tò mò, thích thú tìm hiểu, khám phá các sự vật, hiện tượng thiên nhiên quanh trẻ.

— Tiếp tục phát triển vốn từ cho trẻ, mở rộng hiểu biết của trẻ về môi trường xung quanh theo các chủ đề. Dạy trẻ biết diễn đạt ý muốn của mình bằng những câu đơn giản.

— Cho trẻ làm quen với một số truyện kể, một số bài thơ ngắn, bài đồng dao ngắn. Bước đầu tập cho trẻ kể chuyện trong sinh hoạt hàng ngày theo gợi ý của cô.

— Giáo dục cho trẻ tình cảm yêu thương, quý mến cha mẹ, cô giáo và những người thân thiện. Biết chào, cảm ơn, xin lỗi. Giáo dục trẻ biết nhường nhịn và cùng chơi với bạn, biết giữ gìn đồ dùng, đồ chơi, yêu quý cây cối và con vật gần gũi.

— Phát triển ở trẻ hứng thú âm nhạc, truyện kể để làm giàu cảm xúc với cái đẹp và phát triển những tình cảm tốt đẹp ở trẻ.

*** Yêu cầu cụ thể**

— *Yêu cầu chuẩn*⁽¹⁾

+ Trẻ tăng cân hàng tháng, cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A. Cụ thể là:

Cân nặng: Trai từ 11,6kg đến 14,7kg; Gái từ 11,4kg đến 13,9kg.

Chiều cao: Trai từ 89,4cm đến 96,5cm; Gái từ 88,4cm đến 95,6cm.

+ Trẻ sạch sẽ, khoẻ mạnh, da dẻ hồng hào, tóc đen, mắt sáng, bụng không ồng, có nếp ăn, thức, ngủ.

+ Trẻ biết thực hiện các động tác thể dục đơn giản, quen thuộc theo mẫu và chỉ dẫn bằng lời của cô. Trẻ bắt đầu có nề nếp tự phục vụ, thích sạch sẽ (rửa mặt, rửa tay, thu dọn đồ chơi...).

+ Trẻ có thể chủ động diễn đạt yêu cầu của mình bằng ngôn ngữ. Biết trả lời các câu hỏi của người lớn: để làm gì? đi đâu, như thế nào?

+ Trẻ biết vâng lời và thực hiện yêu cầu của người lớn, không tranh giành đồ chơi của bạn.

+ Trẻ nhận biết được một số đồ vật, con vật ở xung quanh gần gũi với trẻ.

+ Trẻ nhớ được tên truyện, tên nhân vật trong những truyện trẻ được nghe nhiều lần. Trẻ thuộc một số bài thơ, bài hát mà trẻ thích.

+ Trẻ biết dùng một số đồ vật thay thế trong trò chơi.

+ Trẻ thích múa hát, đọc thơ, nghe kể chuyện.

— *Yêu cầu tối thiểu*⁽¹⁾

+ Trẻ có cân nặng và chiều cao không dưới mốc sau:

Cân nặng: Trai: 11,6kg; Gái: 11,4kg.

Chiều cao: Trai: 89,4cm; Gái: 88,4cm.

+ Các vận động: đi, chạy vững vàng.

⁽¹⁾ Xem *Chương trình chăm sóc - giáo dục nhà trẻ*, Sđd, tr. 32.

⁽¹⁾ Xem Quyết định 55 — Sđd.

- + Trẻ bắt đầu tự phục vụ: rửa tay, rửa mặt, đi vệ sinh, thu dọn đồ chơi...
- + Trẻ biết chào, vâng, dạ, trẻ nói được yêu cầu của mình.
- + Trẻ nhận biết được một số đồ vật, con vật trong môi trường gần gũi mà trẻ hay tiếp xúc.
- + Trẻ nhận biết được ba màu: xanh, đỏ, vàng. Phân biệt được các đồ vật có sự khác nhau rõ nét về kích thước, biết chơi những trò chơi đơn giản.
- + Trẻ biết trả lời các câu hỏi: ở đâu? để làm gì? đi đâu?
- + Trẻ thích múa hát, đọc thơ, nghe kể chuyện, xem tranh ảnh.

b) Chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ trong năm thứ ba

** Yêu cầu:*

- Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ (nếu có điều kiện, vào buổi chiều).
- Ngủ một giấc trưa (khoảng 3 giờ).
- Đảm bảo sự hợp lí giữa vận động và nghỉ ngơi, vừa sức với trẻ.
- Đảm bảo trình tự chơi — ăn (trưa) — ngủ (trưa) — chơi — ăn — chơi (chiều).
- Trẻ có một số thói quen, nề nếp trong sinh hoạt và biết một số việc tự phục vụ bản thân.

** Thời gian biểu cho chế độ sinh hoạt hằng ngày*

Đón trẻ	7h00 - 8h00
Chơi - tập	8h00 - 10h00
Ăn	10h00 - 11h00
Ngủ	11h00 - 14h00
Chơi - tập	14h00 - 15h00
Ăn	15h00 - 16h00
Chơi, trả trẻ	16h00 - 17h00

** Tổ chức cho trẻ ăn uống*

- Nhu cầu dinh dưỡng và chế độ ăn, uống của trẻ hằng ngày:
 - + Hằng ngày các bữa ăn cần cung cấp đủ năng lượng (1100 — 1300Kcal/trẻ/ngày) và đủ các chất dinh dưỡng cần thiết (đạm, béo, đường, bột, sinh tố và muối khoáng) cho trẻ. Các chất dinh dưỡng có tỉ lệ cân đối:
 - 12 — 15% năng lượng do chất đạm cung cấp.
 - 15 — 20% năng lượng do chất béo cung cấp.
 - 65 — 73% năng lượng do chất đường, bột cung cấp.
 - + Chế độ ăn của trẻ: Trẻ ăn cơm mềm, dẻo, thức ăn chín nhừ.

+ Uống đủ nước theo nhu cầu của trẻ: từ 1,5 — 1,6 lít/ngày (kể cả trong thức ăn).

— Chuẩn bị cho trẻ ăn: Nói chung là giống như ở nhóm trẻ trước (12 — 24 tháng), song ở lứa tuổi này có thể hướng dẫn trẻ kê bàn ghế, rửa tay, đeo yếm. Sắp xếp cho 4 — 6 trẻ cùng ngồi một bàn ăn, trẻ nào yếu hoặc ăn chậm nên xếp riêng để tiện chăm sóc giúp đỡ trẻ ăn.

— Trong khi cho trẻ ăn: Một mặt cần tạo ra cho trẻ cảm giác ăn ngon miệng, một mặt cần phải tập cho trẻ có thói quen văn hoá vệ sinh khi ăn uống: rửa tay, mặt mũi trước, sau khi ăn, tự xúc cơm, thức ăn, không giẫy bần ra bàn, quần áo... tự xếp bàn ghế và cất dọn sau khi ăn; ngồi ăn theo quy định, không đi lại, đùa nghịch trong khi ăn; ăn uống từ tốn, nhai kĩ, ăn hết suất, không ngậm thức ăn, không vừa nhai vừa nói chuyện...

Trong khi cho trẻ ăn cô cần tạo điều kiện để trẻ học (lĩnh hội) về thức ăn, dụng cụ ăn uống, trao đổi (nói chuyện) với trẻ về những loại thức ăn (tên gọi món ăn, mùi vị, tác dụng của nó). Tuy nhiên, không được vừa nhai (nuốt) vừa nói chuyện.

Đối với những trẻ ăn chậm, biếng ăn, xúc cơm chưa thạo, cô cần quan tâm hơn, tìm nguyên nhân và biện pháp để khắc phục.

Theo dõi, xử lí kịp thời những tình huống có thể xảy ra trong khi trẻ ăn (sặc, trớ, đánh đổ thức ăn ra bàn, ra quần áo...), không nên tỏ ra bực bội với trẻ về những tình huống này.

— Sau khi ăn xong: Tập cho trẻ một số thói quen cần thiết: xếp bàn ghế vào nơi quy định, lau miệng, rửa tay, uống nước.

Không được cho trẻ vận động nhiều ngay sau khi ăn; không nên cho trẻ đi ngủ ngay sau khi ăn.

** Tổ chức cho trẻ ngủ*

Tương tự như ở các nhóm trước, song ở lứa tuổi này trẻ chỉ ngủ ngày một giấc, cô cần chú ý tổ chức chu đáo, hợp lí nhằm đảm bảo cho trẻ được ngủ đủ và ngủ ngon giấc sau một khoảng thời gian dài thức — hoạt động.

Trong quá trình tổ chức cho trẻ ngủ, cô nên luyện cho trẻ có kĩ năng tự phục vụ như cùng cô chuẩn bị chỗ ngủ, tự đi vệ sinh trước và sau giấc ngủ, biết tự trèo lên giường ngủ, không nói chuyện, không trêu chọc bạn... Luyện cho trẻ thói quen trèo lên giường là nằm ngủ ngay và khi dậy tỉnh táo, không khóc nhè...

** Tổ chức vệ sinh thân thể cho trẻ*

Hàng ngày tập cho trẻ một số thói quen vệ sinh như biết ăn mặc gọn gàng, quần áo đầu tóc giữ gìn sạch sẽ...; khi đi bộ không nghịch ngợm, không trêu bạn.

Vào lứa tuổi này trẻ đã mọc 20 răng sữa, nên tập cho trẻ có kĩ năng đánh răng bằng bàn chải, súc miệng. Lúc đầu trẻ làm còn vụng về, nhưng nếu cô chỉ dẫn cụ thể thì trẻ có thể bắt chước và làm theo cô một cách thích thú, và khi đã quen trẻ tự nguyện làm việc này. Cô cần nói cho trẻ hiểu để trẻ biết giữ gìn vệ sinh răng miệng, tránh được bệnh sâu răng. Không nên cho trẻ ăn nhiều bánh kẹo vào buổi tối. Trong thực tế các cô nuôi dạy trẻ và các bậc cha mẹ thường bỏ qua giai đoạn này, không để cho trẻ tập đánh răng và thường cho răng, trẻ còn bé chưa thể tự đánh răng được, có thể đợi trẻ lớn lên rồi dạy cũng chưa muộn.

** Tổ chức vận động cho trẻ*

Có thể tổ chức cho trẻ vận động trong những giờ luyện tập có chủ định, trong những giờ chơi các trò chơi vận động và trong các khoảng thời gian khác trong ngày (trong khi ăn, mặc quần áo và đi dạo chơi...).

- Tổ chức giờ học, giờ luyện tập có chủ định sẵn

Trước hết lo cơ sở vật chất như nơi tập, bố trí đồ chơi và các dụng cụ để luyện tập, thời gian tập trong ngày, trong tuần.

Trong mỗi buổi tập cần đảm bảo.

+ Tiến hành các bài tập phát triển chung.

+ Tiến hành các bài tập phát triển vận động chủ yếu như bài tập đi, tập chạy thẳng bằng, bài tập bò, nhảy, ném bóng...

+ Tiến hành trò chơi vận động.

Khi hướng dẫn trẻ tập, cô phải làm mẫu cho trẻ xem, yêu cầu cô làm từ từ, chỉ cho trẻ từng động tác, sau đó cho trẻ cùng làm với cô. Để giúp trẻ thực hiện động tác đúng và chính xác, cô có thể bắt chước các hành động của con vật, hiện tượng thiên nhiên giúp trẻ thực hiện động tác nhiều lần mà vẫn không mệt mỏi.

- Tổ chức cho trẻ vận động ngoài giờ luyện tập

Nhu cầu vận động của trẻ là rất lớn, cho nên hàng ngày cô giáo phải chú ý cho trẻ luyện tập thêm ngoài các giờ luyện có chủ định. Muốn thế, trong các giờ chơi, giờ đi dạo, trong lúc ăn, lúc mặc quần áo cô có thể tạo ra những tình huống để trẻ ôn luyện các vận động đã được tập trong giờ luyện tập. Ngoài ra, cô tăng cường sử dụng các loại trò chơi vận động (trong đó có các trò chơi dân gian) để thoả mãn nhu cầu vận động của trẻ, tạo cho trẻ có tâm trạng sáng khoái, vui vẻ.

II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP CHO TRẺ LỨA TUỔI NHÀ TRẺ

1. Tổ chức hoạt động giao tiếp cho trẻ trong năm đầu

Vào khoảng 2 tháng, trẻ em đã xuất hiện nhu cầu giao tiếp, được biểu hiện ở hiện tượng mà các nhà tâm lí học gọi là "phức cảm hớn hờ". Tâm lí học cũng đã chứng minh rằng, giao tiếp xúc cảm trực tiếp với người lớn là hoạt động chủ đạo của trẻ hài nhi và đó cũng là điều kiện tiên quyết để trẻ phát triển thành người. Bởi vậy ngay từ năm đầu việc tổ chức cho trẻ giao tiếp được coi là một nhiệm vụ hết sức quan trọng.

Tổ chức cho trẻ giao tiếp có thể được tiến hành dưới những hình thức sau đây:

1.1. Nựng trẻ, trò chuyện với trẻ

Nựng trẻ là một hình thức nói chuyện với trẻ, một cuộc nói chuyện đặc biệt giữa một bên là người biết nói, nói thành thạo với một bên là người chưa biết nói. Thế mà câu chuyện diễn ra lại rất đầm thắm và có nhiều ý nghĩa cho sự phát triển của trẻ.

Ngay từ những ngày tháng đầu tiên, lúc thức tỉnh là em bé đã biết hướng đầu về phía có tiếng nói hơn là về phía có tiếng động khác, biết lắng nghe âm điệu dịu dàng của giọng nói con người, trẻ có thể ngừng khóc khi nghe tiếng mẹ, đặc biệt là khi được người lớn cúi xuống hôn hít, trò chuyện với nó. Lúc này em bé tỏ ra hớn hởi và sẵn sàng tham gia "đối thoại". Được người lớn "chuyện trò", đứa trẻ trở nên linh hoạt hẳn lên, chân tay khua rối rít, mắt nhìn đầu đầu vào mặt người đối thoại, cánh mũi phập phồng, miệng cười toe toét, nhiều khi còn phát ra những âm "gừ, gừ". Nếu người lớn càng tích cực trò chuyện thì tiếng "gừ, gừ" phát ra càng to hơn, dồn dập hơn. Ngược lại em bé sẽ buồn bã, có khi còn mếu khóc nếu cuộc trò chuyện bị ngừng lại. Hiện tượng này được nhân dân ta gọi là trẻ "hóng chuyện".

Người lớn, nhất là người mẹ, thường nựng con bằng những lời nói tưởng chừng như vu vơ, vô nghĩa, những lời nói tuy chẳng có một nội dung ngữ nghĩa nào, vậy mà lại có giá trị rất lớn đối với sự phát triển ngôn ngữ của trẻ. Chính những lời nói mang sắc thái dịu dàng, vui tươi cùng với nét mặt, cử chỉ âu yếm của người mẹ và cô nuôi dạy trẻ đã khơi dậy ở cháu bé một năng lực mang tính người, đó là năng lực biết trò chuyện. Năng lực này chỉ ở loài người mới có, ở động vật, dù là loài vượn hình người cũng không thể có được. Đứa trẻ sinh ra đã có một bộ não người (khác với bộ não của động vật) trên đó có những trung khu để thực hiện các chức năng tâm lí người, trước hết là chức năng ngôn ngữ. Thế nhưng có bộ não người vẫn chưa bảo đảm thực hiện được các chức năng ngôn ngữ, nếu không có ai khơi dậy các chức năng của nó (nghe, hiểu, nói được tiếng người) thì làm sao trẻ có thể trở thành người được.

Đây là điều kiện bắt buộc, tiên quyết cho tất cả mọi người, không trừ một ai, kể cả trẻ câm điếc. Những em bé này muốn nên người cũng phải tạo cho mình một thứ ngôn ngữ đặc biệt để có thể giao tiếp với những người xung quanh, để tiếp thu kinh nghiệm xã hội của loài người. Bởi vậy, người lớn cần trò chuyện với trẻ em ngay từ những tháng đầu tiên để khơi dậy chức năng ngôn ngữ trên vỏ não. Nhờ đó các chức năng tâm lí sơ đẳng ban đầu được cải tổ mà thành chức năng tâm lí người.

Trong năm đầu trẻ chưa thể giao tiếp bằng ngôn ngữ với người xung quanh được, phương tiện giao tiếp lúc này chủ yếu là phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt). Bằng phương tiện phi ngôn ngữ, người lớn truyền cho trẻ những cảm xúc mang nhiều sắc thái của con người (vui buồn, yêu thích, giận hờn...) và điều quan trọng hơn là tạo ra ở trẻ những tiền đề cho sự phát triển ngôn ngữ những năm sau này.

Trên cơ sở nhu cầu gắn bó giữa trẻ với người lớn mà sự giao tiếp của trẻ được nảy sinh và phát triển một cách thuận lợi, nếu chúng ta biết đưa trẻ sớm vào môi trường giao tiếp, có nghĩa là người lớn coi việc nói chuyện với trẻ là một cuộc trò chuyện thực sự. Khi trò chuyện với trẻ, người lớn sẽ bắt gặp những cử chỉ âm thanh đáp lại, tức là trẻ đã biết "hóng chuyện".

Vào khoảng 6 tháng trở đi, đứa trẻ đã có thể trả lời ngôn ngữ của người lớn bằng một phản ứng ngôn ngữ, như khi người lớn hỏi "Mẹ đâu?", "Bố đâu?"... trẻ nhìn vào mẹ và lặp lại tiếng "Mẹ" hay nhìn vào bố và lặp lại tiếng "Bố". Cứ như vậy, người lớn đặt ra những câu hỏi: "Cái gì đây?" hay "Ai đây?" để trẻ tập trả lời bằng những tiếng tương ứng và qua đó mà trẻ nhận ra một số người và vật quen thuộc. Nhờ vậy trẻ nói được một số tiếng bập bẹ. Lúc này có thể dạy cho

trẻ biết tên cô, tên một số trẻ và gọi tên trẻ. Người lớn cũng có thể yêu cầu trẻ làm một vài hành động bằng những lời đề nghị: "Thơm mẹ đi nào!", hay "Ra đây với cô nào!" để khuyến khích trẻ tập hành động theo lời chỉ dẫn của mình. Muốn dạy trẻ một hành động nào đó, người lớn nên vừa làm vừa nói tên hành động đó để trẻ vừa nhìn vừa bắt chước. Nếu trẻ chưa làm được thì người lớn vừa nói tên hành động vừa cầm tay trẻ cùng làm. Sự hợp tác của người lớn với trẻ em lúc này là rất cần thiết, qua đó chúng ta dẫn dắt trẻ em tiến dần vào thế giới của con người.

Khi trò chuyện với trẻ, người lớn cần chú ý mấy điểm sau đây:

— Trò chuyện với trẻ bao giờ cũng cần tỏ thái độ âu yếm, thân thiết, vì trẻ nhỏ bao giờ cũng có nhu cầu được thương yêu gần gũi.

— Ngữ điệu của giọng nói với trẻ nên dịu dàng, vui tươi. Vì trẻ nhỏ khi tiếp nhận lời nói trước hết là phản ứng với âm thanh của ngôn ngữ. Trẻ thường thích ngữ điệu dịu dàng, vui tươi và sợ giọng nói thô, mạnh, đặc biệt là rất sợ giọng quát tháo gắt gỏng.

— Khi nói với trẻ người lớn nên kèm theo những cử chỉ, điệu bộ. Vì trẻ nhỏ chỉ hiểu lời nói trong tình huống cụ thể được biểu hiện bằng những cử chỉ, điệu bộ. Đối với trẻ nhỏ thì âm thanh của lời nói phải kèm tình huống cụ thể mới trở thành tín hiệu của thành công.

— Tuy là nựng trẻ nhưng người lớn nên phát âm các tiếng cho thật chuẩn, còn giọng điệu thì có thể nói theo tình cảm của mình và theo tình huống lúc đó.

— Khi trò chuyện với trẻ cần ngồi theo vị trí như thế nào để trẻ có thể nhìn thấy mặt, nhất là nhìn thấy mồm của người nói, vì chính lúc này trẻ học được cách sử dụng môi, lưỡi và hơi thở trong khi nói. Đó cũng là việc chuẩn bị tốt nhất để trẻ có thể làm chủ việc phát âm khi nói.

— Khi nói chuyện với trẻ cần kết hợp cho trẻ chơi một số trò chơi đơn giản, như trò "Kéo cưa lừa xẻ", "ú à ú ập", "chi chi chành chành" ... để gây thêm hứng thú cho trẻ.

Cuộc trò chuyện theo kiểu đặc biệt này giữa người lớn với trẻ em không chỉ giúp chuẩn bị tiền đề cho sự phát triển ngôn ngữ ở trẻ mà còn giúp cho sự phát triển các chức năng tâm lí và giúp trẻ học được cách ứng xử theo kiểu người.

1.2. Ru trẻ và hát cho trẻ nghe

Hát ru là những khúc hát mà người lớn (nhất là người mẹ) dùng để ru trẻ ngủ. Hát ru mang theo văn hoá của dân tộc và nhân loại mà lần đầu tiên được chính người mẹ đem lại cho con mình.

Mới sinh ra trẻ đã có nhu cầu gắn bó với người lớn và nhu cầu tiếp nhận ấn tượng từ thế giới bên ngoài. Hát ru là một loại âm thanh êm dịu ngọt ngào, rất phù hợp với hoạt động thần kinh còn rất non nớt của trẻ.

Đối với trẻ, được nghe người lớn hát ru là một niềm vui sướng không gì có thể so sánh được, bởi hành động hát ru mang tính tích hợp cao, bao hàm trong đó nhiều mặt: dinh dưỡng, nghệ thuật, giáo dục... Hát ru đưa em bé đi vào giấc ngủ một cách bình yên, ngon lành, làm dịu đi mọi cơn hờn dỗi, thậm chí có thể làm giảm bớt đi những cơn đau đớn. Hơn thế nữa, bằng

cách thấm dần qua năm tháng nó còn góp phần hun đúc nên những phẩm chất cao đẹp của tâm hồn, làm nảy sinh những năng khiếu quý báu sau này.

Phân tích hát ru, thấy có những yếu tố sau đây:

- *Yếu tố âm nhạc*

Nói đến hát ru trước hết phải nói tới âm nhạc. Âm nhạc trong hát ru của bất cứ dân tộc nào cũng đều mang tính chất đầm ấm, nhẹ nhàng, tha thiết. Nó được người lớn (nhất là người mẹ) diễn đạt với tất cả tấm lòng thương yêu của mình. Tiếng "âu ơ" hay tiếng "à ơi" từ những tiếng nụng nịu, dỗ dành của người mẹ mô phỏng lại cách phát âm của trẻ khi nó hóng chuyện, đã trở thành khúc nhạc dạo đầu thường nghe trong những câu hát ru sau này. Có thể coi đây là những tín hiệu đặc trưng để mẹ và con (nói rộng ra là người lớn và trẻ em) trao đổi và hiểu ý của nhau. Khi đứa trẻ còn bé, chưa sử dụng được hệ thống tín hiệu ngôn ngữ để giao tiếp thì chính người mẹ đã đem đến cho con mình những âm điệu đầu tiên của thứ ngôn ngữ trực tiếp của tâm hồn: đó là âm nhạc. Sự cảm thụ say sưa nhất của trẻ thơ cũng như sự rung cảm chân thành nhất của người mẹ không phải do một thứ ngôn ngữ cụ thể nào khác mà chính là ở những tiếng "âu ơ" hay "à ơi" ấy. Trẻ em rất thích nghe tiếng hát ru của người lớn và rất tự nhiên họ đã trở thành những nghệ sĩ đầu tiên đem âm nhạc để nuôi dưỡng tâm hồn cho trẻ thơ. Có thể nói rằng trẻ em tiếp nhận hát ru trước hết là yếu tố âm nhạc. Hát ru chính là bài học vỡ lòng âm nhạc cho cả một đời người.

- *Yếu tố lời ru*

Cùng với âm nhạc, lời ru còn có nhiều tác động tích cực khác đối với sự phát triển của trẻ, trước hết, lời ru kích thích tai nghe ngôn ngữ, làm khơi dậy sự hoạt động của các trung khu thực hiện chức năng ngôn ngữ trên vỏ não. Những câu hát ru như "Bống bống bang bang" hay "Cái cò, cái vạc, cái nông"... giúp cho trẻ nhận ra những sắc thái khác nhau của những âm thanh, những vần điệu uyển chuyển trong tiếng mẹ đẻ, đặc biệt là những âm thanh, những vần điệu nhạc tính của tiếng Việt để rồi sau này biết nghe, biết nói, biết sử dụng tiếng mẹ đẻ một cách thành thạo. Trẻ nhỏ chưa thể hiểu được nội dung của những câu hát ru, nhưng ngày một ngày hai lời ru cứ thấm dần vào đầu óc đứa trẻ mà hình thành nên phong cách ngôn ngữ dân tộc với bản sắc tâm hồn Việt Nam.

Nhiều câu hát ru về thực chất là những bài học đạo đức — thấm mĩ. Qua lời ru, người lớn đem đến cho trẻ em những lời ăn tiếng nói, những cái đẹp trong đời sống văn hoá của con người. Bằng trực giác vô thức, khi nghe lời ru, trẻ có thể cảm nhận được về "cái tốt", "cái xấu", "cái vui", "cái buồn"... Bằng lời ru người lớn dạy cho trẻ hiểu những điều xung quanh, về giá trị văn hoá được xã hội thừa nhận và thực hiện trong đời sống hàng ngày. Bằng trực giác đứa trẻ có thể cảm nhận được nền văn hoá truyền thống đó. Những mầm mống tốt đẹp của lòng nhân ái, của tính hóm hỉnh được gieo vào đầu óc non nớt của trẻ qua tiếng hát ru của người lớn chính là tiền đề cho những phẩm chất tốt đẹp và năng khiếu thẩm mĩ nảy nở sau này.

Hát ru là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa thi ca và âm nhạc, là một hình thức nghệ thuật nhằm đáp ứng những nhu cầu tinh thần của trẻ thơ, góp phần làm cho đứa trẻ trở thành người có văn hoá sau này.

- Yếu tố rung lắc đong đưa

Khi phân tích hát ru, chúng ta không thể bỏ qua một yếu tố nữa mang tính chất cảm xúc — sinh lí vô cùng quan trọng: đó là sự võ vè, rung lắc, đong đưa nhịp nhàng khi người lớn bế trẻ nhỏ trên tay hoặc đặt nằm trong nôi hay trong võng. Đây cũng là yếu tố đặc trưng không thể thiếu được của hát ru, thiếu nó thì hát ru sẽ chỉ là một bài hát bình thường.

Trong thời hiện đại, đã có lúc người ta nghĩ tới việc "giải phóng" cho những người phụ nữ khỏi cái việc võ vè, rung lắc, đong đưa bằng cách cho thu những khúc hát ru vào băng catset để phát ra khi cho trẻ đi ngủ. Nhưng người ta đã phát hiện ra là nhiều đứa trẻ chỉ trong mắt ra mà nghe thật lâu mới chịu ngủ. Thiếu đi sự rung lắc, đong đưa, đứa trẻ sẽ cảm thấy chóng chệnh, hẫng hụt, rất khó ngủ. Thậm chí có bé vì đã nghe quá nhiều lần một băng nhạc nào đó nên mỗi lần nghe âm nhạc từ băng đó phát ra ở cạnh mình, cảm giác cô đơn bắt đầu xâm chiếm lấy bé, làm cho nó hoảng sợ.

Tất nhiên người lớn không cần phải rung lắc, đong đưa suốt cả thời gian trẻ ngủ, chỉ cần võ vè, rung lắc, đong đưa lúc đầu để đưa trẻ vào giấc ngủ một cách bình yên, ngon lành. Có những em bé bất hạnh, lọt lòng ra đã không có sự ôm ấp, võ vè của người thân, chúng đã buộc phải "tự toả" (tự rung lắc, đong đưa) để thoả mãn nhu cầu đó.

Hát ru thật quan trọng đối với sự phát triển của trẻ thơ biết bao, nên đối với việc hát ru, cô nuôi dạy trẻ cần:

— Biết hát ru, cần thuộc nhiều khúc hát ru có âm nhạc đẹp và lời ru hay ở các miền đất nước để ru trẻ ngủ ngon giấc.

— Nên chọn bài hát ru sao cho phù hợp với trạng thái thức, ngủ, với tình trạng sức khoẻ và tính nết của mỗi cháu: khi trẻ còn thức thì chọn những làn điệu vui tươi, khi trẻ lim dim ngủ thì chọn những làn điệu dịu dàng man mác...

— Cô nuôi dạy trẻ không nhất thiết phải có giọng hát ru thật hay, thật điêu luyện, nhưng nhất thiết phải có giọng hát ru giàu sắc thái xúc cảm.

— Hát ru cần kết hợp với sự võ vè, rung lắc, đong đưa, đặc biệt đối với những cháu ốm đau hay quấy khóc, có thể ôm trẻ vào lòng, có thể đặt trẻ xuống giường vừa hát ru vừa võ nhẹ vào người trẻ hoặc đặt trẻ lên nôi, lên võng chao đi, chao lại thật đều đặn, nhưng khi đặt trẻ lên võng cần chú ý vị trí nằm của trẻ sao cho cột sống không bị cong.

Ngoài hát ru ra, người lớn còn hát cho trẻ nghe nhiều bài hát theo các thể loại khác nhau nữa. Nói chung đứa trẻ nào cũng thích nghe hát. Những giai điệu tươi tắn, những tiết tấu nhộn nhịp thường tạo ra cho trẻ trạng thái phấn chấn, vui tươi; những bài hát trầm trầm, thiết tha giúp cho thần kinh của trẻ dịu lại, tránh được những căng thẳng do stress gây ra trong cuộc sống hàng ngày. Có thể nói âm nhạc có bao nhiêu sắc màu, cung bậc thì cũng có thể gọi lên trong lòng trẻ bấy nhiêu sắc thái xúc cảm.

Trong nhà trẻ không thể nào vắng tiếng hát. Những bài hát vui nhộn, hài hước cùng với những bài hát sâu lắng, dịu dàng xen lẫn với hoạt động của trẻ hàng ngày sẽ làm cho cuộc sống của trẻ thêm đậm ấm vui tươi. Đó cũng là chất dinh dưỡng cho cuộc sống của trẻ về cả thể chất

lẫn tinh thần. Tóm lại việc tổ chức cho trẻ giao tiếp trong năm đầu chủ yếu là nhằm khơi dậy ở trẻ những năng lực mang tính Người, trước hết là những tiền đề cho sự phát triển ngôn ngữ.

2. Tổ chức hoạt động giao tiếp cho trẻ ấu nhi (từ 12 - 36 tháng tuổi)

2.1. Phát triển ngôn ngữ cho trẻ

Ở tuổi ấu nhi, ngôn ngữ dần dần trở thành phương tiện giao tiếp chủ yếu, việc dùng cử chỉ điệu bộ trở về hàng thứ yếu. Bây giờ mọi sự trao đổi cảm không còn tác dụng nhiều nữa.

Hoạt động với đồ vật ngày càng tăng lên càng kích thích trẻ ấu nhi tích cực giao tiếp bằng ngôn ngữ với người lớn. Trong hoạt động với đồ vật, trẻ có nhu cầu tìm hiểu, khám phá những điều mới chứa đựng trong các đồ vật. Những câu hỏi được trẻ đặt ra thường xuyên như: "Cái này là cái gì?", "Cái này để làm gì?" v.v... như là những lời thỉnh cầu buộc người lớn phải giải đáp. Từ đó những mối quan hệ giao tiếp mật thiết giữa trẻ và người lớn thường xuyên được diễn ra, kích thích sự phát triển ngôn ngữ của trẻ. Các nhà tâm lí học đã nghiên cứu giai đoạn phát cảm ngôn ngữ ở trẻ em là từ 2 đến 5 tuổi, trong đó giai đoạn từ 2 đến 3 tuổi ngôn ngữ được phát triển nhanh nhất (tức là khi trẻ hoạt động với đồ vật tích cực nhất).

Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ theo hai con đường: nghe, hiểu ngôn ngữ của người khác và nói cho người khác nghe những điều mình cần nói.

2.1.1. Sự phát triển nghe, hiểu lời nói

Hàng ngày trẻ thường nghe người lớn chuyện trò với nhau, nhất là khi họ giao tiếp với mình, trẻ muốn nghe hiểu những điều đó, nhưng trẻ chưa thể nghe và hiểu hết được tất cả những gì người thân nói mà cần được người lớn dạy cho.

Nghe, hiểu lời nói có nghĩa là thiết lập được mối quan hệ giữa âm thanh của lời nói với sự vật biểu đạt bằng âm thanh đó. Muốn hiểu được ý nghĩa của một từ nào đó, trẻ cần phải nghe âm thanh từ đó và nhìn thấy sự vật mà từ đó biểu đạt, nhưng điều quan trọng là trẻ liên kết được giữa âm thanh và sự vật tương ứng. Cũng như vậy, muốn hiểu một câu thì trẻ phải nghe rõ âm thanh của các tiếng trong câu và nhìn thấy rõ tình huống mà câu đó biểu đạt. Chẳng hạn, muốn hiểu câu: "Con gà gáy ò ó o..." thì trẻ phải nghe rõ âm thanh của các tiếng trong đó và nhìn thấy rõ tình huống con gà đang gáy ò ó o... Do đó, dạy trẻ nghe hiểu một điều gì đó cũng tức là dạy trẻ liên kết được các âm thanh của tiếng trong câu với tình huống mà câu đó biểu đạt. Nói cách khác, muốn dạy trẻ nghe hiểu lời nói thì phát âm chuẩn và có tình huống tương ứng rõ ràng. Đối với trẻ đầu tuổi ấu nhi, việc nghe hiểu lời nói bao giờ cũng gắn liền với một tình huống cụ thể, việc đó được lặp đi lặp lại nhiều lần, sau rồi trẻ chỉ cần nghe lời nói mà không cần phải nhìn thấy tình huống cụ thể nữa, có nghĩa là trẻ đã tách được lời nói ra khỏi tình huống cụ thể, lúc đó trẻ mới thực sự hiểu lời nói.

Mới đầu trẻ chỉ nghe, hiểu được những câu ngắn biểu đạt những tình huống đơn giản, đến cuối tuổi ấu nhi (tức là khi trẻ lên 3) thì trẻ có thể nghe, hiểu những câu dài hơn, phức tạp hơn. Lúc này trẻ mới thực sự hiểu được lời chỉ dẫn của người lớn và cũng chính lúc này trẻ rất thích nghe đọc thơ và nghe kể chuyện.

2.1.2. Phát triển lời nói

Cùng với việc nghe, hiểu lời nói của người khác, việc nói năng của trẻ cũng được phát triển. Ở tuổi ấu nhi, trẻ bắt đầu nói những câu đơn giản, câu 2 — 3 tiếng, thường là câu hạt nhân có hai thành phần chủ ngữ và vị ngữ như "con ăn" hay vị ngữ và bổ ngữ như "đánh trống" hoặc 3 thành phần chủ ngữ vị ngữ và bổ ngữ như "Mẹ bế con", sau đó là những câu phức tạp, như "Ai mà ngoan thì được thưởng đồ chơi" hay "Anh đánh em đau nên em khóc". Đặc biệt trẻ lên ba thích nói và nói được khá nhiều. Có thể nói lúc này ngôn ngữ đã trở thành phương tiện chủ yếu để giao tiếp với mọi người xung quanh, để tiếp thu kinh nghiệm xã hội. Tuy vậy, trong ngôn ngữ của trẻ còn có rất nhiều nhược điểm như phát âm không chuẩn, vốn từ còn nghèo, nói chưa đúng ngữ pháp tiếng mẹ đẻ... Do đó, một trong những nhiệm vụ quan trọng của người lớn đối với trẻ ấu nhi là dạy trẻ nói để ngay từ đầu khi mới học nói là nói đúng.

Nghe, hiểu lời nói của người khác và nói cho người khác nghe là hai mặt của một quá trình phát triển ngôn ngữ. Trong quá trình dạy trẻ không thể tách hai mặt này ra khỏi nhau một cách rạch ròi mà phải kết hợp chặt chẽ với nhau, phải làm sao để mặt này hỗ trợ cho mặt kia và ngược lại thì sự phát triển ngôn ngữ của trẻ mới đạt tới kết quả tốt đẹp.

2.1.3. Những yêu cầu cần thực hiện khi dạy trẻ phát triển ngôn ngữ

a) Năng giao tiếp với trẻ

Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ phụ thuộc hoàn toàn vào việc giao tiếp với người lớn. Những đứa trẻ được tiếp xúc với người lớn nhiều, được người lớn hỏi han trò chuyện thì sự phát triển ngôn ngữ sẽ nhanh, sẽ tốt. Ngược lại, những đứa trẻ không được tiếp xúc với ai cả, suốt ngày không được một người nào hỏi đến thì sự phát triển ngôn ngữ sẽ bị chậm trễ, kéo theo cả sự trì trệ về tri giác và cảm giác cô đơn buồn bã xuất hiện, dẫn đến sự phát triển lệch lạc của đời sống tinh thần. Tiếp xúc với người lớn là điều kiện tiên quyết để phát triển ngôn ngữ, để trẻ học làm người. Trong khi tiếp xúc với người lớn, trẻ được nghe những điều hay lẽ phải qua sự trao đổi hàng ngày, qua những bài hát hay, những câu chuyện hấp dẫn... giúp trẻ khôn lớn dần lên. Hiện nay ở nước ta số lượng cháu ở các nhóm trẻ ở nhà trẻ khá đông, cô nuôi dạy trẻ phần thì quá bận, phần vì mệt mỏi, không có thời gian tiếp xúc, trò chuyện với trẻ, khiến cho nhiều cháu hầu như suốt ngày bị rơi vào tình trạng buồn bã, ủ dột, không có lợi cho sự phát triển của trẻ. Nhiều công trình nghiên cứu trong nước cho biết rằng ngôn ngữ của trẻ em ở nhà trẻ nhìn chung là phát triển chậm hơn so với trẻ ở nhà với bà, với mẹ. Để khắc phục tình trạng này có thể tổ chức cho trẻ mẫu giáo, nhất là trẻ mẫu giáo lớn mỗi ngày dành một thời gian nhất định (khoảng gần 1 tiếng) xuống chơi với các em bé ở các nhóm trẻ. Một số công trình nghiên cứu của sinh viên khoa Giáo dục mầm non, dưới sự hướng dẫn của các giáo sư đã cho thấy được chơi với các anh chị lớn hơn thì sự phát triển của trẻ được tốt hơn về nhiều mặt (phát âm, vốn từ và cả ngữ pháp).

b) Tạo mọi điều kiện cho trẻ hoạt động với đồ vật

Chính trong khi hoạt động với đồ vật, để thỏa mãn nhu cầu tìm hiểu, khám phá thế giới đồ vật xung quanh, trẻ cần phải hỏi người lớn và muốn nghe người lớn trả lời. Những cuộc trò

chuyện như thế làm cho ngôn ngữ của trẻ được phát triển thuận lợi. Hơn nữa, nhờ tích cực hoạt động với đồ vật, trẻ hiểu nghĩa của từ đúng, sâu hơn. Chẳng hạn, khi mới bước vào tuổi ấu nhi trẻ hiểu từ "bút chì" còn chưa đúng, đó mới chỉ là một đồ vật có hình dạng, màu đỏ, thế thôi. Nhưng sau đó, khi được cầm bút chì vẽ vào giấy, tuy chỉ là những nét vẽ nguệch ngoạc, nhưng điều đó cũng đã giúp trẻ hiểu về cái bút chì tốt hơn, không những gọi được tên "bút chì" mà còn nắm được rõ ràng hơn chức năng và phương thức sử dụng nó. Nhờ đó, nghĩa của từ được biến đổi ngày càng rõ hơn suốt trong lứa tuổi ấu nhi. Đây là một trong những mặt quan trọng nhất của sự phát triển ngôn ngữ.

c) Tập cho trẻ nói theo các chủ đề (đề tài) nhằm mở rộng biểu tượng về thế giới xung quanh và phát triển ngôn ngữ cho trẻ

Đề tài để phát triển ngôn ngữ cho trẻ vô cùng phong phú, đa dạng, cô giáo mầm non cần tập cho trẻ nói những câu đơn giản (2 từ, 3 từ) về đề tài quen thuộc, chẳng hạn:

— Đề tài về bản thân và những người thân thuộc. Cô có thể dạy trẻ tập nói những câu đơn giản, đại loại như:

+ Con tên là gì? Đầu đâu? Tay đâu? Tai đâu? Chân đâu? Mắt đâu? Mũi đâu?...

+ Con mấy tuổi? Con mẹ nào? Bố tên gì? Gọi ý cho trẻ kể về những sự kiện diễn ra hàng ngày ở gia đình...

— Đề tài về đồ dùng, đồ chơi quen thuộc, ta có thể dạy trẻ tập nói, nhận biết tên gọi của đồ dùng, đồ chơi (Đây là cái gì? — cái ca, quả bóng, cái mũ...); màu sắc của đồ dùng, đồ chơi (Quả bóng màu gì? — đỏ, vàng, xanh...); công dụng của nó (Cái ca dùng để làm gì? — uống nước; Quả bóng để làm gì? — đá); âm thanh của nó (Đồng hồ kêu thế nào? tích tắc tích tắc; Ô tô kêu thế nào? — đin đin, pin pin...).

— Đề tài về một số vật nuôi gần gũi. Cô cho trẻ quan sát con vật (trong chuồng, hay tranh ảnh) và hỏi trẻ về tên gọi (Đây là con gì? — con mèo, con gà, con thỏ...), về tiếng kêu của con vật (Ví dụ: Con mèo kêu thế nào? — meo, meo; Con vịt kêu thế nào? — cạc, cạc, cạc...)

— Đề tài về phương tiện giao thông: tên gọi? để làm gì? (ví dụ: Đây là cái gì? — Cái xe máy; Xe máy để làm gì? — để đi...)

Khi dạy trẻ tập nói, cô giáo, người lớn cần giúp trẻ hiểu được nghĩa của từ, mở rộng nội hàm của khái niệm.

Ví dụ, cùng là từ *ngủ*, ta có thể cho trẻ quan sát tranh và trả lời câu hỏi:

— *Em bé đang làm gì? Em bé đang ngủ.*

— *Con mèo đang làm gì? Con mèo ngủ.*

— *Búp bê đang làm gì? Búp bê ngủ.*

Tương tự như vậy, chỉ vào tranh (ảnh) hỏi trẻ:

Em bé đang làm gì? Em bé đang ăn.

Con mèo đang làm gì? Mèo đang ăn.

Con vịt đang làm gì? Con vịt đang ăn.

Để trẻ tập nói theo đề tài có hiệu quả, cần có những phương tiện trực quan cần thiết (đồ dùng, đồ chơi, tranh ảnh...) và hướng dẫn trẻ quan sát tranh đồ dùng, đồ chơi... để trả lời câu hỏi của cô, hoặc cô hướng dẫn trẻ quan sát chúng để nói về tên gọi, công dụng... của đồ dùng, đồ chơi.

d) Cần tận dụng mọi cơ hội trong sinh hoạt hằng ngày để phát triển ngôn ngữ cho trẻ

Dạy trẻ nghe, hiểu và nói có thể được tiến hành ở mọi lúc, mọi nơi, ngay cả trong bữa ăn, người lớn có thể giới thiệu cho trẻ biết các thức ăn để tăng thêm phần ngon miệng bằng những câu như: "Cháu Mai đang ăn", "Chúng mình ăn ngon quá" hoặc có thể dạy trẻ một số từ chỉ số lượng hay thời gian "Com nhiều quá", "Thịt ít hơn" hay "Ăn com trước, uống nước sau" □ Đặc biệt khi gặp tình huống mới xảy ra người lớn cần tận dụng cơ hội đó để dạy trẻ nói, như "Bạn Hùng chạy nhanh quá nên bị ngã", "Ô tô chạy nhanh hơn xe đạp" hay "Gà con đi theo mẹ kiếm ăn" □ Dạy trẻ học nói ở mọi nơi, mọi lúc trong mọi tình huống sẽ tự nhiên, nhẹ nhàng, gây cho trẻ hào hứng nên tiến bộ nhanh.

e) Cần sớm khắc phục các lỗi trong ngôn ngữ cho trẻ

Khắc phục tật nói ngọng: Trong thời kì học nói, trẻ thường hay nói ngọng như kẹo thì nói thành "cheo", bánh mì nói thành "bẩn mì", ngã thì nói thành "ngá"... nguyên nhân là tai nghe ngôn ngữ và bộ máy phát âm còn non nên thiếu chuẩn xác. Ở nhiều cháu, tật nói ngọng sẽ mất đi khi tai nghe ngôn ngữ và bộ máy phát âm đã đạt tới độ chín muồi. Nhưng ở một số cháu khác, tật nói ngọng bị kéo dài, trong trường hợp này cần phải kiên trì luyện tập cho trẻ nói thật tròn vành, rõ chữ. Chưa nên vội thoả mãn nhu cầu cho trẻ ngay khi trẻ nói không đúng mà đợi khi nào trẻ phát âm cho thật đúng. Mặt khác người lớn cần phát âm thật chính xác để trẻ học theo, nếu người lớn nào mắc tật nói ngọng thì phải quyết tâm sửa chữa để nói với trẻ cho thật đúng.

Khi trẻ nói lắp: Nói lắp là hiện tượng thường gặp ở trẻ từ 2 đến 3 tuổi. Có thể tìm thấy nhiều nguyên nhân của hiện tượng này: Tính dễ kích động có ảnh hưởng lớn tới việc nói năng của trẻ. Nhiều cháu nói lắp khi thần kinh bị căng thẳng, như bị mắng oan hoặc nghe quá nhiều lời dằn dờ nhắc nhở, hay bị cấm đoán điều nọ, điều kia hoặc buộc tuân theo một thứ kỉ luật quá nghiêm ngặt. Tại sao tật nói lắp thường xảy ra ở cuối tuổi ấu nhi? Có thể giải thích theo hai cách: Trước hết đó chính là thời kì mà trẻ có nhiều cố gắng nhất để tập nói. Nếu trước đây trẻ chỉ cần nói những câu đơn giản mà chẳng cần phải nghĩ ngợi gì, thì nay lại muốn nói những câu dài hơn để diễn đạt cho mọi người hiểu ý mình. Chính vì vậy, mà trẻ phải nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ nào đó, cố ngắt câu và cố tìm từ đúng nhất để diễn đạt cho hết ý của mình. Những lúc này nếu người lớn tỏ ra sốt ruột về những từ lặp đi lặp lại hoặc tỏ ra lơ đãng, không chú ý đến lời nói của nó thì trẻ càng thêm áp úng, nói mãi không ra lời mà thành nói lắp. Có thể giải thích theo cách thứ hai, đó là do sự bướng bỉnh thường thấy ở trẻ lên ba cũng làm nảy sinh ra tật nói lắp.

Vậy nên chữa tật nói lắp cho trẻ như thế nào? Trước một em bé nói lắp, người lớn cần bình tĩnh và kiên nhẫn, vì trên thực tế có tới 90% trẻ từ 2 đến 3 tuổi chỉ nói lắp trong vài tháng rồi

thôi, còn nói lấp thiếu niên thì phải coi như một tật, nhiều khi là do bẩm sinh. Thay cho việc sửa chữa một cách vụng về, thô sơ, người lớn cần tìm hiểu lí do khiến cho em bé bị căng thẳng về thần kinh mà trở nên nói lấp, đừng nói với trẻ những câu quá dài và cũng đừng bắt trẻ phải nói quá nhiều lần một câu. Khi hướng dẫn cho trẻ cần nói năng nhẹ nhàng, tạo điều kiện cho trẻ giao tiếp với mình một cách thoải mái. Cần chú ý lắng nghe lời trẻ kể, đừng để trẻ có cảm giác là đang nói vào một khoảng trống, chẳng có ai buồn nghe. Cần tránh gây căng thẳng thần kinh và kiên trì mới sửa được tật nói lấp cho trẻ. Hơn nữa trẻ cũng có thể sửa tật nói lấp từ từ, chứ không thể sửa ngay một sớm một chiều được.

— Khi trẻ nói tục chửi bậy: Nói tục chửi bậy cũng là một hiện tượng thường gặp ở trẻ lên ba. Đây chỉ là hiện tượng bắt chước người lớn một cách vô thức lâu rồi quen đi. Cũng có cháu biết như vậy là xấu, nhưng cứ nói vậy để trêu tức người lớn. Lúc đó chúng ta không nên tỏ ra quá bức bối, mà nên tìm cách nói qua một câu chuyện khác, không chú ý gì tới câu nói đó của em bé. Trẻ thấy vậy đâm ra chán mà không nói nữa. Mặt khác lựa lúc vui vẻ, cần cho biết việc nói tục chửi bậy là hư, là xấu, không ai thích cả. Ngược lại, khi nghe thấy trẻ nói tục chửi bậy mà người lớn lại tỏ vẻ hưởng ứng thì em bé tưởng thế là hay, cứ nhắc đi nhắc lại những lời tục tĩu ấy một cách hào hứng. Do tính hay bắt chước, nên trước em bé lên ba, người lớn cần ăn nói mẫu mực, đừng bao giờ nói tục chửi bậy. Lựa tuổi ấu nhi là thời điểm quan trọng để dạy trẻ nói, người lớn cần tranh thủ lúc này để dạy trẻ nói cho tốt nhất. Không những chỉ dạy trẻ nói đúng mà còn phải dạy trẻ nói hay, biết nói những lời có văn hoá như biết chào hỏi, biết xin lỗi, cảm ơn □ Qua đó mà dạy cách ứng xử tốt đẹp với mọi người xung quanh.

2.2. Hát cho trẻ nghe và dạy cho trẻ hát

Bước vào tuổi ấu nhi, trẻ vẫn thích nghe người lớn ru khi bắt đầu đi ngủ. Ru trẻ ấu nhi cũng giống như trẻ hài nhi, nhưng có khác là yếu tố vỗ về, rung lắc, đong đưa có thể giảm đi, lúc này trẻ chủ yếu thích nghe âm nhạc và lời ru, có nghĩa là bài hát ru đối với trẻ lúc này gần giống như một bài hát mang tính chất êm dịu đầm thắm.

Do đang ở thời kì học nói nên khi nghe ru, trẻ không những nhập tâm được nhạc điệu mà còn lắng nghe lời ru trong khúc hát ru, nhờ đó trẻ thuộc khá nhiều câu hát ru, nhất là những lời ru giàu vần điệu và hình tượng, lại mang tính ngộ nghĩnh như những câu:

"Cái ngủ mà ngủ cho lâu

Mẹ mà đi cấy ruộng sâu chửa về.

Bắt được con trắm con trê

Buộc cổ lôi về cho cái ngủ ăn"

"Cái bóng là cái bóng bang

Thổi com đun nước cả làng cùng ăn"

"Con kiến mà ở dưới ao

Tao tát nước vào mà sống làm sao?"

"Con chim mà ở trên cây

Tao đứng dưới góc mày bay đằng nào?"

Thông qua những khúc hát ru đó tình cảm mẹ con, tình làng nghĩa xóm, hình ảnh về thế giới xung quanh được đọng lại trong lòng trẻ, tạo ra những ấn tượng sâu đậm trong trí óc của trẻ, làm cho trẻ thấy gắn với con người, với môi trường nơi mình sống.

Ngoài những khúc hát ru, những bài hát ở nhiều thể loại khác nhau cũng rất cần cho lứa tuổi ấu nhi, những bài hát mang tính vui nhộn, hài hước đến những bài trầm lắng, du dương đều mang lại cho trẻ những xúc cảm tích cực. Trẻ ở tuổi ấu nhi rất thích nghe người lớn hát và người lớn hát cho trẻ nghe là để gọi lên trong lòng đứa trẻ những sắc thái xúc cảm khác nhau (những nỗi buồn và cả niềm vui, những nỗi đau thương và cả niềm hạnh phúc...) của con người đối với đồng loại, đối với thiên nhiên. Nghe hát là một nhu cầu của trẻ. Những bài hát, điệu nhạc vui tươi, nhộn nhịp làm cho khí sắc cháu bé thêm phấn chấn, những bài hát, điệu nhạc êm dịu, khoan thai làm cho tâm hồn cháu bé được thanh thản. Ở tuổi ấu nhi trẻ cũng đã thích hát theo người lớn. Lúc đầu là những tiếng í a í ơ... cùng với sự nhún nhảy theo nhịp điệu của bài hát để biểu lộ sự hào hứng, sự hưởng ứng của mình với người hát. Sau đó trẻ bắt chước hát theo người lớn và đến gần 3 tuổi, trẻ đã có thể hát được một mình, có cháu hát được những bài hát khá dài có đến 5 — 6 câu và có bài còn dài hơn nữa.

Hát cho trẻ nghe và dạy cho trẻ hát, cần chú ý mấy điểm sau đây:

— Cần hát cho trẻ nghe và dạy cho trẻ hát một cách thường xuyên, vì đó là một nhu cầu của trẻ. Chúng ta hãy quan sát những cháu bé đang hát hay nghe điệu nhạc vang lên, lúc đó sự sung sướng của các cháu được bộc lộ ra bên ngoài khá rõ nét: mặt mày hớn hở, mắt sáng long lanh, miệng cười toe toét, tay vẫy, chân nhún nhảy, trông thật đáng yêu; những nét mặt buồn rười rượi, những cơn hờn dỗi, những nhõng nhẽo sẽ mất đi hay ít nhất cũng được giảm bớt. Ngược lại, cháu bé sẽ héo hon, buồn bã nếu từ ngày này qua ngày khác mà không được nghe một bài hát, một điệu nhạc nào vang lên cả.

— Khi hát cho trẻ nghe hay dạy cho trẻ hát, cần phải lựa chọn những bài hát hay để gọi lên ở trẻ niềm hứng thú, sướng vui, tránh những bài hát dở, thô thiển (cả về giai điệu lẫn lời ca). Vì những bài hát đó không những không để lại những ấn tượng gì tốt đẹp mà còn để lại dấu ấn xấu trong tâm hồn. Đừng cho rằng trẻ còn bé không biết gì mà tùy tiện muốn cho nghe thế nào cũng được. Trái lại, trẻ càng bé càng phải được nghe những bài hát, điệu nhạc hay. Tuyệt đối không hát những lời tục tĩu.

— Khi hát cho trẻ nghe, người lớn cần phải giao tiếp xúc cảm trực tiếp với trẻ, giọng hát không nhất thiết phải điêu luyện như ca sĩ (tất nhiên nếu có giọng hát hay thì càng tốt). Điều quan trọng là truyền cảm cho đứa trẻ những tình cảm mà mình mong muốn, vì trong nhà trẻ, cô hát cho trẻ nghe không mang tính chất biểu diễn mà là hát như mẹ hát cho con nghe, như bà ru cháu ngủ.

— Khi dạy trẻ hát cần chọn những bài hát đơn giản, ngắn gọn, có giai điệu hay và dễ nhớ. Khi dạy cho trẻ hát nên khuyến khích trẻ nhún nhảy, vận động theo nhạc để tạo nên niềm say mê phấn chấn, đó chính là những giây phút tuyệt vời tránh được những stress do cuộc sống hàng

ngày gây ra cho trẻ. Cần tạo ra một sự đồng cảm thực sự giữa người lớn với trẻ khi cùng hát chung với nhau. Nếu bày ra trò chơi kèm theo câu hát (như những khúc đồng dao cổ) thì trẻ sẽ rất hứng thú.

2.3. Khắc phục hiện tượng khủng hoảng của trẻ lên ba

Vào tuổi lên ba, ở hầu hết trẻ em đều xuất hiện ít hay nhiều những cơn khủng hoảng về mặt tâm lí: thường trái tính, trái nết, thích làm những việc khác với ý người lớn và trở nên khó dạy bảo. Các nhà tâm lí học gọi đây là hiện tượng "khủng hoảng của trẻ lên ba". Nguyên nhân của hiện tượng này trước hết do ở tuổi ấu nhi, trẻ hoạt động nhiều với đồ vật và bắt đầu biết sử dụng chúng, tự làm được một số việc, do đó trẻ cảm thấy mình có một sức mạnh chủ quan. Mặt khác, trẻ lại có thể giao tiếp với những người xung quanh bằng ngôn ngữ và hiểu được đôi điều về thế giới bên ngoài, từ đó mà hiểu về bản thân mình. Việc đầu tiên trẻ nhận ra mình là một con người riêng biệt; khác với những người xung quanh, có nghĩa là trẻ biết tách mình ra khỏi mọi người hay nói đúng hơn là trẻ nhận ra "cái tôi" của mình. Vì để khẳng định "cái tôi" đứa trẻ trở nên bướng bỉnh, nhiều khi còn muốn chống đối người lớn, người lớn bảo làm một đằng thì nó lại làm một nẻo. Cũng vì khẳng định "cái tôi" trẻ lại muốn có thẩm quyền với những vật xung quanh, muốn cái gì cũng thuộc về mình, là của mình, từ đó mà sinh ra ích kỉ. Tính bướng bỉnh và ích kỉ là biểu hiện tập trung nhất của hiện tượng "khủng hoảng của trẻ lên ba", khiến cho việc giáo dục trở nên khó khăn và quan hệ giữa trẻ và người lớn nhiều khi trở nên căng thẳng.

Để khắc phục hiện tượng này, giúp trẻ vượt qua những cơn khủng hoảng, chúng ta cần chú ý những điều sau đây:

— Cần tạo điều kiện và khuyến khích trẻ hoạt động với đồ vật và làm một số việc tự phục vụ đơn giản, phát huy tính độc lập để khẳng định "cái tôi" của mình. Đừng bao giờ cấm đoán trẻ, bắt trẻ không được làm việc này hay việc khác. Giáo dục theo lối cấm đoán không phải là biện pháp tốt, thậm chí còn mang lại nhiều tác hại. Một là đứa trẻ sẽ sinh ra thụ động, nhút nhát, ỷ lại. Hai là đứa trẻ không được làm công việc trước mặt người lớn thì nó sẽ tìm cách làm vụng trộm sau lưng và đó là mầm mống của tính gian dối sau này. Tệ hơn nữa là càng cấm trẻ càng tìm cách làm tới, có khi như là trêu chọc người lớn. Tốt hơn là nên tổ chức một hoạt động khác hấp dẫn hơn, lôi cuốn trẻ vào đó để quên đi việc làm mà người lớn cho là bất lợi.

— Không nên quá chiều chuộng để đứa trẻ muốn gì được nấy, thích làm gì thì làm như một "ông vua trong nhà". Nên tạo mọi cơ hội để trẻ bộc lộ tình cảm yêu thương, quan tâm đến người khác như quạt cho bà, nhổ tóc sâu cho ông, lấy hộ bố quyển sách, nhường quà cho mẹ... Chính những việc làm nhỏ đó, tuy kết quả không được là bao nhiêu nhưng lại có thể giúp cho trẻ biết nghĩ đến người khác, bỏ tính bướng bỉnh và ích kỉ. Nếu lại được người lớn khen ngợi khi làm được việc tốt để đem lại niềm vui cho mọi người thì tính nết của trẻ sẽ trở nên dịu lại, dễ bảo hơn. Nhờ đó, có thể đẩy lùi những khủng hoảng.

— Cần phải nhìn nhận hiện tượng "khủng hoảng của tuổi lên ba" là một hiện tượng tạm thời, bên cạnh làm ta khó chịu còn cần phải nhận ra tính độc lập và những khả năng mới biểu hiện sự trưởng thành của trẻ để không xem thường, nhưng cũng không quan trọng hoá hiện tượng này mà bình tĩnh tìm cách khắc phục nó. Có một con đường có thể giúp trẻ thể hiện sức

manh của "cái tôi", để thực hiện những ý muốn, giải toả những ám ức của mình, đó chính là trò chơi, chỉ có trong trò chơi trẻ mới có thể làm những việc mà trong đời thực nó không thể làm được, đặc biệt là trong trò chơi đóng vai theo chủ đề. Trò chơi đóng vai theo chủ đề bắt đầu nảy sinh ở cuối tuổi ấu nhi tuy còn ở dạng sơ khai nhưng nó giúp trẻ giải quyết một mâu thuẫn giữa một bên là ý muốn của trẻ được làm những việc như người lớn với một bên là khả năng còn non yếu, để bước sang một giai đoạn phát triển mới: lứa tuổi mẫu giáo.

Cần nhớ rằng, tổ chức chơi cho trẻ ấu nhi tức là người lớn cùng chơi với trẻ, làm mẫu cho trẻ bắt chước hành động của một vai chơi đơn giản bằng cách trực tiếp chơi với trẻ. Nhờ đó trong khi trẻ đã biết giả vờ làm như người lớn (bán hàng, bế em, nấu cơm, giặt quần áo, đi xe máy...), tức là biết dùng vật này thay thế cho vật kia, lúc này trò chơi đã mang tính chất tượng trưng. Tuy vậy, ở giai đoạn này trẻ chưa thể chơi với nhau được, nếu có tổ chức thành nhóm để chơi cũng chỉ là để gây không khí vui nhộn cho đỡ tẻ, còn thì trẻ chỉ biết chơi một mình hay chơi cạnh nhau (mà thực chất là chơi một mình). Trong khi chơi trẻ tự nói một mình, nghe như chúng đang trao đổi với nhau, nhưng hoá ra "ông nói gà, bà nói vịt". Dần dần người lớn cần tạo điều kiện cho trẻ tập giao tiếp với nhau những lời nói và hành động của một số vai đơn giản, mô phỏng những nhân vật gần gũi xung quanh. Phải đến tuổi mẫu giáo, trẻ mới thực sự chơi được trò chơi đóng vai theo chủ đề và nhóm chơi mới hình thành.

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VỚI ĐỒ VẬT CHO TRẺ ẤU NHI (TỪ 12 ĐẾN 36 THÁNG TUỔI)

1. Ý nghĩa của hoạt động với đồ vật cho trẻ ấu nhi

Ngay từ thời kì hài nhi, trẻ đã thực hiện những hành động khá phức tạp với đồ vật, nhưng những hành động của trẻ hài nhi với đồ vật chỉ là vu vơ, tình cờ chứ chưa nhằm vào việc khám phá chức năng và phương thức sử dụng đồ vật. Sang đến tuổi ấu nhi, đồ vật lúc này không đơn thuần là cái để nghịch, để chơi mà còn chứa đựng trong nó chức năng nhất định và phương thức sử dụng nó. Nhờ sự hướng dẫn của người lớn đứa trẻ đã hướng hoạt động của mình vào việc nắm chức năng và phương thức sử dụng đồ vật. Cứ như vậy, trẻ lĩnh hội được kinh nghiệm xã hội — lịch sử được ẩn tàng trong thế giới đồ vật, làm cho đời sống tâm lí của trẻ phát triển mạnh mẽ. Và hoạt động với đồ vật trở thành hoạt động chủ đạo của trẻ lứa tuổi ấu nhi.

Nhờ có hoạt động với đồ vật mà chức năng của đồ vật lần đầu tiên được bộc lộ ra trước đứa trẻ và đồ vật xung quanh trở thành đối tượng thu hút sự chú ý của trẻ, khiến trẻ hằng hái tìm kiếm, lôi cái này ra, tháo cái kia lắp vào cái nọ, bận rộn suốt ngày. Chính nhờ vậy, mà tâm lí của trẻ phát triển mạnh, đặc biệt là trí tuệ.

Thông qua hoạt động với đồ vật mà các giác quan của trẻ, đặc biệt là thị giác, thính giác và xúc giác phát triển, khả năng phối hợp giữa thị giác và thính giác của trẻ ngày càng tốt hơn. Sự phong phú về màu sắc, hình dạng, kích thước, âm thanh của đồ vật, đồ chơi là đối tượng thu hút sự chú ý của trẻ, kích thích trẻ gần gũi, ngắm nghía, sờ mó, thao tác... với đồ vật. Được sự hướng dẫn của người lớn, những chuẩn cảm giác ở trẻ được hình thành trong quá trình hoạt động với đồ vật.

Thông qua hoạt động với đồ vật, được sự hướng dẫn của người lớn, trẻ nắm tên gọi của đồ vật, màu sắc, hình dạng, kích thước, âm thanh, vật liệu làm ra nó..., nắm được công dụng, cách thức sử dụng đồ vật và tiếp nhận được những quy tắc hành vi xã hội gắn liền với đồ vật đó. Trên cơ sở đó trẻ biết so sánh, phân biệt đồ vật này với đồ vật khác, biết xếp lại (khái quát) những đồ vật giống nhau... Nghĩa là tư duy của trẻ được phát triển. Mặt khác, nhờ sự phong phú, đa dạng về màu sắc, hình dạng, kích thước, âm thanh và đặc biệt là sự khám phá ra chức năng và phương thức sử dụng đồ vật làm cho xúc cảm nói chung và xúc cảm trí tuệ của trẻ được hình thành.

Hoạt động với đồ vật còn có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển vận động, đặc biệt là sự khéo léo, linh hoạt của bàn tay và ngón tay của trẻ.

Từ chỗ trẻ cầm nắm đồ vật bằng cả bàn tay còn rất vụng về (trong năm đầu) đến chỗ trẻ biết thao tác với đồ vật một cách khéo léo, linh hoạt (nhặt đồ chơi, tháo lắp vòng, đóng mở hộp, xếp hình...). Có thể nói hoạt động với đồ vật là con đường cơ bản để rèn luyện sự khéo léo, tinh tế của đôi bàn tay và các ngón tay.

Như vậy, hoạt động với đồ vật là hoạt động cơ bản (chủ đạo), có ý nghĩa đặc biệt đối với sự phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ.

K.D. Usinxki khẳng định: "Bất kì sự giảng dạy nào không cứng nhắc và vô ích đều phải chuẩn bị cho đứa trẻ vào cuộc sống; mà không có gì có thể quan trọng hơn trong cuộc sống là phải biết nhìn nhận đồ vật từ mọi phía và trong phạm vi các mối quan hệ của nó được xác lập".

2. Đặc điểm của hoạt động với đồ vật của trẻ ấu nhi

Nếu ở thời kì hài nhi, hoạt động với đồ vật còn mang tính ngẫu nhiên, tình cờ (trẻ tình cờ nắm được cái giấy kéo về phía mình, thấy đồ vật đung đưa, phát ra tiếng kêu làm nó thích thú và muốn làm lại, làm mãi...; lớn hơn một chút cầm đồ chơi lên, thả xuống, rồi đập, gõ... nghe thấy tiếng kêu mà thích thú...). Thì sang tuổi ấu nhi, hoạt động với đồ vật là hoạt động mang tính khám phá, trước hết là chức năng (công dụng) và phương thức sử dụng đồ vật. Nhờ nắm được chức năng và phương thức sử dụng đồ vật mà trẻ có những hành động phù hợp với đồ vật (cầm thìa xúc cơm, bung cốc uống nước) chứ không dùng cốc để gõ, đập như tuổi hài nhi. Đành rằng lúc đầu trẻ có thể có những hành động lung tung, chưa tuân thủ những quy tắc xã hội gắn liền với đồ vật, sau đó trẻ tự điều chỉnh hành động của mình cho phù hợp với quy tắc đối xử với đồ vật mà mọi người đều tuân theo. Do nắm được phương thức hành động với một số đồ vật mà sự định hướng của trẻ vào thế giới đồ vật có bước phát triển mới. Khi gặp một đồ vật lạ, trẻ không chỉ muốn biết "nó là cái gì?", mà nó còn muốn biết "có thể làm gì với cái này?". Nếu được sự hướng dẫn thường xuyên của người lớn, trẻ sẽ nắm được phương thức sử dụng đồ vật đó theo kiểu người. Và một khi trẻ nắm được phương thức sử dụng đồ vật, công cụ, trẻ có thể bước vào thế giới vật dụng của con người.

Nhu cầu khám phá chức năng và phương thức sử dụng đồ vật thúc đẩy trẻ tích cực tìm tòi, khám phá thế giới xung quanh. Chính vì vậy, người ta ví đứa trẻ ở tuổi ấu nhi như một "nhà hoạt động thực tiễn" hay "một nhà thực nghiệm" tháo cái này, lắp cái nọ vào cái kia □ suốt ngày, bất kể nó là đồ chơi hay đồ dùng trong nhà (kể cả những đồ dùng phức tạp: Radiô, đồng hồ □). Để

thoả mãn nhu cầu tìm tòi, khám phá của trẻ, người ta tạo ra những đồ chơi (đồ nhựa, đồ gỗ, chất dẻo□) vừa đảm bảo an toàn cho trẻ vừa tiết kiệm tiền của.

Từ cuối năm thứ hai trở đi, nhờ nắm được chức năng và phương thức sử dụng đồ vật mà trẻ bắt đầu biết phân loại đồ vật theo nghề nghiệp. Và khi đó đồ vật, đồ chơi trở thành phương tiện để trẻ thực hiện các thao tác vai — một dạng trò chơi điển hình ở cuối tuổi ấu nhi.

Ở cuối tuổi ấu nhi nhu cầu tự khẳng định mình, thích được tự làm lấy mọi việc, kể cả những việc chưa làm được được bộc lộ khá rõ.

Khi hoạt động với đồ vật, trẻ thực hiện nhiều hành động, trong đó có hai loại hành động mang ý nghĩa phát triển hơn cả, đó là hành động công cụ và hành động thiết lập mối tương quan.

Hành động công cụ là hành động sử dụng công cụ do con người tạo ra làm phương tiện để tác động lên một đối tượng nhất định nhằm tạo ra một kết quả. Hành động công cụ bao gồm hành động sử dụng công cụ sinh hoạt hàng ngày (bát đũa, dao kéo, sách bút...) và hành động sử dụng công cụ lao động sản xuất (cuốc xẻng, búa, cưa, đục...). Tổ chức cho trẻ hành động công cụ trước hết là hướng dẫn cho trẻ biết sử dụng một số vật dụng đơn giản trong sinh hoạt hàng ngày, từ việc sử dụng các đồ vật cho bản thân như biết cầm thìa xúc cơm, biết mặc và cởi quần áo, biết đi tất, đi giầy, đội mũ... đến việc sử dụng các đồ dùng gần gũi trong nhà như dùng chổi quét nhà, dùng xẻng xúc đất, bật tivi, radiô... Có những đồ dùng dễ sử dụng, có những đồ dùng phức tạp, khó sử dụng, thậm chí còn gây nguy hiểm cho trẻ. Từ thực tế đó, người ta đã chế tạo ra những đồ chơi mô phỏng lại những đồ vật thật để trẻ sử dụng và được an toàn.

Hành động thiết lập mối tương quan là hành động mà trong đó đặt hai hay nhiều đối tượng (hoặc các bộ phận của đồ vật) vào những mối tương quan nhất định trong không gian để tạo thành một chỉnh thể nào đó. Hành động này trẻ thường dùng để sắp xếp các đồ vật xung quanh hoặc chơi với các đồ chơi lắp ráp như chồng tháp bằng những khúc gỗ to nhỏ khác nhau hay xếp hình chiếc ô tô, đoàn tàu hoả bằng những mẫu nhựa có hình thù khác nhau... Ở tuổi ấu nhi, thoạt đầu những hành động của trẻ với đồ vật, đồ chơi còn lung tung (không khác gì trẻ tuổi hài nhi), nhưng sau đó được sự hướng dẫn và gợi ý của người lớn trẻ bắt đầu xếp đồ vật, đồ chơi theo một hình nào đó mà nó muốn. Đây là một hành động phức tạp, khó khăn, thậm chí nhiều khi thất bại. Nhưng được người lớn hướng dẫn, giúp đỡ trẻ sẽ thực hiện được — tức là trẻ xếp được một hình mà nó muốn, khi đó trẻ vui sướng về sản phẩm do mình làm ra, và trẻ say mê với công việc tháo lắp, xếp vật nọ lên vật kia suốt ngày không biết chán.

Người lớn không được can thiệp thô bạo vào công việc "độc lập" của trẻ mà cần khéo léo hướng dẫn trẻ sử dụng đồ dùng, đồ chơi để trẻ có thể tự phục vụ bản thân và thoả mãn nhu cầu "độc lập" trong công việc của mình.

3. Phương pháp và biện pháp tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ ấu nhi

Hoạt động với đồ vật là một hoạt động lôi cuốn tâm trí của trẻ mạnh mẽ, ngoài những giờ chơi — tập "chính khoá", cô giáo mầm non có thể tổ chức cho trẻ chơi vào những thời điểm

khác nhau trong ngày: chơi vào đầu giờ sáng (giờ đón trẻ), chơi sau khi thức tỉnh, chơi vào giờ tự do (chờ trả trẻ)... Tuy nhiên mục đích chơi — tập, nội dung chơi — tập, yêu cầu chơi — tập có thể khác nhau, nhưng để nâng cao hiệu quả của các hoạt động chơi tập nói trên, phương pháp, biện pháp tổ chức, hướng dẫn của cô giáo mầm non giữ vai trò quan trọng.

Để cuốn hút trẻ vào hoạt động với đồ vật, trước hết cô giáo mầm non cần tạo ra tình huống hấp dẫn và khéo léo đề ra nhiệm vụ cho trẻ khi tham gia vào hoạt động. Chẳng hạn, khi tổ chức cho trẻ "xếp nhà cho các con vật" (giờ chơi — tập "chính khoá" cho trẻ 18 — 24 tháng), cô có thể tạo ra tình huống: Hôm nay "bạn thỏ" đến chơi với chúng ta, bạn thỏ sẽ ở lại chơi vài ngày, nào bây giờ các con cùng cô làm nhà cho thỏ nhé (yêu cầu mỗi trẻ làm một ngôi nhà), ai làm nhanh (đẹp) là bé ngoan nào!...

Sau đó cô làm mẫu kèm theo lời hướng dẫn để trẻ quan sát và có thể bắt chước. Khi làm mẫu xong, cô khuyến khích trẻ cùng làm theo cô. Đối với trẻ nhỏ, "chậm hiểu" hoặc lần chơi — tập đầu cô thao tác một cách từ từ, vừa làm vừa hướng dẫn trẻ thực hiện các thao tác (nếu hướng dẫn tỉ mỉ mà trẻ vẫn chưa thao tác đúng, cô có thể cầm tay trẻ để cùng thao tác theo cô). Còn đối với những trẻ lớn, "nhanh hiểu" cô có thể hướng dẫn bằng lời và khuyến khích trẻ tự làm. Trong quá trình hướng dẫn trẻ hoạt động với đồ vật cô cần động viên khuyến khích kịp thời những trẻ có thao tác, hành động đúng và uốn nắn những trẻ có những thao tác không đúng.

Để duy trì hứng thú của trẻ trong hoạt động với đồ vật, cô giáo mầm non cần thay đổi đồ chơi, trò chơi... chủ đề chơi — tập. Ví dụ, trong thời gian biểu của tuần, cô có thể xếp xen kẽ nội dung chơi tập như thứ ba cho trẻ thực hiện nội dung chơi — tập, xếp chồng (xếp nhà cho thỏ), thứ năm trong tuần là "chọn đồ chơi có màu xanh cho thỏ"...

4. Các hình thức tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ ấu nhi

Nội dung hoạt động với đồ vật của trẻ vô cùng phong phú, đa dạng, chúng ta có thể tổ chức cho trẻ hoạt động với đồ vật dưới hai hình thức chơi — tập, đó là chơi — tập có chủ đích và chơi — tập tự do trong phòng nhóm.

4.1. Tổ chức hoạt động chơi - tập có chủ đích

Chơi — tập có chủ đích là hình thức chơi tập thường được tổ chức vào buổi sáng, sau giờ đón trẻ. Thông qua hình thức chơi — tập này, cô giáo giới thiệu với trẻ những nội dung mới hoặc tập luyện những nội dung trẻ đã biết. Thời gian của mỗi lần chơi — tập kéo dài khoảng 8 — 10 phút (đối với trẻ từ 12 đến 18 tháng tuổi), 10 — 12 phút (đối với từ 18 đến 24 tháng tuổi) và từ 12 — 15 phút (đối với trẻ từ 24 đến 36 tháng tuổi). Tùy thuộc vào mức độ khó, dễ, phức tạp hay đơn giản của từng nội dung chơi — tập mà cô giáo tiến hành tổ chức 2, 3 hay 4 lần chơi — tập trên một nội dung. Tuy nhiên có thể nâng cao dần yêu cầu qua mỗi lần chơi — tập. Ví dụ: Đối với nội dung xâu hạt, lần thứ nhất cô hướng dẫn mẫu và tổ chức cho trẻ chơi — tập xâu 3, 4 hạt; lần chơi — tập thứ hai cô hướng dẫn mẫu và cho trẻ chơi — tập xâu 5, 6 hạt; lần thứ ba cô dành nhiều thời gian cho trẻ rèn luyện khả năng khéo léo của bàn tay, các ngón tay của trẻ.

Căn cứ vào mức độ khó, dễ của từng nội dung chơi — tập và khả năng của trẻ cô quyết

định số lần chơi — tập cho mỗi nội dung. Các nội dung này còn được ôn — luyện, củng cố trong giờ chơi — tập tự do.

Giờ chơi — tập có chủ đích được diễn ra theo bốn bước sau:

Bước 1: Ôn định nhóm trẻ, gây hứng thú cho trẻ về nội dung chơi — tập mà cô sẽ hướng dẫn, giới thiệu. Bước này đòi hỏi sự linh hoạt, sáng tạo của cô. Cô có thể dùng các đồ chơi hấp dẫn, bắt chước tiếng kêu của các con vật, sử dụng câu đố, đọc thơ, hát□ miễn là gây được ấn tượng đối với trẻ, lôi cuốn sự chú ý của trẻ vào nội dung chơi — tập cô sẽ giới thiệu.

Bước 2: Cô hướng dẫn mẫu: Sau khi đã lôi cuốn được sự chú ý của trẻ, cô giáo hướng dẫn mẫu từng thao tác một cách chậm rãi, kết hợp với lời giải thích rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu. Cô làm mẫu đảm bảo cho trẻ nhìn thấy đồ dùng. Số lần làm mẫu phụ thuộc vào mức độ khó, dễ của nội dung chơi — tập, phụ thuộc vào lần chơi — tập và khả năng tiếp nhận của trẻ. Khi hướng dẫn mẫu, cô cần dùng những thủ pháp sư phạm khác nhau để gây ấn tượng đối với trẻ vào những điểm cần lưu ý (ví dụ: Cô sử dụng ngữ điệu, câu hỏi, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt□ để nhấn mạnh một vài dấu hiệu cơ bản trong nội dung chơi — tập).

Bước 3: Tổ chức cho trẻ chơi — tập. Đây là bước trọng tâm của giờ chơi — tập, do vậy cô giáo cần dành thời gian chủ yếu cho bước này (thời gian thích hợp khoảng 2/3 tổng số thời gian chơi — tập). Sau khi hướng dẫn — làm mẫu, cô tổ chức cho trẻ chơi — tập. Trong quá trình tổ chức cho trẻ chơi — tập, cô bao quát chung cả nhóm, luôn duy trì hứng thú và tạo điều kiện để cho tất cả mọi trẻ trong nhóm được hoạt động tích cực. Đối với những trẻ chưa biết làm (thao tác sai) cô cần hướng dẫn lại cho trẻ, giúp trẻ làm được để duy trì hứng thú và tạo lập niềm tin vào bản thân. Còn những trẻ làm được các thao tác một cách nhanh chóng, chính xác, cô kịp thời động viên khuyến khích, đồng thời có thể nâng cao yêu cầu để trẻ tiếp tục chơi — tập, không bị nhàm chán.

Khi trẻ chơi — tập, cô có thể vừa tổ chức cho trẻ chơi — tập để rèn luyện kỹ năng thao tác với đồ vật vừa gợi ý trẻ chơi với sản phẩm mà mình vừa tạo ra (ví dụ: hình vừa xếp, chiếc vòng vừa khâu...) để giờ chơi — tập của trẻ sôi động và trẻ sẽ hứng thú hơn trong quá trình chơi — tập. Khi làm việc với từng cá nhân, cô cần nói nhỏ, vừa đủ nghe để không ảnh hưởng đến trẻ bên cạnh.

Bước 4: Kết thúc giờ chơi — tập: Đối với những giờ chơi — tập mà sau quá trình thao tác với đồ vật, trẻ tạo ra sản phẩm (xếp hình, khâu hạt...) thì cô giáo cần gợi ý trẻ quan sát, ngắm nghía sản phẩm mà mình đã tạo ra. Trên cơ sở hướng dẫn trẻ quan sát, cô nhận xét ngắn gọn, chủ yếu là động viên, khuyến khích để gây hứng thú và tạo niềm tin cho trẻ. Sau đó cô tạo tình huống để trẻ thay đổi trạng thái và chuẩn bị cho trẻ vào hoạt động tiếp theo (có thể là bằng một trò chơi vận động, một bài hát tập thể ngắn gọn...). Còn đối với những nội dung chơi — tập mà sau quá trình thao tác với đồ vật không tạo ra sản phẩm (như nhận biết màu sắc, kích thước□ của đồ vật) thì cô có thể kết thúc giờ chơi — tập bằng một trò chơi vận động tập thể.

4.2. Tổ chức chơi - tập tự do trong phòng nhóm

Chơi — tập tự do hay còn gọi là hoạt động tự chọn của trẻ thường được tiến hành vào buổi sáng sau giờ chơi — tập có chủ đích và vào giờ chơi — tập buổi chiều. Thông qua hình thức chơi — tập này, cô giáo giúp trẻ củng cố, ôn luyện những nội dung hoạt động với đồ vật đã được tiến hành ở hình thức chơi — tập có chủ đích.

So với hình thức chơi — tập có chủ đích thì hình thức chơi — tập này không mang tính bắt buộc về nội dung. Nếu ở hình thức chơi — tập có chủ đích, mỗi buổi chơi chỉ hướng dẫn một nội dung, thì hình thức chơi — tập tự do, mỗi buổi chơi cô có thể tổ chức 3, 4 nội dung, tùy thuộc vào số trẻ và số cô trong nhóm lớp. Nội dung chơi — tập tự do là những nội dung trẻ đã chơi tập rồi. Thời gian cho mỗi lần chơi — tập tự do kéo dài từ 15 — 20 phút (đối với trẻ từ 12 — 24 tháng tuổi); từ 20 — 25 phút (đối với trẻ từ 24 đến 36 tháng tuổi), tùy thuộc vào hứng thú của trẻ.

Giờ chơi — tập tự do cho trẻ được tiến hành theo ba bước sau:

Bước 1: Ổn định nhóm trẻ: Việc ổn định trẻ có thể tiến hành bằng nhiều thủ pháp khác nhau (trò chơi, bài hát, câu đố, bắt chước tiếng kêu của con vật...). Sau khi trẻ ổn định, cô giáo giới thiệu đồ chơi hấp dẫn đã được bày sẵn ở các góc, gợi ý cho trẻ tự chọn nội dung chơi — tập cho mình.

Bước 2: Tổ chức hướng dẫn trẻ chơi — tập: Đây là bước trọng tâm, cần dành nhiều thời gian cho bước này (có thể dành khoảng 4/5 tổng số thời gian của giờ chơi — tập). Mỗi cô phụ trách một nhóm chơi, bao quát trẻ chơi và tạo điều kiện để trẻ chơi say sưa, hứng thú. Đồ dùng, đồ chơi phải phong phú, đủ về số lượng để đáp ứng nhu cầu hoạt động của trẻ.

Trong quá trình trẻ chơi, cô không chỉ bao quát chung, mà quan trọng là phải theo dõi năng lực hoạt động của từng trẻ để động viên kịp thời (những trẻ làm nhanh, chính xác) và giúp đỡ những trẻ chưa làm đúng (hoặc làm không chính xác). Trong quá trình tổ chức cho trẻ chơi — tập, cô có thể nâng cao yêu cầu đối với trẻ có năng lực khá và hướng dẫn lại (làm mẫu hoặc bằng lời) đối với những trẻ chưa làm đúng.

Trong quá trình chơi — tập, nếu trẻ tỏ ra chán nội dung chơi — tập mà nó đang thực hiện, có thể cho trẻ thực hiện nội dung chơi — tập khác. Cô cần đáp ứng kịp thời nhu cầu, nguyện vọng của trẻ.

Bước 3: Kết thúc giờ chơi — tập tự do: Trước khi kết thúc giờ chơi — tập, cô có thể đặt câu hỏi giúp trẻ nhớ lại mình đã chơi những gì, làm những gì, để cho ai, có vui hay không?... Nếu hoạt động tạo ra sản phẩm cô có thể gợi ý cho trẻ quan sát, "thưởng thức" sản phẩm mà mình làm ra; cô nhận xét ngắn gọn, chủ yếu là khuyến khích động viên trẻ, tạo ra niềm vui cho trẻ. Sau đó tập trung trẻ dưới hình thức chơi vận động tập thể, thay đổi trạng thái để chuyển sang hoạt động khác.

5. Những yêu cầu khi tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ

5.1. Yêu cầu về đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho cô và trẻ

- Đồ dùng cho cô

+ Kích thước đồ dùng, đồ chơi phải to hơn để khi cô làm mẫu trẻ nhìn thấy rõ.

+ Số lượng đồ dùng, đồ chơi phải đủ để làm mẫu, tránh tình trạng làm mẫu lần một xong, phá đi lấy đồ dùng làm mẫu lần hai.

+ Màu sắc, hình dáng của đồ dùng phải chuẩn mực.

- Đồ dùng, đồ chơi cho trẻ

+ Số lượng phải đủ dùng cho mỗi trẻ, nên dùng luôn sản phẩm tạo ra của trẻ (đối với hoạt động tạo ra sản phẩm) để trẻ được chơi với nó ở các hoạt động với đồ vật tiếp theo.

+ Đồ dùng, đồ chơi phải có màu sắc tươi tắn, đảm bảo an toàn, không gây độc hại...

+ Đồ dùng, đồ chơi phải phù hợp với mục đích của giờ chơi — tập.

+ Đồ dùng, đồ chơi trong giờ chơi — tập tự do phải có số lượng và chủng loại phong phú, bởi vì giờ chơi — tập này không mang tính bắt buộc về nội dung, trẻ chơi theo ý thích... Mặt khác, thời gian chơi — tập của trẻ dài hơn so với chơi — tập có chủ đích, do vậy, trẻ có thể chuyển từ nội dung chơi — tập này sang nội dung chơi — tập khác, khi nội dung chơi — tập cũ không còn hấp dẫn nó.

5.2. Yêu cầu về nội dung

Nội dung hoạt động phải phù hợp với yêu cầu của độ tuổi của trẻ trong nhóm. Khi tổ chức cho trẻ chơi — tập, căn cứ vào nhu cầu và năng lực của từng trẻ, cô giáo có thể nâng cao yêu cầu về nội dung hoặc làm đơn giản yêu cầu đó cho phù hợp với năng lực của trẻ. Có như vậy thì hứng thú hoạt động của trẻ trong giờ chơi — tập mới được duy trì và giờ chơi — tập mới thực sự đem đến sự phát triển cho từng cá nhân trẻ.

5.3. Yêu cầu về phương pháp, biện pháp hướng dẫn

— Khi dạy trẻ hoạt động với đồ vật, cần hướng dẫn trẻ quan sát đồ vật, biết phân biệt độ lớn, hình thù, màu sắc giữa chúng để sắp xếp, lắp ráp chúng vào trong mối tương quan trong không gian. Đặc biệt là tìm cách lôi cuốn sự chú ý của trẻ tới những hành động sử dụng đồ vật của người lớn, qua đó trẻ sẽ học được nhiều cách thức sử dụng đồ vật trong sinh hoạt hằng ngày.

— Mẫu để cung cấp cho trẻ khi chúng hoạt động với đồ vật là hết sức cần thiết, tuy còn rất đơn sơ; làm mẫu hay giới thiệu mẫu với trẻ cần kết hợp lời nói. Mẫu cần phải rõ ràng, lời nói cần phải dễ hiểu mới làm cho trẻ chú ý bắt chước một cách dễ dàng. Đồng thời thỉnh thoảng nên thay đổi mẫu để tạo ra sự thích thú cho trẻ và giúp cho trí tuệ của chúng được linh hoạt, không sớm bị xơ cứng. Nếu như trẻ em luôn luôn chỉ làm theo một mẫu từ ngày này qua ngày khác cũng sẽ làm cho đầu óc của chúng bị trì trệ bởi cách làm cứng nhắc.

— Khuyến khích trẻ hoạt động tích cực, tự mình tìm kiếm, khám phá, thăm dò thử nghiệm trước các đồ vật, đồ chơi, không thể làm thay trẻ hoặc không áp đặt cách làm của mình cho trẻ. Thường người lớn hay sốt ruột khi thấy trẻ vụng về và khó chịu khi thấy trẻ làm sai, hỏng, nên muốn mình làm quách cho xong, cho đúng. Một em bé mới tập xúc cơm, nó đánh vãi cơm lung tung, thức ăn rơi ra cả quần áo, bàn ghế. Trong trường hợp này người lớn nên kiên nhẫn hướng dẫn trẻ cầm thìa, cầm bát sao cho đúng, chứ đừng nên bón cơm hộ trẻ, cứ để trẻ tự xúc lấy cơm ăn, dần dần hành động xúc cơm sẽ gọn gàng, tươm tất. Một em bé khác loay hoay xếp hình chiếc ô tô nhưng mãi hồi lâu chưa được. Trong trường hợp này người lớn cũng không nên làm thay, hoặc cầm tay trẻ buộc phải hành động theo cách của mình. Tốt nhất là làm mẫu cho trẻ xem, đồng thời khêu gợi sự thích thú để trẻ hào hứng và bắt chước làm theo. Luôn tạo điều kiện để trẻ được hoạt động một cách tích cực và chủ động.

— Luôn tạo ra các tình huống để trẻ tìm cách giải quyết. Chẳng hạn, đang chơi với ô tô thì ô tô chạy sâu vào gầm giường. Làm thế nào để lấy ra? Trẻ học người lớn cách khều đồ vật từ gầm giường bằng chiếc gậy hay cán chổi và ứng dụng vào tình huống này. Biết dùng một hành động vào nhiều tình huống khác nhau, đó là một bước phát triển mới của tư duy, mặc dù đó chỉ mới là kiểu tư duy trực quan hành động, nhưng là cơ sở để phát triển các kiểu tư duy cao hơn sau này.

— Đồ vật và đồ chơi mang đến cho trẻ sử dụng phải là những thứ mà trẻ có thể thao tác được với cái đó một cách dễ dàng. Một chiếc ô tô bóng loáng đẹp đẽ, thật đắt tiền mà chỉ để bày trong tủ kính cho trẻ ngắm nghía, không thể có tác dụng kích thích trẻ hoạt động bằng chiếc ô tô bằng gỗ thô sơ, mà có thể lắp vào tháo ra và đẩy đi, đẩy lại cho nó chuyển động được. Một đồ vật có khả năng kích thích tính tích cực của trẻ khi nó chứa đựng trong bản thân nhiều thao tác (như lắp vào, tháo ra, chồng các bộ phận lên nhau, đẩy ra xa, kéo lại gần...). Đó là loại đồ vật rất cần cho trẻ để hình thành hành động công cụ và hành động thiết lập các mối tương quan.

— Một điều nữa cũng hết sức quan trọng trong khi tổ chức cho trẻ hoạt động với đồ vật là cần phải giúp trẻ biết sử dụng đúng chức năng của từng đồ vật do xã hội quy định, vì điều đó đã trở thành quy tắc sống. Chẳng hạn, cái cốc là dùng để uống nước, nhưng nếu đưa trẻ cho tay vào cốc nghịch như vậy là nó vi phạm quy tắc sống. Nếu không được giáo dục để sửa chữa thì sau này rất dễ nảy sinh ở trẻ những hành vi phi xã hội, như nhân dân ta thường nói.

5.4. Yêu cầu về tổ chức

— Số trẻ trong mỗi nhóm không quá 10 trẻ (đối với trẻ từ 12 — 18 tháng tuổi), và không quá 15 trẻ (đối với trẻ từ 18 đến 36 tháng tuổi). Có như vậy thì cô giáo mới có thể hướng dẫn kết hợp giữa cá nhân với tập thể được.

— Có thể tổ chức cho trẻ ngồi trên nền nhà hoặc ghế ngồi, sử dụng bàn... tùy thuộc vào nội dung hoạt động.

— Địa điểm chơi — tập phải thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông, đủ sáng.

— Quần áo, đầu tóc của cô cần gọn gàng, mang tính sư phạm, thuận lợi cho việc đi lại giữa các nhóm trẻ.

5.5. Hướng dẫn thiết kế giờ chơi - tập (hoạt động với đồ vật)

Căn cứ vào yêu cầu của giờ chơi — tập, lần tổ chức, khả năng của trẻ và điều kiện thực tế của trường, nhóm, cô giáo mầm non thiết kế giờ chơi — tập cho phù hợp, có tính khả thi. Mỗi người có cách trình bày (cấu trúc) bản thiết kế của mình. Tuy nhiên, dù bản thiết kế có cấu trúc như thế nào đi chăng nữa, cần thể hiện được những nội dung cơ bản sau đây:

- Tên đề tài: (ví dụ: Xếp đoàn tàu hoả)
- Đối tượng: (ví dụ: trẻ từ 18 đến 24 tháng tuổi)
- Số lượng trẻ: (ví dụ: 12 trẻ)
- Thời gian tiến hành: (ví dụ: 10 — 12 phút đối với trẻ 18 — 24 tháng tuổi).
- Hoạt động lần thứ:
- Ngày thực hiện:
- Người thực hiện:

1. Yêu cầu cần đạt của lần hoạt động này:
2. Phương tiện tổ chức:
3. Các bước tiến hành:

Bước 1: Ổn định tổ chức, gây hứng thú cho trẻ với nội dung chơi — tập cô sẽ hướng dẫn.

Bước 2: Cô hướng dẫn mẫu.

Bước 3: Tổ chức cho trẻ chơi — tập.

Bước 4: Kết thúc giờ chơi — tập.

6. Đặc thù của việc tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ theo độ tuổi

6.1. Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ em trong năm thứ hai

Cùng với những bước đi chập chững đầu tiên, khả năng định hướng trong không gian của trẻ ngày một phát triển hơn và mối quan hệ với thế giới đồ vật xung quanh trở nên khăng khít. Đồ vật trở thành những đối tượng cuốn hút, kích thích trí tò mò của trẻ, thúc đẩy trẻ hành động để tìm hiểu những đặc tính của chúng. Quá trình hoạt động tích cực với đồ vật làm nảy sinh ở trẻ mối quan hệ mới với thế giới đồ vật. Hoạt động với đồ vật trở thành hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi này. Trong quá trình hoạt động với đồ vật, được sự chỉ bảo của người lớn trẻ nắm được công dụng của đồ vật, đồng thời cũng tiếp nhận được những quy tắc của hành vi xã hội gắn liền với đồ vật đó. Tuy nhiên, lúc đầu trẻ cũng hành động lung tung như lấy thìa gõ vào mâm cơm, hoặc ném cốc, bát xuống nền nhà, nhưng lập tức ngay sau đó nó tỏ vẻ bối rối, sợ hãi vì nó hiểu rằng như vậy đã phạm đến quy tắc đối xử với đồ vật mà mọi người đều phải tuân theo. Nhưng việc để trẻ nắm được cách sử dụng công cụ thành thạo thì đòi hỏi trẻ phải có quá trình được tiếp xúc, được hành động với đồ vật, đặc biệt trong quá trình thao tác với đồ vật, nếu có sự hướng dẫn của người lớn (bố mẹ, cô giáo) thì đứa trẻ sẽ phát triển tốt hơn.

Người lớn, khi cho trẻ hoạt động với đồ vật cần chú ý:

— Không nên cấm đoán trẻ chơi với đồ vật, đồ chơi, vì càng cấm đoán bao nhiêu thì càng làm thui chột đi biết bao khả năng tìm kiếm khám phá của trẻ, thậm chí ngăn chặn con đường phát triển của trẻ. Thực tế cho thấy rằng, những đứa trẻ hay nghịch ngợm với đồ vật, đồ chơi, lúc nào cũng bận rộn lôi hết thứ nọ đến thứ kia thường là những đứa trẻ thông minh. Ngược lại những đứa trẻ "ngoan" nhu mì, ít hoạt động, thờ ơ với những đồ vật xung quanh, thường là những đứa trẻ thụ động, kém phát triển.

— Cô chủ động cho trẻ tiếp xúc với những đồ vật, đồ chơi không gây nguy hiểm và dễ kiếm, hãy để cho trẻ được hành động tự do với các đồ vật ấy và cô đóng vai trò hướng dẫn trẻ biết cách thao tác với những đồ vật ấy.

— Ngoài ra cô chuẩn bị và mang đến cho trẻ những thứ đồ chơi để thay thế cho đồ vật thật. Yêu cầu đồ chơi phải có màu sắc tươi tắn, đảm bảo yêu cầu vệ sinh và trẻ có thể hành động tự do và mày mò sử dụng chúng. *Ví dụ*, một cái ô tô làm bằng gỗ có thể tháo ra, lắp vào hoặc đưa đi đẩy lại theo ý của trẻ.

Ngoài những đồ chơi thay thế cho vật thật, cô cần chú ý tới cả những loại đồ chơi lắp ráp, xếp hình. Loại đồ chơi này đòi hỏi đứa trẻ phải chú ý đến hình dạng, đặc tính của đồ chơi làm sao có thể xếp chúng với nhau theo những tương quan nhất định trong không gian, có nghĩa là đòi hỏi trẻ phải biết quan sát thì mới chơi với đồ chơi ấy được. *Ví dụ*, muốn tháo lắp vòng từ vòng to nhất đến vòng nhỏ nhất, thì đứa trẻ phải chú ý đến kích thước to nhỏ của vòng để sau đó lắp vào hoặc tháo ra theo như cô làm hoặc theo yêu cầu của cô đề ra với trẻ.

Một loại đồ chơi nữa là đồ chơi dân gian như các con giống, những hộp hình chồng khít vào nhau hoặc những vật liệu dễ kiếm trong thiên nhiên như rơm rạ, cói, các hạt hạt, vỏ ốc, vỏ sò hến, những khúc gỗ, đoạn tre v.v... tất cả chúng đều có sức hấp dẫn mạnh mẽ với trẻ nhỏ.

Được sống trong thế giới đồ vật và được hoạt động với sự hướng dẫn, khuyến khích của cô giáo là con đường tốt nhất để trẻ lớn lên.

— Khi hướng dẫn trẻ, cô phải dạy cho trẻ biết cách làm như thế nào với đồ vật, đồ chơi, dạy trẻ biết cái gì nên làm, cái gì nên tránh, làm thế nào thì đúng, làm thế nào thì sai. Đặc biệt cô cũng không nên quá nôn nóng, chưa chi đã vội vàng làm thay trẻ khi thấy trẻ còn lóng ngóng lúc sử dụng các công cụ. Ở đây, điều quan trọng không phải là trẻ sớm có ngay được những động tác thành thạo. Mà cái chính là qua việc sử dụng với đồ vật, với công cụ, trẻ nắm được một nguyên tắc cơ bản trong hoạt động của con người.

Động tác làm mẫu của cô rất quan trọng, cho nên khi làm mẫu, cô phải làm chậm, kết hợp với lời nói rõ ràng, mạch lạc. Sau đó cho trẻ thực hành làm, yêu cầu trẻ làm từng động tác theo hướng dẫn của cô. *Ví dụ*, cô hướng dẫn trẻ động tác thứ nhất, xâu vòng thứ nhất, ("lắp vòng thứ nhất, xâu vòng thứ nhất... đặt vật thứ nhất xuống bàn..."). Trẻ làm theo cô động tác thứ nhất. Sau đó cô hướng dẫn sang động tác thứ hai ("lắp vòng thứ hai, xâu vòng thứ hai... chồng vật thứ hai lên trên hoặc bên cạnh vật thứ nhất..."). Cứ thế cô cho trẻ làm theo. Nếu trẻ nào chưa có khả năng làm theo cô từng động tác thì cô vẫn phải cầm tay trẻ để cùng thực hiện động tác. Đây là một kỹ thuật khó, đòi hỏi cô giáo cầm lấy tay của đứa trẻ để hướng dẫn nó tới giải pháp đúng. Biện pháp này phải sử dụng thận trọng vì nó dễ trở thành một ép buộc làm trẻ không thích. Bởi

vì có khi đứa trẻ để cho cô làm, nhưng có lúc nó chống lại kịch liệt. Trường hợp trẻ để cho cô cầm tay hướng dẫn là khi nó bắt đầu tin là cô đang tìm cách giúp đỡ chúng, trẻ để cô quyết định thay chúng và làm chủ hành động của chúng, và lúc đó trẻ đã nhận ra nó làm sai. Còn khi trẻ chống lại quyết liệt là khi nó nghĩ nó làm được và làm đúng, nó không muốn người lớn can thiệp và trẻ từ chối không chịu đổi cách làm của mình. Vì thế, đòi hỏi cô giáo phải hướng dẫn tinh tế, phải nhận ra rằng đứa trẻ không đủ sức giải quyết vấn đề và tìm cách hướng dẫn, giúp đỡ nó vào đúng thời điểm nó có nhu cầu giúp đỡ.

Mặc dù học theo cách thụ động thường không có hiệu quả bằng cách học chủ động, nhưng thành công của đứa trẻ làm cho nó thích thú và tích cực hơn trong hoạt động.

Ngoài việc cho trẻ được hành động với đồ vật, đồ chơi, đối với trẻ từ 15 tháng tuổi trở lên cô có thể bắt đầu cho trẻ học cách sử dụng một số đồ dùng quen thuộc như dạy cho trẻ cách cầm cốc uống nước, cầm thìa xúc cơm thông qua một số trò chơi đơn giản "cho em bé ăn bột, uống nước", lúc đầu trẻ cầm còn ngược tay và lúng túng, cô có thể bày cho trẻ cách cầm thìa, cách cầm cốc, vừa chỉ cách làm cô vừa miêu tả điều cô đang làm để trẻ hiểu được những từ cô nói là nhằm vào hành động nào. Vừa bảo bằng lời, vừa làm là cách quan trọng giúp đứa trẻ hiểu nghĩa của những từ, những câu nói, song ở đây cô cần lưu ý nói với trẻ những từ đơn giản mà thôi.

Sau khi trẻ đã biết cách sử dụng đồ vật, cô hãy để cho trẻ được tự học, tự chơi với chúng và cô chỉ cần theo dõi, đưa thêm các điều kiện mới, tạo ra tình huống để trẻ tìm cách mới giải quyết vấn đề. Trẻ em thường học qua chơi, do đó cô giáo cần hỗ trợ cho trẻ chơi, tham gia chơi cùng với nó, cũng như chú ý lựa chọn đồ chơi, trò chơi, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ học. Chẳng hạn, cô không nên bắt trẻ chơi những trò chơi quá khó hoặc quá dễ so với khả năng của trẻ mà nên chọn những đồ vật, đồ chơi có thể lớn lên cùng với trẻ và có thể dùng để chơi nhiều trò chơi. Với cái đồ chơi ấy, ở thời điểm này đứa trẻ có thể chơi trò này, và vào một thời điểm khác đứa trẻ có thể chơi một trò chơi khác.

Tuy nhiên, nếu quá quen thuộc với một loại đồ chơi sẽ là điều không tốt. Chẳng hạn, đôi khi trẻ trói chặt vào một thứ đồ chơi hay một kiểu chơi nhất định thì những đồ chơi ấy, trò chơi ấy không còn thách thức những khả năng mới của trẻ. Cũng như người lớn, tối nào cũng chỉ nấu một kiểu món ăn, người lớn đó không cho rằng đấy là bữa ăn thịnh soạn nhất, nhưng nó đã trở thành bữa ăn để nấu. Sự việc cũng xảy ra với trẻ giống như thế, đứa trẻ tìm ra điều gì đó nó có thể làm được và cứ bám mãi với đồ chơi ấy, trò chơi ấy sau khi nó không còn học được gì mới từ bỏ đồ chơi ấy. Đứa trẻ sẽ không tỏ ra thất vọng, bực bội hoặc là chán như khi nó gặp một đồ chơi quá khó chơi. Một trong những dấu hiệu của sự quá quen thuộc, đó là đứa trẻ không có hào hứng gì khi chơi với đồ chơi như thế, đứa trẻ ít tiến hành chơi với đồ chơi ấy. Thật là chán ngán cho cả cô và trẻ, chẳng ai dạy được gì và cũng chẳng ai học được gì.

Tóm lại, điều quan trọng là phải để cho trẻ chơi với một đồ chơi trong một thời gian không được ngày nào cũng bắt trẻ có những hoạt động mới với đồ chơi mới, song phải thay đổi trong các hoạt động chơi của trẻ. Quy luật phổ biến là, khi đứa trẻ mới làm được điều gì mới, hãy cứ để cho nó chơi đi chơi lại nhiều lần với đồ chơi ấy hay kiểu hành động ấy. Đến khi nào đứa trẻ

dừng lại không tiến lên hơn nữa, quá cái điều mà nó mới làm được, thì tạm ngừng hoạt động đó lại một thời gian, trước khi nó trở lại.

— Một điều cô giáo cần nhớ, trẻ nhỏ chưa thể hành động với đồ vật, đồ chơi một cách hợp lí ngay mà hành động của chúng chủ yếu mang tính chất tìm kiếm, khám phá. Trẻ hành động với đồ vật cốt để xem sự việc diễn ra như thế nào chứ chưa biết hậu quả của nó ra sao. Do đó, chúng có thể đập phá một cách thô bạo đồ chơi của mình để tìm xem có cái gì bên trong đó nữa. Cho nên cô giáo cần hiểu đặc điểm này của trẻ để theo dõi và giúp đỡ chúng khi chơi, tạo điều kiện cho trẻ được hành động với đồ vật đồ chơi của mình.

6.2. Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ trong năm thứ ba

Sang năm thứ ba, năng lực vận động của trẻ được phát triển mạnh mẽ đặc biệt là sự khéo léo của bàn tay, các ngón tay và sự phối hợp của các giác quan với vận động trong hoạt động, vốn hiểu biết được nâng cao, ngôn ngữ phát triển... Tất cả những điều đó đã làm cho chất lượng hoạt động với đồ vật của trẻ được nâng lên đáng kể. Hoạt động với đồ vật của trẻ ở giai đoạn này mang tính mục đích rõ ràng hơn, những thao tác với đồ vật của trẻ trở nên thành thạo, chính xác. Hoạt động với đồ vật của trẻ diễn ra như là một trò chơi vậy. Trẻ bắt đầu mô phỏng (bắt chước) thao tác của người lớn trong khi chơi — tập. Trò chơi thao tác cuốn hút đứa trẻ. Do vậy, ngoài các trò chơi nhận biết, trò chơi thao tác với đồ vật là chủ yếu, trẻ còn chơi các loại trò chơi khác nữa, chẳng hạn trò chơi mô phỏng, bắt chước người lớn (còn gọi là trò chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi xếp hình, xâu hạt, trò chơi vận động... Mỗi loại trò chơi đều có đặc thù riêng của nó và mức độ phát triển của từng loại trò chơi này của trẻ ở năm thứ ba cũng khác nhau. Để trẻ tích cực hoạt động, cô cần tạo điều kiện, phương tiện và trực tiếp tham gia tổ chức, hướng dẫn trẻ chơi.

a) Tổ chức các trò chơi nhận biết - thao tác với đồ vật

Nếu cô giáo tổ chức tốt các trò chơi nhận biết — thao tác với đồ vật cho trẻ 3 tuổi thì đây chính là phương tiện chủ yếu và tốt nhất để phát triển hoạt động nhận cảm cho trẻ. Nhờ được chơi, được luyện tập với đồ chơi, đồ vật và vật liệu chơi khác nhau về màu sắc, về độ lớn, hình dáng, vật liệu cũng như khác nhau về ý nghĩa sử dụng, về cách thức sử dụng mà trẻ 3 tuổi được làm quen với thuộc tính, đặc tính thực của nhiều đồ vật.

Cùng với sự hướng dẫn của cô giáo, thông qua nội dung trò chơi thao tác với đồ vật, trẻ nắm được những tri thức, kĩ năng khác nhau, hình thành cho trẻ năng lực học tập, biết chú ý lắng nghe sự chỉ dẫn bằng lời của cô, theo dõi các thao tác của cô và cuối cùng chính bản thân trẻ được hành động với đồ vật, đồ chơi theo sự chỉ dẫn của cô. Thông qua các trò chơi này trẻ học được cách sử dụng đồ vật, công cụ v.v... cũng như trẻ có thể so sánh giữa các vật với nhau (hai vật này bằng nhau hoặc vật này to hơn, vật kia nhỏ hơn v.v...). Với trẻ 3 tuổi có thể tổ chức một số trò chơi nhận biết thao tác với đồ vật sau đây:

— Trò chơi nhận biết — phân biệt màu sắc, hình dạng và kích thước đồ vật.

Ví dụ: Trò chơi dạy trẻ nhận biết ba màu (xanh, đỏ, vàng).

Trò chơi phân biệt hình dạng (tròn, vuông);

Trò chơi phân biệt kích thước (to — nhỏ).

— Trò chơi phát triển các giác quan (thị giác, thính giác, xúc giác) và phát triển các vận động khéo léo của đôi bàn tay (cầm, nắm, xếp, đặt, xâu, xỏ...).

— Trò chơi sử dụng đồ vật: Trẻ chơi với các đồ chơi, đồ vật khác nhau như bóng, chùy, xúc xắc, vòng, búp bê, chút chít... và chơi với các đồ vật có sẵn trong thiên nhiên như cát, sỏi, hoa quả, lá cây, quả khô...

— Trò chơi so sánh phân biệt bộ tranh đôi, lô tô, ghép đôi...

Khi hướng dẫn loại trò chơi này cô giáo cần chú ý:

— Cô tham gia trực tiếp chơi cùng với trẻ, giúp trẻ từng động tác chơi. Cô giải thích rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu về nội dung, quy tắc và động tác chơi.

— Đối với các trò chơi luyện giác quan và cử động ngón tay cô giáo cần kết hợp sử dụng đồ chơi với cử chỉ, nét mặt vui tươi, lời nói nhẹ nhàng.

— Đối với trò chơi nhận biết phân biệt, cần chọn các vật có màu sắc, hình dáng, kích thước rõ ràng, chỉ có một đặc điểm khác nhau, còn lại là các đặc điểm khác phải giống nhau.

b) Tổ chức trò chơi xếp hình

Những trò chơi xếp hình giúp trẻ rèn luyện sự khéo léo của đôi bàn tay, rèn luyện kỹ năng phối hợp giữa tay và mắt, đồng thời giúp trẻ nhận biết màu sắc, tên gọi một số hình (hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác...).

Từ những hình khác nhau có thể xếp bàn, ghế, nhà, giường, bộ xa lông, chuồng, cổng, nhà và cổng, con đường, hàng rào, bậc thang, v.v...

Khi hướng dẫn trẻ chơi cô cần:

— Cho trẻ quan sát đồ vật mà trẻ sẽ phải xếp.

— Cô chuẩn bị dụng cụ theo số lượng trẻ tham gia.

— Khêu gọi hứng thú đến trò chơi xếp hình bằng cách tạo nên những tình huống khác nhau, để từ đó đề nghị trẻ giải quyết hoặc có thể dùng kể chuyện ngắn gọn, sau khi đó cô bắt đầu làm mẫu cho trẻ xem, dạy trẻ biết xếp chồng các khối lên nhau, xếp cạnh nhau và xếp cách nhau rồi để trẻ tự làm.

— Dạy cho trẻ hiểu ý nghĩa, tác dụng của từng loại đồ vật mà trẻ xếp được.

— Cho trẻ luyện tập – trẻ làm một mình cô theo dõi, hướng dẫn giúp trẻ làm khi trẻ lúng túng, khen ngợi động viên những trẻ làm đúng, nhanh, đẹp.

— Sau khi xếp xong, cô có thể cho trẻ dỡ ra rồi xếp lại, vừa xếp vừa nói từng động tác. Kết thúc thường để trẻ chơi với đồ vật mới xếp được.

c) Tổ chức trò chơi vận động

Các trò chơi vận động tạo cho trẻ trạng thái vui vẻ, sôi nổi, thoải mái nhu cầu hoạt động của trẻ, đồng thời thúc đẩy sự hoàn thiện các vận động cơ bản.

Cụ thể, cần tổ chức cho trẻ 3 tuổi chơi hai loại trò chơi vận động sau đây:

- Trò chơi vận động có chủ đề (bịt mắt bắt dê, chim sẻ mèo con, trời nắng trời mưa v.v...).
- Trò chơi vận động không có chủ đề (Trò chơi tập các vận động trườn, bò...). Trò chơi với các dụng cụ thể thao (thang leo, cầu trượt, bập bênh).

Khi tổ chức cho trẻ cô cần:

- Chuẩn bị chỗ chơi rộng rãi, tốt nhất là ngoài trời, đảm bảo an toàn cho trẻ...
- Chuẩn bị các dụng cụ luyện tập, đồ chơi cần thiết, bố trí hợp lí.
- Lôi cuốn trẻ vào trò chơi, gây tâm thế phấn khởi chờ đón niềm vui do trò chơi mang đến.
- Cô giải thích ngắn gọn về nội dung chơi, luật chơi, hướng dẫn cách chơi, làm mẫu động tác kèm theo lời nói. Cô cùng chơi với trẻ và thường đóng vai chính trong các trò chơi vận động có chủ đề, chọn một số trẻ nhanh nhẹn lên chơi trước để các trẻ khác nhìn và bắt chước.
- Đối với các trò chơi với dụng cụ thể dục, cô tập cho trẻ đúng yêu cầu và thường xuyên quán xuyến để bảo đảm an toàn cho trẻ khi chơi.
- Điều quan trọng là làm cho trẻ thích chơi và trò chơi mang lại niềm vui cho trẻ.

d) Tổ chức trò chơi sinh hoạt cho trẻ (trò chơi mô phỏng)

Sang năm thứ ba, trẻ vẫn thích chơi đồ chơi, từ các thao tác sờ mó đồ vật dần dần chuyển sang các thao tác vai. Chẳng hạn, khi có búp bê, trẻ muốn bế búp bê, cho búp bê ăn. Các thao tác này được tiến hành theo vui chơi, đứa trẻ muốn bắt chước mẹ cho bé ăn, trẻ bắt đầu đóng vai "mẹ" để chăm sóc "con", chứ không hành động một cách chung chung với đồ vật, đồ chơi nữa.

Trong trò chơi của mình, trẻ giả vờ làm người lớn, bắt chước việc làm của người lớn (bán hàng, giặt quần áo, múc nước, bế em, tắm cho búp bê, mặc quần áo cho búp bê v.v...).

Trẻ ba tuổi đã biết giả vờ làm như thật, biết dùng vật này thay thế cho vật khác bắt chước người lớn một số hành động. Trong nội dung trò chơi của trẻ thường là đóng vai đơn giản (chơi bán hàng, ru bé ngủ, cho bé ăn...).

Do vậy, để hướng dẫn trẻ chơi, cô cần:

- Trước khi cho trẻ chơi cô cần cung cấp làm tăng vốn hiểu biết của trẻ về cuộc sống xung quanh gần gũi bằng cách cho trẻ xem tranh ảnh, quan sát thực tế và đặc biệt cần chỉ cho trẻ biết những động tác, biết những việc làm mà trẻ quan sát.
- Cô đóng vai chính, lấy vai của mình làm mẫu để trẻ học cách chơi, đồng thời khuyến khích trẻ chủ động bắt chước các hành động của người lớn.
- Cô chú ý không can thiệp thô bạo vào trò chơi của trẻ, không bắt trẻ phải chơi theo ý muốn của cô.
- Luôn luôn quan tâm làm giàu trí tưởng tượng sáng tạo của trẻ và làm giàu các thao tác chơi với đồ vật, đồ chơi cho trẻ.
- Khi hướng dẫn trẻ chơi cô cần kịp thời thay đổi một cách hợp lí tính chất trò chơi của trẻ, không bắt trẻ chơi những trò chơi quá cao so với khả năng của nó và cũng không lặp đi lặp

lại nhiều lần trò chơi mà nó đã chán, hoặc trò chơi quá đơn giản so với bản thân trẻ. Cần chú ý phát triển hứng thú và tính chủ động, tính tích cực của trẻ khi chơi. Cần tận dụng mọi trường hợp để làm cho cảm xúc và ấn tượng của trẻ thêm phong phú, tạo cho trẻ có nhiều dịp vui chơi thoải mái.

Tóm lại, việc tổ chức hoạt động chơi cho trẻ trong năm thứ ba là cần thiết, bởi vì trẻ ở lứa tuổi này thường học qua chơi và chính cô giáo là người trực tiếp tham gia và hướng dẫn cho trẻ chơi. Nhờ có sự hỗ trợ của cô giáo, chẳng hạn cô lựa chọn những đồ chơi, những trò chơi để tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ học có hiệu quả hơn. Nếu không có sự hướng dẫn đúng đắn của cô giáo, trẻ không thể phát triển, không thể lớn lên được. Điều quan trọng nhất, cô hiểu từng cá nhân trẻ, hiểu đặc điểm phát triển, mức độ phát triển để từ đó chọn những trò chơi phù hợp giúp trẻ vừa có thể rèn luyện kỹ năng đã có vừa tạo điều kiện cho trẻ học thêm một số kỹ năng mới. Qua mỗi trò chơi, trẻ thấy mình học được cái gì trong đó, thúc đẩy trẻ vươn lên và có hứng thú với trò chơi tiếp theo.

6.3. Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ ở nhóm trẻ không cùng độ tuổi

Dựa vào đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ trong từng tháng, từng năm, các nhà giáo dục mầm non đã chia lứa tuổi nhà trẻ thành ba thời kì (giai đoạn). Từ lọt lòng đến 12 tháng tuổi, từ 12 tháng đến 24 tháng tuổi, từ 24 đến 36 tháng tuổi. Trẻ ở mỗi giai đoạn tuổi này có chế độ chăm sóc — giáo dục riêng, phù hợp với đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ. Việc tổ chức chăm sóc — giáo dục nói chung và tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ theo nhóm tuổi (trẻ cùng nhóm tuổi) là một việc làm khoa học, đảm bảo được chất lượng chăm sóc — giáo dục cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ. Song trong thực tiễn Việt Nam hiện nay, ở một số địa phương (nhất là vùng sâu, vùng xa, miền núi) số lượng trẻ đi nhà trẻ — trường mẫu giáo rất ít, khó có điều kiện để tổ chức chăm sóc — giáo dục trẻ em trong các nhóm lớp cùng độ tuổi. Việc tổ chức nhóm, lớp ghép (nhóm trẻ không cùng độ tuổi) xuất hiện. Sự hình thành nhóm, lớp ghép là một giải pháp tình thế nhằm đáp ứng được thực trạng công tác giáo dục mầm non ở những nơi còn khó khăn (vùng sâu, vùng xa, vùng núi). Mặc dù có những hạn chế nhất định trong quá trình chăm sóc — giáo dục trẻ: khó xây dựng được một chế độ sinh hoạt chung, buộc cô giáo mầm non phải thực hiện nhiều chế độ sinh hoạt trong ngày. Nhưng ở nhóm trẻ không cùng độ tuổi cũng có những lợi thế đáng kể trong việc chăm sóc — giáo dục trẻ. Một mặt, nhóm trẻ này tạo ra một không khí quan hệ kiểu gia đình (có anh, có chị, có em, có cô) — một yếu tố rất quan trọng đối với cuộc sống tinh thần của trẻ nhỏ. Mặt khác, trong nhóm trẻ không cùng độ tuổi, nếu cô giáo tổ chức các hoạt động và sinh hoạt một cách khoa học và khéo léo, trẻ sẽ học tập, giúp đỡ lẫn nhau một cách tự nguyện, tự giác: Trẻ lớn tỏ ra là đàn anh, đàn chị gương mẫu trong sinh hoạt, trong chơi — tập, sẵn sàng giúp đỡ, nhường nhịn em nhỏ. Và trong một chừng mực nào đó có thể hướng dẫn em nhỏ chơi — tập, chỉ bảo em trong giao tiếp, sinh hoạt□; trẻ nhỏ bắt chước anh chị trong sinh hoạt, giao tiếp, chơi — tập và nghe lời chỉ bảo của các anh, các chị. Như vậy, nhóm trẻ không cùng độ tuổi trở thành phương tiện để giáo dục và tự giáo dục có hiệu quả ở trẻ em.

Tuy nhiên, hiệu quả giáo dục và tự giáo dục ở nhóm trẻ không cùng độ tuổi phụ thuộc rất lớn vào công tác tổ chức các hoạt động cho trẻ của giáo viên.

Do vậy, để nâng cao hiệu quả việc tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ em ở nhóm trẻ không cùng độ tuổi, cô giáo mầm non cần lưu ý mấy điểm sau đây:

— Phải nắm được đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ em trong nhóm, mình phụ trách. Dựa vào đặc điểm tăng trưởng và phát triển của trẻ để phân nhóm, tổ tương ứng. *Ví dụ:* Tổ Thổ trắng là những trẻ từ 12 — 24 tháng tuổi, tổ Thổ nâu là những trẻ từ 24 — 36 tháng tuổi...

— Nghiên cứu chương trình chăm sóc — giáo dục của trẻ ở từng độ tuổi để thiết kế các hoạt động phù hợp với độ tuổi. Như vậy, trong giờ chơi — tập (chính khoá) có thể có nhiều dạng hoạt động chơi — tập với đồ vật khác nhau. Hoặc cùng hoạt động với một đồ vật (nhóm đồ vật) nhưng có những yêu cầu khác nhau cho từng trẻ (nhóm trẻ). *Ví dụ:* cùng là xếp ngôi nhà, ở trẻ 2 tuổi ta yêu cầu trẻ xếp 2, 3 mẩu gỗ thành ngôi nhà, còn ở trẻ 3 tuổi ta nâng cao yêu cầu: xếp ngôi nhà, có đường vào, mái màu đỏ...

— Khi xác định được các hoạt động với đồ vật tổ chức cho trẻ và yêu cầu cần thực hiện được với từng trẻ (nhóm, tổ), cô giáo cần chuẩn bị đầy đủ đồ vật, đồ chơi phù hợp với mỗi hoạt động, và phù hợp với yêu cầu đặt ra cho từng nhóm (tổ). Để giờ chơi — tập diễn ra một cách thuận lợi, cô có thể tổ chức trẻ ngồi thành từng góc (theo lứa tuổi). Các góc chơi bố trí sao cho cô tiện quan sát, hướng dẫn, giúp đỡ trẻ khi cần thiết.

— Khi tổ chức cho trẻ hoạt động với đồ vật, cô cần hướng dẫn trẻ quan sát cô làm mẫu. Cô vừa làm mẫu một cách chậm rãi, vừa giải thích để trẻ nhìn, nghe, hiểu và bắt chước làm theo cô. Mức độ chỉ dẫn của cô với mỗi nhóm (tổ) có sự khác nhau. Đối với trẻ ở lứa tuổi nhỏ cô cần hướng dẫn tỉ mỉ, chậm rãi hơn, đồng thời cùng làm với trẻ (nếu trẻ thực hiện các thao tác chưa đúng, chưa chính xác, cô cần hướng dẫn lại, và "cầm tay chỉ việc" cho trẻ). Đối với trẻ lớn, cô có thể chỉ cần hướng dẫn bằng lời kèm theo các thao tác mẫu để trẻ quan sát và bắt chước. Trong quá trình tổ chức cho trẻ hoạt động với đồ vật, cô không chỉ bao quát, theo dõi, giúp đỡ trẻ khi cần thiết mà cần phải động viên kịp thời những trẻ làm đúng, làm nhanh, nhất là những trẻ ở lứa tuổi nhỏ. Nếu các tổ (nhóm) cùng hoạt động với một loại đồ vật, cô cần khích lệ trẻ nhỏ quan sát, bắt chước trẻ lớn, trẻ lớn hướng dẫn, chỉ bảo và cùng chơi với trẻ nhỏ.

— Kết thúc giờ chơi — tập cô hướng dẫn trẻ cất dọn đồ dùng, đồ chơi, khích lệ trẻ lớn giúp đỡ trẻ nhỏ trong việc cất dọn đồ chơi, trẻ nhỏ bắt chước các anh, các chị cất dọn đồ chơi.

CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ BÀI TẬP THỰC HÀNH

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích các nguyên tắc tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ. Trên cơ sở đó đánh giá thực trạng sự quán triệt các nguyên tắc này của một trường mầm non ở địa phương mình.

2. Trình bày ngắn gọn những nội dung cơ bản của chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.
3. Trình bày những nét đặc trưng của việc tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ em theo các độ tuổi khác nhau.
4. Trình bày nội dung của những hình thức tổ chức giao tiếp cho trẻ em trong năm đầu.
5. Trình bày nội dung của việc tổ chức hoạt động giao tiếp cho trẻ trong năm thứ hai và thứ ba (12 - 36 tháng tuổi) và những yêu cầu thực hiện khi dạy trẻ phát triển ngôn ngữ.
6. Phân tích ý nghĩa của hoạt động với đồ vật của trẻ trong năm thứ hai và năm thứ ba (12 □ 36 tháng tuổi).
7. Phân tích những đặc điểm cơ bản của hoạt động với đồ vật của trẻ em trong năm thứ hai và năm thứ ba (12 - 36 tháng tuổi).
8. Phân tích phương pháp và biện pháp tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ em trong năm thứ hai và năm thứ ba (12 - 36 tháng tuổi).
9. Trình bày nội dung các hình thức tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ em trong năm thứ hai và năm thứ ba (12 -36 tháng tuổi).
10. Nêu những yêu cầu cơ bản khi tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ em trong năm thứ hai và thứ ba (12 - 36 tháng tuổi).
11. Nêu những đặc thù cho việc tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ em theo độ tuổi khác nhau.
12. Nêu ý nghĩa thực tiễn và những yêu cầu cơ bản khi tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ em ở nhóm trẻ không cùng độ tuổi (nhóm, lớp ghép).

BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Xây dựng kế hoạch chi tiết chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ em trong năm đầu.
2. Thiết kế giáo án một giờ chơi - tập nhằm phát triển ngôn ngữ cho trẻ em lứa tuổi ấu nhi (12 - 36 tháng tuổi).
3. Thiết kế giáo án một hoạt động chơi - tập có chủ đích cho trẻ em lứa tuổi ấu nhi (12 □ 36 tháng tuổi).
4. Thiết kế giáo án một hoạt động chơi- tập có chủ đích cho trẻ em ở nhóm trẻ không cùng độ tuổi (nhóm ghép).
5. Đánh giá thực trạng việc tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ ở địa phương anh (chị).

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

TÀI LIỆU CÓ BẢN CẦN THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục - Quyết định 55 - *Quy định mục tiêu, kế hoạch đào tạo của nhà trẻ – trường mẫu giáo*, Hà Nội, 1990.

2. Đào Thanh Âm (Chủ biên), *Giáo dục học mầm non*, tập 2, NXB Đại học Sư phạm, 2003.
3. Phạm Thị Châu - Nguyễn Thị Oanh - Trần Thị Sinh, *Giáo dục học mầm non*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
4. Phạm Mai Chi - Nguyễn Thị Ngọc Châm (đồng chủ biên), *Chương trình chăm sóc – giáo dục trẻ nhà trẻ*, NXB Giáo dục, 2004.
5. Kakhainơ Dích, *Dạy trẻ học nói như thế nào*, NXB Giáo dục, 1990.
6. B. Spock, *Nuôi dạy con như thế nào*, NXB Phụ nữ, 1983.
7. Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên), *Tâm lí học trẻ em học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Đại học Sư phạm, 2004.
8. Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên), *Giáo dục học*, NXB Giáo dục, 2001.
9. A.Z. Xôrôkina, *Dạy trẻ làm quen với các đồ vật*, NXB Giáo dục, 1986.
10. *Nhà trẻ Bromley – Heath* (tài liệu lưu hành nội bộ), Hà Nội, 1990.

Hướng dẫn trả lời câu hỏi

Câu 1. Để trả lời câu hỏi này anh (chị) nêu và phân tích được hai ý chính sau đây:

- Vị trí, ý nghĩa của chế độ sinh hoạt hằng ngày trong công tác chăm sóc - giáo dục trẻ em lứa tuổi nhà trẻ.
- Phân tích nội dung các nguyên tắc tổ chức chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ em lứa tuổi nhà trẻ. Đó là 6 nguyên tắc sau:
 - + Nguyên tắc đảm bảo thực hiện được mục tiêu chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non.
 - + Nguyên tắc đảm bảo phù hợp với sự tăng trưởng và phát triển của độ tuổi.
 - + Nguyên tắc đảm bảo sự cân đối hài hoà giữa nuôi và dạy (chăm sóc và giáo dục).
 - + Nguyên tắc đảm bảo sự điều hoà giữa hoạt động và nghỉ ngơi, giữa thức và ngủ, giữa hoạt động có tính chất tĩnh và tính chất động, để tạo cho trẻ luôn ở trạng thái cân bằng thần kinh.
 - + Nguyên tắc đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và khí hậu của từng vùng, từng mùa.
- Trên cơ sở đó đánh giá thực trạng sự quán triệt các nguyên tắc này của một trường mầm non ở địa phương, anh (chị) có thể đánh giá các nội dung như sau:
 - + Trường mầm non đó có quán triệt đầy đủ các nguyên tắc nêu trên trong việc tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ hay không? Có xem nhẹ nguyên tắc nào không?
 - + Chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ ở trường mầm non đó có mang tính khoa học, có phù hợp với thực tế địa phương không?
 - + Việc thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày ở trường mầm non đó như thế nào (nghiêm túc hay chưa nghiêm túc).
 - + Tác động của việc tổ chức chế độ sinh hoạt đó đến sự tăng trưởng và phát triển của trẻ em như thế nào?

Câu 2. Để trả lời này, trước hết anh (chị) cần nêu khái niệm chế độ sinh hoạt hằng ngày cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ là gì? Sau đó nêu ngắn gọn các ý chính trong 6 nội dung cơ bản trong chế độ sinh hoạt hằng ngày. Cụ thể là:

- Tổ chức đón trẻ: Công tác chuẩn bị đón trẻ ra sao? Những yêu cầu cơ bản trong khi đón trẻ?
- Tổ chức cho trẻ ăn, uống: Cần trình bày ngắn gọn những yêu cầu khi cho trẻ ăn, uống (chế biến thức ăn? tổ chức cho trẻ ăn? tạo không khí cho trẻ ăn ngon miệng?...).
- Tổ chức giấc ngủ cho trẻ: Cần trình bày ngắn gọn ý nghĩa của giấc ngủ đối với trẻ nhỏ, những yêu cầu khi cho trẻ ngủ.
- Tổ chức vệ sinh cá nhân cho trẻ: Vệ sinh thân thể? răng miệng? tai mũi họng? vệ sinh mắt? quần áo?...
- Tổ chức chế độ chơi - tập cho trẻ: Nêu ngắn gọn ba bước khi tổ chức chơi - tập cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ: Chuẩn bị cơ sở vật chất? Hướng dẫn chơi - tập? Kết thúc giờ chơi - tập?
- Tổ chức trả trẻ: Trình bày những yêu cầu trước khi trả trẻ, trong khi trả trẻ và sau khi trả trẻ (một cách ngắn gọn).

Câu 3. Để trả lời câu hỏi này, trước hết anh (chị) khẳng định được rằng, mỗi độ tuổi có đặc điểm tăng trưởng và phát triển khác nhau. Do vậy, chế độ sinh hoạt của trẻ ở mỗi độ tuổi (thời kì) có những nét đặc trưng. Sau đó nêu những nét đặc trưng trong chế độ sinh hoạt của 3 độ tuổi: từ lọt lòng đến 12 tháng tuổi; từ 12 đến 24 tháng tuổi; từ 24 đến 36 tháng tuổi.

Câu 4. Để trả lời câu hỏi này, anh (chị) cần trình bày được những ý cơ bản sau:

- Đặc điểm phát triển hoạt động giao tiếp của trẻ trong năm đầu?
- Những hình thức tổ chức giao tiếp cho trẻ trong năm đầu? Ở đây cần trình bày hai hình thức cơ bản:
 - + Nựng trẻ, trò chuyện với trẻ: ý nghĩa, yêu cầu thực hiện.
 - + Ru trẻ và hát cho trẻ nghe: ý nghĩa, yêu cầu thực hiện.
- Nêu thực trạng việc tổ chức hoạt động giao tiếp cho trẻ của một số cha mẹ và cô giáo mầm non hiện nay.

Câu 5. Để trả lời được câu hỏi này, trước hết anh (chị) phải nêu được đặc điểm phát triển ngôn ngữ (hoạt động lời nói) của trẻ 2 - 3 tuổi. Trên cơ sở đó trình bày nội dung của việc tổ chức hoạt động giao tiếp và các yêu cầu thực hiện khi tổ chức hoạt động giao tiếp cho trẻ em ở lứa tuổi này.

- Về nội dung, cần trình bày ngắn gọn hai nội dung cơ bản sau:
 - + Phát triển ngôn ngữ cho trẻ, gồm hai nội dung: nghe, hiểu lời nói và phát triển lời nói.
 - + Hát cho trẻ nghe và dạy cho trẻ hát.
- Về những yêu cầu cần thực hiện khi tổ chức hoạt động giao tiếp cho trẻ phải trình bày được hai nhóm yêu cầu:
 - + Yêu cầu cần thực hiện khi phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

+ Yêu cầu khi hát cho trẻ nghe và dạy cho trẻ hát.

Câu 6. Để trả lời được câu hỏi này, trước hết anh (chị) phải khẳng định được hoạt động với đồ vật là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi ấu nhi (12 - 36 tháng tuổi). Sau đó phân tích ý nghĩa của việc tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ lứa tuổi ấu nhi:

+ Ý nghĩa của hoạt động với đồ vật đối với sự phát triển trí tuệ của trẻ (cảm giác, tri giác, tư duy, khả năng quan sát-).

+ Ý nghĩa của hoạt động với đồ vật đối với sự phát triển xúc cảm - tình cảm của trẻ.

+ Ý nghĩa của hoạt động với đồ vật đối với sự phát triển vận động của trẻ.

Câu 7. Để trả lời được câu hỏi này, anh (chị) phân tích những ý nghĩa chính sau:

- Tính có mục đích trong hành động với đồ vật của trẻ lứa tuổi ấu nhi (nếu ở tuổi hài nhi hành động với đồ vật cho trẻ mang tính ngẫu nhiên, tình cờ... thì sang tuổi ấu nhi hành động với đồ vật của trẻ mang tính mục đích rõ rệt: Tìm tòi khám phá công dụng và phương thức sử dụng đồ vật...).

- Trong hoạt động với đồ vật của trẻ em lứa tuổi ấu nhi có hai loại hành động có ý nghĩa đối với sự phát triển của trẻ hơn cả, đó là:

+ Hành động công cụ: giúp trẻ biết sử dụng một số công cụ trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày (bát, thìa, ca, đũa, búa, kim...).

+ Hành động thiết lập mối tương quan: giúp trẻ biết sắp xếp các đồ dùng, đồ chơi theo một mối tương quan nào đó (trong ngoài, trên - dưới, trước - sau...) như: xếp chồng, tháo - lắp, bỏ vào - nhặt ra...

Câu 8. Ở câu hỏi này cần phân tích những việc làm của cô giáo khi tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ (cô dùng phương pháp, biện pháp thủ thuật nào):

+ Cô cuốn hút trẻ vào hoạt động với đồ vật bằng cách nào?

+ Cô làm mẫu và giải thích các thao tác mẫu như thế nào?

+ Cô hướng dẫn trẻ thao tác theo cô như thế nào?

+ Cô động viên khuyến khích những trẻ làm nhanh, làm đúng như thế nào? Động viên, giúp đỡ những trẻ làm chưa đúng như thế nào?

+ Cô duy trì hứng thú của trẻ trong giờ chơi - tập như thế nào?

Câu 9. Ở câu hỏi này cần trình bày rõ nội dung của hai hình thức tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ là, tổ chức hoạt động chơi - tập có chủ đích và tổ chức hoạt động chơi - tập tự do trong phòng nhóm. Mỗi hình thức tổ chức hoạt động chơi - tập đó có những bước nào? Mỗi bước đó có những yêu cầu gì cụ thể? Cần tập trung thời gian cho bước nào là chính?...

Câu 10. Ở câu hỏi này anh (chị) cần phân tích nội dung của bốn nhóm yêu cầu cơ bản khi tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ em:

- Yêu cầu về đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho cô và trẻ.

- Yêu cầu về nội dung hoạt động với đồ vật trong các giờ chơi - tập của trẻ.

- Yêu cầu về phương pháp, biện pháp tổ chức hướng dẫn.

- Yêu cầu về tổ chức nhóm lớp khi tổ chức cho trẻ hoạt động với đồ vật.

Ngoài ra, để giờ chơi - tập đạt kết quả, một yêu cầu nữa cũng cần phải nêu ra ở đây là việc thiết kế một giáo án giờ chơi - tập có tính khoa học và mang tính khả thi là rất cần thiết.

Câu 11. Để trả lời câu hỏi này, trước hết anh (chị) phải khẳng định được rằng, mỗi thời kì (độ tuổi) có những nét đặc trưng về sự phát triển tâm lí, sinh lí và năng lực vận động... Do vậy, hoạt động với đồ vật của mỗi thời kì (độ tuổi) cũng có những đặc thù của nó, đòi hỏi các cô giáo khi tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ cần tính đến đặc điểm lứa tuổi để đưa ra những yêu cầu, nội dung hoạt động phù hợp; có phương pháp, biện pháp hướng dẫn khác nhau với mỗi lứa tuổi. Sau đó nêu đặc thù của việc tổ chức hoạt động với đồ vật cho các độ tuổi khác nhau. Cụ thể là:

- Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ em trong năm thứ hai (12 - 24 tháng tuổi).
- Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ em trong năm thứ ba (24 - 36 tháng tuổi).
- Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ em ở nhóm không cùng độ tuổi (nhóm ghép).

Câu 12. Để trả lời câu hỏi này, trước hết anh (chị) làm rõ nhóm trẻ không cùng độ tuổi (nhóm ghép) là thế nào? Có đặc điểm gì?

Sau đó phân tích ý nghĩa của việc tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ ở nhóm trẻ không cùng độ tuổi (nhóm ghép): đối với địa phương, đối với trẻ.

Tiếp theo anh (chị) trình bày những yêu cầu cơ bản khi tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ em ở nhóm trẻ không cùng độ tuổi (nhóm ghép):

- Về công tác chuẩn bị cơ sở vật chất.
- Về công tác tổ chức - hướng dẫn trẻ hoạt động với đồ vật.
- Về việc hướng dẫn trẻ cất dọn đồ dùng, đồ chơi khi hết giờ chơi - tập.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TẬP THỰC HÀNH

Bài tập 1. Để làm bài tập này anh (chị) cần chọn một thời kì cụ thể: trẻ trong năm đầu hay năm thứ hai, thứ ba... và kế hoạch đó áp dụng cho mùa nào?

Sau đó kẻ biểu mẫu chế độ sinh hoạt hằng ngày của một số tuần lễ. Mỗi ngày trong tuần (từ thứ hai đến thứ sáu) có những nội dung hoạt động nào (sáng? chiều?).

Lưu ý sắp xếp các hoạt động theo đúng kế hoạch thực hiện chương trình của Bộ giáo dục và Đào tạo, có tính đến đặc điểm của nhóm trẻ mình phụ trách (đặc điểm chung theo lứa tuổi và những đặc điểm riêng của nhóm), tính đến điều kiện kinh tế - xã hội địa phương.

Bài tập 2. Tương tự như bài tập trên, trước hết anh (chị) phải xác định giờ chơi - tập nhằm phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở nhóm tuổi nào (Năm thứ hai? Năm thứ ba?), càng cụ thể càng tốt (ví dụ: từ tháng thứ 12 - 18, từ 18 - 24; từ 24 - 36 tháng tuổi...).

Dựa vào nhóm trẻ đã chọn, chương trình chăm sóc - giáo dục trẻ nhà trẻ của Bộ giáo dục và Đào tạo, và điều kiện thực tế của địa phương, của trường mầm non để xác định yêu cầu, nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ của nhóm trẻ đó là gì?

Khi đã xác định được yêu cầu, nhiệm vụ phát triển ngôn ngữ của nhóm trẻ đã chọn, anh (chị) xác định nội dung hoạt động và đồ dùng, đồ chơi, tranh ảnh... cần thiết để tổ chức hoạt động với đồ vật đã xác định (nội dung chủ đề hoạt động nên cụ thể). Ví dụ, chủ đề tập nói - phát triển ngôn ngữ về gia đình (ông bà, cha mẹ); về các vật nuôi gần gũi; hoặc phương tiện sinh hoạt, phương tiện giao thông...).

Sau đó thiết kế giáo án giờ chơi - tập phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Cấu trúc giáo án có thể là:

- Tên đề tài:(ví dụ: Gia đình của bé)
- Đối tượng:
- Số lượng trẻ:
- Thời gian tiến hành:
- Lần chơi - tập thứ:/tuần
- Ngày thực hiện:.....
- Người tổ chức - hướng dẫn:.....
- Yêu cầu cần đạt:.....
- Phương tiện tổ chức:
- Các bước tiến hành: Mỗi bước tiến hành nêu rõ: hoạt động của cô, hoạt động của trẻ và yêu cầu cần đạt (có thể kẻ khung với các cột tương ứng).

Bài tập 3. Hoạt động chơi - tập có chủ đích là hoạt động chơi - tập trong giờ "chính" khoá. Ở bài tập này anh chị cũng phải xác định đối tượng cụ thể (nhóm - tuổi nào), chủ đề (đề tài) chơi - tập của nhóm tuổi đó, thời gian cụ thể (vào tuần/tháng nào trong năm), xác định được yêu cầu, nhiệm vụ của giờ chơi - tập của đề tài đó.

Khi đã xác định được nhóm tuổi, đề tài, yêu cầu nhiệm vụ của đề tài, anh (chị) xác định nội dung chơi - tập cụ thể, các phương tiện (đồ dùng, đồ chơi, tranh ảnh...) là gì?

Sau đó thiết kế giáo án một hoạt động chơi - tập có chủ đích về đề tài này cho nhóm tuổi đã chọn. Cấu trúc giáo án gồm các thành tố (công việc, thông tin...) tương tự như ở bài tập số 2.

Bài tập 4. Giáo án mà bài tập này về hình thức cơ bản là giống bài tập số 3. Ở đây chỉ khác về đối tượng (gồm những trẻ có độ tuổi khác nhau). Do vậy, về yêu cầu, nhiệm vụ có sự khác nhau cho từng trẻ. Những trẻ nhỏ thì yêu cầu, nhiệm vụ và nội dung chơi đơn giản hơn (phù hợp với khả năng của trẻ). Những trẻ lớn hơn thì yêu cầu, nhiệm vụ và nội dung chơi - tập được nâng cao hơn.

Trước khi thiết kế giáo án, anh (chị) cần xác định độ tuổi của nhóm, trên cơ sở đó sắp xếp trẻ theo nhóm (tổ) có cùng độ tuổi và xác định yêu cầu, nhiệm vụ và nội dung chơi - tập cho từng nhóm/ tổ đó.

Đồ dùng, đồ chơi, tranh ảnh... cần phải xác định số lượng sao cho đủ, phù hợp với nội dung chơi - tập và nhóm/tổ trẻ em.

Bài tập 5. Để làm bài tập này anh (chị) phải đi thực tế ở trường mầm non (làm việc với lãnh đạo trường và những người có liên quan trước khi bắt tay khảo sát thực tế). Nội dung khảo sát gồm:

- Cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động với đồ vật của trường.
- Thời gian biểu dành cho hoạt động với đồ vật (hoạt động chơi - tập) trong chế độ sinh hoạt của trường.
- Phương pháp và biện pháp tổ chức - hướng dẫn hoạt động với đồ vật cho trẻ của cô giáo.
- Các hình thức tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ của cô giáo.
- Kết quả hoạt động với đồ vật được thể hiện trên trẻ:
 - + Trẻ có thực hiện được các hành động với đồ vật không?
 - + Trẻ có hứng thú hoạt động với đồ vật không?
 - + Nề nếp của trẻ trước, trong và sau khi kết thúc giờ chơi - tập?

Trên cơ sở đánh giá thực trạng việc tổ chức hoạt động với đồ vật của trường, anh (chị) đưa ra những kết luận và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả việc tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Thanh Âm (Chủ biên), *Giáo dục học mầm non*, tập 1 – 2 – 3, NXB Đại học Sư phạm, 2003.
2. Phạm Thị Châu — Nguyễn Thị Oanh — Trần Thị Sinh, *Giáo dục học mầm non*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
3. Phạm Mai Chi — Nguyễn Thị Ngọc Châm (đồng chủ biên), *Chương trình chăm sóc — giáo dục trẻ nhà trẻ*, NXB Giáo dục, 2004.
4. Vũ Thị Chín, *Chỉ số phát triển sinh lí — tâm lí từ 0 đến 3 tuổi*, NXB Khoa học Xã hội, 1989.
5. Hà Thế Ngữ - Đặng Vũ Hoạt, *Giáo dục học*, tập 1 – 2, NXB Giáo dục, 1987.
6. Đặng Hồng Phương, *Giáo trình lí luận và phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ lứa tuổi mầm non*, NXB Đại học Sư phạm, 2004.
7. Hoàng Thị Phương, *Giáo trình vệ sinh trẻ em*, NXB Đại học Sư phạm, 2004.
8. B. Spock, *Nuôi dạy con như thế nào*, NXB Phụ nữ, 1983.
9. Hà Nhật Thăng - Đào Thanh Âm (biên dịch), *Lịch sử giáo dục thế giới*, NXB Giáo dục, 1990.
10. Nguyễn Ánh Tuyết (Chủ biên), *Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB Đại học Sư phạm, 2004.
11. Nguyễn Ánh Tuyết, *Giáo dục học*, NXB Giáo dục, 2001.
12. Nguyễn Ánh Tuyết, *Giáo dục mầm non — những vấn đề lí luận và thực tiễn*, NXB Đại học Sư phạm, 2005.
13. Lê Thanh Vân, *Giáo trình sinh lí trẻ em*, NXB Đại học Sư phạm, 2004.
14. Nguyễn Khắc Viện, *Phát triển tâm lí trẻ em trong năm đầu*, NXB Khoa học Xã hội, 1994.
15. Nguyễn Khắc Viện — Nguyễn Thị Nhất, *Tuổi mầm non — Tâm lí giáo dục*, NXB TP. Hồ Chí Minh, 1990.
16. A.Z. Xôrôkina, *Dạy trẻ làm quen với các đồ vật*, NXB Giáo dục, 1986.
17. *Nhà trẻ Bromley — Heath* (tài liệu lưu hành nội bộ), Hà Nội, 1990.

Chịu trách nhiệm nội dung:

TS. NGUYỄN VĂN HÒA

Biên tập:

TỔ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

PHÒNG KHẢO THÍ - ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC